

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2025-2026

(Ban hành theo quyết định số 174/QĐ-CDYT ngày 17 tháng 7 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh)

Tên ngành, nghề:	DƯỢC
Mã ngành, nghề:	6720201
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy (phương thức tích lũy lũy tín chỉ)
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thời gian đào tạo:	03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Dược sĩ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức chung

- Có kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và có phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học.
- Ngoại ngữ đạt trình độ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (theo thông tư 01/2014/TT- BGDDT) hoặc tương đương.
- Tin học đạt trình độ tin học cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT- Bộ TTTT
- Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

Có kiến thức chuyên môn cơ bản về dược:

- Bào chế và sản xuất thuốc (các phương pháp sản xuất nguyên liệu làm thuốc, xây dựng công thức, bào chế, sản xuất các dạng thuốc thông thường).

- Dược lý, Dược lâm sàng: sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả
- Tổ chức, quản lý và pháp chế dược: các quy định về hành nghề dược trong Luật Dược và các văn bản pháp quy.
- Kinh tế và quản trị kinh doanh dược: quản lý, kinh doanh, cung ứng trong lĩnh vực dược.
- Đảm bảo chất lượng thuốc: đảm bảo chất lượng thuốc và các phương pháp đánh giá chất lượng dược phẩm.
- Thực vật, Dược liệu, Dược học cổ truyền (bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, chế biến và bào chế các thuốc có nguồn gốc dược liệu).

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện tổ chức và triển khai được các thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm tra chất lượng, phân phối bảo quản, cung ứng thuốc theo tiêu chuẩn thực hành tốt gồm: GMP, GLP, GDP, GSP, GPP.
- Tư vấn và hướng dẫn được cho các nhân viên y tế và cộng đồng sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả.
- Triển khai thực hiện các văn bản pháp quy về dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.
- Triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và các chương trình y tế quốc gia.
- Thu thập, tổng hợp và phổ biến được các thông tin liên quan đến thuốc và sức khỏe.
- Có khả năng giao tiếp, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ tình huống.
- Tổ chức và quản lý được các nguồn lực, dịch vụ cũng như môi trường làm việc.
- Có khả năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, tổ chức và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả.
- Giao tiếp được bằng ngoại ngữ mức độ cơ bản; khai thác sử dụng được các tài liệu chuyên ngành
- Sử dụng tin học văn phòng, có khả năng tiếp cận, sử dụng một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Y - Dược, có khả năng khai thác và sử dụng được các dịch vụ cơ bản của Internet trong tìm kiếm và trao đổi thông tin.
- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực y dược để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao.

1.2.3. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm

- Chủ động trong công việc, tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình; trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tự chịu trách nhiệm trong chuyên môn

ng nghiệp vụ được giao; tích cực, chủ động trong làm việc nhóm.

- Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), và ISO trong lĩnh vực dược phẩm; các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan.

- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

- Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

- Có tinh thần cầu tiến, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục khiêm tốn học tập vươn lên.

1.3. Chuẩn đầu ra (CDR) và trình độ năng lực yêu cầu của chương trình đào tạo

Khung trình độ quốc gia Việt Nam 8 bậc như sau:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	TĐNL (1-8)
1	CDR1. Hành nghề theo quy định của pháp luật	
1.1	Có kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, luật Dược và các văn bản qui phạm pháp luật khác liên quan đến hành nghề dược	5
1.2	Tuân thủ pháp luật Việt Nam, luật Dược và các văn bản qui phạm pháp luật khác liên quan đến hành nghề dược, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế.	5
1.3	Hành nghề trong phạm vi chuyên môn được phép, tuân thủ các qui định nghề nghiệp, phù hợp với điều kiện sức khỏe.	5
2	CDR 2. Hành nghề theo quy tắc đạo đức nghề nghiệp	
2.1	Vận dụng kiến thức, kỹ năng giao tiếp để đặt sự an toàn, lợi ích của người bệnh lên trên hết. Tôn trọng, bảo vệ quyền của người bệnh và khách hàng.	5
2.2	Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong hành nghề và nghiên cứu y sinh dược học. Thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong khi hành nghề.	5
2.3	Thực hiện trách nhiệm xã hội một cách chuyên nghiệp.	5

3	CĐR 3. Hành nghề phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tế	
3.1	Áp dụng kỹ năng giao tiếp để tiếp cận người bệnh, khách hàng và cộng đồng một cách khoa học, trách nhiệm, thấu hiểu và đồng cảm	5
3.2	Hành nghề dựa trên nguyên tắc công bằng, không phân biệt các thành phần xã hội.	5
3.5	Vận dụng sự kết hợp kiến thức y dược học hiện đại với y dược học cổ truyền.	5
3.6	Tích cực, chủ động tuyên truyền kiến thức về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng.	5
4	CĐR 4. Học tập suốt đời	
4.1	Vận dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin, chuyển đổi số để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội.	5
4.2	Chủ động thu thập, đánh giá và sử dụng các nguồn thông tin phản hồi về công việc của bản thân một cách hệ thống, thường xuyên, có cơ sở khoa học để xác định nhu cầu học tập, phát triển chuyên môn phù hợp.	5
4.3	Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.	2/6 5/8
5	CĐR 5. Giao tiếp hiệu quả	
5.1	Áp dụng kỹ năng giao tiếp để giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng.	5
5.2	Lựa chọn được phương thức phù hợp, hiệu quả khi giao tiếp với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng khác nhau về tuổi, giới, tôn giáo, văn hóa - xã hội, ngôn ngữ và các đối tượng gặp trở ngại trong giao tiếp.	5
5.3	Vận dụng kỹ năng giao tiếp nhằm đạt được kết quả mong muốn với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng và đồng nghiệp.	5

6	CĐR 6. Xây dựng được mối quan hệ thân thiện, hợp tác tin tưởng với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng	
6.1	Lắng nghe, chia sẻ thông tin cần thiết, phù hợp và hiệu quả với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng.	5
6.2	Thấu cảm, thương lượng và giải quyết những băn khoăn, lo lắng của người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng.	5
6.3	Hướng dẫn, khuyến khích và thảo luận với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, đồng nghiệp và cộng đồng trong việc ra quyết định và giải quyết các vấn đề về sức khỏe trên cơ sở thỏa thuận đồng ý.	5
7	CĐR 7. Cộng tác có hiệu quả với đồng nghiệp và đối tác	
7.1	Cộng tác với đồng nghiệp và đối tác dựa trên các nguyên tắc chân thành, tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, đàm phán và thương lượng.	5
7.2	Hiểu được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người được sỹ và các thành viên khác trong làm việc nhóm. Tôn trọng ý kiến đóng góp của các thành viên khác.	5
7.3	Thúc đẩy làm việc nhóm hiệu quả, thể hiện và duy trì được vai trò chủ chốt trong làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề liên quan đến thuốc.	5
8	CĐR 8. Quản lý chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc	
8.1	Có kiến thức tổng quát về hệ thống quản lý chất lượng thuốc, các nguyên tắc và chuẩn mực áp dụng trong hệ thống quản lý chất lượng thuốc.	5
8.2	Có kiến thức cơ bản về các kỹ thuật phân tích thường được sử dụng trong phân tích, kiểm nghiệm chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	5
8.3	Có khả năng tham gia xây dựng, thẩm định tiêu chuẩn chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc.	5

9	CDR 9. Đảm bảo chất lượng thuốc trong sản xuất và cung ứng	
9.1	Tham gia xây dựng và áp dụng các quy trình thao tác chuẩn (SOPs) để đảm bảo chất lượng thuốc	5
9.2	Tham gia đánh giá, phân tích nguy cơ và xu hướng về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, cung ứng, bảo quản và đề xuất các biện pháp nhằm đảm bảo chất lượng thuốc.	5
9.2	Có khả năng tham gia thực hiện các kỹ thuật phân tích thuốc trong nghiên cứu phát triển thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	5
10	CDR 10. Sản xuất, phát triển nguyên liệu làm thuốc	
10.1	Có kiến thức cơ bản về chiết xuất, công nghệ sinh học, bán tổng hợp, tổng hợp trong sản xuất nguyên liệu làm thuốc.	5
10.2	Vận dụng các kiến thức về chiết xuất, công nghệ sinh học, bán tổng hợp, tổng hợp trong xây dựng quy trình và sản xuất một số nguyên liệu làm thuốc.	5
10.3	Ứng dụng các kiến thức về thực vật, dược liệu, dược học cổ truyền để tạo ra nguồn nguyên liệu làm thuốc.	5
11	CDR 11. Bào chế, sản xuất thuốc	
11.1	Có kiến thức, kỹ năng về triển khai thực hiện nghiên cứu, phát triển công thức các dạng thuốc.	5
11.2	Đánh giá được vai trò, ảnh hưởng của các thành phần trong công thức, qui trình bào chế, sản xuất đến độ ổn định, độ an toàn, sinh khả dụng và hiệu quả điều trị của thuốc.	5
11.3	Có khả năng thực hiện được việc tổ chức và pha chế một số thuốc tại cơ sở điều trị.	5
11.4	Vận dụng một cách phù hợp, trách nhiệm và có đạo đức những kiến thức về dạng bào chế, sinh dược học trong lựa chọn và sử dụng thuốc.	5
12	CDR 12. Thực hiện phân phối, cấp phát và tồn trữ thuốc	
12.1	Có kiến thức về hệ thống phân phối thuốc; các nguyên tắc, quy định trong phân phối, cấp phát và tồn trữ thuốc.	5
12.2	Cấp phát đúng thuốc, đúng người bệnh, đúng liều, đúng đường dùng và đúng thời gian.	5

12.3	Xác định và có giải pháp giảm thiểu các nguy cơ sai sót có thể gặp phải trong phân phối, cấp phát và tồn trữ thuốc.	5
12.4	Đảm bảo hệ thống lưu trữ thông tin, minh chứng phù hợp trong phân phối, cấp phát và tồn trữ thuốc.	5
12.5	Lập kế hoạch và triển khai được hoạt động thu hồi, tiêu hủy thuốc theo quy định.	5
13	CĐR 13. Thực hiện quản lý sử dụng thuốc	
13.1	Vận dụng được các qui định về cung ứng trong quản lý sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả và kinh tế	5
13.2	Vận dụng được một số phương pháp phân tích danh mục thuốc sử dụng tại cơ sở y tế trong quản lý cung ứng thuốc.	5
14	CĐR 14. Tham gia xây dựng kế hoạch điều trị cho người bệnh	
	Đánh giá được đơn thuốc điều trị ngoại trú của người bệnh và tư vấn, trao đổi được với người kê đơn trong trường hợp phát hiện việc kê đơn thuốc không hợp lý.	5
15	CĐR 15. Triển khai kế hoạch điều trị cho người bệnh	
15.1	Tư vấn được các thuốc không kê đơn và chế độ dùng thuốc phù hợp cho từng người bệnh trong trường hợp bệnh lý/triệu chứng thông thường đảm bảo an toàn, hiệu quả và kinh tế.	5
15.2	Tư vấn được cho người bệnh cách dùng thuốc và các biện pháp tự theo dõi trong trường hợp điều trị ngoại trú. Đảm bảo người bệnh hiểu về việc sử dụng thuốc và biết cách xử trí khi gặp phải các vấn đề trong quá trình dùng thuốc.	5
15.3	Phối hợp được với bác sĩ để lựa chọn thuốc và chế độ dùng thuốc phù hợp với từng người bệnh nội trú theo kế hoạch điều trị.	5
15.4	Hướng dẫn cách dùng thuốc đảm bảo hiệu quả, an toàn cho nhân viên y tế, người bệnh và hướng dẫn cách theo dõi dùng thuốc.	5
16	CĐR 16. Theo dõi, giám sát việc sử dụng thuốc trên người bệnh	

156.1	Xác định các vấn đề liên quan đến thuốc hoặc tuân thủ điều trị phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc của người bệnh, đề xuất được biện pháp can thiệp phù hợp.	5
16.2	Phát hiện, tham gia xử trí và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc và sai sót trong sử dụng thuốc trên người bệnh.	5
16.3	Tham gia vào các quy trình cảnh báo và giám sát sử dụng các thuốc có khoảng điều trị hẹp, thuốc nguy cơ cao.	5
17	CĐR 17. Tham gia các hoạt động thúc đẩy sử dụng thuốc hợp lý tại cơ sở y tế	
17.1	Tham gia xây dựng và giám sát thực hiện các danh mục thuốc và quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc.	5
17.2	Triển khai quy trình thông tin thuốc tại cơ sở y tế và quy trình cảnh giác được tại cơ sở y tế.	5

1.4. Định hướng vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cao đẳng Dược, sinh viên sẽ làm việc trong các cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, Viện kiểm nghiệm, trung tâm kiểm nghiệm thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm...); cơ sở sản xuất, kinh doanh Dược ... của nhà nước hoặc tư nhân tại các vị trí sau:

- Kiểm nghiệm thuốc
- Đảm bảo chất lượng
- Bán lẻ thuốc
- Chủ quầy thuốc
- Kho dược và vật tư y tế
- Thủ kho dược và vật tư y tế
- Kinh doanh dược phẩm
- Sản xuất thuốc
- Tổ trưởng sản xuất thuốc
- Công tác dược tại cơ sở y tế

1.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ

- Chủ động học hỏi và nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Không ngừng học tập nâng cao trình độ kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành chăm sóc.

- Có thể học lên các bậc cao hơn

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 35
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 118 tín chỉ; 2535 giờ.
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 525 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2010 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 1.109 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.302 giờ, Thi kiểm tra 124 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1. Môn học/mô đun

Mã Môn học	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Thi/Kiểm tra
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG/ĐẠI CƯƠNG	27	525	244	255	26
MH 1	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 3	Tin học	3	75	15	58	2
MH 4	Tiếng Anh I	3	60	21	36	3
MH35	Tiếng Anh II	3	60	21	36	3
MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH 7	Xác suất, Thống kê y học	2	30	29	0	1
MH 8	Sinh học và Di truyền	2	30	29	0	1
MH 9	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	29	0	1
II	MÔN HỌC CƠ SỞ NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH	91	2010	865	1047	98
II.1	Môn học cơ sở	24	495	245	223	27
MH10	Hóa đại cương vô cơ	3	60	29	27	4
MH11	Giải phẫu - Sinh lý	3	60	29	27	4
MH12	Hoá sinh	2	30	29	0	1
MH13	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH14	Sinh lý bệnh	2	30	29	0	1
MH15	Hóa hữu cơ	3	60	29	27	4

MH16	Hóa phân tích	3	60	29	27	4
MH17	Bệnh học	4	90	43	45	2
MH18	CSSK Cộng đồng	2	60	14	43	3
II.2	Môn học chuyên môn	48	945	504	383	58
MH19	Thực vật – Đọc viết tên thuốc	4	75	43	27	5
MH20	Tổ chức và pháp chế dược	4	75	43	27	5
MH21	Bào chế	5	90	58	27	5
MH22	Hóa dược	5	90	58	27	5
MH23	Dược liệu	5	90	58	27	5
MH24	Dược lí	5	90	58	27	5
MH25	Kiểm nghiệm	4	75	43	27	5
MH26	Quản lý tồn trữ và Đảm bảo chất lượng thuốc	2	45	14	27	4
MH27	Quản trị kinh doanh và Marketing Dược	2	45	14	27	4
MH28	Dược học cổ truyền	4	75	43	27	5
MH29	Dược lâm sàng	5	135	43	86	6
MH30	Kinh tế dược	3	60	29	27	4
II.3	Môn học tự chọn	11	210	116	81	13
MH31	Kĩ năng giao tiếp bán hàng dược phẩm	3	60	29	27	4
	Kĩ năng giao tiếp	3	60	29	27	4
MH32	Nghiên cứu khoa học	2	30	29	0	1
	Tin học văn phòng nâng cao	2	30	29	0	1
MH33 - 34	Kĩ thuật chế biến và bào chế thuốc cổ truyền	3	60	29	27	4
	Kĩ thuật bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc	3	60	29	27	4
	Sinh dược học một số dạng thuốc hiện đại	3	60	29	27	4
II.4	Thực tế ngành	8	360		360	
	Tổng số	118	2535	1109	1302	124

3.2. Phân bố thời gian học

	Tên môn học/mô đun		Thời gian học tập
--	--------------------	--	-------------------

		Số tín chỉ	Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/	Thi/ Kiểm tra
I	Học kì I					
MH 1	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 3	Tin học	3	75	15	58	2
MH10	Hóa đại cương vô cơ	3	60	29	27	4
MH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 8	Sinh học và Di truyền	2	30	29	0	1
	Cộng	17	330	137	175	18
II.	Học kì II					
MH 7	Xác suất, Thống kê y học	2	30	29	0	1
MH 6	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH19	Thực vật – Đọc viết tên thuốc	4	75	43	27	5
MH 9	Vật lý đại cương và Lý sinh	2	30	29	0	1
MH15	Hóa hữu cơ	3	60	29	27	4
MH11	Giải phẫu - Sinh lý	3	60	29	27	4
MH14	Sinh lí bệnh	2	30	29	0	1
	Cộng	19	360	224	116	20
III.	Học kì III					
MH16	Hóa phân tích	3	60	29	27	4
MH12	Hoá sinh	2	30	29	0	1
MH22	Hóa dược	5	90	58	27	5
MH23	Dược liệu	5	90	58	27	5
MH 13	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	27	4
MH27	Quản trị kinh doanh và Marketing Dược	2	45	14	27	4
	Cộng	19	360	202	135	23
IV.	Học kì IV					
MH17	Bệnh học	4	90	43	45	2
MH28	Dược học cổ truyền	4	75	43	27	5
MH24	Dược lí	5	90	58	27	5
MH25	Kiểm nghiệm	4	75	43	27	5

MH18	CSSK Cộng đồng	2	60	14	43	3
MH31	Kỹ năng giao tiếp bán hàng được phẩm	3	60	29	27	4
	Cộng	22	450	230	196	24
V.	Học kì V					
MH20	Tổ chức và pháp chế dược	4	75	43	27	5
MH26	Quản lý tồn trữ và Đảm bảo chất lượng thuốc	2	45	14	27	4
MH21	Bào chế	5	90	58	27	5
MH29	Dược lâm sàng	5	135	43	86	6
MH 4	Tiếng Anh I	3	60	21	36	3
MH33	Kỹ thuật chế biến và bào chế thuốc cổ truyền	3	60	29	27	4
	Cộng	22	465	208	230	27
VI.	Học kì VI					
MH30	Kinh tế dược	3	60	29	27	4
MH32	Nghiên cứu khoa học	2	30	29	0	1
MH 35	Tiếng Anh II	3	60	21	36	3
MH34	Sinh dược học một số dạng thuốc hiện đại	3	60	29	27	4
	Thực tế ngành	8	360		360	
	Cộng	19	570	108	450	12

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

06 môn chung thực hiện theo chương trình khung của Bộ LĐTBH theo các thông tư: Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH về chương trình môn học Pháp luật, Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH về Chương trình môn học Giáo dục chính trị, Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH về Chương trình môn học Tiếng Anh,, Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH về chương trình môn học Tin học, Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH chương trình môn học Giáo dục thể chất, Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH về môn học Giáo dục quốc phòng

Chương trình được xây dựng theo hướng đổi mới giáo dục, tinh giản số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành tại cơ sở. Khối lượng kiến thức của chương trình đã

được xác định phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã quy định cho một chương trình giáo dục trình độ cao đẳng.

4.2. Hướng dẫn xác định thời gian học tập và các hoạt động ngoại khóa

Khóa đào tạo được thực hiện trong 3 năm, mỗi năm có 2 học kỳ chính và một học kỳ phụ. Học kỳ chính có 15 tuần thực học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ. Học kỳ hè có 6 tuần thực hiện cho cả việc học và thi. Ngoài ra sinh viên được nghỉ tết 2 tuần, nghỉ các ngày lễ theo quy định của Nhà nước.

Tổ chức thực tế tại cộng đồng sau khi sinh viên đã học các môn cơ sở, tiền lâm sàng, Y tế cộng đồng, Giáo dục sức khỏe và hầu hết các môn học lâm sàng. Sinh viên sẽ được thực tập tại một số nhà máy, xí nghiệp, trạm y tế xã, phường và cụm dân cư tại địa bàn của trường.

4.3. Hướng dẫn thi, kiểm tra các môn học

Mỗi môn học được đánh giá bằng 3 loại điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn học (các điểm này được quy định chi tiết trong từng đề cương môn học)

- Điểm kiểm tra thường xuyên: Do giảng viên chủ động về hình thức và chủ đề, qua việc đánh giá thường xuyên khi lên lớp. Trung bình cộng các điểm này (làm tròn đến phần nguyên) là điểm kiểm tra thường xuyên.

- Điểm kiểm tra định kỳ: Mỗi môn học có ít nhất 1 điểm kiểm tra định kỳ, hình thức và thời gian do giáo viên giảng dạy quyết định, thang điểm 10 và làm tròn đến phần nguyên.

Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ chiếm 40% trọng số điểm của môn học.

- Điểm thi kết thúc môn học: Kết thúc học kỳ, Nhà trường tổ chức thi hết các môn trong học kỳ đó, kỳ thi hết môn được Hội đồng triển khai trên cơ sở bộ công cụ đánh giá do các Khoa chuyên môn xây dựng. Việc coi thi, chấm thi và công bố điểm thi theo quy trình và giám sát chặt chẽ. Điểm thi hết môn làm tròn đến phần nguyên và có trọng số 60% điểm môn học.

- Điểm môn học = $40\% * (\square \text{ Điểm kiểm tra thường xuyên} + 2 * \square \text{ Điểm kiểm tra định kỳ}) + 60\% * \text{ Điểm thi hết môn}$. Điểm môn học làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học còn được quy đổi thành các điểm A, B, C, D, E tương ứng.

4.4. Hướng dẫn đánh giá tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

4.4.1. Kết thúc khóa học, hoặc khi người học tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình, Hiệu trưởng thành lập hội đồng xét tốt nghiệp cho người học.

4.4.2. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

b) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2.0 trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và An ninh, có chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo chuẩn quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

d) Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo các quy định của Nhà trường

e) Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.

4.4.3. Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Hiệu trưởng tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

4.4.4. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học thì được xét công nhận tốt nghiệp.

Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp. Nhà trường sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho người học.

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Chiến Thắng

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT MÔN HỌC

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã số môn học: MH 1

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ, trong đó lý thuyết: 41 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 05 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo được trình độ cao đẳng được bố trí tại học kì I.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	13	9	4	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
9	Kiểm tra	2			2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
13	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết môn học

BÀI MỞ ĐẦU

2 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung:

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1. Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin

13 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;

1.2. Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2. Khái quát về Tư tưởng Hồ Chí Minh

13 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

1.2. Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

- 2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân
- 2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân
- 2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
- 2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau
- 2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam
- 2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay
 - 2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
 - 2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng **5 giờ**

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- 1.2. Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung:

- 2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam
 - 2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng
- 2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng
 - 2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc
 - 2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4. Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam **5 giờ**

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- 1.2. Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung:

- 2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- 2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
- 2.1.2. Do nhân dân làm chủ
- 2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp
- 2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- 2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
- 2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
- 2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo
- 2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới
- 2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
 - 2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường
 - 2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
 - 2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội
 - 2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
 - 2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
 - 2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất
 - 2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
 - 2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5. Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam 10 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- 1.2. Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung:

- 2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6. Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay **6 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;

1.2. Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam **7 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

1.2. Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung:

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8. Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc

6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

1.2. Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung:

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9. Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;

1.2. Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung:

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phân đầu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lí thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn.
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình và tài liệu phát tay cho sinh viên.
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức.
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 03 điểm kiểm tra 30 phút
- **Kiểm tra định kỳ:** 03 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm
 - + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
 - + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
 - + Thời gian: 40 phút.
- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.
- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được

công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

***Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

***Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

***Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, bài tập, tài liệu...);

- Người học được dự thi kết thúc môn học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác trong chương trình môn học;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nội dung cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin;
- Nội dung cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam;
- Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo:

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020), Giáo trình Giáo dục chính trị.

2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

6. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

19. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

20. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

21. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã số môn học: MH 2

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ, trong đó Lý thuyết: 18 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 10 giờ; Kiểm tra: 02 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo được trình độ cao đẳng bố trí tại học kì I.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam

1.2. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2. Về kỹ năng

2.1. Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam

2.2. Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù

hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên Chương/Bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1. Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2. Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam

2. Nội dung

1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Bài 2. Hiến pháp 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2. Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp

2. Nội dung:

1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

1.1. Khái niệm hiến pháp

1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.1. Chế độ chính trị

2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3. Pháp luật dân sự 5 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự

1.2. Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng

2. Nội dung:

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

3.2. Hợp đồng

Bài 4. Pháp luật lao động 7 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động

1.2. Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động

2. Nội dung

1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

- 3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động
- 3.3. Hợp đồng lao động
- 3.4. Tiền lương
- 3.5. Bảo hiểm xã hội
- 3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
- 3.7. Kỷ luật lao động
- 3.8. Tranh chấp lao động
- 3.9. Công đoàn

Bài 5. Pháp luật hành chính 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính
- 1.2. Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính

2. Nội dung:

- 1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
- 2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
 - 2.1. Vi phạm hành chính
 - 2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6. Pháp luật hình sự 5 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự
- 1.2. Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt

2. Nội dung

- 1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
- 2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
 - 2.1. Tội phạm
 - 2.2. Hình phạt

Bài 7. Pháp luật phòng, chống tham nhũng 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng
- 1.2. Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng

2. Nội dung:

- 1. Khái niệm tham nhũng
- 2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 1.2. Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2. Nội dung:

1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lí thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn.
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình và tài liệu phát tay cho sinh viên.
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lòng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực hệ sinh trong quá trình thực hành các môn học chuyên ngành và thực tế ngành.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 30 phút
- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 90 phút
- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**
 - + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc Môn học lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

***Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

***Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

***Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, bài tập, tài liệu...);

- Người học được dự thi kết thúc môn học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác trong chương trình môn học;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng

xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nội dung cơ bản của Hiến pháp;
- Nội dung cơ bản của Luật Lao động;
- Nội dung cơ bản của Luật dân sự;

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Bộ Luật dân sự, 2015.
4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.

16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.
24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIN HỌC

Mã số môn học: MH 3

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ, trong đó Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 2 giờ.

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

2.1. Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

2.2. Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

2.3. Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

2.4. Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

2.5. Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

2.6. Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

2.7. Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

2.8. Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

3.2. Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
8	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết môn học

Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

1.2. Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng CNTT và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản

6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

1.2. Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

2.3.1. Khởi động Control Panel

2.3.2. Region and Language

2.3.3. Devices and Printers

2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.4.2. Phần mềm diệt virus

- 2.5. Sử dụng tiếng Việt
 - 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
 - 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
 - 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt
- 2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin
- 2.7. Đa phương tiện
- 2.8. Sử dụng máy in
 - 2.8.1. Lựa chọn máy in
 - 2.8.2. In

Chương III. Xử lý văn bản cơ bản **17 giờ**

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

1.2. Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản
 - 2.1.1. Khái niệm văn bản.
 - 2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.
- 2.2. Sử dụng Microsoft Word
 - 2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word
 - 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
 - 2.2.3. Định dạng văn bản
 - 2.2.4. In văn bản
 - 2.2.5. Phân phối văn bản
 - 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
 - 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản **29 giờ**

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;

1.2. Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

- 2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường
- 2.2. Sử dụng Microsoft Excel
 - 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
 - 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
- 2.3. Thao tác với ô
 - 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
 - 2.3.2. Cách nhập dữ liệu
 - 2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu
- 2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)
 - 2.4.1. Dòng và cột
 - 2.4.2. Trang tính
- 2.5. Định dạng ô, dãy ô
 - 2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ
 - 2.5.2. Định dạng văn bản
 - 2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền
- 2.6. Biểu thức và hàm
 - 2.6.1. Biểu thức số học
 - 2.6.2. Hàm
- 2.7. Biểu đồ
 - 2.7.1. Tạo biểu đồ
 - 2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ
- 2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính
 - 2.8.1. Trình bày trang tính để in
 - 2.8.2. Kiểm tra và in
 - 2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản

11 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin

1.2. Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

Chương VI. Sử dụng internet cơ bản **5 giờ**

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử; 3.1.2. Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.

1.3. Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.2. Sử dụng Web

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy).
Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi.

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực tin học trong quá trình thực hành .

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 02 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết, thực hành trên máy tính

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến, trắc nghiệm và thực hành trên máy tính

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan, thực hành kỹ năng

- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan, thực hành kĩ năng
- + Thời gian: 90 phút.
- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.
- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập kĩ năng...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, bài tập, tài liệu...);

- Người học được dự thi kết thúc môn học phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác trong chương trình môn học;

- Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi nhưng phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Sử dụng máy tính cơ bản;
- Xử lý văn bản cơ bản.

4. Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIẾNG ANH I

Mã số môn học: MH 4

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ, trong đó Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 36 giờ; Kiểm tra: 03 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ.

1.2. Nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.2. Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.3. Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong

thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.4. Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

3.2. Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	10	4	6	
8	Test	1			1
	Tổng cộng	60	21	36	3

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family & Friends) 9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;

1.2. Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;

1.3. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;

1.4. Nói về bản thân và gia đình;

1.5. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;

1.6. Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình;

2.1.2. Nghề nghiệp;

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Động từ “to be”;

2.2.2. Tính từ sở hữu;

2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;

2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)

9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;

1.2. Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;

1.3. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

1.4. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

1.5. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;

1.6. Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. Địa điểm (Places) 9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

1.3. Hỏi đường và chỉ đường;

1.4. Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;

1.5. Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

- 2.2. Ngữ pháp (Grammar)
 - 2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;
 - 2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.
- 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
 - 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
 - 2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.
- 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
 - 2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;
 - 2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.
- 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
 - 2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;
 - 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.
- 2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and Drink) 9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

1.3. Hỏi về số lượng;

1.4. Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;

1.5. Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. Các sự kiện đặc biệt (Special occasions) 9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

1.3. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

- 2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.
- 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
 - 2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
 - 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
 - 2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.
- 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
 - 2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;
 - 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
 - 2.5.3. Thảo luận.
- 2.6. Kỹ năng viết (Writing)
 - Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. Kỳ Nghỉ (Vacation)

10 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 1.3. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

- 2.1. Từ vựng (Vocabulary)
 - 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
 - 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
 - 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.
- 2.2. Ngữ pháp (Grammar)
 - 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
 - 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
 - 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
 - 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.
- 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
 - 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
 - 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
 - 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.
- 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
 - 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, Flash card, Videos, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

+ Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

+ Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

+ Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 03 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Trọng tâm tập trung vào kiến thức và kỹ năng các bài học

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 04/2022/TT- TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ.

5. Raymond Murphy (2019), *Grammar In Use*, Cambridge University Press.

6. Liz and John Soars (2015), *New Headway Fourth Edition*, Oxford University Press.

7. Tim Falla and Paul A. Davies, *Solutions Elementary* (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã số môn học: MH5

Thời gian thực hiện: 60 giờ, trong đó Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành: 51 giờ; Kiểm tra: 04 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		

II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2			2
III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN	30	2	26	2
1	Môn cầu lông	30	2	26	2
	Tổng cộng	60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài mở đầu 1 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: Thể dục cơ bản 13 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản

1.2. Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Điền kinh 14 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;

1.2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy xa

2.3.1. Tác dụng của nhảy xa

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

Bài: Cầu lông 30 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;

1.2. Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thẻ đục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng thực hiện động tác.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 04 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra thực hành

+ Công cụ: Thực hành nội dung đã học

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi thực hành

+ Công cụ: Thực hiện nội dung đã được học và tập luyện

+ Thời gian: 45 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt. .

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thực hành:** Phân chia nhóm tập luyện theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học, ôn luyện các nội dung đã được học. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự đầy đủ tất cả các buổi học thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào kĩ năng thực hiện các kĩ thuật Cầu lông.

4. Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.

7. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.

8. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

9. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.

10. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Mã môn học: MH6

Thời gian thực hiện: 75 giờ, trong đó Lý thuyết: 36 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

1.3. Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

1.4. Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

1.5. Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

2.1. Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

2.2. Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

2.3. Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

2.4. Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

2.5. Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

3.2. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

3.3. Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

3.4. Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	

4	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1			1
13	Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
16	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Nhập môn giáo dục quốc phòng và an ninh

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

1.2. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

- 2.2. Các nội dung chính
- 2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học
- 2.4. Điều kiện thực hiện môn học
- 2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;

1.2. Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

1.2. Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;

1.2. Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;

1.2. Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

1.2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7: Đường lối quan điểm của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước việt nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

2. Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc việt nam xã hội chủ nghĩa

5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

1.2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

- 2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân
- 2.3.1. Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân
- 2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân
- 2.4. Thảo luận

Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

5 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- 1.2. Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
 - 2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới
- 2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới
 - 2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng
 - 2.2.2. Chính quy
 - 2.2.3. Tinh nhuệ
 - 2.2.4. Từng bước hiện đại
- 2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- 2.4. Thảo luận

Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh

5 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- 1.2. Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 11: Đội ngũ đơn vị

4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;

1.2. Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

- 2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
- 2.3. Đổi hướng đội hình
 - 2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
 - 2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
- 2.4. Thực hành

Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh **19 giờ**

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- 1.2. Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- 1.3. Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK
 - 2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm
 - 2.1.4. Súng diệt tăng B41
 - 2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1
- 2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC
 - 2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1
- 2.3. Thực hành

Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương **6 giờ**

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- 1.2. Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

- 2.1. Cầm máu tạm thời
 - 2.1.1. Mục đích
 - 2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

- 2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu
- 2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời
- 2.2. Cố định tạm thời xương gãy
 - 2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy
 - 2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy
- 2.3. Hô hấp nhân tạo
 - 2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở
 - 2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu
 - 2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở
- 2.4. Kỹ thuật chuyển thương
 - 2.4.1. Mang vác bằng tay
 - 2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng
- 2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, tranh ảnh, Videos, bài giảng Power Point
4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng thực hiện động tác.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút
- **Kiểm tra định kỳ:** 03 điểm kiểm tra
- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút

- Thi kết thúc môn học: 1 điểm

+ Hình thức: Thi thực hành

+ Công cụ: Thực hiện nội dung đã được học và tập luyện

+ Thời gian: 45 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào bài thực hành ngấm bản

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

3. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.

5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

6. Luật an ninh quốc gia, 2004.

7. Bộ luật hình sự, 2015.

8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.

9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.

11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.

12. Luật biển Việt Nam, 2012.

13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.

14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.

15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.

16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.

17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.

19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.

23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.

24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.

27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.

28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.

29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

30. Sách dạy bắn súng trung liên RPĐ, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.

31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: XÁC SUẤT THỐNG KÊ Y HỌC

Mã môn học: MH7

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ, trong đó Lý thuyết: 17 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 12 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Xác suất thống kê Y học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Môn học Xác suất thống kê y học là môn học cơ bản bắt buộc.

Nội dung môn học không những cung cấp các kiến thức cơ bản về xác suất thống kê mà còn đưa ra một số ví dụ ứng dụng gần gũi và thiết thực về xác suất thống kê trong nhóm ngành sức khỏe.

II. Mục tiêu của môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được các khái niệm: Phép thử, biến cố và xác suất và các tính chất cơ bản của xác suất.

1.2. Trình bày được các khái niệm: Đại lượng ngẫu nhiên, hàm phân phối và các tham số đặc trưng của Đại lượng ngẫu nhiên.

1.3. Trình bày được các khái niệm: Thông kê, các đặc trưng của một mẫu, lý thuyết ước lượng – Tính cỡ mẫu và kiểm định giả thiết thống kê.

2. Về kỹ năng

2.1. Giải được các bài toán của các phản tương ứng.

2.2. Vận dụng Xác suất thống kê vào việc giải quyết các bài toán thường gặp trong Y học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Tham gia học lý thuyết và làm các bài tập về nhà đầy đủ.

3.2. Có ý thức, thái độ đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề trong thực tế.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra
	Bài mở đầu: Giải tích tổ hợp	01	01		
1	Chương 1: Lý thuyết xác suất	09	05	04	
1.1.	Phép thử và biến cố	01	01		
1.2.	Khái niệm xác suất	02	01	01	
1.3.	Các phép toán về xác suất	02	01	01	
1.4.	Định lý Xác suất đầy đủ - Định lý Bayest	02	01	01	
1.5.	Phép thử Bernoulli	02	01	01	
2	Chương 2: Biến ngẫu nhiên	06	03	03	
2.1.	Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối	02	01	01	
2.2.	Các tham số đặc trưng của Biến ngẫu nhiên	02	01	01	
2.3.	Một số quy luật xác suất	02	01	01	
3	Chương 3: Lý thuyết mẫu	03	02	01	
3.1.	Sơ lược về lý thuyết mẫu	01	01		
3.2.	Các giá trị đặc trưng của mẫu	02	01	01	
4	Chương 4: Lý thuyết ước lượng – Tính cỡ mẫu	03	02	01	
4.1.	Lý thuyết ước lượng	02	01	01	
4.2.	Cách xác định kích thước mẫu	01	01		
5	Chương 5: Kiểm định giả thiết thống kê	07	04	03	

5.1.	Kiểm định giả thiết thống kê	01	01		
5.2.	So sánh hai số trung bình	02	01	01	
5.3.	So sánh hai Xác suất	02	01	01	
5.4.	Tương quan hội quy tuyến tính	02	01	01	
6	Kiểm tra định kỳ	01			01
Tổng		30	17	12	01

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài mở đầu: Giải tích tổ hợp;

01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm tập hợp, các phép toán tập hợp.
- 1.2. Tính được theo quy tắc cộng, nhân.
- 1.3. Trình bày được khái niệm và tính được số chỉnh hợp, hoán vị, tổ hợp.
- 1.4. Vận dụng các công thức tính được các bài toán liên quan.

2. Nội dung

- 2.1. Tập hợp
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Các phép toán về tập hợp
- 2.2. Giải tích tổ hợp
 - 2.2.1. Quy tắc đếm
 - 2.2.2. Chỉnh hợp
 - 2.2.3. Hoán vị
 - 2.2.4. Tổ hợp

Chương 1: Lý thuyết xác suất;

09 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa và các tính chất cơ bản của xác suất.
- 1.2. Trình bày được các công thức nhân xác suất, cộng xác suất, xác suất toàn phần và xác suất Bayes.
- 1.3. Áp dụng giải được một số bài toán xác suất trong Y học.

2. Nội dung

- 2.1. Phép thử và biến cố
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Các loại biến cố
 - 2.1.3. Giao (tích) của các biến cố
 - 2.1.4. Hợp (tổng) của các biến cố
 - 2.1.5. Biến cố xung khắc

- 2.1.6. Biến cố đối lập
- 2.1.7. Biến cố độc lập
- 2.1.8. Hệ đầy đủ các biến cố
- 2.2. Khái niệm xác suất
 - 2.2.1. Định nghĩa cổ điển
 - 2.2.2. Định nghĩa thống kê
 - 2.2.3. Tính chất cơ bản của xác suất
- 2.3. Các phép toán về xác suất
 - 2.3.1. Xác suất có điều kiện
 - 2.3.2. Định lý nhân xác suất
 - 2.3.3. Định lý cộng xác suất
 - 2.3.4. Ứng dụng quy tắc nhân, quy tắc cộng xác suất
- 2.4. Định lý Xác suất đầy đủ - Định lý Bayes
 - 2.4.1. Định lý xác suất đầy đủ
 - 2.4.2. Định lý Bayes
 - 2.4.3. Các ví dụ
- 2.5. Phép thử Bernoulli
 - 2.5.1. Phép thử lặp Bernoulli
 - 2.5.2. Công thức xác suất nhị thức Bernoulli.

Chương 2: Biến ngẫu nhiên; 06 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các khái niệm biến ngẫu nhiên, hàm phân phối và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.
- 1.2. Trình bày được một quy luật xác suất của biến ngẫu nhiên.
- 1.3. Áp dụng giải các bài tập liên quan.

2. Nội dung

- 2.1. Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối
 - 2.1.1. Khái niệm về Biến ngẫu nhiên
 - 2.1.2. Hàm phân phối của Biến ngẫu nhiên
- 2.2. Các tham số đặc trưng của Biến ngẫu nhiên
 - 2.2.1. Trung bình lý thuyết (Kỳ vọng toán học)
 - 2.2.2. Phương sai và độ lệch chuẩn
- 2.3. Một số quy luật xác suất
 - 2.3.1. Quy luật chuẩn
 - 2.3.2. Quy luật Student
 - 2.3.3. Một số quy luật khác.

Chương 3: Lý thuyết mẫu; 03 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được các khái niệm thống kê, quần thể, mẫu và các tổ chức đồ.
2. Trình bày được định nghĩa và công thức tính các tham số mẫu.
3. Áp dụng giải các bài tập liên quan.

2. Nội dung

- 2.1. Sơ lược về lý thuyết mẫu
 - 2.1.1. Một số khái niệm cơ bản
 - 2.1.2. Trình bày một mẫu số liệu
 - 2.1.3. Một số tổ chức đồ
- 2.2. Các giá trị đặc trưng của một mẫu
 - 2.2.1. Trung bình mẫu
 - 2.2.2. Mốt – Số trung vị
 - 2.2.3. Phương sai và độ lệch chuẩn
 - 2.2.4. Hệ số biến thiên.

Chương 4: Lý thuyết ước lượng – Tính cỡ mẫu; 03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khoảng ước lượng của các tham số thống kê.
- 1.2. Trình bày được cách xác định cỡ mẫu.
- 1.3. Áp dụng vào giải các bài toán thực tế trong Y học.

2. Nội dung

- 2.1. Lý thuyết ước lượng
 - 2.1.1. Khoảng ước lượng
 - 2.1.2. Khoảng tin cậy của một số trung bình quần thể
 - 2.1.3. Khoảng tin cậy của một trị số các cá thể
 - 2.1.4. Khoảng tin cậy cho tỷ lệ của quần thể
- 2.2. Cách xác định kích thước mẫu
 - 2.2.1. Xác định kích thước mẫu tối thiểu của số trung bình
 - 2.2.2. Xác định kích thước mẫu tối thiểu của xác suất.

Chương 5: Kiểm định giả thiết thống kê; 07 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được kiểm định các tham số thống kê.
- 1.2. Trình bày được công thức và ý nghĩa của việc so sánh hai số trung bình.
- 1.3. Trình bày được công thức và ý nghĩa của việc so sánh hai xác suất
- 1.4. Trình bày được hệ số và ý nghĩa tương quan tuyến tính.
- 1.5. Lập được đường hồi quy tuyến tính bậc một.
- 1.6. Áp dụng vào giải các bài toán thực tế trong Y học.

2. Nội dung

- 2.1. Kiểm định giả thiết thống kê
 - 2.1.1. Khái niệm cơ bản về kiểm định
 - 2.1.2. Các loại sai lầm, mức ý nghĩa
 - 2.1.3. Kiểm định giá trị của xác suất
- 2.2. So sánh hai số trung bình
 - 2.2.1. Nếu phương sai đã biết
 - 2.2.2. Nếu phương sai chưa biết ($n_1, n_2 > 30$)
 - 2.2.3. Nếu phương sai chưa biết ($n_1, n_2 < 30$)
- 2.3. So sánh hai xác suất
 - 2.3.1. So sánh hai phía
 - 2.3.2. So sánh một phía
- 2.4. Tương quan hồi quy tuyến tính
 - 2.4.1. Hệ số tương quan tuyến tính
 - 2.4.2. Đường hồi quy tuyến tính.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.
2. Trang thiết bị dạy học: Projeter, máy vi tính, bảng, phấn.
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, bài giảng Power Point.
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
 - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
 - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút
- **Kiểm tra định kỳ:** 1 điểm kiểm tra
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút.
- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm
 - + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Sử dụng trong chương trình đào tạo các ngành Y, Dược trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

- Lý thuyết: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: Thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập, ...

- Bài tập: Phân chia nhóm nhỏ thảo luận bài tập theo nội dung đề ra.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ. Có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần lưu ý

Trọng tâm nội dung tập trung vào các chương Lý thuyết xác suất và Lý thuyết mẫu.

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Phan Huy Hoàng, (2025), *Xác Suất thống kê*, Trường CDYT Hà Tĩnh.
2. Chu Văn Thọ, (2011), *Xác suất thống kê*, Trường đại học Y Dược TPHCM.
3. Đặng Đức Hậu, (2008), *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục.
4. Đào Hữu Hồ, (2006), *Xác Suất thống kê*, NXB đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Đặng Hùng Thắng, (2002), *Bài tập xác suất*, NXB Giáo dục.
6. Đinh Văn Găng, (2002), *Bài tập và xác suất*, NXB Giáo dục.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

Mã số môn học: MH 8

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ, trong đó Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Thuộc môn học chung.

2. Tính chất

Môn học này sẽ cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm, những nguyên lý chung nhất của sinh giới, những quy luật, những cơ chế của sự sống. Nhằm cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản nhất của sinh học ứng dụng trong Y học, tạo cơ sở để sinh viên học các môn học Y học cơ sở và lâm sàng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- 1.1. Trình bày được cấu trúc vi thể, siêu vi thể và chức năng của tế bào
- 1.2. Trình bày được quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể
- 1.3. Trình bày được các nguyên lý của di truyền học cơ sở và bước đầu vận dụng vào di truyền
- 1.4. Trình bày được xu thế phát triển của sinh học phân tử và các nguyên lý sinh thái trong mối quan hệ với loài người

2. Về kỹ năng

- 2.1. Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích, phân tích các kiến thức của các học phần sau
- 2.2. Suy luận, hệ thống hóa các vấn đề sinh học
- 2.3. Ứng dụng kiến thức sinh học di truyền để giải thích nguyên nhân và cơ chế xuất hiện các bệnh di truyền
- 2.4. Ứng dụng các kiến thức sinh học trong y học như chẩn đoán bệnh, sản xuất thuốc, giải thích cơ chế xuất hiện bệnh

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

3.2. Sinh viên có ý thức và trách nhiệm trong việc tự học và chuẩn bị bài trước mỗi buổi học

3.3. Sinh viên tích cực tham gia tìm hiểu các kiến thức liên quan đến nội dung các bài của từng buổi học

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Tế bào và hệ thống tế bào	1	1		
2	Cấu trúc và chức năng tế bào	8	8		
3	Sự phân chia tế bào	1	1		
4	Sự phát sinh giao tử ở người	1	1		
5	Sinh học phát triển	4	4		
6	Các quy luật di truyền	4	4		
7	Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính	1	1		
8	NST người và bệnh học NST người	4	4		
9	Sinh học phân tử	4	4		
10	Nguyên lý sinh thái	1	1		
	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	30	29	0	1

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1. Tế bào và hệ thống tế bào 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được nội dung cơ bản của học thuyết tế bào và học thuyết tế bào theo quan điểm hiện đại.

1.2. So sánh được sự khác nhau giữa hai giới Prokaryota và Eukaryota.

1.3. Mô tả được hình thái đại cương của tế bào.

2. Nội dung:

2.1. Lịch sử hình thành tế bào học và học và học thuyết tế bào

2.2. Hệ thống tế bào

2.3. Hình thái đại cương của tế bào

Bài 2. Cấu trúc và chức năng tế bào 8 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cấu tạo và chức năng cơ bản của các thành phần cấu trúc màng tế bào.
- 1.2. Trình bày được cấu tạo và chức năng chính của các bào quan trong tế bào.
- 1.3. Trình bày được cấu tạo và chức năng của nhân tế bào.
- 1.4. Nêu được các hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào.
- 1.5. Trình bày được đặc điểm của từng hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào.
- 1.6. Nêu được các điều kiện ảnh hưởng sự khuếch tán qua màng tế bào.

2. Nội dung:

- 2.1. Cấu trúc tế bào
 - 2.1.1. Cấu trúc của màng tế bào
 - 2.1.2. Tế bào chất
 - 2.1.3. Nhân tế bào
- 2.2. Chức năng của tế bào
 - 2.3.1. Vận chuyển thẩm

Bài 3. Sự phân chia tế bào 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được đặc điểm pha G₁, S và G₂ của thời kỳ gian kỳ.
- 1.2. Trình bày được đặc điểm, ý nghĩa của quá trình phân bào nguyên phân.
- 1.3. Trình bày được đặc điểm, ý nghĩa của quá trình phân bào giảm phân
- 1.4. So sánh được sự khác nhau cơ bản giữa phân bào nguyên phân và giảm phân

2. Nội dung:

- 2.1. Gian kỳ
 - 2.1. Phân bào
 - 2.1.1. Trục phân
 - 2.1.2. Nội phân
 - 2.1.3. Phân bào nguyên nhiễm
 - 2.1.4. Phân bào giảm nhiễm

Bài 4. Sự phân chia giao tử ở người 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được quá trình phát sinh tinh trùng ở người
- 1.2. Trình bày được quá trình phát sinh trứng ở người
- 1.3. So sánh được điểm khác nhau giữa quá trình phát sinh tinh trùng và trứng ở người.

2. Nội dung:

2.1. Sự phát sinh tinh trùng

2.2. Sự phát sinh trứng

Bài 5. Sinh học phát triển

4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được cấu tạo tinh trùng và các loại trứng

1.2. Trình bày được sự phân cắt và phát triển phôi của các loại trứng.

1.3. Trình bày được định nghĩa, các đặc điểm của giai đoạn sinh trưởng, giai đoạn trưởng thành, giai đoạn già lão và giai đoạn tử vong

1.4. Trình bày được các cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi

1.5. Trình bày được một số thực nghiệm về phôi

2. Nội dung:

2.1. Quá trình phát triển cá thể của động vật

2.1.1. Giai đoạn tạo giao tử

2.1.2. Giai đoạn tạo hợp tử

2.1.3. Giai đoạn phôi thai

2.1.4. Giai đoạn sinh trưởng

2.1.5. Giai đoạn trưởng thành

2.1.6. Giai đoạn già lão

2.1.7. Giai đoạn tử vong

2.2. Cơ chế điều khiển sự phát triển của phôi

2.2.1. Chương trình thông tin di truyền

2.2.2. Các sản phẩm gen từ nguồn mẹ

2.2.3. Các nhân tố từ môi trường xung quanh

2.3. Một số thực nghiệm về phôi

2.3.1. Sự chuyển nhân tạo tế bào đặc hiệu

2.3.2. Sự chuyển gen

2.3.3. Sinh vật trong ống nghiệm và thụ tinh trong ống nghiệm

Bài 6. Các quy luật di truyền 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Giải thích được khái niệm một số thuật ngữ và giải thích một số kí hiệu thường dùng trong di truyền

1.2. Trình bày được các quy luật di truyền của Mendel

1.3. Trình bày được hiện tượng di truyền tương tác gen

1.4. Trình bày được khái niệm, đặc điểm và một số bệnh di truyền đơn gen, di truyền đa gen, đa nhân tố

1.5. Trình bày được sự liên kết gen và sự tái tổ hợp của các gen trong nhóm liên kết

1.6. Trình bày được di truyền ngoài nhiễm sắc thể

2. Nội dung:

2.1. Một số thuật ngữ và ký hiệu

2.2. Các định luật di truyền của Mendel

2.2.1. Lai một cặp tính trạng

2.2.2. Lai hai cặp tính trạng

2.2.3. Lai đa tính

2.3. Di truyền tương tác

2.4. Di truyền đơn gen

2.4.1. Khái niệm

2.4.2. Di truyền hai alen

2.4.3. Di truyền nhiều alen

2.5. Sự di truyền đa gen và đa nhân tố

2.5.1. Khái niệm

2.5.2. Đặc điểm

2.5.3. Một số bệnh, tính trạng di truyền đa gen và di truyền đa nhân tố ở người

2.6. Sự liên kết gen và tái tổ hợp gen trong nhóm gen liên kết

2.6.1. Liên kết gen

2.6.2. Hoán vị gen

2.7. Di truyền ngoài nhiễm sắc thể

2.7.1. Đặc điểm di truyền ngoài nhiễm sắc thể

2.7.2. Hệ gen lạp thể và sự di truyền hệ gen lạp thể

Bài 7. Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính

1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được NST giới

1.2. Trình bày được cơ chế xác định giới tính

1.3. Trình bày được một số bệnh bất thường về nhiễm sắc thể giới tính ở người

1.4. Trình bày được các quy luật di truyền liên kết giới tính

1.5. Trình bày được các đặc điểm di truyền liên kết giới tính

1.6. Trình bày được một số bệnh bất thường di truyền liên kết với giới tính ở người

2. Nội dung:

2.1. Di truyền giới tính

2.1.1. Cơ chế xác định giới tính do nhiễm sắc thể giới

2.1.2. Ý nghĩa của di truyền học giới tính

2.1.3. Một số bệnh bất thường về nhiễm sắc thể giới tính ở người

2.2. Di truyền liên kết với giới tính

2.2.1. Nguyên lý chung

2.2.2. Sự di truyền các tính trạng do gen liên kết nhiễm sắc thể X mà không có alen tương ứng trên nhiễm sắc thể Y quy định

2.2.3. Sự di truyền các tính trạng do gen liên kết nhiễm sắc thể Y mà không có alen tương ứng trên nhiễm sắc thể X quy định

2.2.4. Sự di truyền các tính trạng do gen nằm trên đoạn tương đồng của NST X và Y quy định

2.2.5. Ý nghĩa của di truyền liên kết giới tính

2.2.6. Một số bệnh bất thường di truyền liên kết với giới tính

2.3. Những tính trạng bị hạn chế bởi giới tính

Bài 8. NST người và bệnh học NST người

4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được hình dạng, kích thước và số lượng nhiễm sắc thể người

1.2. Trình bày được đặc điểm đặc trưng của các vật thể giới và những ứng dụng khi nghiên cứu về vật thể giới

1.3. Nêu được những tiêu chuẩn cơ bản để phân loại nhiễm sắc thể người và lập karyotyp

1.4. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế phát sinh và hậu quả của đột biến đa bội

1.5. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế phát sinh dị bội thể và một số bệnh thường gặp ở người

1.6. Trình bày được cơ chế phát sinh và các dạng đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể, và hậu quả của nó

1.7. Nêu được cơ chế gây đột biến gen và các dạng gen đột biến gen.

2. Nội dung:

2.1. Hình dạng, kích thước và số lượng nhiễm sắc thể

2.1.1. Hình dạng

2.1.2. Kích thước

2.1.3. Số lượng

2.2. Vật thể giới ở người

- 2.2.1. Vật thể Barr
- 2.2.2. Thể dùi trống
- 2.2.3. Vật thể Y
- 2.3. Xếp Bộ nhiễm sắc thể người (Lập karyotyp)
- 2.3.1. Các tiêu chuẩn để phân loại nhiễm sắc thể
- 2.3.2. Karyotyp
- 2.3.3. Các quy định quốc tế về xếp bộ NST người
- 2.4. Bệnh nhiễm sắc thể
- 2.4.1. Đột biến số lượng NST
- 2.4.2. Đột biến cấu trúc NST
- 2.5. Cơ chế ổn định bộ nhiễm sắc thể
- 2.6. Gen
- 2.6.1. Khái niệm chung
- 2.6.2. Đột biến gen

Bài 9. Sinh học phân tử 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được đặc điểm, cấu trúc của ADN và quá trình tái bản ADN ở Prokaryota
- 1.2. So sánh quá trình tái bản ADN ở Prokaryota và Eukaryota
- 1.3. Trình bày được cấu trúc và chức năng của mRNA, rRNA, tRNA và quá trình tổng hợp ARN ở Prokaryota
- 1.4. So sánh quá trình tổng hợp ARN ở Prokaryota và Eukaryota
- 1.5. Trình bày quá trình sinh tổng hợp Protein ở Prokaryota
- 1.6. So sánh quá trình sinh tổng hợp protein ở Prokaryota và Eukaryota
- 1.7. Trình bày được cơ chế điều hòa sinh tổng hợp protein ở Prokaryota và Eukaryota
- 1.8. Nêu được đặc tính của mã bộ ba (mã di truyền)

2. Nội dung:

- 2.1. Acid nucleic
- 2.1.1. Acid deoxyribonucleic
- 2.1.1.1. Cấu trúc của ADN
- 2.1.1.2. Đặc điểm của ADN
- 2.1.1.3. Đặc điểm của bộ gen
- 2.1.1.4. Quá trình tái bản của ADN ở Prokaryota
- 2.1.1.5. Sự tái bản ở Eukaryota
- 2.1.2. Acid ribonucleic
- 2.1.2.1. Cấu tạo của ARN

2.1.2.2. Phân loại ARN

2.1.2.3. Sự tổng hợp ARN (Sự sao mã hay sự phiên mã)

2.2. Protein

2.2.1. Cấu trúc protein

2.2.2. Sinh tổng hợp protein

2.3. Cơ chế điều hòa sinh tổng hợp Protein

2.3.1. Cơ chế điều hòa sinh tổng hợp protein ở Prokaryota

2.3.2. Cơ chế điều hòa sinh tổng hợp protein ở Eukaryota

Bài 10. Nguyên lý sinh thái 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các ảnh hưởng của các nhân tố nhiệt độ, khí độc hại, phóng xạ, tiếng ồn lên con người. Từ đó nêu các biện pháp phòng chống

1.2. Trình bày các vấn đề môi trường làm việc và bệnh nghề nghiệp

1.3. Trình bày được mối quan hệ dinh dưỡng giữa con người và ngoại cảnh hữu sinh

1.4. Trình bày được mối quan hệ gây bệnh giữa loài người và vi sinh vật gây bệnh trên người

2. Nội dung:

2.1. Một số khái niệm

2.2. Loài người và ngoại cảnh

2.2.1. Loài người và nhân tố vô sinh

2.2.2. Loài người và ngoại cảnh hữu sinh

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực trong quá trình thực hành các môn học chuyên ngành và thực tế ngành.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cấu trúc và chức năng các thành phần trong tế bào

Các quy luật di truyền và vận dụng nó để giải thích và ứng dụng vào thực tiễn đời sống

Quá trình và cơ chế điều khiển phát triển cá thể. Vận dụng vào tiến hành các thực nghiệm phôi

Sinh học phân tử

Mối quan hệ giữa loài người và các nhân tố ngoại cảnh

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Ngô Thị Thúy Vân, (2025), *Bài giảng sinh học đại cương và di truyền*, Lưu hành nội bộ

2. GS.TS. Nguyễn Văn Tài, (2017), *Sinh học đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam .

3. GS. TS. Trịnh Văn Bảo, (2010), *Sinh học*, NXB giáo dục Việt Nam.

4. Đỗ Hải Lan (chủ biên), Lê Văn Cương, Cao Phi Bằng, (2022), *Tế bào học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Đinh Hoàng Long, Đỗ Lê Thăng, (2020), *Cơ sở di truyền học phân tử và tế bào*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG – LÝ SINH

Mã số môn học : MH 9

Thời gian môn học: 30 giờ, trong đó: Lý thuyết: 29 giờ, Kiểm tra: 01 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học:

1. Vị trí của môn học:

Môn học là môn học chung bắt buộc được phân bố từ đầu khóa học, điều kiện tiên quyết: không.

2. Tính chất môn học:

Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng Y được các kiến thức cơ bản về các dạng vận động vật lý và các qui luật của nó trong thế giới tự nhiên; vận dụng được các qui luật vận động trong hoá học và sinh học vào y dược học; thực hiện được một số phương pháp đo lường trong Vật lý – Lý sinh tại phòng thực tập; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

1. Kiến thức:

- 1.1. Sử dụng, quy đổi được đơn vị về hệ đo lường chuẩn của Việt Nam, phân tích được các tính chất của hiện tượng Lí sinh.
- 1.2. Giải thích được cơ chế vận chuyển vật chất trong cơ thể.
- 1.3. Mô tả được tính chất Lí sinh tuần hoàn và hô hấp.
- 1.4. Trình bày được nguyên lý hoạt động máy phát siêu âm, ứng dụng của âm, siêu âm trong y học.
- 1.5. Giải thích được các hiện tượng điện trên cơ thể sống, thực hiện an toàn điện.
- 1.6. Trình bày được các ứng dụng quang sinh học trong y học.
- 1.7. Trình bày được các ứng dụng học phóng xạ và hạt nhân, thực hiện an toàn phóng xạ.
- 1.8. Trình bày được nguyên lý hoạt động, tính chất của bức xạ ron ghen và ứng dụng.
- 1.9. Trình bày được nguyên lý chính của một số kỹ thuật Lí sinh ứng dụng trong y học.

2. Kỹ năng:

- 2.1. Kỹ năng tìm kiếm, tự đọc tài liệu và tự học
- 2.2. Kỹ năng xử lý tình huống liên quan kiến thức
- 2.3. Kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan của Lí sinh y học
- 2.4. Kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin.

3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- 3.1. Nghiêm túc, tích cực khi học tập, nghiên cứu
- 3.2. Chủ động tiếp nhận thông tin các kỹ thuật vật lí mới ứng dụng trong các học phần chuyên môn y học
- 3.3. Có ý thức về an toàn nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Kiểm tra
1	Các khái niệm cơ bản	2	2		
2	Vận chuyển vật chất trong cơ thể sinh vật	4	4		
3	Lí sinh tuần hoàn và hô hấp	4	4		
4	Ứng dụng của âm, siêu âm	2	2		
5	Các hiện tượng điện trên cơ thể sống	4	4		
6	Quang sinh học	4	4		
7	Y học phóng xạ và hạt nhân	3	3		
8	Bức xạ Ron ghen (tia X) và ứng dụng	2	2		
9	Một số phương pháp vật lí ứng dụng trong y học	4	4		
10	Kiểm tra	1			1
	Tổng số	30	29		1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Các khái niệm cơ bản

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các khái niệm cơ bản về đơn vị đo, một số đặc điểm của hiện tượng lý sinh.

1.2. Trình bày được nguyên lý 1, 2 nhiệt động học và ứng dụng trên cơ thể sinh vật.

2. Nội dung:

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Đơn vị đo lường

2.1.2. Tiền tố

2.1.3. Thứ nguyên

2.1.4. Một số đặc điểm của hiện tượng Lí sinh

2.2. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động và ứng dụng trong y học

2.2.1. Hệ nhiệt động

2.2.2. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động học

2.2.3. Áp dụng nguyên lý thứ nhất cho hệ thống sống

2.3. Nguyên lý thứ nhất nhiệt động và ứng dụng trong y học

2.3.1. Nguyên lý thứ hai nhiệt động học và sự dịch chuyển Entropi trong hệ thống sống.

2.3.2. Áp dụng nguyên lý 2 cho hệ thống sống

Bài 2. Vận chuyển vật chất trong cơ thể sinh vật

4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các vai trò của phân tử, Ion trong cơ thể và các loại dung dịch trong cơ thể sinh vật.

1.2. Lấy ví dụ về hiện tượng thẩm thấu, nêu được khái niệm về áp suất thẩm thấu và công thức tính, ý nghĩa của áp suất thẩm thấu và ứng dụng trong y học.

1.3. Trình bày các điều kiện để có cân bằng Donnan và dùng cân bằng Donnan để tính tỉ lệ nồng độ vật chất trong và ngoài màng tế bào ở các trường hợp đặc biệt.

1.4. Phân biệt hiện tượng thẩm thấu, lọc, siêu lọc.

2. Nội dung:

2.1. Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sinh vật

2.1.1. Phân tử, ion và dung dịch trong cơ thể sinh vật

2.1.2. Các hiện tượng vận chuyển vật chất cơ bản trong cơ thể sinh vật

2.2. Sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào

2.2.1. Màng tế bào

2.2.2. Vận chuyển của vật chất qua màng

2.2.3. Động lực và cơ chế vận chuyển vật chất qua màng tế bào

Bài 3. Lí sinh tuần hoàn và hô hấp

4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được sơ lược về hệ tuần hoàn.
- 1.2. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến tuần hoàn máu..
- 1.3. Trình bày được sơ lược về hệ thống hô hấp, cơ chế hoạt động hô hấp.
- 1.4. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hô hấp.

2. Nội dung:

- 2.1. Lí sinh tuần hoàn
 - 2.1.1. Tính chất vật lý của hệ tuần hoàn
 - 2.1.2. Sự thay đổi của áp suất và tốc độ chảy của máu trong các mạch
 - 2.1.3. Đặc điểm về thể dịch máu và hệ tuần hoàn máu
 - 2.1.4. Những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến tuần hoàn máu
- 2.2. Lí sinh hô hấp
 - 2.2.1. Sơ lược về cấu tạo hệ hô hấp
 - 2.2.2. Hoạt động hô hấp
 - 2.2.3. Sự vận chuyển khí trong cơ thể
 - 2.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình trao đổi khí

Bài 4. Ứng dụng của sóng âm và siêu âm trong y học

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được bản chất vật lý của âm và siêu âm.
- 1.2. Trình bày cơ sở vật lý của phương pháp âm trong chẩn đoán.
- 1.3. Trình bày được phương pháp ứng dụng siêu âm vào điều trị và chẩn đoán.

2. Nội dung:

- 2.1. Ứng dụng của sóng âm
 - 2.1.1. Âm thanh
 - 2.1.2. Cơ chế của quá trình nghe
 - 2.1.3. Cơ sở vật lý của phương pháp âm trong chẩn đoán
- 2.2. Ứng dụng của siêu âm
 - 2.2.1. Nguồn phát siêu âm
 - 2.2.2. Ứng dụng của siêu âm trong y học

Bài 5. Các hiện tượng điện trên cơ thể sống

4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các loại điện thế sinh vật cơ bản.(hai loại)

1.2. Trình bày được các loại hiệu điện thế, lý thuyết ion màng về hiện tượng điện sinh vật.

2. Nội dung:

2.1. Hiện tượng điện sinh vật, cơ chế phát sinh và lan truyền

2.1.1. Các loại điện thế sinh vật cơ bản

2.1.2. Lý thuyết ion màng – cơ chế phát sinh và lan truyền các loại điện thế sinh vật

2.2. Cơ chế dẫn truyền sóng hưng phấn từ thần kinh đến cơ

2.2.1. Khái niệm hưng phấn

2.2.2. Khái niệm ngưỡng hưng phấn

2.2.3. Cơ chế dẫn truyền sóng hưng phấn trong dây thần kinh.

2.2.4. Cơ chế bàn giao hưng phấn qua xinap

2.3. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể, ứng dụng trong điều trị

2.3.1. Các loại dòng điện dùng trong điều trị

2.3.2. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể và ứng dụng trong điều trị.

2.3.3. An toàn điện

Bài 6. Quang sinh học

4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nội dung chính của hai thuyết về bản chất ánh sáng

1.2. Trình bày được cơ chế hấp thụ và phát quang

1.3. Nêu được các quá trình quang sinh quang hợp và sinh tổng hợp sắc tố vitamin

1.4. Trình bày, giải thích được nguyên lý cấu tạo một Laser; vẽ sơ đồ Laser rắn.

2. Nội dung:

2.1. Bản chất ánh sáng

2.1.1. Thuyết sóng điện từ về bản chất ánh sáng

2.1.2. Thuyết lượng tử về bản chất ánh sáng

2.2. Cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng

2.2.1. Định luật hấp thụ ánh sáng

2.2.2. Ứng dụng quang phổ hấp thụ phân tử

2.2.3. Cơ chế hấp thụ ánh sáng và phát sáng

2.2.4. Sự di chuyển năng lượng trong hệ sinh vật

2.3 Tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống

2.3.1. Đại cương tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống

2.3.2. Một số quá trình quang sinh và ứng dụng

- 2.4. Laser và ứng dụng trong y học
 - 2.4.1. Khái niệm về Laser
 - 2.4.2. Nguồn gốc tia Laser
 - 2.4.3. Nguyên lý cấu tạo và hoạt động của máy phát tia Laser
 - 2.4.4. Phân loại Laser
 - 2.4.5. Tính chất của chùm tia Laser
 - 2.4.6. Ứng dụng của Laser trong y học

Bài 7. Y học phóng xạ và hạt nhân

3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu khái niệm phóng xạ, bản chất của các bức xạ ion hoá
- 1.2. Phân biệt cơ chế tác dụng của bức xạ ion hoá lên cơ thể sống và các mức độ tổn thương của cơ thể sống.
- 1.3. Trình bày được các ứng dụng trong y học và nguyên lý kiểm soát an toàn bức xạ

2. Nội dung:

- 2.1. Nguyên tử, hạt nhân, đồng vị
 - 2.1.1. Cấu trúc nguyên tử
 - 2.1.2. Hạt nhân
 - 2.1.3. Đồng vị
- 2.2. Phóng xạ
 - 2.2.1. Hiện tượng phóng xạ.
 - 2.2.2. Các dạng phân rã phóng xạ (tia phóng xạ) thường gặp
 - 2.2.3. Quy luật phân rã phóng xạ
 - 2.2.4. Liều lượng bức xạ:
 - 2.2.5. Tính chất của tia phóng xạ
- 2.3. Tác dụng sinh học của bức xạ ion hóa
 - 2.3.1. Cơ chế tác dụng của bức xạ ion hóa lên cơ thể sống.
 - 2.3.2. Tác dụng của bức xạ ion hóa lên cơ thể sống.
 - 2.3.3. Tác dụng của bức xạ ion hóa lên tế bào
- 2.4. Ứng dụng của tia phóng xạ trong y học và an toàn phóng xạ
 - 2.4.1. Ứng dụng của tia phóng xạ trong chẩn đoán
 - 2.4.1. Ứng dụng của tia phóng xạ trong điều trị
 - 2.4.3. An toàn phóng xạ

Bài 8. Bức xạ Rơn ghen và ứng dụng

2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm và các tính chất của chùm tia X.

1.2. Liệt kê được các ứng dụng của tia X trong điều trị, phân tích được ứng dụng đó đã sử dụng dựa trên tính chất đặc biệt nào của chùm tia X.

2. Nội dung:

2.1. Hiện tượng bức xạ tia X và ứng dụng trong y học

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn phát xạ tia X.

2.1.3. Tính chất của tia X

2.1.4. Ứng dụng của tia X trong y học

2.2. Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và ứng dụng

2.2.1. Đại cương về kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính

2.2.2. Nguyên lý tạo hình trong chụp cắt lớp

2.2.3. Chụp cắt lớp dùng vi tính (CTS - Computer Tomography Scanner)

2.2.4. An toàn bức xạ đối với tia X

Bài 9. Một số phương pháp vật lý ứng dụng trong y học 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Mô tả được sơ đồ Kính hiển vi quang học trường sáng, tác dụng của các bộ phận trong sơ đồ.

1.2. Trình bày được nội dung phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử.

1.3. Trình bày được nội dung phương pháp Cộng hưởng từ hạt nhân.

2. Nội dung:

2.1. Phương pháp hiển vi

2.1.1. Kính hiển vi quang học trường sáng

2.1.2. Một số loại kính hiển vi khác

2.1.3. Ứng dụng

2.2. Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử

2.2.1. Sự hấp thụ của nguyên tử:

2.2.2. Phương pháp phổ hấp thụ nguyên tử

2.2.3. Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử

2.2.4. Các ưu, nhược điểm của máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS

2.3. Cộng hưởng từ hạt nhân

2.3.1. Cơ sở vật lý của phương pháp cộng hưởng từ

2.3.2. Chụp cộng hưởng từ (MRI)

2.3.3. Ưu, nhược điểm của phương pháp chụp cộng hưởng từ

10. Kiểm tra

1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn Lý sinh/nhà xưởng: Phòng học
2. Trang thiết bị máy móc: Projector, máy vi tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn và tài liệu phát tay cho sinh viên
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, sinh viên cần đạt các yêu cầu:

- + Hệ thống các kiến thức về Vật lý đại cương
- + Trình bày được tác dụng và ứng dụng trong y học của một số phương pháp kỹ thuật vật lý.

- Kỹ năng: Đánh giá thông qua các bài tập thảo luận mà SV hoặc nhóm SV trình bày.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong suốt quá trình học tập, sinh viên được đánh giá có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao trong quá trình học tập nếu:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Hoàn thành các bài tập được giao;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

- Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình này áp dụng cho sinh viên cao đẳng Dược, Điều dưỡng, Hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên:

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các bài về cơ sở lý thuyết các quá trình vật lý như nhiệt động học, quang học, âm học, điện học, cấu tạo nguyên tử;

- Tác dụng sinh học và ứng dụng trong y học của ánh sáng, siêu âm, điện trường, từ trường, phóng xạ hạt nhân.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Phan Văn Phú Cường, (2025), *Bài giảng Vật lý – Lý sinh y học*, Khoa Khoa học cơ bản trường Cao đẳng y tế Hà Tĩnh.

2. Lương Duyên Bình (2007- tái bản 2020), Giáo trình Vật lí đại cương – ĐHSPHN.

3. Nhiều tác giả, Giáo trình Lí sinh y học (2004 – tái bản 2019) - ĐHY Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: HÓA ĐẠI CƯƠNG - VÔ CƠ

Mã số môn học: MH10

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ, trong đó Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 4 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn Hóa đại cương - Vô cơ là một môn học nằm trong nhóm môn cơ sở ngành, được bố trí ở kì 2 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo cao đẳng Dược chính quy.

2. Tính chất

Môn Hóa đại cương - Vô cơ là một môn học thuộc khoa học tự nhiên nhằm cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng Dược các kiến thức cơ bản về cấu tạo chất, cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học; Ứng dụng trong ngành Dược của các chất vô cơ; Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, liên kết hóa học.

1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học: Nhiệt động học, động hóa học, điện hóa và dung dịch.

1.3. Trình bày được một số hợp chất vô cơ có ứng dụng trong ngành Dược.

1.4. Vận dụng được những kiến thức đã học và các môn chuyên ngành của ngành Dược.

2. Về kỹ năng

2.1. Giải được các bài tập hóa học về cấu tạo nguyên tử, xác định vị trí của các nguyên tố trong BTH.

2.2. Tính toán được lượng nhiệt tỏa ra hay thu vào trong phản ứng (ΔH). Tính ΔG và dự đoán chiều của phản ứng.

2.3. Tính tốc độ phản ứng, các đại lượng trong dung dịch như pH, độ điện li α , hằng số điện li K, nồng độ các ion trong dung dịch, độ tan S,....

2.4. Tính sức điện động của pin và xác định chiều của phản ứng xảy ra trong pin.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

3.2. Rèn luyện được ý thức về an toàn nghề nghiệp và ý thức bảo vệ môi trường.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

**Phần lý thuyết*

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học	2	2		
2	Cấu tạo nguyên tử - Bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học	3	3		
3	Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học	3	3		
4	Nhiệt động hóa học	3	3		
5	Động hóa học và cân bằng hóa học	3	3		
6	Sự hình thành và tính chất của dung dịch	3	3		
7	Dung dịch chất điện ly	3	3		
8	Phản ứng oxy khử và dòng điện	3	3		
9	Phức chất	3	3		
10	Hóa vô cơ	3	3		
	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	30	29		1

**Phần thực hành*

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Dụng cụ và các kỹ thuật cơ bản trong phòng thực hành hóa học	3		3	
2	Phương pháp lọc, rửa và cất	3		3	

3	Phương pháp kết tinh, thăng hoa	3		3	
4	Nồng độ dung dịch và cách xác định	3		3	
5	Tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng	3		3	
6	Phản ứng trong dung dịch chất điện ly, sự thủy phân	3		3	
7	pH và dung dịch đệm	3		3	
8	Phản ứng oxy hóa khử	3		3	
9	Phức chất	3		3	
	Kiểm tra	3			3
	Tổng cộng	30		27	3

2. Nội dung chi tiết môn học

**Phân lý thuyết*

Bài 1: Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được một số khái niệm cơ bản trong hóa học: Nguyên tố, nguyên tử, phân tử, hợp chất.

1.2. Trình bày được một số định luật cơ bản của hóa học.

1.3. Vận dụng các định luật để giải các bài toán hóa học.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.2. Một số định luật cơ bản

2.3. Thuyết nguyên tử của Dalton

2.4. Hệ đơn vị

Bài 2: Cấu tạo nguyên tử - Bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được 2 cách biểu diễn nguyên tử là cấu hình electron và sơ đồ ô lượng tử.

1.2. Trình bày được cấu tạo bảng hệ thống tuần hoàn Mendeleev.

1.3. Giải thích được một số tính chất tuần hoàn của nguyên tố hóa học.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo nguyên tử

2.2. Các cách biểu diễn nguyên tử

2.3. Bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học

Bài 3: Cấu tạo phân tử và liên kết hóa học 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các loại liên kết hóa học không dựa trên cơ học lượng tử.

- 1.2. Trình bày được các loại liên kết theo cơ học lượng tử.
- 1.3. Trình bày được khái niệm lai hóa sp , sp^2 , sp^3 , liên kết σ , π .

2. Nội dung

- 2.1. Liên kết hóa học không dựa trên cơ học lượng tử
- 2.2. Liên kết hóa học theo cơ học lượng tử

Bài 4: Nhiệt động hóa học 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nội dung nguyên lý I, II của nhiệt động học.
- 1.2. Trình bày được một số khái niệm về nhiệt động học như entropy, enthalpy, năng lượng Gibbs
- 1.3. Biết cách vận dụng nguyên lý I, II để xét diễn biến các quá trình hóa học

2. Nội dung

- 2.1. Một số khái niệm cơ bản
- 2.2. Nguyên lý I của nhiệt động học
- 2.3. Nguyên lý II của nhiệt động học

Bài 5: Động hóa học và cân bằng hóa học 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm tốc độ phản ứng, các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng.
- 1.2. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học, tính được hằng số cân bằng hóa học.
- 1.3. Biết vận dụng nguyên lý Le Chatelier trong thực tế để tăng hiệu suất phản ứng.

2. Nội dung

- 2.1. Tốc độ phản ứng
- 2.2. Cân bằng hóa học
- 2.3. Cân bằng trong chuyển hóa tế bào

Bài 6: Sự hình thành và tính chất của dung dịch 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa và cách phân loại các dung dịch, cách biểu diễn các loại nồng độ.
- 1.2. Trình bày khái niệm về độ tan, các yếu tố ảnh hưởng đến độ tan.
- 1.3. Vận dụng các định luật phân bố, định luật Raoult cho các loại dung dịch và giải quyết những vấn đề từ thực tế.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề chung về sự hình thành dung dịch
- 2.2. Tính chất của dung dịch chứa chất tan không điện ly, không bay hơi

2.3. Tính chất của dung dịch chứa chất tan bay hơi không điện ly. Cát đơn giản và cát phân đoạn

Bài 7: Dung dịch chất điện ly 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm chất điện ly, độ điện ly, dung dịch đậm.

1.2. Trình bày được khái niệm acid, base theo quan điểm của thuyết Arrhenius, Bronsted, Lewis.

1.3. Biết cách xác định pH của dung dịch acid, base.

2. Nội dung

2.1. Trạng thái chất điện ly trong dung dịch

2.2. Thuyết acid-base

2.3. Sự điện ly của nước, pH của dung dịch

2.4. Dung dịch đậm, chất chỉ thị acid-base

2.5. Tích số tan

Bài 8: Phản ứng oxy khử và dòng điện 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày định nghĩa phản ứng oxy hóa khử, cân bằng được phản ứng oxy hóa khử.

1.2. Trình bày cách xác định các thế điện cực chuẩn. Ý nghĩa và vận dụng của thế điện cực chuẩn.

1.3. Giải thích được cơ chế hoạt động của pin Galvani

1.4. Thành lập được phương trình Nernst và vận dụng phương trình đó để xác định chiều hướng và mức độ của phản ứng oxy hóa khử.

2. Nội dung

2.1. Phản ứng oxy hóa -khử

2.2. Pin điện hóa

Bài 9: Phức chất 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các khái niệm về các thành phần của phức chất.

1.2. Trình bày cách gọi tên các hợp chất phức.

1.3. Tính được hằng số cân bằng tạo phức.

1.4. Nhận biết và đọc tên một số hợp chất phức đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm

2.2. Đồng phân của phức chất

2.3. Danh pháp các hợp chất phức

2.4. Hằng số tạo phức

Bài 10: Hóa vô cơ 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày cách gọi tên chất vô cơ theo Dược điển Việt Nam và đọc tên được một số chất vô cơ theo Dược điển Việt Nam.

1.2. Trình bày một số hợp chất vô cơ của các nguyên tố nhóm A, B có ứng dụng trong ngành Dược.

2. Nội dung

2.1. Danh pháp các chất vô cơ theo Dược điển Việt Nam

2.2. Một số hợp chất vô cơ có liên quan đến ngành Dược

***Phần thực hành:**

Bài 1: Dụng cụ và các kỹ thuật cơ bản trong phòng thực hành hóa học 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được công dụng và cách sử dụng một số dụng cụ trong phòng thực hành Hóa đại cương vô cơ.

1.2. Trình bày được cách rửa một số dụng cụ có hóa chất bám dính khác nhau

1.3. Sử dụng được một số dụng cụ trong phòng thực hành Hóa đại cương vô cơ.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu dụng cụ và kỹ thuật cơ bản

2.2. Quy trình thực hành

Bài 2: Phương pháp lọc, rửa và cất 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các cách lọc tủa.

1.2. Rửa sạch được tủa BaSO_4 dưới áp suất thường.

1.3. Tự lắp được các dụng cụ và cất được nước cất đạt tiêu chuẩn tinh khiết.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

Bài 3: Phương pháp kết tinh, thăng hoa 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phương pháp để tinh chế một chất.

1.2. Tinh chế để thu được KNO_3 sạch theo đúng quy trình kỹ thuật.

1.3. Kết tinh lại để tinh chế $\text{K}_2\text{C}_2\text{O}_7$ có lẫn tạp chất theo đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

Bài 4: Nồng độ dung dịch và cách xác định 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Tiến hành pha được một dung dịch có nồng độ cần thiết từ hóa chất tinh khiết hoặc từ các dung dịch gốc ban đầu.

1.1. Xác định được nồng độ dung dịch bằng phương pháp chuẩn độ acid-base theo đúng quy trình kỹ thuật.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành pha 100ml dung dịch NaOH 0,1N

Bài 5: Tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng.

1.2. Bằng thực nghiệm, chứng minh được ảnh hưởng của các yếu tố đến tốc độ phản ứng như nồng độ, nhiệt độ, chất xúc tác, diện tích bề mặt tiếp xúc.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

Bài 6: Phản ứng trong dung dịch chất điện ly, sự thủy phân 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được chiều hướng xảy ra các phản ứng trong dung dịch chất điện ly thông qua thí nghiệm.

1.2. Viết được phương trình phản ứng thủy phân của các muối và điều kiện thủy phân.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

Bài 7: pH và dung dịch đệm 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Xác định được pH của dung dịch bằng các chỉ thị màu pH.

1.2. Tiến hành thí nghiệm chứng tỏ rằng dung dịch đệm có pH tương đối ổn định khi thêm vào nó dung dịch acid, base hay pha loãng.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

Bài 8: Phản ứng oxy hóa khử 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện được một số phản ứng oxy hóa - khử và phân biệt được các loại phản ứng oxy hóa - khử.

1.2. Xác định được chiều phản ứng khi biết điện thế chuẩn của các cặp oxy hóa - khử.

1.3. Cân bằng được phương trình phản ứng oxy hóa khử.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

Bài 9: Phức chất 3 giờ

1. Mục tiêu

Điều chế, nhận biết và đọc tên một số phức chất đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Quy trình thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn và các thiết bị thực hành.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, videos, bài giảng Power Point, bảng kiểm, dụng cụ và hóa chất thực hành. Tủ sấy, máy đo độ PH, nồi đun cách thủy, cân điện tử, cân phân tích, máy ly tâm, tủ hút mùi

4. Các điều kiện khác: Đảm bảo an toàn phòng thí nghiệm và vệ sinh môi trường.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung thực hành tại Trường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm kiểm tra

Điểm kiểm tra thường xuyên phần thực hành được chấm dựa trên quá trình làm thí nghiệm và báo cáo thực hành của sinh viên.

Điểm kiểm tra thường xuyên phần lý thuyết được thực hiện dưới hình thức kiểm tra viết với thời gian làm bài dưới 30 phút.

- **Kiểm tra định kỳ:** 02 điểm kiểm tra

Phần lý thuyết:

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi tự luận

+ Thời gian: 45 phút

Phần thực hành:

+ Hình thức: Kiểm tra thực hành

+ Công cụ: Các kỹ thuật thực hành trong chương trình đã học.

+ Thời gian: 45 phút.

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (theo Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022)

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học $\geq 4,0$ được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Dược sĩ trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

***Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

***Thực hành:** Áp dụng phương pháp làm mẫu, cầm tay chỉ việc, sử dụng bảng kiểm,...

***Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% giờ học lý thuyết, 100% giờ thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học khi đủ điều kiện, có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; điểm kiểm tra kết thúc phần thực hành phải đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10 (nếu điểm kiểm tra phần thực hành chưa đạt thì được kiểm tra lại tối đa 02 lần)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các bài về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học như nhiệt động học, động hóa học, dung dịch.

- Các bài thực hành trong chương trình.

- Ứng dụng của một số hợp chất vô cơ trong ngành Dược.

4. Tài liệu tham khảo

- ***Giáo trình giảng dạy***

Khoa dược – YHCT, Bùi Thị Trâm Anh, (2025), *Hóa đại cương - Vô cơ*, Lưu hành nội bộ.

- ***Tài liệu tham khảo***

1. PGS.TSKH Phan An - TS. Nguyễn Sĩ Đắc - DS. Lê Hữu Trí, (tái bản năm 2012), *Hóa đại cương*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

2. PGS.TSKH Phan An - TS. Nguyễn Thị Nguyệt - ThS. Hà Thị Phụng - ThS. Phan Diệu Hằng, (tái bản năm 2020), *Hóa vô cơ và hữu cơ*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

3. Nguyễn Văn Thơ - Bùi Xuân Khoa, (2016), *Hóa đại cương - Vô cơ*, Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương.

4. Trần Thị Đà - Đặng Trần Phách, (2006), *Cơ sở lý thuyết các phản ứng hóa học*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

5. Hoàng Nhâm, (tái bản năm 2022), *Hóa học vô cơ cơ bản Tập 1, Tập 2*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

6. Trương Thị Cẩm Mai (chủ biên), (2019), *Giáo trình thực hành Hóa học vô cơ*, nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật.

7. TS. Trần Đức Lượng, (2020), *Giáo trình Hóa học* (đào tạo ngành Điều dưỡng đại học), nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

8. Nguyễn Văn Thơ - Bùi Xuân Khoa, (2016), *Giáo trình thực hành Hóa đại cương - Vô cơ*, Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2022), Sách giáo khoa Hóa học 10 - Kết nối tri thức với cuộc sống. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: GIẢI PHẪU SINH LÝ

Mã môn học: MH 11

Thời gian thực hiện môn học: 60giờ; (Lý thuyết: 29giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Môn Giải phẫu Sinh lý là một môn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được học vào học kì II trong chương trình đào tạo Cao đẳng Dược chính quy, là điều kiện tiên quyết cho các môn chuyên ngành .

2. Tính chất:

Là môn học bắt buộc nhằm cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng Dược Cao đẳng các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu về hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, mô học vào các môn học khác. Cung cấp những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý học vào việc học tập các môn dược lâm sàng. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được những kiến thức tổng quan về cơ thể sống nói chung và cơ thể người nói riêng.

1.2. Mô tả được các bộ phận, các cơ quan trên tranh vẽ, mô hình, trên tiêu bản đại thể và trên xương, liên hệ trên cơ thể người sống

1.3. Trình bày được chức năng chính của các cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể con người bình thường.

1.4. Giải thích được cơ chế và sự điều hòa hoạt động của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể con người trong trạng thái bình thường.

2. Về kỹ năng:

2.1 Xác định được những đặc điểm giải phẫu cơ bản nhất về các bộ phận và cơ quan trong cơ thể người. Vận dụng được kiến thức Giải phẫu vào lâm sàng và các môn học khác

2.2. Phân tích được mối liên hệ chặt chẽ về chức năng các cơ quan và hệ thống các cơ quan trong sự hoạt động của cơ thể là một khối thống nhất và mối liên hệ giữa cơ thể người với môi trường. Vận dụng được kiến thức sinh lý học để giải thích các hiện tượng hấp thu và đào thải thuốc trong lâm sàng và trong điều trị bệnh.

2.3. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng vận dụng các kiến thức liên quan để nắm vững kiến thức.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Nhận thức đúng vai trò của môn Giải phẫu sinh lý đối với chương trình Đào tạo và chuyên môn để có thái độ nghiêm túc khi học tập nghiên cứu môn học này.

3.2. Luôn có ý thức vận dụng kiến thức Giải phẫu sinh lý để học các môn chuyên ngành, tôn trọng và có ý thức bảo vệ các cơ quan trong cơ thể và con người.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

1.1. Phần Giải phẫu

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Giới thiệu về môn học GPSL	1	1	0	
2	Giải phẫu Hệ Xương- Khớp	5	2	3	
3	Giải phẫu hệ cơ	3	1	2	
4	Giải phẫu Hệ tuần hoàn	5	2	3	
5	Giải phẫu hệ hô hấp	4	1	3	
6	Giải phẫu hệ tiêu hóa	6	3	3	
7	Giải phẫu hệ tiết niệu	3	1	2	
8	Giải phẫu hệ sinh dục nam nữ	2	1	1	
9	Giải phẫu hệ thần kinh	5	2	3	
10	Giải phẫu Giác quan: Tai-mắt	2	1	1	
11	Kiểm tra kết thúc thực hành	3			3
	Cộng	39	15	21	3

1.2. Phần sinh lí

	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)
--	-----------------	-----------------

Số TT		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thí nghiệm,	Kiểm tra
1	Đại cương về cơ thể sống,- Sinh lý tuyến nội tiết, chuyển hóa năng lượng và điều nhiệt	03	03		
2	Sinh lí máu - Nội môi	02	02		
3	Sinh lý tuần hoàn – hô hấp	03	03		
4	Sinh lý hệ tiêu hóa	02	02		
5	Sinh lí hệ tiết niệu, sinh dục	02	02		
6	Sinh lý hệ thần kinh	02	02		
7	Kiểm tra lí thuyết định kì	01			01
8	Định thời gian máu đông, máu chảy,	03		03	
9	Xác định nhóm máu hệ ABO	03		03	
	Cộng	21	14	06	01

2. Nội dung chi tiết môn học

2.1. Giải phẫu

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Giới thiệu về môn học Giải phẫu sinh lí 01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa: giải phẫu học, tư thế giải phẫu và sinh lí học

1.2. Trình bày được vai trò, vị trí của giải phẫu học, sinh lí học trong y học.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa, vai trò Giải phẫu học

2.2. Định nghĩa, vai trò Sinh lí học

Bài 2: Giải phẫu Hệ xương- khớp 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được phân loại và quá trình phát triển của xương.

1.2. Nêu được định nghĩa và phân loại khớp.

1.3. Phân biệt được các loại xương, kể được tên và số lượng các loại xương theo từng vùng cơ thể.

1.4. Mô tả được cấu tạo của khớp vai, khớp háng.

2. Nội dung :

2.1. Đại cương về xương

2.1.1. Số lượng

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Cấu tạo của xương

2.2. Đại cương về khớp

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Cấu tạo

2.3. Xương đầu mặt

2.4. Xương thân mình

2.5. Xương chi trên

2.6. Khớp vai

2.7. Xương chi dưới

2.8. Khớp háng

Bài 3 : Giải phẫu hệ cơ.

01 giờ

1. Mục tiêu:

1.1 Kể được tên và vị trí của các cơ quan trọng theo từng vùng cơ thể.

1.2 Liên hệ được với bài học trên thực tiễn lâm sàng

2. Nội dung:

2.1 Đại cương về cơ

2.1.1. Phân loại cơ

2.1.2. Các đầu bám của cơ

2.1.3. Các kiểu sắp xếp bó sợi cơ

2.1.4. Sự phối hợp giữa cơ và nhóm cơ

2.1.5. Sự cung cấp thần kinh cho cơ.

2.2. Cơ đầu mặt cổ

2.2.1. Cơ vùng đầu

2.2.2. Cơ vùng cổ

2.3. Cơ thân mình

2.3.1. Các cơ thành ngực

2.3.2. Các cơ thành bụng

2.3.3. Ống bẹn

2.3.4. Cơ hoành

2.4. Cơ tứ chi

2.4.1. Cơ chi trên

2.4.2. Cơ chi dưới

Bài 4: Giải phẫu hệ tuần hoàn.

02 giờ.

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được vị trí và hình thể ngoài của tim.
- 1.2. Mô tả được hình thể trong và cấu tạo của tim.
- 1.3. Mô tả được phân đoạn, các nhánh bên, nhánh tận của động mạch chủ

2. Nội dung:

2.1. Giải phẫu tim

2.1.1. Vị trí

2.1.2. Hình thể

2.1.3. Cấu tạo

2.1.4. Liên quan

2.2. Đại cương về mạch máu và các mạch máu chính trong cơ thể

2.2.1 Động mạch

2.2.2. Tĩnh mạch

2.2.3. Bạch mạch

Bài 5: Giải phẫu hệ hô hấp.

01 giờ.

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được vị trí, hình thể và cấu tạo của mũi, thanh quản, khí quản.
- 1.2. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài của phổi.
- 1.3. Mô tả được hình thể trong(cấu tạo) của phổi.
- 1.4. Mô tả được màng phổi.

2. Nội dung:

2.1. Mũi

2.2. Thanh quản

2.3. Khí quản

2.4. Phổi

Bài 6: Giải phẫu hệ tiêu hóa.

03 giờ.

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các đặc điểm đại cương của hệ tiêu hoá.
- 1.2. Mô tả được vị trí, hình thể và cấu tạo của miệng, họng, thực quản.
- 1.3. Mô tả được vị trí, hình thể và liên quan của dạ dày, ruột.
- 1.4. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài, liên quan và cấu tạo của gan, tụy, lách.
- 1.5. Mô tả được đường mật trong và ngoài gan.

2. Nội dung:

2.1. Ổ miệng

- 2.2. Hàu
- 2.3. Thực quản
- 2.4. Dạ dày
- 2.5. Gan
- 2.6. Lách
- 2.7. Tụy - tá tràng
- 2.8. Hồng tràng – Hồi tràng
- 2.9. Ruột già.

Bài 7: Giải phẫu hệ tiết niệu.

01 giờ.

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài và liên quan của thận.
- 1.2. Mô tả được hình thể trong của thận.
- 1.3. Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan và cấu tạo của niệu quản, bàng quang và niệu đạo.

2. Nội dung:

- 2.1. Thận
- 2.2. Niệu quản
- 2.3. Bàng quang
- 2.4. Niệu đạo

Bài 8: Giải phẫu hệ sinh dục.

01 giờ.

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được các đặc điểm giải phẫu của cơ quan sinh dục nam và nữ.
- 1.2. Mô tả được vị trí, hình thể và cấu tạo của các bộ phận quan trọng trong các cơ quan sinh dục nam và nữ.

2. Nội dung:

- 2.1. Cơ quan sinh dục nam
- 2.2. Cơ quan sinh dục nữ

Bài 9: Giải phẫu hệ thần kinh.

02 giờ.

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được vị trí, hình thể ngoài và hình thể trong của tủy sống
- 1.2. Xác định được các phần của não bộ.
- 1.3. Mô tả được hình thể ngoài và hình thể trong của đại não
- 1.4. Kể được tên, chức năng cơ bản của 12 đôi dây thần kinh sọ.
- 1.5. Mô tả được đám rối cánh tay và đám rối thắt lưng cùng

2. Nội dung:

- 2.1. Tế bào và mô thần kinh
- 2.2. Các màng não tủy

- 2.3. Tuỷ sống
- 2.4. Não bộ
- 2.5. Các dây thần kinh sọ
- 2.6. Các dây thần kinh gai sống

Bài 10: Giải phẫu giác quan.

01 giờ.

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được các lớp võ của nhãn cầu
- 1.2. Mô tả được các môi trường trong suốt của nhãn cầu
- 1.3. Nêu được các thành phần của cơ quan tiền đình ốc tai.
- 1.4. Mô tả được cấu tạo của tai giữa và tai trong.

2. Nội dung:

- 2.1. Cơ quan thị giác
- 2.2. Cơ quan tiền đình ốc tai

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Hệ xương-khớp.

03 giờ.

1. Mục tiêu

- 1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của các xương trên mô hình và tranh (Hình vẽ)
- 1.2. Vẽ và chú thích được hình thể của các xương người.
- 1.3. Nêu được định nghĩa khớp.

2. Nội dung

- 2.1. Đặc điểm và cấu tạo của xương đầu mặt
- 2.2. Đặc điểm và cấu tạo của xương cột sống
- 2.3. Đặc điểm và cấu tạo của xương lồng ngực
- 2.4. Đặc điểm và cấu tạo của xương chi trên
- 2.5. Đặc điểm và cấu tạo của xương chi dưới
- 2.6. Định nghĩa, phân loại khớp.

Bài 2: Hệ cơ.

02 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các cơ vân đã học, các cơ tùy hành với mạch trên mô hình và tranh (Hình vẽ).

1.2. Vẽ và chú thích được các cơ vân đã học.

2. Nội dung

2.1. Cơ đầu, mặt, cổ

2.2. Cơ thành ngực

2.3. Cơ thành bụng

2.4. Cơ đáy chậu

2.5. Cơ chi trên

2.6. Cơ chi dưới

Bài 3: Giác quan.

01 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của cơ quan thị giác và cơ quan tiền đình ốc tai trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được cấu tạo của cơ quan thị giác và cơ quan tiền đình ốc tai.

2. Nội dung

2.1. Cơ quan tiền đình ốc tai.

2.1.1. Vị trí, cấu tạo của tài ngoài.

2.1.2. Vị trí, cấu tạo của tài giữa.

2.1.3. Vị trí, cấu tạo của tài trong.

2.2. Cơ quan thị giác

2.2.1. Các phần phụ.

2.2.2. Các cơ.

2.2.3. Cấu tạo của nhãn cầu.

Bài 4: Hệ tuần hoàn.

03 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của tim, đường đi, phân nhánh của động mạch và tĩnh mạch trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được hình thể của tim; đường đi, phân nhánh của động mạch, tĩnh mạch.

2. Nội dung

2.1. Tim

2.1.1. Vị trí, hình thể ngoài và liên quan của tim

2.1.2. Hình thể trong và cấu tạo của tim

2.2. Mạch

2.2.1. Đường đi phân nhánh của động mạch

- 2.2.2. Đường đi phân nhánh của tĩnh mạch sâu
- 2.2.3. Đường đi phân nhánh của tĩnh mạch nông
- 2.2.4. Mao mạch.
- 2.2.5. Bạch mạch

Bài 5: Hệ hô hấp

03 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của các cơ quan thuộc hệ hô hấp trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được hình thể của các cơ quan thuộc hệ hô hấp.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo và liên quan của mũi

2.2. Vị trí, cấu tạo và liên quan của thanh quản

2.3. Vị trí, Phân đoạn, cấu tạo và liên quan của khí quản

2.4. Cấu tạo và liên quan của phế quản

2.5. Vị trí, cấu tạo và liên quan của phổi

2.6. Vị trí, cấu tạo và liên quan của màng phổi.

Bài 6: Hệ tiêu hóa

03 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của các cơ quan thuộc hệ tiêu hóa trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan thuộc hệ tiêu hóa.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo và liên quan của miệng

2.2. Cấu tạo và liên quan của hầu

2.3. Cấu tạo, phân đoạn và liên quan của thực quản

2.4. Vị trí, cấu tạo và liên quan của dạ dày

2.5. Vị trí, cấu tạo, phân đoạn và liên quan của ruột tá

2.6. Vị trí, cấu tạo, liên quan của hỗng tràng và hồi tràng

2.7. Vị trí, cấu tạo, phân đoạn và liên quan của ruột già

2.8. Vị trí, cấu tạo, hình thể và liên quan của gan.

2.9. Vị trí, cấu tạo, hình thể và liên quan của tụy.

2.10. Cấu tạo của màng bụng (phức mạc).

Bài 7: Hệ tiết niệu.

02 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của các cơ quan thuộc hệ tiết niệu trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan thuộc hệ tiết niệu.

2. Nội dung

2.1. Thận.

2.1.1. Vị trí, hình thể ngoài và liên quan của thận.

2.1.2. Hình thể trong và cấu tạo của thận.

2.2. Cấu tạo, phân đoạn, các điểm hẹp và liên quan của niệu quản.

2.3. Cấu tạo và liên quan của bàng quang.

2.4. Niệu đạo

2.4.1. Cấu tạo, phân đoạn và liên quan của niệu đạo nam.

2.4.2. Cấu tạo, phân đoạn và liên quan của niệu đạo nữ.

Bài 8: Hệ sinh dục.

01 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo và liên quan của các cơ quan thuộc hệ sinh dục trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan thuộc hệ sinh dục.

2. Nội dung

2.1. Sinh dục nữ

2.1.1. Vị trí, cấu tạo, hình thể ngoài và liên quan của buồng trứng.

2.1.2. Phân đoạn, cấu tạo của vòi trứng.

2.1.3. Hình thể, cấu tạo và liên quan của tử cung.

2.1.4. Cấu tạo và liên quan của âm đạo.

2.1.5. Cấu tạo của âm hộ.

2.2. Sinh dục nam

2.2.1. Vị trí, hình thể và cấu tạo của tinh hoàn.

2.2.2. Cấu tạo, đường đi của ống dẫn tinh.

2.2.3. Vị trí, hình thể và cấu tạo của túi tinh.

2.2.4. Cấu tạo và liên quan của tuyến tiền liệt.

2.2.5. Cấu tạo của dương vật.

Bài 9: Hệ thần kinh.

03 giờ.

1. Mục tiêu

1.1. Chỉ được các đặc điểm cấu tạo của não bộ, các đôi dây thần kinh sọ, tủy sống và các đôi dây thần kinh gai sống trên mô hình và tranh (Hình vẽ)

1.2. Vẽ và chú thích được các cơ quan của não bộ, tủy sống.

1.3. Chỉ được cấu tạo của đám rối thần kinh chi trên và chi dưới

1.4. Vẽ và chú thích được đám rối thần kinh chi trên và chi dưới.

2. Nội dung

2.1. Não bộ và các đôi dây thần kinh sọ não.

- 2.1.1. Vị trí, cấu tạo, hình thể của hành não.
- 2.1.2. Vị trí, cấu tạo, hình thể của cầu não.
- 2.1.3. Vị trí, cấu tạo, hình thể của tiểu não.
- 2.1.4. Vị trí, cấu tạo, hình thể của não giữa.
- 2.1.5. Vị trí, cấu tạo, hình thể của não trung gian.
- 2.1.6. Vị trí, cấu tạo, hình thể của đại não.
- 2.1.7. Cấu tạo các màng não tủy.
- 2.1.8. Đường đi chức năng của các đôi dây thần kinh sọ não.
- 2.2. Tủy sống và các đôi dây thần kinh gai sống
 - 2.2.1. Vị trí, hình thể và cấu tạo của tủy sống.
 - 2.2.2. Cấu tạo, các nhánh tận của đám rối thần kinh chi trên.
 - 2.2.3. Cấu tạo, các nhánh tận của đám rối thần kinh chi dưới.
 - 2.2.4. Các nhánh bên và nhánh tận còn lại của các đôi dây thần kinh gai sống.

2.2. Sinh lí

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Đại cương về cơ thể sống - Sinh lí nội tiết, chuyển hóa năng lượng và điều nhiệt

03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được 3 đặc điểm của sự sống
- 1.2. Trình bày được đặc điểm đại cương của tuyến nội tiết, hormon
- 1.3. Nêu được tác dụng của các hormon vùng dưới đồi, tuyến yên, tuyến giáp, tuyến cận giáp, tuyến thượng thận, tuyến tụy nội tiết.
- 1.4. Trình bày được các dạng năng lượng trong cơ thể, nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng
- 1.5. Trình bày được đặc điểm cơ bản về sinh lí điều nhiệt

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về cơ thể sống
- 2.2. Sinh lí nội tiết
 - 2.2.1. Đại cương tuyến nội tiết và hormon
 - 2.2.2. Giải phẫu sinh lí các tuyến nội tiết
- 2.3. Sinh lí chuyển hóa năng lượng
 - 2.3.1. Các dạng năng lượng của cơ thể
 - 2.3.2. Các nguyên nhân gây tiêu hao năng lượng
- 2.4. Sinh lí điều nhiệt

2.4.1. Thân nhiệt

2.4.2. Quá trình sinh nhiệt

2.4.3. Quá trình tỏa nhiệt

2.4.4. Cơ chế điều nhiệt

Bài 2: Nội môi - Sinh lý máu

02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm nội môi, hằng tính nội môi và nêu được các hệ thống, yếu tố điều hoà hằng tính nội môi

1.2. Trình bày được các đặc điểm đại cương của máu.

1.3. Trình bày được các đặc điểm cơ bản của sinh lý huyết tương

1.4. Trình bày được các đặc điểm cơ bản sinh lý hồng cầu, hệ thống của nhóm máu ABO, Rh và ứng dụng trong lâm sàng.

1.5. Trình bày được đặc điểm cơ bản của sinh lý bạch cầu và chức năng từng loại bạch cầu.

1.6. Trình bày được đặc điểm cơ bản của sinh lý tiểu cầu và quá trình cầm máu.

2. Nội dung:

2.1. Nội môi

2.2. Sinh lý máu

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Sinh lý huyết tương

2.2.3. Sinh lý hồng cầu

2.2.4. Sinh lý bạch cầu

2.2.5. Sinh lý tiểu cầu

Bài 3: Sinh lý hệ tuần hoàn - hô hấp

03 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các giai đoạn của chu kỳ tim

1.2. Trình bày được đặc tính cơ bản sinh lý của động mạch, các loại huyết áp động mạch

1.3. Trình bày được đặc tính cơ bản sinh lý tĩnh mạch, mao mạch

1.4. Trình bày được chức năng thông khí của phổi.

1.5. Trình bày được chức năng vận chuyển và trao đổi khí của máu .

1.6. Trình bày được hoạt động của trung tâm hô hấp và nêu các cơ chế điều hoà hô hấp

2. Nội dung:

2.1. Sinh lý tuần hoàn:

2.1.1. Sinh lý tim

- 2.1.2. Sinh lý tuần hoàn động mạch
- 2.1.3. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch
- 2.1.4. Sinh lý tuần hoàn mao mạch
- 2.2. Sinh lý hô hấp
 - 2.2.1. Chức năng thông khí của phổi (CNTKP)
 - 2.2.2. Chức năng vận chuyển và trao đổi khí của máu
 - 2.2.3. Điều hoà chức năng hô hấp

Bài 4: Sinh lý hệ tiêu hóa

02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được hoạt động cơ học và sự bài tiết dịch ở miệng và thực quản
- 1.2. Trình bày được hoạt động cơ học, sự bài tiết dịch vị và sự hấp thu ở dạ dày
- 1.3. Trình bày được hoạt động cơ học, sự bài tiết dịch và sự hấp thu ở ruột non
- 1.4. Trình bày được hoạt động cơ học, sự bài tiết dịch, hoạt động của vi sinh vật và sự hấp thu ở ruột già
- 1.5. Trình bày được 4 chức năng sinh lý của gan

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương sinh lý tiêu hóa
- 2.2. Tiêu hóa ở miệng và thực quản
 - 2.2.1. Hoạt động cơ học
 - 2.2.2. Bài tiết nước bọt
- 2.3. Tiêu hóa ở dạ dày
 - 2.3.1. Hiện tượng cơ học của dạ dày
 - 2.3.2. Hoạt động bài tiết dịch vị
 - 2.3.1. Sự hấp thu của dạ dày
- 2.4. Tiêu hóa ở ruột non
 - 2.4.1. Hoạt động cơ học của ruột non
 - 2.4.2. Hoạt động bài tiết dịch
 - 2.4.3. Hoạt động hấp thu ở ruột non
- 2.5. Tiêu hóa ở ruột già
 - 2.5.1. Hoạt động bài tiết ở ruột già
 - 2.5.2. Hoạt động của hệ vi sinh vật ở ruột già
 - 2.5.3. Hấp thu ở ruột già
 - 2.5.4. Hoạt động cơ học ở ruột già
- 2.6. Sinh lý gan

- 2.6.1. Chức năng chuyển hoá của gan
- 2.6.2. Chức năng chống độc của gan
- 2.6.3. Chức năng dự trữ của gan
- 2.6.4. Chức năng sản xuất và bài tiết mật

Bài 5: Sinh lý hệ tiết niệu - Sinh dục

02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các cơ chế tạo thành nước tiểu
- 1.2. Trình bày được cơ chế bài xuất nước tiểu và nêu được một số ứng dụng trong lâm sàng về sử dụng thuốc lợi tiểu và chạy thận nhân tạo.
- 1.3. Trình bày được chức năng nội tiết và ngoại tiết của tinh hoàn, nêu được chức năng của túi tinh, tuyến tiền liệt và đặc điểm của tinh dịch
- 1.4. Trình bày được chức năng nội tiết và ngoại tiết của buồng trứng

2. Nội dung:

- 2.1. Sinh lý tiết niệu
 - 2.1.1. Chức năng tạo nước tiểu của thận
 - 2.1.2. Sự bài xuất nước tiểu và một số ứng dụng lâm sàng
- 2.2. Sinh lý sinh dục
 - 2.2.1. Sinh lý sinh dục nam
 - 2.2.1.1. Chức năng của tinh hoàn
 - 2.2.1.2. Chức năng của túi tinh
 - 2.2.1.3. Chức năng của tuyến tiền liệt
 - 2.2.1.4. Tinh dịch
 - 2.2.2. Sinh lý sinh dục nữ
 - 2.2.2.1. Các hormon của buồng trứng
 - 2.2.2.2. Chu kỳ kinh nguyệt

Bài 6 : Sinh lý hệ thần kinh

02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được chức năng cảm giác thân và cảm giác giác quan
- 1.2. Trình bày được chức năng vận động của tuỷ sống, thân não, gian não, tiểu não và vỏ não.

2. Nội dung:

- 2.1. Đặc điểm sinh lý chức năng cảm giác của hệ thần kinh
 - 2.1.1. Sinh lý Receptor
 - 2.1.2. Cảm giác thân thể
 - 2.1.3. Cảm giác giác quan
- 2.2. Đặc điểm sinh lý hệ thần kinh vận động
 - 2.2.1. Sinh lý vận động của tuỷ sống

- 2.2.2. Sinh lý vận động của thân não
- 2.2.3. Sinh lý tiểu não
- 2.2.4. Sinh lý não trung gian (gian não)
- 2.2.5. Chức năng vận động của vỏ não

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Định thời gian máu đông, máu chảy 03 giờ

1.Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định thời gian máu đông, máu chảy.
- 1.2. Thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật tiến hành định thời gian máu đông, máu chảy.
- 1.3. Nhận định chính xác thời gian máu đông, máu chảy.

2. Nội dung:

- 1. Nguyên tắc
- 2. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất
- 3. Chuẩn bị người bệnh
- 4. Tiến hành kỹ thuật
- 5. Nhận định kết quả

Bài 2: Định nhóm máu hệ ABO 03 giờ

1.Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành định nhóm máu hệ ABO.
- 1.2. Thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật tiến hành định nhóm máu hệ ABO.
- 1.3. Nhận định chính xác nhóm máu hệ ABO.

2. Nội dung:

- 1. Nguyên tắc
- 2. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất
- 3. Chuẩn bị người bệnh
- 4. Tiến hành kỹ thuật
- 5. Nhận định kết quả

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn giải phẫu/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết và phòng thực hành
- 2. Trang thiết bị máy móc: Projector, máy vi tính, bảng, phấn, mô hình, tranh vẽ.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn và tài liệu phát tay cho sinh viên

4. Các điều kiện khác: Bảo đảm an toàn vệ sinh phòng học

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, sinh viên cần đạt các yêu cầu:

+ Hệ thống các kiến thức về giải phẫu đại cương

+ Trình bày được đặc điểm, hình thể cấu tạo của các hệ cơ quan trong cơ thể

+ Chỉ được trên mô hình và tranh vẽ các hệ cơ quan và liên hệ các cơ quan bộ phận với thực tế lâm sàng.

- Kỹ năng: Đánh giá thông qua các bài tập thảo luận mà SV hoặc nhóm SV trình bày.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập SV cần:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 50 phút

- **Kiểm tra kết thúc thực hành: 1 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Thực hiện trên mô hình

+ Phương pháp: Chạy trạm

+ Công cụ: mô hình, bảng kiểm, thang điểm

+ Thời gian: 30 phút

- **Thi kết thúc học phần lý thuyết: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì lý thuyết và kết thúc phần thực hành tại trường (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình này áp dụng cho sinh viên cao đẳng Dược chính quy tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

*** Thực hành tại trường**

Sinh viên thực hành tại phòng thực hành Giải phẫu của Trường. Trong mỗi buổi học, sinh viên được hướng dẫn ban đầu trên mô hình, tranh vẽ, bảng phân...; tự học thực hành đến thành thạo các chi tiết Giải phẫu dưới sự giám sát của giảng viên hướng dẫn thực hành.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết, 100% các buổi học thực hành. Nếu học sinh vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham gia đủ 100% các buổi thực tập tại trường.
 - Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
 - Điểm kiểm tra kết thúc thực hành trên ≥ 5
 - Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Chủ động tổ chức thực hiện 75 giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những mốc GP quan trọng trên cơ thể người và các ứng dụng lâm sàng.

4. Tài liệu tham khảo:

- 4.1. Nguyễn Tất Tuấn, Lê Văn Huân, Lê Nữ Vân Thắng, (2025), *Bài giảng Giải phẫu sinh lý học (Tài liệu hành nội bộ)*, Khoa Kỹ thuật Y học - Y học cơ sở - Y học cộng đồng, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.
- 4.2. Bài giảng Giải phẫu học, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh, (2002), Tập I, II. Nhà xuất bản Y học.
- 4.3. Bộ môn Sinh lý học , (2000), Sinh lý học tập I, II, Nhà xuất bản y học.
- 4.4. Bộ môn Sinh lý học , (2000), Sinh lý học tập I, Nhà xuất bản y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: HÓA SINH

Mã số môn học: MH 12

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; trong đó: Lý thuyết: 29 giờ; Kiểm tra: 01 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Môn học Hóa sinh là môn học thuộc lĩnh vực các môn học cơ sở ngành. Được bố trí ở học kỳ 2 năm thứ nhất sau khi sinh viên học xong môn Hóa học, Sinh học và Di truyền, dùng cho đối tượng cao đẳng chính quy.

2. Tính chất:

Đây là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể, nếu quá trình chuyển hóa đó bị rối loạn thì biểu hiện trên lâm sàng và xét nghiệm như thế nào.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức

1.1. Có kiến thức về cấu tạo, tính chất lý hóa và vai trò của các nguyên tố, các chất cấu tạo nên cơ thể người.

1.2. Hiểu về quá trình chuyển hóa của các chất và giải thích được cơ chế các bệnh lý gây ra do rối loạn chuyển hóa các chất đó.

1.3. Hiểu biết được các chất bình thường, bất thường trong cơ thể và có những xét nghiệm tương ứng.

2. Về Kỹ năng

2.1. Liên hệ, vận dụng được môn học Hóa sinh vào lâm sàng và các học phần khác.

2.2. Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình...

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nhận thức đúng vai trò của môn Hóa sinh đối với chương trình đào tạo và thực hành nghề nghiệp.

3.2. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập nghiên cứu môn học này.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương hóa sinh	02	02		
2	Hóa học lipid	02	02		
3	Hóa học glucid	02	02		
4	Hóa học protid	02	02		
5	Năng lượng sinh học và sự phosphoryl oxy hóa	02	02		
6	Hóa sinh enzym	02	02		
7	Hóa học hormon	02	02		
8	Chuyển hóa lipid	02	02		
9	Chuyển hóa glucid	02	02		
10	Chuyển hóa protid	02	02		
11	Hóa học và chuyển hóa hemoglobin	03	03		
12	Hoá sinh gan	02	02		
13	Hoá sinh thận nước tiểu	02	02		
14	Hoá sinh máu và dịch sinh vật	02	02		
	Kiểm tra	01			01
	Tổng	30	29	0	01

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương hóa sinh

02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm và vai trò của hoá sinh trong y học
- 1.2. Nêu được các thành phần hoá học cấu tạo nên cơ thể sống

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, nội dung môn học
- 2.2. Vai trò của hóa sinh trong y học
- 2.3. Thành phần hóa học cấu tạo cơ thể.

Bài 2: Hóa học lipid 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, vai trò của lipid đối với cơ thể.
- 1.2. Trình bày được các thành phần cấu tạo của lipid.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa, phân loại, vai trò của lipid
- 2.2. Thành phần cấu tạo của lipid
- 2.3. Một số lipid quan trọng

Bài 3: Hóa học glucid 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại, vai trò của glucid
- 1.2. Trình bày đúng cấu tạo và một số tính chất của monosaccarid
- 1.3. Trình bày được cấu tạo, nguồn gốc của oligosaccarid và polysaccarid.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa, phân loại, vai trò của glucid
- 2.2. Cấu tạo và một số tính chất của monosaccarid
- 2.3. Cấu tạo, nguồn gốc của oligosaccarid và polysaccarid

Bài 4: Hóa học protid 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày định nghĩa, phân loại protid
- 1.2. Trình bày cấu tạo, tính chất của acid amin
- 1.3. Trình bày cấu trúc, vai trò, tính chất của protein

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa, phân loại protid
- 2.2. Acid amin
- 2.3. Peptid
- 2.4. Protein

Bài 5: Năng lượng sinh học và sự phosphoryl hóa 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày bản chất quá trình đồng hóa và dị hóa
- 1.2. Trình bày bản chất và ý nghĩa của quá trình hô hấp tế bào
- 1.3. Phân biệt được sự phosphoryl oxy hóa và sự khử phosphoryl
- 1.4. Trình bày được các giai đoạn và ý nghĩa của chu trình Krebs

2. Nội dung:

- 2.1. Quá trình chuyển hóa chất
- 2.2. Chuyển hóa năng lượng
- 2.3. Sự hô hấp tế bào
- 2.4. Sự phosphoryl oxy hóa
- 2.5. Chu trình Krebs

Bài 6: Hóa sinh enzym Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa, phân loại, vai trò, danh pháp của enzym
- 1.2. Trình bày được thành phần cấu tạo của enzym
- 1.3. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của enzym

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Cấu trúc enzym
- 2.3. Các dạng phân tử của enzym
- 2.4. Tính đặc hiệu của enzym
- 2.5. Sinh tổng hợp enzym
- 2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của enzym

Bài 7: Hóa học hormon 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được phân loại hormon theo cấu tạo hóa học và cơ chế tác dụng
- 1.2. Trình bày được cơ chế tác dụng của hormon
- 1.3. Trình bày được cấu tạo và tác dụng của các hormon của tuyến yên, tuyến tụy, tuyến thượng thận, giáp trạng, sinh dục nam, nữ

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại hormon
- 2.2. Cơ chế tác dụng của hormon
- 2.3. Chất truyền tin thứ hai
- 2.4. Những hormon có bản chất là protein và peptid
- 2.5. Hormon là dẫn xuất của acid amin
- 2.6. Hormon steroid

Bài 8. Chuyển hóa lipid 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được quá trình tiêu hóa và hấp thu lipid ở đường tiêu hóa
- 1.2. Trình bày quá trình thoái hóa và tổng hợp lipid ở tế bào và mô
- 1.3. Trình bày các dạng vận chuyển lipid trong máu và vai trò của chúng
- 1.4. Trình bày các rối loạn chuyển hóa lipid

2. Nội dung

- 2.1. Tiêu hóa và hấp thu, vận chuyển lipid
- 2.2. Thoái hóa lipid ở tế bào và mô
- 2.3. Tổng hợp lipid
- 2.4. Các dạng vận chuyển lipid trong máu
- 2.5. Rối loạn chuyển hóa lipid

Bài 9. Chuyển hóa glucid 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày quá trình tiêu hóa, hấp thu glucid
- 1.2. Trình bày được quá trình thoái hóa glucid ở tế bào và mô
- 1.3. Trình bày được sự tổng hợp glucid ở tế bào và mô

1.4. Trình bày được sự rối loạn chuyển hóa glucid

2. Nội dung

2.1. Sự tiêu hóa và hấp thu Glucid

2.2. Quá trình thoái hóa glucid ở tế bào và mô

2.3. Sự tổng hợp glucid ở tế bào và mô

2.4. Rối loạn chuyển hóa glucid

Bài 10. Chuyển hóa protid 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được quá trình thoái hóa chung của acid amin

1.2. Trình bày được quá trình sinh tổng hợp acid amin

1.3. Trình bày được quá trình tổng hợp protein

2. Nội dung:

2.1. Sự thoái hóa protein thành acid amin

2.2. Thoái hóa acid amin

2.3. Tổng hợp acid amin

2.4. Quá trình tổng hợp protein

Bài 11. Hóa học và chuyển hóa hemoglobin 03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày cấu trúc và tính chất của hemoglobin

1.2. Mô tả quá trình sinh tổng hợp của hemoglobin

1.3. Trình bày quá trình thoái hóa hemoglobin và sự hình thành sắc tố mật

1.4. Nêu được rối loạn thoái hóa hemoglobin

2. Nội dung:

2.1. Cấu trúc hemoglobin

2.2. Tính chất hemoglobin

2.3. Sinh tổng hợp hemoglobin

2.4. Rối loạn thoái hóa hemoglobin

Bài 12: Hóa sinh gan 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày đầy đủ thành phần hoá học và các chức phận hoá sinh của gan.

1.2. Nêu được các xét nghiệm thường làm để thăm dò chức năng gan.

2. Nội dung

2.1. Thành phần hóa học của gan

2.2. Chức năng hóa sinh của gan

2.3. Xét nghiệm hóa sinh hệ thống gan mật

Bài 13: Hóa sinh thận và nước tiểu 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các chức phận hoá sinh của thận.

1.2. Trình bày đầy đủ tính chất lý hoá, thành phần hoá học bình thường và bất thường của nước tiểu.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Chức phận bài tiết

2.3. Chức phận chuyển hóa

2.4. Vai trò của thận trong thăng bằng acid-base

2.5. Chức phận nội tiết

2.6. Nước tiểu

Bài 14: Hóa sinh máu và các dịch sinh vật 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được vai trò và tính chất lý hoá của máu.

1.2. Nêu được chỉ số pH và hệ đệm của máu

1.3. Kể được các thành phần hoá học của máu và các chỉ số sinh lý của các thành phần đó.

1.4. Trình bày được tính chất chung và thành phần hoá học của các dịch sinh vật.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của máu

2.2. Tính chất lý hoá của máu

2.3. pH và hệ đệm của máu

2.5. Dịch vị

2.6. Dịch não tủy

2.7. Dịch tụy

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lí thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu projector

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức.

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

- + Tham gia dự lớp: Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% tổng số giờ học trên lớp
- + Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.
- + Có vở tự học và vở ghi chép bài trên lớp
- + Chuyên cần, say mê môn học.

2. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra vấn đáp hoặc viết với thời gian bằng hoặc dưới 30 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

Hình thức: Kiểm tra viết

Công cụ: Câu hỏi truyền thông cải tiến

Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học:** 01 bài thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm trên máy vi tính thời gian 40 phút.

- Điểm thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10).

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/ QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra định kì (hệ số 2)	40%
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1)	
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Hóa sinh này được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên bậc cao đẳng chính quy trong Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% tổng số giờ lý thuyết. Nếu vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$;

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Sinh viên cần chú ý những nội dung trọng tâm đó là các quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể như Glucid, Lipit, Protid, Hóa sinh Gan, Hóa sinh thận, máu...

4. Tài liệu tham khảo:

1. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh (2025), Bài giảng Hóa sinh, tài liệu lưu hành nội bộ

2. Trường ĐH Y Hà Nội (2018), Hóa sinh, Sách đào tạo bác sĩ đa khoa, NXB Y học

3. Trường ĐH Y Hà Nội (2018), Hóa sinh lâm sàng, NXB Y học

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: VI SINH- KÝ SINH TRÙNG

Mã số môn học: MH 13

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; trong đó: Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 04 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Là môn học cơ sở ngành được bố trí vào học kì IV.

2. Tính chất

Đây là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vi khuẩn, virus, kí sinh trùng, mối tương quan giữa vi sinh vật – Ký sinh trùng với cơ thể, môi trường, các phương pháp chẩn đoán bệnh do Vi sinh vật và kí sinh trùng gây nên.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được các đặc điểm cơ bản của Vi sinh – Ký sinh y học

1.2. Trình bày được mối liên quan giữa vi sinh vật – Ký sinh trùng với cơ thể. Chẩn đoán được một số vi sinh vật, ký sinh trùng gây bệnh thường và nguyên tắc phòng bệnh.

1.3. Trình bày được các phương pháp vô trùng và tiệt trùng, lấy được một số bệnh phẩm thường gặp.

2. Về kỹ năng

2.1. Thực hiện được đúng kỹ thuật lấy bệnh phẩm, soi tươi, nhuộm soi để chẩn đoán vi sinh vật, ký sinh trùng trên bệnh phẩm.

2.2. Nhận định được kết quả chính xác trên tiêu bản mẫu cũng như trên bệnh phẩm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nhận thức đúng vai trò của môn vi sinh - ký sinh đối với chương trình Đào tạo và thực hành nghề nghiệp.

3.2. Có thái độ nghiêm túc, chuẩn bị đầy đủ bài trước khi lên lớp.

3.3. Thao tác cẩn thận, đảm bảo an toàn sinh học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

A. Lí thuyết

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Hình thể cấu tạo và sinh lý vi khuẩn, Kháng nguyên - Kháng thể	02	02	0	0
2	Chương 2: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp	04	04	0	0
3	Chương 3: Đại cương về virus. Các virus gây bệnh thường gặp	04	04		
4	Chương 4: Đại cương về các loại kí sinh trùng gây bệnh thường gặp	05	04	0	01
	Tổng	15	14		01

B. Thực hành

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Kỹ thuật sử dụng kính hiển vi quang học	03	0	03	0

2	Bài 2: Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh vật.	03	0	03	0
3	Bài 3: Kỹ thuật nhuộm Gram	03	0	03	0
4	Bài 4: Kỹ thuật nhuộm Ziehl - Neelsen	03	0	03	0
5	Bài 5: Kỹ thuật kháng sinh đồ	03	0	03	0
6	Bài 6: Các phương pháp chẩn đoán huyết thanh bệnh nhiễm virus	03	0	03	0
7	Bài 7: Quan sát trứng giun sán thường gặp	03	0	03	0
8	Bài 8: Kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp	03	0	03	0
9	Bài 9: Kỹ thuật xét nghiệm phân phong phú	03	0	03	0
10	Kiểm tra thực hành	03			03
9	Tổng	30	0	27	03

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1:

Hình thể cấu tạo và sinh lý vi khuẩn. Kháng nguyên - Kháng thể **2 giờ**

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa và tính chất chung của virus.
- 1.2. Mô tả cấu trúc của virus, giải thích các giai đoạn nhân lên của virus và hậu quả của sự tương tác giữa virus và tế bào.
- 1.3. Nêu các phương pháp chẩn đoán virus bằng xét nghiệm.

1.4. Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.

1.5. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập

2. Nội dung

2.1. Hình thể cấu tạo

2.1.1. Hình thể

2.1.2. Cấu trúc

2.1.3. Sinh lý của vi khuẩn

2.2. Vi sinh vật trong tự nhiên và trên cơ thể người

2.2.1. Vi sinh vật trong tự nhiên

2.2.2. Vi sinh vật trên cơ thể người

2.3. Đại cương miễn dịch vi sinh vật

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Kháng nguyên

2.3.3. Kháng thể

2.3.4. Các loại miễn dịch

2.3.5. Các hệ thống miễn dịch của cơ thể

4. Vaccin và huyết thanh

2.4.1. Vaccin

2.4.2. Huyết thanh miễn dịch

Chương 2: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp 03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày đặc điểm sinh vật học và khả năng gây bệnh của Trùng khuẩn lao.

1.2. Nêu các phương pháp chẩn đoán vi khuẩn học Trùng khuẩn lao.

1.3. Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.

1.4. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập.

2. Nội dung

2.1. Tụ cầu

2.2. Liên cầu

2.3. Lậu cầu

2.4. Trùng khuẩn lao

2.5. Trùng khuẩn mũ xanh

2.6. Xoắn khuẩn giang mai

2.7. Trùng khuẩn uốn ván

2.8. Trùng khuẩn thương hàn

- 2.9. Trục khuẩn ly
- 2.10. Phẩy khuẩn tả
- 2.11. Helicobacter Pylori (vi khuẩn gây viêm dạ dày)

Chương 3:

Đại cương về virus - Các virus gây bệnh thường gặp 05 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa và tính chất chung của virus.
- 1.2. Mô tả cấu trúc của virus, giải thích các giai đoạn nhân lên của virus và hậu quả của sự tương tác giữa virus và tế bào.
- 1.3. Nêu các phương pháp chẩn đoán virus bằng xét nghiệm.
- 1.4. Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.
- 1.5. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập.

2. Nội dung

2.1. Đại cương virus

- 2.1.1. Định nghĩa virus
- 2.1.2. Tính chất của virus
- 2.1.3. Sự nhân lên của virus
- 2.1.4. Hậu quả của sự tương tác giữa virus và tế bào
- 2.1.5. Các phương pháp chẩn đoán virus

2.2.. Các Virus gây bệnh thường gặp

- 2.2.1. Virus Cúm
- 2.2.2. Virus Bại liệt
- 2.2.3. Virus Đại
- 2.2.4. Các virus viêm gan
- 2.2.5. Virus viêm não Nhật Bản
- 2.2.6. Virus gây hội chứng suy giảm miễn dịch ở người (HIV)

Chương 4

Đại cương về ký sinh trùng - Các ký sinh trùng gây bệnh thường gặp 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Định nghĩa được ký sinh vật, vật chủ và chu kỳ. Mô tả các loại chu kỳ của ký sinh vật.
- 1.2. Định nghĩa được chu kì của kí sinh vật, mô tả được các loại chu kì của kí sinh vật.
- 1.3. Mô tả đặc điểm sinh sản của ký sinh vật.
- 1.4. Nêu được nguyên tắc và biện pháp phòng chống bệnh ký sinh vật.

1.5. Mô tả được hình thể, vẽ và mô tả được hình thể trứng các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

1.6. Trình bày được đặc điểm sinh thái của các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

1.7. Nêu được tác hại, các phương pháp chẩn đoán bệnh các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp bằng phương pháp xét nghiệm.

1.8. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học và các biện pháp phòng bệnh các loại ký sinh trùng gây bệnh thường gặp.

1.9. Vận dụng được kiến thức trong bài học áp dụng vào thực tế để tiến hành chăm sóc bệnh nhân.

1.10. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập.

2. Nội dung

2.1. ĐẠI CƯƠNG KÝ SINH TRÙNG Y HỌC

2.1.1. Ký sinh vật, vật chủ và chu kì của ký sinh vật

2.1.2. Đặc điểm sinh sản

2.1.3. Nguyên tắc và biện pháp phòng chống

2.1.4. Phân loại

2.2. MỘT SỐ KÝ SINH TRÙNG GÂY BỆNH THƯỜNG GẶP

2.2.1. Giun đũa

2.2.2. Giun móc

2.2.3. Giun tóc

2.2.4. Giun kim

2.2.5. Giun chỉ bạch huyết

2.2.6. Sán lá gan nhỏ

2.2.7. Sán dây Lợn

2.2.8. Sán dây Bò

2.2.9. Amip gây bệnh

2.2.10. Ký sinh trùng sốt rét

2.2.11. Trùng roi

B. THỰC HÀNH

Bài 1: Kỹ thuật sử dụng kính hiển vi quang học

03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các bộ phận trên kính hiển vi

1.2. Thực hiện đúng các thao tác tìm vi trường.

1.3. Soi được kính hiển vi đúng quy trình.

1.4. Thực hiện đúng việc lau vật kính dầu và điều chỉnh các bộ phận của kính hiển vi về tư thế hợp lí sau khi sử dụng.

1.5. Vận dụng kiến thức trong bài học soi và bảo quản kính hiển vi có hiệu quả.

1.6. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo của kính hiển vi quang học

2.2. Cách sử dụng kính hiển vi quang học

2.3. Bảo quản kính hiển vi quang học

Bài 2: Kỹ thuật lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm vi sinh vật

03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được nguyên tắc chung của kỹ thuật lấy bệnh phẩm

1.2. Chuẩn bị được dụng cụ, hóa chất và lấy được một số bệnh phẩm thông thường.

1.3. Vận dụng được kiến thức trong bài học lấy được và hướng dẫn cho bệnh nhân lấy được các loại bệnh phẩm.

1.4. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

2. Nội dung

2.1. Mục đích

2.2. Nguyên tắc chung

2.3. Chuẩn bị dụng cụ, hóa chất

2.4. Các kỹ thuật lấy bệnh phẩm

Bài 3: Kỹ thuật nhuộm Gram

03 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành nhuộm Gram

1.2. Tiến hành thao tác nhuộm Gram đúng quy trình kỹ thuật.

1.3. Nhận định chính xác kết quả đã làm.

1.4. Vận dụng kiến thức trong bài học nhuộm một tiêu bản đạt yêu cầu.

1.5. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

1.6. Tác phong sạch gọn, vô khuẩn.

2. Nội dung

2.1. Nguyên lý

2.2. Chuẩn bị phương tiện

2.3. Quy trình kỹ thuật

2.4. Nhận định kết quả

2.5. Các sai phạm thường gặp và cách khắc phục

Bài 4: Kỹ thuật nhuộm Ziehl - Neelsen

03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ tiến hành nhuộm Ziehl Neelsen
- 1.2. Tiến hành thao tác nhuộm Ziehl Neelsen đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.3. Nhận định chính xác kết quả đã làm.
- 1.4. Vận dụng kiến thức trong bài học nhuộm được tiêu bản đạt yêu cầu.
- 1.5. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.
- 1.6. Tác phong sạch gọn, vô khuẩn.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên lý
- 2.2. Chuẩn bị phương tiện
- 2.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.4. Nhận định kết quả
- 2.5. Các sai phạm thường gặp và cách khắc phục

Bài 5: Kỹ thuật kháng sinh đồ

03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được định nghĩa kháng sinh đồ.
- 1.2. Nêu được nguyên lý và mục đích của kháng sinh đồ theo kỹ thuật khoan giấy khuếch tán để ứng dụng trong điều trị.
- 1.3. Tiến hành làm kháng sinh đồ đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.4. Đọc kết quả kháng sinh đồ chính xác.
- 1.5. Vận dụng kiến thức trong bài học làm và đọc tốt kết quả kháng sinh đồ trên bệnh phẩm của người bệnh.
- 1.6. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.
- 1.7. Tác phong sạch, gọn, vô khuẩn.

2. Nội dung

- 1.1. Định nghĩa
- 1.2. Nguyên lý, mục đích
- 1.3. Chuẩn bị phương tiện
- 1.4. Quy trình kỹ thuật kháng sinh đồ
- 1.5. Đọc, đánh giá kết quả và ứng dụng

Bài 6: Các phương pháp chẩn đoán huyết thanh bệnh nhiễm virus

03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên lý của các phản ứng huyết thanh tìm virus.
- 1.2. Tiến hành một số phản ứng tìm kháng thể trong huyết thanh chẩn đoán HIV và kháng nguyên HB_sAg.
- 1.3. Vận dụng kiến thức trong bài ứng dụng làm được các test nhanh chẩn đoán các virus gây bệnh thường gặp.
- 1.4. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

2. Nội dung

- 2.1 Chẩn đoán virus HIV
- 2.2. Chẩn đoán Virus viêm gan B

Bài 7: Quan sát trứng giun sán thường gặp

03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nhận dạng được chính xác hình thể một số trứng giun, sán thường gặp.
- 1.2. Vận dụng kiến thức trong bài học soi và bảo trả lời chính xác kết quả xét nghiệm tìm trứng giun sán trên tiêu bản mẫu.
- 1.3. Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận, gọn gàng trong quá trình học tập.

2. Nội dung

- 2.1. Chuẩn bị
- 2.2. Hình dạng các trứng giun sán
- 2.3. Quan sát tiêu bản mẫu dưới kính hiển vi

Bài 8: Kỹ thuật xét nghiệm phân trực tiếp

03 giờ

1. Nội dung

- 1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, hóa chất, bệnh phẩm.
- 1.2. Làm được xét nghiệm phân trực tiếp đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.3. Vận dụng được kiến thức trong bài học làm được xét nghiệm phân trực tiếp trên bệnh phẩm của bệnh nhân.
- 1.4. Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên lý
- 2.2. Chuẩn bị phương tiện
- 2.3. Quy trình kỹ thuật
- 2.4. Nhận định kết quả

Bài 9: Kỹ thuật xét nghiệm phân phong phú

03 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, hóa chất, bệnh phẩm.
- 1.2. Làm được xét nghiệm phân trực tiếp đúng quy trình kỹ thuật.

1.3. Vận dụng được kiến thức trong bài học làm được xét nghiệm phân phong phú trên bệnh phẩm của bệnh nhân.

1.4. Có thái độ nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung

2.1. Nguyên lý

2.2. Chuẩn bị phương tiện

2.3. Quy trình kỹ thuật

2.4. Nhận định kết quả

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định

2. Phòng thực hành:

2.1. Các trang thiết bị cơ bản:

- Tủ an toàn sinh học

- Máy ly tâm

- Máy lắc

- Tủ sấy

- Tủ ẩm

- Tủ lạnh

- Kính hiển vi

- Máy đo độ đục chuẩn

2.2. Dụng cụ:

- Khay inox

- Que cấy

- Đèn cồn

- Giá ống nghiệm, ống nghiệm

- Dụng cụ chứa mẫu

- Tăm bông vô khuẩn

- Lam kính

- Đĩa nuôi cấy

2.3. Hóa chất sinh phẩm:

- Test nhanh sắc ký miễn dịch

- Khoanh giấy kháng sinh

- Kháng huyết thanh mẫu

- Hóa chất sát khuẩn

- Môi trường nuôi cấy, phân lập, xác định tính chất sinh vật hóa học: Môi trường pepton kềm, môi trường canh thang, môi trường thạch máu, môi trường Macconkey, môi trường Mullerhinton...

- Hóa chất nhuộm: Ziell-Neelsen, nhuộm Gram
- Khoanh giấy kháng sinh đồ
- Kháng nguyên làm phản ứng Widal

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, bảng kiểm, Videos, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Thể hiện thái độ tích cực, cẩn trọng khi thao tác với các loại hóa chất, môi trường nuôi cấy và vi khuẩn
- + Thao tác gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo an toàn sinh học

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết hoặc vấn đáp
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: Dưới 30 phút

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** 01 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút

- **Kiểm tra định kỳ thực hành:** 1 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Thực hiện kỹ thuật
- + Công cụ: Dụng cụ, bảng kiểm, thang điểm
- + Thời gian: 60 phút

- **Thi kết thúc Môn học lý thuyết:** 1 điểm

- + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc Môn học lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Dược trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

* Thực hành tại trường

Sinh viên thực hành tại phòng thực hành Vi sinh- Ký sinh trùng của Trường. Trong mỗi buổi học, sinh viên được hướng dẫn ban đầu từng kỹ thuật, tự học thực hành đến thành thạo các kỹ thuật của buổi học dưới sự giám sát của giảng viên hướng dẫn thực hành.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học Môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết, 100% thời gian học thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc Môn học lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$ theo thang điểm 10.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- LT; Bài 3.4.5 là những bài sát thực nhất đối với người học.

- TH: Bài 1,3,4,8,9 là những bài sát thực nhất đối với người học.

4. Tài liệu tham khảo

1. Đoàn Thị Nguyễn (2007), *Vi Sinh vật Y học*, NXB Y học.
2. Lã Thị Thanh Hỹ (2008), *Ký sinh trùng*, Nhà xuất bản y học.
3. Bộ y tế (2017), *Hướng dẫn thực hành kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng*, Nhà xuất bản y học Hà Nội.
4. Bộ y tế (2014), *Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng*, Nhà xuất bản y học Hà Nội.
5. Lê Huy Chính (2014), *Vi sinh vật y học*, Nhà xuất bản y học
6. Đinh Thị Thanh Mai, Vũ Văn Thái (2018), *Kí sinh trùng*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội.
7. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh *Bài giảng Vi sinh - Ký sinh (2025)*, lưu hành nội bộ

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: SINH LÝ BỆNH

Mã môn học: MH 14

Thời gian môn học: 30 giờ, trong đó lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí

Thuộc khối kiến thức các môn cơ sở ngành học

2. Tính chất

Môn học Sinh lý bệnh cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên thuộc đối tượng Cao đẳng Điều dưỡng về quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình. Quan sát diễn biến của một số bệnh lý điển hình và cơ quan khi bị bệnh trên động vật thí nghiệm. Vận dụng kiến thức của học phần vào việc học tập các môn học chuyên ngành, chăm sóc người bệnh và nghiên cứu khoa học.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được các khái niệm và qui luật chung nhất về bệnh.

1.2. Trình bày được sự thay đổi chức năng của cơ thể, cơ quan, và tế bào khi chúng bị bệnh.

1.3. Trình bày được những kiến thức cơ bản về Sinh lý bệnh các cơ quan: Phát hiện và mô tả sự thay đổi trong các hoạt động tạo máu, hô hấp, tuần hoàn, tiêu hoá, chức năng gan, tiết niệu, khi các cơ quan này bị bệnh.

1.4. Vận dụng được những kiến thức đã học vào các môn Y học lâm sàng

2. Về kỹ năng

2.1. Giải thích cơ chế bệnh sinh của một số bệnh thường gặp.

2.2. Phân tích một số kết quả xét nghiệm và nghiệm pháp thăm dò.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Trung thực, khách quan, thận trọng, chính xác trong khi quan sát người bệnh, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

3.2. Áp dụng những kiến thức đã học vào: Tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin để có biện pháp chăm sóc người bệnh phù hợp.

3.3. Có tinh thần tôn trọng người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Giới thiệu môn học Sinh lý bệnh	1	1		
2	Bài 1: Khái niệm về bệnh	1	1		
3	Bài 2: Bệnh nguyên học	1	1		
4	Bài 3: Bệnh sinh học	1	1		
5	Bài 4: Rối loạn chuyển hoá nước, điện giải	2	2		
6	Bài 5: Rối loạn cân bằng acid- base	2	2		
7	Bài 6: Rối loạn chuyển hoá Gluid	2	2		
8	Bài 7: Rối loạn chuyển hoá Protid	2	2		
9	Bài 8: Sinh lý bệnh quá trình viêm	2	2		
10	Bài 9: Sinh lý bệnh thân nhiệt và sốt	2	2		
11	Bài 10: Sinh lý bệnh tạo máu	3	3		1
12	Bài 11: Sinh lý bệnh tuần hoàn	2	2		
13	Bài 12: Sinh lý bệnh hô hấp	2	2		
14	Bài 13: Sinh lý bệnh tiêu hoá	2	2		
15	Bài 14: Sinh lý bệnh chức năng gan	2	2		
16	Bài 15: Sinh lý bệnh thận	2	2		
	Tổng số	30	29		1

2. Nội dung chi tiết:

Giới thiệu môn học Sinh lý bệnh 1 giờ

1. Mục tiêu:

1. Giải thích định nghĩa môn học
2. Trình bày cấu trúc chương trình môn học

3. Trình bày vị trí, vai trò môn học
4. Trình bày phương pháp của môn học và ứng dụng trong chẩn đoán bệnh

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Vị trí, tính chất, vai trò của môn học
- 2.3. Phương pháp nghiên cứu trong Sinh lý bệnh
- 2.4. Nội dung môn học Sinh lý bệnh

Bài 1. Khái niệm về bệnh 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được quan niệm về bệnh trước thế kỷ XX
2. Trình bày được những yếu tố liên quan đến bệnh theo quan niệm hiện nay.

2. Nội dung

1. Một số khái niệm về bệnh trong lịch sử.
 - 1.1. Thời đại nguyên thủy.
 - 1.2. Thời các nền văn minh cổ đại
 - 1.3. Thời kỳ trung cổ và phục hưng.
 - 1.4. Thế kỷ XVIII-XIX
2. Quan niệm về bệnh hiện nay
 - 2.1. Hiểu bệnh qua quan niệm về sức khỏe.
 - 2.2. Một số định nghĩa về bệnh hiện nay
3. Những vấn đề cần chú ý trong khái niệm về bệnh
 - 3.1. Bệnh có tính chất là một cân bằng mới kém bền vững.
 - 3.2. Bệnh làm hạn chế khả năng thích nghi của cơ thể
 - 3.3. Bệnh làm hạn chế khả năng lao động

Bài 2. Bệnh nguyên học 1 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được ưu, nhược điểm của các thuyết bệnh nguyên trong quá khứ.
2. Trình bày được những quan niệm hiện nay về bệnh nguyên.
3. Trình bày được cách xếp loại nguyên nhân gây bệnh.

2. Nội dung

1. Đại cương.

1.1. Định nghĩa.

1.2. Các quan niệm trước đây về bệnh nguyên

2. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên

2.1. Quan hệ giữa nguyên nhân và điều kiện gây bệnh

2.2. Qui luật nhân quả giữa nguyên nhân và bệnh.

2.3. Sự phản ứng của cơ thể.

3. Xếp loại bệnh nguyên.

3.1. Nguyên nhân bên ngoài.

3.2. Nguyên nhân bên trong.

Bài 3. Khái niệm về bệnh sinh

1 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được vai trò bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.

2. Trình bày được các yếu tố cơ thể ảnh hưởng đến quá trình bệnh sinh.

3. Trình bày diễn biến quá trình bệnh sinh.

2. Nội dung

1. Đại cương.

2. Vai trò và ảnh hưởng của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.

2.1. Vai trò của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.

2.2. Ảnh hưởng của bệnh nguyên tới quá trình bệnh sinh.

3. Ảnh hưởng của cơ thể tới quá trình bệnh sinh.

3.1. Khái niệm về tính phản ứng của cơ thể.

3.2. Những yếu tố ảnh hưởng tới tính phản ứng.

4. Vòng xoắn bệnh lý

5. Diễn biến quá trình bệnh sinh

- 5.1. Thời kỳ tiềm tàng (ủ bệnh)
- 5.2. Thời kỳ khởi phát.
- 5.3. Thời kỳ toàn phát.
- 5.4. Thời kỳ kết thúc của bệnh.

Bài 4. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày các yếu tố tham gia điều hòa nước và điện giải.
2. Nêu được 3 cách phân loại mất nước.
3. Trình bày được một số trường hợp mất nước thường gặp
4. Trình bày được các cơ chế gây phù.

2. Nội dung

1. Đại cương.
 - 1.1. Vai trò của nước và điện giải.
 - 1.2. Cân bằng xuất và nhập muối và nước trong cơ thể
 - 1.3. Sự phân bố và trao đổi nước và điện giải giữa các khu vực trong cơ thể
 - 1.4. Sự điều hoà chuyển hoá nước và điện giải.
2. Rối loạn chuyển hóa nước- điện giải
 - 2.1. Rối loạn chuyển hoá nước.
 - 2.1.1. Mất nước.
 - 2.1.2. Ứ nước
 - 2.2. Rối loạn cân bằng điện giải.
 - 2.2.1. Cân bằng Natri (Na^+).
 - 2.2.2. Cân bằng Kali (K^+)
 - 2.2.3. Cân bằng Calci (Ca^{++})

Bài 5. Rối loạn thăng bằng Acid - Base 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được ý nghĩa và cơ chế điều hoà cân bằng acid- base

2. Trình bày rối loạn cân bằng acid- base.

2. Nội dung

1. Ý nghĩa của cân bằng acid- base

2. Các cơ chế điều hòa pH máu

2.1. Vai trò của hệ đệm.

2.2. Vai trò của hô hấp

2.3. Vai trò của thận

3. Rối loạn cân bằng acid-base.

3.1. Nhiễm acid.

3.2. Nhiễm base

Bài 6. Rối loạn chuyển hóa Glucid

2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được vai trò của nội tiết, thần kinh trong điều hòa glucid máu.

2. Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện của hạ glucid máu.

3. Trình bày được nguyên nhân, bệnh sinh của đái tháo đường typI, typII.

2. Nội dung

1. Đại cương

1.1 Vai trò của Glucid đối với cơ thể

1.2 Tiêu hoá, hấp thu, vận chuyển, chuyển hoá

1.3. Điều hoà cân bằng glucose máu

2. Rối loạn chuyển hoá Glucid

2.1. Rối loạn glucose máu

2.2. Bệnh tiểu đường

2.2.1. Đặc điểm chính của bệnh tiểu đường typ 1 và typ 2

2.2.2. Cơ chế bệnh sinh:

Bài 7. Rối loạn chuyển hóa Protid

2 giờ

1. Mục tiêu

1.Trình bày nguyên nhân và hậu quả của thay đổi số lượng protid huyết tương.

2. Giải thích cơ chế, hậu quả của thay đổi thành phần protid huyết tương.

2. Nội dung

1. Đại cương

1.1. Vai trò của Protid trong cơ thể

1.2. Tiêu hoá, hấp thu

1.3. Tổng hợp, giáng hoá protid

2. Rối loạn chuyển hoá Protid

2.1. Rối loạn tổng hợp về lượng

2.2. Rối loạn protid huyết tương

2.3. Rối loạn tổng hợp protid về chất

Bài 8. Sinh lý bệnh quá trình viêm

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.

1.2. Phân tích được mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.

2. Nội dung

1. Đại cương

2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm

2.1. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.

2.2. Rối loạn chuyển hoá

2.3. Tổn thương mô, tổ chức

2.4. Tăng sinh tế bào - quá trình lành vết thương

2.5. Viêm mạn tính

3. Quan hệ qua lại giữa ổ viêm và toàn thân.

3.1. Ảnh hưởng toàn thân đến ổ viêm.

3.2. Phản ứng viêm ảnh hưởng đến toàn thân

3.3. Nguyên tắc xử trí ổ viêm

Bài 9. Sinh lý bệnh thân nhiệt và sốt 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trữnh bà y đ ợc nguyên nhõn, biể u hiệ n củ a nhiễ m lạ nh, nhiễ m núng và say nắ ng.
2. Đị nh nghĩ a số t, trữnh bà y đ ợc cơ chế còc giai đ oạ n củ a phả n ứ ng số t
3. Phân tích các thay đổi chức phận và ý nghĩa của phản ứ ng số t.

2. Nội dung

1. Điều hoà thân nhiệt.
2. Thay đổi thân nhiệt thụ động
 - 2.1. Giảm thân Nhiệt
 - 2.2. Tăng thân nhiệt
3. Thay đổi chủ động thân nhiệt: sốt
 - 3.1. Định nghĩa sốt
 - 3.2. Chất gây sốt.
 - 3.3. Các giai đoạn của quá trình sốt
 - 3.4. Cơ chế sốt, các yếu tố ảnh hưởng đến sốt
 - 3.5. Thay đổi chuyển hoá trong sốt
 - 3.6. Thay đổi chức phận cơ quan trong sốt
 - 3.7. Ý nghĩa của phản ứ ng sốt

Bài 10. Sinh lý bệnh tạo máu 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được cách xếp loại thiếu máu theo nguyên nhân, trình bày đặc điểm của các loại thiếu máu đó.
2. Trình bày được sự thay đổi về số lượng các loại bạch cầu ở máu ngoại vi.
3. Trình bày đại cương về rối loạn tiểu cầu và đông máu.

2. Nội dung

1. Sinh lý bệnh tạo hồng cầu
 - 1.1. Nhắc lại về tạo hồng cầu sinh lý
 - 1.2. Thiếu máu

- 1.3. Những hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu máu
2. Sinh lý bệnh tạo bạch cầu
 - 2.1. Nhắc lại tạo bạch cầu bình thường
 - 2.2. Rối loạn tạo bạch cầu
 - 2.2.1. Rối loạn không ác tính của dòng bạch cầu
 - 2.2.2. Rối loạn ác tính của dòng bạch cầu.
3. Sinh lý bệnh tiểu cầu, quá trình đông máu
 - 3.1. Nhắc lại về tạo tiểu cầu
 - 3.2. Các yếu tố tác động lên quá trình biệt hoá tiểu cầu
 - 3.3. Những rối loạn về tiểu cầu, quá trình đông máu và chống đông.

Bài 11. Sinh lý bệnh tuần hoàn

2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, và phân loại suy tim.
2. Trình bày các biện pháp thích nghi của tim.
3. Trình bày được cơ chế các biểu hiện chính của suy tim.
4. Trình bày cơ chế, hậu quả của bệnh tăng huyết áp, hạ huyết áp.

2. Nội dung

1. Đại cương

- 1.1. Khả năng thích nghi với yêu cầu cấp máu
- 1.2. Giảm và mất khả năng thích nghi trong cấp máu.

2.. Suy tuần hoàn

A. Suy tim:

1. Định nghĩa
2. Nguyên nhân chung gây suy tim:
3. Phân loại suy tim
4. Cơ chế suy tim
5. Các biện pháp thích nghi của tim:

B. Suy tuầ n hoà n do mặ ch

1. Tăng huyết áp

1.1. Tăng huyết áp thứ phát

1.2. Tăng huyết áp nguyên phát

2. Hạ huyết áp

Bài 12. Sinh lý bệnh hô hấp

2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế của rối loạn thông khí.
2. Trình bày được cơ chế, hậu quả của rối loạn quá trình khuếch tán.
3. Trình bày phân loại, biểu hiện của suy hô hấp

2. Nội dung

1. Khái quát chức năng hô hấp
2. Thăm dò chức năng chức năng hô hấp ngoài
3. Rối loạn quá trình thông khí
 - 3.1 Ngạt:
 - 3.2. Bệnh lên cao
4. Rối loạn quá trình khuếch tán
5. Rối loạn quá trình vận chuyển oxy
6. Rối loạn quá trình hô hấp tế bào
- 7 . Suy hô hấp

Bài 13. Sinh lý bệnh tiêu hóa

2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được rối loạn co bóp và tiết dịch tại dạ dày.
2. Trình bày được cơ chế bệnh sinh của bệnh loét dạ dày, tá tràng
3. Trình bày được cơ chế các rối loạn co bóp tại ruột.

2. Nội dung

1. Đại cương:

2. Rối loạn tiêu hoá tại dạ dày.
 - 2.1. Rối loạn chức năng co bóp của dạ dày.
 - 2.2. Rối loạn chức năng tiết dịch
 - 2.3. Cơ chế bệnh sinh loét dạ dày tá tràng.
3. Rối loạn tiêu hóa tại ruột.
 - 3.1. Rối loạn tiết dịch tại ruột.
 - 3.2. Rối loạn co bóp tại ruột.
 - 3.3. Rối loạn hấp thu tại ruột

Bài 14. Sinh lý bệnh chức năng gan 2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên nhân gây rối loạn chức năng gan.
2. Trình bày được các rối loạn chức năng gan.
3. Trình bày được nguyên nhân và biểu hiện của suy gan trường diễn

2. Nội dung

1. Đại cương
2. Nguyên nhân gây rối loạn chức năng gan
 - 2.1. Các yếu tố gây bệnh
 - 2.2. Đường xâm nhập
3. Rối loạn chức phận gan
 - 3.1. Rối loạn chuyển hoá do bệnh gan.
 - 3.2. Rối loạn chức phận chống độc
 - 3.3. Rối loạn chức phận cấu tạo và bài tiết mật
 - 3.4. Rối loạn tuần hoàn và chức phận tạo máu của gan
4. Suy gan:
 - 4.1. Định nghĩa
 - 4.2. Suy gan cấp diễn
 - 4.3. Suy gan trường diễn

4.4. Hôn mê gan

Bài 15. Sinh lý bệnh thận

2 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được sự thay đổi nước tiểu và máu trong các bệnh thận.
2. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của bệnh viêm cầu thận cấp và mạn.
3. Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh suy thận cấp và mạn.

2. Nội dung

1. Đại cương chức năng thận
2. Đặc điểm cấu trúc và sinh lý thận
3. Những biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu.
 - 3.1. Thay đổi về số lượng nước tiểu
 - 3.2. Thay đổi thành phần nước tiểu.
 - 3.4. Tăng urê huyết
 - 3.5. Nhiễm toan máu
 - 3.5. Thiếu máu
4. Sinh lý bệnh cầu thận và ống thận.
 - 4.1. Viêm cầu thận cấp
 - 4.2. Viêm thận mạn
 - 4.3. Thận hư nhiễm mỡ
 - 4.4. Viêm ống thận cấp
5. Suy thận
 - 5.1. Suy thận cấp
 - 5.2. Suy thận mạn

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa: Đủ ánh sáng, quạt mát, diện tích phòng đạt chuẩn
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, Projecter
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, phân, bảng
4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra bằng hoặc dưới 30 phút, hoặc làm bài tập nhóm, hoặc lên bảng trả lời câu hỏi, hoặc kiểm tra vấn đáp trong giờ học

- **Kiểm tra định kỳ:** 01 điểm kiểm tra

- + Hình thức: Kiểm tra viết
- + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
- + Thời gian: 45 phút đến 60 phút

- **Thi kết thúc môn học:** 1 điểm

- + Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan
- + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan
- + Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%

+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo bậc Cao đẳng khối ngành Sức khỏe, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh, hệ Chính quy.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

* **Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số giờ lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trọng tâm tập trung vào các bài cơ chế bệnh sinh

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh, (2025), Giáo trình môn học Sinh lý bệnh, tài liệu lưu hành nội bộ.

2. Bộ Y tế, (2007), Sinh lý bệnh và Miễn dịch, phần Sinh lý bệnh, Nhà xuất bản Y học

3. Trường Đại học Y Hà Nội, (2018), Sinh lý bệnh và Miễn dịch, Nhà xuất bản Y học

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: HÓA HỮU CƠ

Mã số môn học: MH 15

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ, trong đó Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 4 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Hóa hữu cơ là một môn học nằm trong nhóm môn cơ sở ngành, được bố trí ở kì 2 năm thứ nhất sau khi học xong môn Hóa đại cương - Vô cơ, trong chương trình đào tạo cao đẳng Dược chính quy.

2. Tính chất

Môn học hóa hữu cơ cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết hóa hữu cơ liên quan đến danh pháp, cấu tạo, đồng phân, các hiệu ứng, điều chế, tính chất vật lý, hóa học, ứng dụng của hydrocarbon (hydrocacbon), alcohol (ancol), phenol, ether (ete), dẫn xuất halogen, các hợp chất cơ kim, aldehyde (andehit), ketone (ceton, xeton), carboxylic acid (axit cacboxylic) và các dẫn chất, các amine (amin), amino acid, protein, lipid, Carbohydrate (glucid) và hợp chất dị vòng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về cấu tạo các hợp chất hữu cơ, danh pháp, phương pháp điều chế chính và tính chất của các hợp chất hữu cơ: Hydrocarbon, dẫn chất halogen, alcohol, phenol, aldehyde, ketone, carboxylic acid, các amine, amino acid, protein, lipid, glucid và hợp chất dị vòng.

1.2. Trình bày được một số hợp chất hữu cơ có ứng dụng trong ngành Dược.

1.3. Vận dụng được những kiến thức đã học và các môn chuyên ngành của ngành Dược.

2. Về kỹ năng

2.1. Giải được các bài tập hóa hữu cơ.

2.2. Tiến hành được các thí nghiệm trong chương trình.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

3.2. Rèn luyện được ý thức về an toàn nghề nghiệp và ý thức bảo vệ môi trường.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

**Phần lý thuyết*

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương về Hóa hữu cơ	2	2		
2	Hydrocarbon mạch hở	2	2		
3	Hydrocarbon cyclanic	2	2		
4	Terpene hydrocarbon (Hydrocacbon terpenic) và dẫn chất	2	2		
5	Hydrocarbon thơm	2	2		
6	Dẫn chất halogen và các hợp chất cơ kim	2	2		
7	Alcohol (Ancol) - phenol - ether (ete)	3	3		
8	Aldehyde (Andehit) - ketone (ceton, xeton)	2	2		
9	Carboxylic acid (Axit cacboxylic) và các dẫn chất	2	2		
10	Amine (Amin)	2	2		
11	Hợp chất dị vòng	2	2		
12	Lipid	2	2		
13	Carbohydrate (cacbohydrat, Glucid)	2	2		
14	Amino acid - peptide (peptid) - protein	2	2		
	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	30	29		1

**Phần thực hành*

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Phân tích định tính các nguyên tố trong các hợp chất hữu cơ	3		3	
2	Hydrocarbon, dẫn chất halogen, alcohol (ancol) và ether (ete)	3		3	
3	Phenol	3		3	
4	Aldehyde (andehit) và ketone (ceton, xeton)	3		3	
5	Carboxylic acid (Axit cacboxylic)	3		3	

6	Ester (este) - chất béo	3		3	
7	Carbohydrate (Cacbohydrat, Glucid)	3		3	
8	Hợp chất chứa nitrogen (amine, amide, dị vòng)	3		3	
9	Nhận biết các hóa chức hữu cơ cơ bản	3		3	
	Kiểm tra	3			3
	Tổng cộng	30		27	3

2. Nội dung chi tiết môn học

**Phân lý thuyết*

Bài 1: Đại cương về Hóa hữu cơ 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được lịch sử, đối tượng của môn Hóa hữu cơ. Đặc điểm của hợp chất hữu cơ.

1.2. Trình bày được các kiểu liên kết hóa học trong hợp chất hữu cơ, khái niệm gốc hydrocarbon và nhóm chức.

1.3. Trình bày được định nghĩa, phân loại và đặc điểm của các hiệu ứng điện tử và ảnh hưởng của các hiệu ứng đến tính acid-base của hợp chất hữu cơ

1.4. Trình bày được định nghĩa đồng phân cấu tạo, đồng phân lập thể và phân loại các đồng phân này; điều kiện xuất hiện đồng phân hình học, đồng phân quang học

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo các hợp chất hữu cơ

2.1.1. Lịch sử, đối tượng của môn Hóa hữu cơ. Đặc điểm của hợp chất hữu cơ

2.1.2. Liên kết hóa học trong các hợp chất hữu cơ

2.1.3. Gốc hữu cơ

2.1.4. Nhóm chức

2.2. Hiệu ứng điện tử trong Hóa hữu cơ

2.2.1. Sự phân cực của phân tử

2.2.2. Hiệu ứng cảm ứng

2.2.3. Hiệu ứng liên hợp

2.2.4. Hiệu ứng siêu liên hợp

2.2.5. Khái niệm về acid - base trong hóa hữu cơ

2.3. Đồng phân học

2.3.1. Đồng phân cấu tạo

2.3.2. Đồng phân lập thể

Bài 2: Hydrocarbon mạch hở 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được cấu tạo, danh pháp, đồng phân của alkane, alkene, alkadiene, alkyne.

1.2. Trình bày được nguồn gốc thiên nhiên và các phương pháp chính tổng hợp alkane, alkene, alkadiene, alkyne.

1.3. Trình bày được hóa tính của alkane, alkene, alkadiene, alkyne. Trình bày được ứng dụng của chúng trong đời sống, trong công nghiệp hóa học và trong y học, dược học.

2. Nội dung

2.1. Alkane

2.1.1. Cấu tạo

2.1.2. Danh pháp

2.1.3. Đồng phân

2.1.4. Phương pháp điều chế

2.1.5. Tính chất vật lý

2.1.6. Tính chất hóa học

2.1.7. Chất điển hình

2.2. Alkene

2.2.1. Cấu tạo

2.2.2. Danh pháp

2.2.3. Đồng phân

2.2.4. Phương pháp điều chế

2.2.5. Tính chất vật lý

2.2.6. Tính chất hóa học

2.2.7. Chất điển hình

2.3. Alkadiene

2.3.1. Định nghĩa và phân loại

2.3.2. Danh pháp và đồng phân

2.3.3. Tính chất của alkadien liên hợp

2.3.4. Chất điển hình

2.4. Alkyne

2.4.1. Cấu tạo

2.4.2. Danh pháp

2.4.3. Đồng phân

2.4.4. Phương pháp điều chế

2.4.5. Tính chất vật lý

2.4.6. Tính chất hóa học

2.4.7. Chất điển hình

Bài 3: Hydrocarbon cyclanic 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được cấu tạo, danh pháp, đồng phân, cấu dạng của cyclanic
- 1.2. Trình bày được định nghĩa, cấu tạo, hóa lập thể và danh pháp của steroid

2. Nội dung

2.1. Hydrocarbon cyclanic

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại và danh pháp

2.1.3. Đồng phân và cấu dạng của cycloalkane

2.2. Khái niệm về steroid

2.1. Định nghĩa và cấu tạo

2.2. Hóa lập thể của steroid

2.3. Một số steroid điển hình có hoạt tính sinh học

2.4. Về mối liên quan cấu trúc - Hoạt tính sinh học của steroid

Bài 4: Terpene hydrocarbon (Hydrocacbon terpenic) và dẫn chất 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa và phân loại terpene
- 1.2. Trình bày được cấu tạo và hóa tính của limonen
- 1.3. Trình bày được cấu tạo của các dẫn chất alcohol (ancol) của monoterpene có nhiều ứng dụng trong ngành Dược là menthol, terpin và eucalyptol, borneol, isoborneol và camphor.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa, phân loại

2.2. Monoterpene

2.2.1. Monoterpene mạch hở và dẫn chất

2.2.2. Monoterpene một vòng và dẫn chất

2.2.3. Monoterpene hai vòng và dẫn chất

2.3. Sesquiterpene

2.4. Polyterpene

Bài 5: Hydrocarbon thơm 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được cấu tạo của benzene (benzen), quy tắc Huckel và cấu trúc thơm.
- 1.2. Trình bày được danh pháp và đồng phân của hydrocarbon một nhân thơm.
- 1.3. Trình bày các phương pháp điều chế và hóa tính của hydrocarbon một nhân thơm.

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa, phân loại
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Phân loại
- 2.2. Hydrocarbon một nhân thơm
 - 2.2.1. Công thức cấu tạo của benzene (benzen)
 - 2.2.2. Quy tắc Huckel và cấu trúc thơm
 - 2.2.3. Danh pháp và đồng phân
 - 2.2.4. Nguồn gốc thiên nhiên và phương pháp điều chế
 - 2.2.5. Tính chất vật lý
 - 2.2.6. Tính chất hóa học
 - 2.2.7. Các chất điển hình

Bài 6: Dẫn chất halogen và các hợp chất cơ kim 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được cấu tạo, danh pháp của dẫn chất halogen và hợp chất cơ kim
- 1.2. Trình bày được phương pháp điều chế chính của dẫn chất halogen và hợp chất cơ kim
- 1.3. Trình bày được tính chất hóa học của dẫn chất halogen và hợp chất cơ kim

2. Nội dung

- 2.1. Dẫn chất halogen
 - 2.1.1. Cấu tạo
 - 2.1.2. Danh pháp
 - 2.1.3. Phương pháp điều chế
 - 2.1.4. Tính chất vật lý
 - 2.1.5. Tính chất hóa học
 - 2.1.6. Dẫn chất halogen của hydrocarbon chưa no
 - 2.1.7. Dẫn chất dihalogen của hydrocarbon no
 - 2.1.8. Chất điển hình
- 2.2. Hợp chất cơ kim
 - 2.2.1. Danh pháp
 - 2.2.2. Phương pháp điều chế
 - 2.2.3. Tính chất chung của các hợp chất cơ kim
 - 2.2.4. Tính chất hóa học của hợp chất cơ liti và cơ magesi

Bài 7: Alcohol (Ancol) - phenol - ether (ete) 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được cấu tạo và danh pháp của alcohol, phenol, ether.

1.2. Trình bày được phương pháp điều chế chính của alcohol, phenol, ether.

1.3. Trình bày được tính chất hóa học của alcohol, phenol, ether.

2. Nội dung

2.1. Alcohol (Ancol)

2.1.1. Phân loại

2.1.2. Danh pháp

2.1.3. Trạng thái thiên nhiên

2.1.4. Phương pháp điều chế

2.1.5. Tính chất vật lý

2.1.6. Tính chất hóa học

2.1.7. Chất điển hình

2.2. Phenol

2.2.1. Danh pháp

2.2.2. Trạng thái thiên nhiên

2.2.3. Phương pháp điều chế

2.2.4. Tính chất vật lý

2.2.5. Tính chất hóa học

2.2.6. Chất điển hình

2.3. Ether (Ete)

2.3.1. Danh pháp

2.3.2. Trạng thái thiên nhiên

2.3.3. Phương pháp điều chế

2.3.4. Tính chất vật lý

2.3.5. Tính chất hóa học

2.3.6. Chất điển hình

Bài 8: Aldehyde (andehit) - ketone (ceton, xeton) 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được cấu tạo và danh pháp của andehyde, ketone.

1.2. Trình bày được phương pháp điều chế chính của andehyde, ketone.

1.3. Trình bày được tính chất hóa học của andehyde, ketone.

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo

2.2. Danh pháp

2.3. Phương pháp điều chế

2.4. Tính chất

2.5. Chất điển hình

2.6. Hợp chất dicarbonyl

2.7. Aldehyde - ketone chưa no

Bài 9: Carboxylic acid (axit cacboxylic) và các dẫn chất 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại, tên gọi của carboxylic acid và các dẫn chất của carboxylic acid.

1.2. Trình bày được phương pháp điều chế chính của carboxylic acid và các dẫn chất

1.3. Trình bày được cấu tạo và các hóa tính chính của carboxylic acid và các dẫn chất

2. Nội dung

2.1. Monocarboxylic acid no

2.1.1. Danh pháp

2.1.2. Phương pháp điều chế

2.1.3. Tính chất vật lý

2.1.4. Tính chất hóa học

2.1.5. Chất điển hình

2.2. Monocarboxylic acid chưa no

2.2.1. Danh pháp

2.2.2. Đồng phân

2.2.3. Phương pháp điều chế

2.2.4. Tính chất vật lý

2.2.5. Tính chất hóa học

2.2.6. Chất điển hình

2.3. Dicarboxylic acid no

2.3.1. Danh pháp

2.3.2. Phương pháp điều chế

2.3.3. Tính chất vật lý

2.3.4. Tính chất hóa học

2.3.5. Chất điển hình

2.4. Dicarboxylic acid chưa no

2.4.1. Phương pháp điều chế

2.4.2. Tính chất

2.5. Dẫn chất của acid carboxylic acid

2.5.1. Halogenid acid

2.5.2. Chất điển hình

2.5.3. Ester (Este)

2.5.4. Amide (Amid)

- 2.5.5. Hydrazide (Hydrazid)
- 2.5.6. Nitrile (Nitril) and isonitrile (isonitril)
- 2.5.7. Hydroxamic acid (Axit Hydroxamic)
- 2.5.8. Peroxy acid and acyl peroxide

Bài 10: Amine (Amin) 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại, danh pháp amine đơn chức.
- 1.2. Trình bày được phương pháp điều chế chính của amine đơn chức.
- 1.3. Trình bày được hóa tính của amine đơn chức.
- 1.4. Trình bày được cấu tạo danh pháp và các phản ứng đặc trưng của diamine.

2. Nội dung

- 2.1. Amine đơn chức
 - 2.1.1. Định nghĩa, cấu tạo và phân loại
 - 2.1.2. Danh pháp và đồng phân
 - 2.1.3. Phương pháp điều chế
 - 2.1.4. Tính chất vật lý
 - 2.1.5. Tính chất hóa học
- 2.2. Amine đa chức- diamine

Bài 11: Hợp chất dị vòng 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại và danh pháp của hợp chất dị vòng
- 1.2. Trình bày được cấu trúc và hóa tính chung của dị vòng.
- 1.3. Trình bày được hóa tính của một số dị vòng tiêu biểu (furan, pyrol, pyridin).
- 1.4. Trình bày được ý nghĩa và ứng dụng của hợp chất dị vòng đối với y dược học.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về hợp chất dị vòng
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Phân loại
 - 2.1.3. Danh pháp
 - 2.1.4. Cấu trúc, hóa tính của dị vòng
- 2.2. Hợp chất dị vòng 5 cạnh
 - 2.2.1. Dị vòng 5 cạnh một dị tố
 - 2.2.2. Dị vòng 5 cạnh hai dị tố
- 2.3. Hợp chất dị vòng 6 cạnh
 - 2.3.1. Nhóm pyran
 - 2.3.2. Nhóm pyridin
 - 2.3.3. Hợp chất dị vòng 6 cạnh hai dị tố

Bài 12: Lipid 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa và phân loại lipid.
- 1.2. Trình bày được đặc điểm cấu tạo và tính chất chung của các loại acid béo.
- 1.3. Viết được công thức cấu tạo và trình bày được hoá tính cơ bản của chất béo (triglycerid).
- 1.4. Trình bày được ý nghĩa và ứng dụng của lipid.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Phân loại
 - 2.1.3. Vai trò
- 2.2. Thành phần cấu tạo của lipid
 - 2.2.1. Acid béo
 - 2.2.2. Alcohol (Ancol)
- 2.3. Lipid thuần
 - 2.3.1. Glyceride (Glycerid)
 - 2.3.2. Ceride (Cerid)
 - 2.3.3. Steride (Sterid)

Bài 13: Carbohydrate (Glucid) 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại và vai trò của glucid
- 1.2. Trình bày được cấu tạo, danh pháp, đồng phân của monosacharide (monosaccarit), disaccharid (disaccarit) và polysaccharide (polysaccarit).
- 1.3. Trình bày được nguồn gốc, cấu tạo và tính chất maltose, lactose và Sucrose (saccharose, đường mía).
- 1.4. Phân biệt được tinh bột, glycogen và cellulose.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về glucid
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Phân loại
- 2.2. Monosacharide (monosaccarit)
 - 2.2.1. Cấu tạo và danh pháp
 - 2.2.2. Cấu tạo vòng của monosacharide
 - 2.2.3. Tính chất của monosacharide
- 2.3. Oligosaccharide (oligosaccarit)

2.3.1. Sucrose (Saccarose, đường mía)

2.3.2. Lactose

2.3.3. Maltose

2.4. Polysaccharide (polysaccarit)

2.4.1. Tinh bột

2.4.2. Glycogen

2.4.3. Cellulose

Bài 14: Amino acid - Peptide (Peptid) - Protein 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa và phân loại amino acid, peptide, protein

1.2. Trình bày được cấu tạo, danh pháp, đồng phân của amino acid, peptide, protein

1.3. Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của amino acid, peptide, protein

2. Nội dung

2.1. Amino acid

2.1.1. Định nghĩa, phân loại

2.1.2. Danh pháp, đồng phân

2.1.3. Phương pháp điều chế

2.1.4. Tính chất của amino acid

2.2. Peptide (Peptid)

2.2.1. Định nghĩa và phân loại

2.2.2. Cấu trúc của peptide

2.2.3. Tổng hợp peptide

2.3. Protein

2.3.1. Định nghĩa, phân loại

2.3.2. Cấu trúc của protein

2.3.3. Tính chất của protein

**Phần thực hành*

Bài 1: Phân tích định tính các nguyên tố trong các hợp chất hữu cơ 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phân biệt được chất hữu cơ và chất vô cơ bằng cách đốt.

1.2. Trình bày được nguyên tắc và phân tích định tính được các nguyên tố C, H, N, S, halogen trong các hợp chất hữu cơ.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Hóa chất - dụng cụ

2.3. Quy trình thực hành

Bài 2: Hydrocarbon, dẫn chất halogen, alcohol (ancol) và ether (ete) 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các phản ứng định tính các loại hydrocarbon, dẫn chất halogen, alcohol và ether.

1.2. Làm được các thí nghiệm định tính các loại hợp chất nêu trên.

1.3. Viết các phương trình phản ứng xảy ra để giải thích kết quả thực hành.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Hóa chất - dụng cụ

2.3. Quy trình thực hành

Bài 3: Phenol 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các phản ứng định tính phenol và các polyphenol.

1.2. Làm được thí nghiệm định tính các chất nêu trên.

1.3. Giải thích được kết quả các thí nghiệm. Viết được các phương trình phản ứng xảy ra.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Hóa chất - dụng cụ

2.3. Quy trình thực hành

Bài 4: Aldehyde (andehit) và ketone (ceton, xeton) 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên tắc, viết được phương trình phản ứng điều chế aldehyde acetic từ alcohol ethylic.

1.2. Điều chế được aldehyde acetic.

1.3. Trình bày được các phản ứng định tính aldehyde và ketone.

1.4. Làm được các thí nghiệm định tính aldehyde và ketone và viết các phương trình phản ứng xảy ra.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Hóa chất - dụng cụ

2.3. Quy trình thực hành

Bài 5: Carboxylic acid (Axit cacboxylic) 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các phản ứng định tính của carboxylic acid.

1.2. Làm được thí nghiệm. Giải thích các hiện tượng và viết được các phương trình phản ứng.

1.3. So sánh khả năng phản ứng của carboxylic acid mạch hở và acid thơm; monoacid và diacid.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Hóa chất - dụng cụ

2.3. Quy trình thực hành

Bài 6: Ester (este) - Chất béo 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các tính chất vật lý và tính chất hóa học cơ bản của ester và chất béo.

1.2. Thực hiện phản ứng điều chế xà phòng từ dầu lạc.

1.3. Thực hiện các phản ứng định tính các sản phẩm tạo thành của phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường kiềm.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Hóa chất - dụng cụ

2.3. Quy trình thực hành

Bài 7: Carbohydrate (Glucid) 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các tính chất hóa học cơ bản của monosaccharide (monosaccarit), disaccharide (disaccarit) và polysaccharide (polysaccarit)

1.2. Làm được thí nghiệm thử tính chất của các hợp chất trên.

1.3. Giải thích được các kết quả thí nghiệm. Viết được các phương trình phản ứng xảy ra.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Hóa chất - dụng cụ

2.3. Quy trình thực hành

Bài 8: Hợp chất chứa nitrogen (amine - amide - hợp chất dị vòng) 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các phản ứng định tính các hợp chất amine, amide và hợp chất dị vòng.

1.2. Làm được và giải thích được kết quả thí nghiệm định tính các loại chất nêu trên. Viết được các phương trình phản ứng xảy ra.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Hóa chất - dụng cụ

2.3. Quy trình thực hành

Bài 9: Nhận biết các hóa chức hữu cơ cơ bản 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các phản ứng định tính các hóa chức hữu cơ cơ bản (liên kết C=C, alcohol, phenol, aldehyde, ketone, carboxylic acid, amine, amide, dị vòng, glucid).

1.2. Làm được các thí nghiệm để nhận biết, phân biệt một số chất hữu cơ điển hình thuộc các loại hóa chức khác nhau. Giải thích và viết các phương trình phản ứng xảy ra.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.2. Hóa chất - dụng cụ

2.3. Quy trình thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn và các thiết bị thực hành.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, videos, bài giảng Power Point, bảng kiểm, dụng cụ và hóa chất thực hành. Tủ sấy, máy đo độ PH, nồi đun cách thủy, cân điện tử, cân phân tích, máy ly tâm, tủ hút mùi

4. Các điều kiện khác: Đảm bảo an toàn phòng thí nghiệm và vệ sinh môi trường.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung thực hành tại Trường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm kiểm tra

Điểm kiểm tra thường xuyên phần thực hành được chấm dựa trên quá trình làm thí nghiệm và báo cáo thực hành của sinh viên.

Điểm kiểm tra thường xuyên phần lý thuyết được thực hiện dưới hình thức kiểm tra viết với thời gian làm bài dưới 30 phút.

- **Kiểm tra định kỳ:** 02 điểm kiểm tra

Phần lý thuyết:

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi tự luận

+ Thời gian: 45 phút

Phần thực hành:

+ Hình thức: Kiểm tra thực hành

+ Công cụ: Các kỹ thuật thực hành trong chương trình đã học.

+ Thời gian: 45 phút.

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (theo Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022).

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học $\geq 4,0$ được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Dược sĩ trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

*Lý thuyết: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

*Thực hành: Áp dụng phương pháp làm mẫu, cầm tay chỉ việc, sử dụng bảng kiểm,...

*Thảo luận: Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% giờ học lý thuyết, 100% giờ thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học khi đủ điều kiện, có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; điểm kiểm tra kết thúc phần thực hành phải đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10 (nếu điểm kiểm tra phần thực hành chưa đạt thì được kiểm tra lại tối đa 02 lần)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các nội dung về terpen, steroid, glucid, lipid, protein và một số dẫn xuất chứa oxy của hydrocarbon.

- Ứng dụng của một số hợp chất hữu cơ trong ngành Dược.

4. Tài liệu tham khảo

- Tài liệu dạy học

1. Khoa dược – YHCT, Bùi Thị Trâm Anh, (2025), *Hóa hữu cơ*, Lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo

1. Đặng Như Tại - Ngô Thị Thuận, (tái bản lần thứ 6 năm 2023), *Hóa học hữu cơ Tập 1, Tập 2*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

2. Nguyễn Văn Thơ - Bùi Xuân Khoa, (2016), *Hóa hữu cơ*, Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương.

3. Nguyễn Hữu Đĩnh, Đỗ Đình Răng, (2016), *Hóa học hữu cơ tập 1*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

4. Nguyễn Hữu Đĩnh, Đỗ Đình Răng, (2018), *Hóa học hữu cơ tập 2*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

5. Đại Học Dược Hà Nội, *Hóa học hữu cơ tập I, II*, nhà xuất bản Y học.

6. Nguyễn Văn Thơ - Bùi Xuân Khoa, (2016), *Tài liệu thực hành Hóa hữu cơ*, Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương.

7. PGS.TS Lê Minh Trí - TS. Nguyễn Minh Hiền, (2021), *Hóa hữu cơ*, nhà xuất bản đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

8. PGS.TS Đinh Thanh Hải, (2024), *Hóa hữu cơ tập 1*, nhà xuất bản y học.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2022,2023,2024), *Sách giáo khoa Hóa học 10,11,12 - Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

5. Ghi chú và giải thích:

TT	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Việt/tên hay dùng
1	Alcohol	Ancol
2	Phenol	Phenol
3	Aldehyde	Andehit
4	Ketone	Xeton/ceton
5	Carboxylic acid	Axit cacboxylic
6	Ester	Este
7	Amine	Amin
8	Ether	Ete
9	Peptide	Peptid
10	Carbohydrate	Cacbohydrat
11	Lipid	Lipid
12	Hydrocarbon	Hydrocacbon
13	Monosacharide	Monosaccarit
14	Disaccharid	Disaccarit
15	Polysaccharide	Polysaccarit
16	Oligosaccharide	oligosaccarit
17	Sucrose	Saccarose, đường mía
18	Glyceride	Glycerid
19	Ceride	Cerid
20	Steride	Sterid
21	Terpene hydrocarbon	Hydrocacbon terpenic
22	Nitrile, isonitrile	Nitril, isonitril
24	Hydroxamic acid	Axit Hydroxamic

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: HÓA PHÂN TÍCH

Mã số môn học: MH16

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ, trong đó Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Hóa phân tích là môn học thuộc nhóm môn cơ sở ngành được bố trí ở kì III (kì 1 năm thứ hai) sau khi đã hoàn thành các môn Hóa đại cương-Vô cơ và Hóa hữu cơ trong chương trình đào tạo cao đẳng Dược chính quy.

2. Tính chất

Môn học này giới thiệu những kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích hóa học và phân tích dụng cụ được ứng dụng nhiều trong ngành Dược.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Trình bày được định nghĩa các loại nồng độ, về độ chính xác, độ đúng, các phương pháp phân tích hóa học và các phương pháp phân tích dụng cụ được ứng dụng nhiều trong ngành Dược.

1.2. Trình bày được nguyên tắc, thao tác và biểu thức tính kết quả khi thực hiện một số phương pháp hóa học trong phân tích định lượng.

2. Về kỹ năng

2.1. Tiến hành pha và xác định được nồng độ của một số dung dịch trong chương trình.

2.2. Tính toán được kết quả khi thực hiện một số phương pháp hóa học trong phân tích định lượng.

3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

3.2. Rèn luyện được ý thức về an toàn nghề nghiệp và ý thức bảo vệ môi trường.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

*Phân lý thuyết

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương về hóa phân tích	2	2		
2	Nồng độ dung dịch	2	2		
3	Phân tích khối lượng	3	3		
4	Đại cương về phương pháp chuẩn độ	4	4		
5	Chuẩn độ acid - base	3	3		
6	Chuẩn độ kết tủa	3	3		
7	Chuẩn độ oxy hóa khử	3	3		
8	Chuẩn độ tạo phức	3	3		
9	Đại cương về phân tích dụng cụ	2	2		
10	Quang phổ hấp thụ phân tử (vùng UV-VIS)	2	2		
11	Đại cương về sắc kí	2	2		
	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	30	29		1

*Phân thực hành

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Cân phân tích; Xác định độ ẩm trong Sodium chloride (Natri clorid) và định lượng Sodium sulfate (Natri sulfat)	3		3	
2	Dụng cụ và động tác định lượng thể tích; Định lượng Acid acetic (Axit acetic)	3		3	
3	Pha và xác định nồng độ dung dịch Sodium hydroxide (Natri hydroxyd) 0,1N	3		3	
4	Định lượng Sodium hydrogen carbonate (Natri hydrocarbonat)	3		3	
5	Định lượng Sodium chloride (Natri clorid) bằng phương pháp Mohr	3		3	
6	Định lượng Sodium chloride (Natri clorid) bằng phương pháp Volhard (Fonhard)	3		3	
7	Định lượng dung dịch nước Oxy già 3%	3		3	

8	Định lượng dung dịch Glucose 5%	3		3	
9	Phương pháp Complexon (Xác định nồng độ EDTA, định lượng Ca^{2+} , định lượng Fe^{3+} , định lượng Ba^{2+})	3		3	
	Kiểm tra	3			3
	Tổng cộng	30		27	3

2. Nội dung chi tiết môn học

**Phân lý thuyết*

Bài 1: Đại cương về hóa phân tích 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đối tượng của Hóa phân tích và vai trò của nó trong các lĩnh vực khác nhau của khoa học kỹ thuật và đời sống xã hội.

1.2. Giải thích được 6 bước chủ yếu của một quy trình phân tích.

2. Nội dung

2.1. Đối tượng của Hóa phân tích

2.2. Tính phổ biến của Hóa phân tích

2.3. Phân loại các phương pháp phân tích

2.4. Các bước chủ yếu của một quy trình phân tích

Bài 2: Nồng độ dung dịch 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Giải thích được định nghĩa và viết được công thức biểu thị 4 loại nồng độ dung dịch: Nồng độ %, nồng độ gam, nồng độ mol và nồng độ đương lượng.

1.2. Giải được các bài toán về nồng độ dung dịch dựa trên các định nghĩa các loại nồng độ đó.

2. Nội dung

2.1. Bốn cách biểu thị nồng độ dung dịch

2.2. Tính toán về nồng độ dung dịch

Bài 3: Phân tích khối lượng 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nội dung, phân loại và các động tác chính của phương pháp phân tích khối lượng

1.2. Đánh giá được ưu nhược điểm của phương pháp

2. Nội dung

2.1. Nội dung và phân loại

2.2. Cách tính kết quả

2.3. Các động tác cơ bản của phương pháp kết tủa

- 2.4. Các thuốc thử kết tủa
- 2.5. Đánh giá phương pháp phân tích khối lượng
- 2.6. Một số ứng dụng của phân tích khối lượng

Bài 4: Đại cương về phương pháp chuẩn độ 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên tắc của phương pháp chuẩn độ và các yêu cầu của phản ứng dùng trong chuẩn độ.
- 1.2. Phân biệt được hai cách xác định điểm tương đương.
- 1.3. Trình bày được ba kỹ thuật chuẩn độ và cách tính kết quả trong phương pháp chuẩn độ.
- 1.4. Giải thích được chất gốc, dung dịch gốc, dung dịch chuẩn, cách tính hệ số hiệu chỉnh của dung dịch chuẩn.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên tắc của phương pháp chuẩn độ
- 2.2. Các phương pháp xác định điểm tương đương
- 2.3. Phân loại các phương pháp chuẩn độ
- 2.4. Các kỹ thuật chuẩn độ
- 2.5. Cách pha chế dung dịch chuẩn
- 2.6. Cách tính kết quả trong phương pháp chuẩn độ

Bài 5: Chuẩn độ acid - base 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên tắc, tìm được điều kiện định lượng một đơn chất hoặc hỗn hợp bằng phương pháp acid-base.
- 1.2. Chọn được chất chỉ thị, tính được kết quả của các trường hợp định lượng thường gặp trong chuẩn độ acid-base

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên tắc
- 2.2. Chất chỉ thị trong chuẩn độ acid - base
- 2.3. Khảo sát các đường biểu diễn định lượng
- 2.4. Một số ứng dụng định lượng bằng phương pháp acid-base

Bài 6: Chuẩn độ kết tủa 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Vẽ được đường cong chuẩn độ, Trình bày được nguyên tắc và điều kiện khi dùng chỉ thị trong định lượng bạc theo phương pháp Mohr, Volhard (Fonhard), Fajans.
- 1.2. Trình bày được các ứng dụng trong phân tích các chất vô cơ, tính toán kết quả của phép định lượng.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên tắc
- 2.2. Khảo sát đường cong chuẩn độ đo bạc
- 2.3. Chỉ thị hóa học cho chuẩn độ đo bạc
- 2.4. Phương pháp đo thủy ngân (I)
- 2.5. Một số ứng dụng thực tế

Bài 7: Chuẩn độ oxy hóa khử 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Khảo sát được đường cong chuẩn độ oxy hóa khử, phân loại và lựa chọn được các chất chỉ thị trong chuẩn độ oxy hóa khử.

1.2. Trình bày được nguyên tắc, điều kiện ứng dụng, tính được kết quả của các phương pháp định lượng bằng permanganate (permanganat), iodine (iod), bromat - bromine (brom), nitrit và dicromat.

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên tắc
- 2.2. Đường cong chuẩn độ oxy hóa khử
- 2.3. Chỉ thị trong phương pháp oxy hóa khử
- 2.4. Phân loại các phương pháp oxy hóa khử
- 2.5. Một số ứng dụng thực tế

Bài 8: Chuẩn độ tạo phức 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên tắc chung của chuẩn độ tạo phức.

1.2. Tiến hành chọn được chất chỉ thị để định lượng bằng phương pháp tạo phức với complexon. Tính được kết quả định lượng

2. Nội dung

- 2.1. Nguyên tắc chung
- 2.2. Chuẩn độ tạo phức bằng thuốc thử vô cơ
- 2.3. Chuẩn độ bằng Complexon
- 2.4. Một số ứng dụng định lượng trong thực tế

Bài 9: Đại cương về phân tích dụng cụ 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Giới thiệu được các cách định lượng trong phân tích dụng cụ và vai trò của chất đối chiếu.

1.2. Giải thích được khái niệm: LOD (giới hạn phát hiện), LOQ (giới hạn định lượng) và độ nhạy trong phân tích.

1.3. Phân biệt được kỹ thuật phân tích và phương pháp phân tích

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại
- 2.2. Định lượng trong phân tích dụng cụ
- 2.3. Hiệu chuẩn và chất chuẩn
- 2.4. Một số đặc trưng của phân tích dụng cụ
- 2.5. Kỹ thuật phân tích- phương pháp phân tích

Bài 10: Quang phổ hấp thụ phân tử (vùng UV-VIS) 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Giải thích được các điều kiện có thể áp dụng định luật Lambert- Beer
- 1.2. So sánh được các phương pháp định lượng bằng UV-VIS

2. Nội dung

- 2.1. Tính chất vùng phổ tử ngoại, khả kiến.
- 2.2. Sự chuyển biến mức năng lượng electron với hấp thụ bức xạ UV-VIS
- 2.3. Định luật Lambert- Beer và hệ số hấp thụ
- 2.4. Các ứng dụng của quang phổ UV-VIS

Bài 11: Đại cương về sắc kí 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Giới thiệu được nguyên tắc và phân loại được các kỹ thuật sắc kí.
- 1.2. Trình bày được ứng dụng của sắc kí trong phân tích định tính và định lượng.

2. Nội dung

- 2.1. Phân loại sắc kí
- 2.2. Pic sắc kí
- 2.3. Ứng dụng của sắc kí

*** Phần thực hành:**

Bài 1: Cân phân tích; Xác định độ ẩm trong Sodium chloride (Natri clorid) và định lượng Sodium sulfate (Natri sulfat) 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được mức độ chính xác của cân kỹ thuật, cân phân tích.
- 1.2. Sử dụng được cân kỹ thuật, cân phân tích.
- 1.3. Trình bày được nội dung của phương pháp phân tích khối lượng.
- 1.4. Làm được các động tác: Kết tủa, lọc kết tủa, rửa tủa, sấy, nung và cân đúng yêu cầu kỹ thuật
- 1.5. Thiết lập được công thức và tính được kết quả độ ẩm của Sodium chloride (%) và hàm lượng % của sulfate (sulfat) trong mẫu phân tích.

2. Nội dung

- 2.1. Cân
- 2.2. Thực hành sử dụng cân phân tích

2.3. Xác định độ ẩm của Sodium chloride

2.3.1. Nguyên tắc

2.3.2. Các bước tiến hành

2.3.3. Tính kết quả

2.3.4. Quy trình thực hành

2.4. Định lượng Sodium sulfate bằng phương pháp khối lượng

2.4.1. Nguyên tắc

2.4.2. Cách tiến hành

2.4.3. Tính kết quả

2.4.4. Quy trình thực hành

Bài 2: Dụng cụ và động tác định lượng thể tích; Định lượng Acid acetic 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được độ chính xác của ba loại dụng cụ chính xác hay dùng: Buret, pipet, bình định mức.

1.2. Nhận biết và thao tác sử dụng đúng các dụng cụ đo thể tích.

1.3. Trình bày được nguyên tắc, cách tiến hành định lượng Acid acetic và cách tính kết quả.

1.4. Tiến hành chuẩn độ được Acid acetic theo đúng quy trình kỹ thuật.

1.5. Tính toán được kết quả sau khi chuẩn độ.

2. Nội dung

2.1. Dụng cụ và động tác định lượng thể tích

2.1.1. Các dụng cụ đo thể tích chính xác

2.1.2. Các dụng cụ đo thể tích không chính xác

2.1.3. Thực hành nhận biết, thao tác riêng và với nước cất

2.1.4. Quy trình thực hành

2.2. Định lượng dung dịch Acid acetic

2.2.1. Dụng cụ - hóa chất

2.2.2. Nguyên tắc

2.2.3. Tiến hành

2.2.4. Tính kết quả

2.2.5. Quy trình thực hành

Bài 3: Pha và xác định nồng độ dung dịch Sodium hydroxide (Natri hydroxyd) 0,1N 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên tắc và phản ứng định lượng Sodium hydroxide (NaOH).

1.2. Tính được khối lượng Sodium hydroxide để pha và pha được 100ml dung dịch Sodium hydroxide 0,1N.

1.3. Xác định được nồng độ dung dịch Sodium hydroxide 0,1N.

2. Nội dung

2.1. Dụng cụ - hóa chất

2.2. Pha dung dịch Sodium hydroxide 0,1N

2.3. Nguyên tắc định lượng Sodium hydroxide

2.4. Định lượng dung dịch Sodium hydroxide 0,1N

Bài 4: Định lượng sodium hydrogen carbonate (Natri hydrocarbonat) 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Pha và xác định được nồng độ dung dịch hydrochloric acid 1N.

1.2. Định lượng và tính được hàm lượng phần trăm (kl/kl) của sodium hydrogen carbonate (Natri hydrocarbonat)

2. Nội dung

2.1. Dụng cụ - hóa chất

2.2. Pha và xác định nồng độ dung dịch hydrochloric acid 1N

2.3. Định lượng sodium hydrogen carbonate (Natri hydrocarbonat)

Bài 5: Định lượng Sodium chloride (Natri clorid) bằng phương pháp Mohr 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Pha được dung dịch gốc AgNO_3 0,1N.

1.2. Trình bày được nguyên tắc và phản ứng định lượng sodium chloride (Natri clorid) theo phương pháp Mohr.

1.3. Chuẩn độ và tính được hàm lượng phần trăm (kl/kl) của sodium chloride (Natri clorid).

2. Nội dung

2.1. Dụng cụ - hóa chất

2.2. Pha dung dịch AgNO_3 0,1N

2.3. Nguyên tắc định lượng sodium chloride (Natri clorid) bằng phương pháp Mohr

2.4. Định lượng dung dịch sodium chloride (Natri clorid) bằng phương pháp Mohr

Bài 6: Định lượng Sodium chloride (Natri clorid) bằng phương pháp Volhard (Fonhard) 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên tắc và phản ứng định lượng sodium chloride (Natri clorid) theo phương pháp Volhard (Fonhard).

1.2. Định lượng được dung dịch sodium chloride (natri clorid) 0,9% theo phương pháp Volhard (Fonhard) và tính được nồng độ phần trăm (kl/tt) của dung dịch sodium chloride (natri clorid).

2. Nội dung

2.1. Dụng cụ - hóa chất

2.2. Nguyên tắc định lượng sodium chloride (natri clorid) bằng phương pháp Fonhard

2.3. Định lượng dung dịch sodium chloride (natri clorid) bằng phương pháp Volhard (Fonhard)

Bài 7: Định lượng dung dịch nước Oxy già 3% 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên tắc và phản ứng định lượng dung dịch nước Oxy già.

1.2. Định lượng được dung dịch nước oxy già và tính được nồng độ phần trăm (kl/tt) của dung dịch nước oxy già.

2. Nội dung

2.1. Dụng cụ - hóa chất

2.2. Xác định nồng độ của dung dịch potassium permanganate (Kali permanganat) 0,1N

2.3. Nguyên tắc định lượng nước Oxy già

2.4. Định lượng dung dịch nước Oxy già 3%

Bài 8: Định lượng dung dịch Glucose 5% 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên tắc và phản ứng định lượng dung dịch Glucose

1.2. Tính được khối lượng iod để pha dung dịch Iodine 0,1N và pha được 100ml dung dịch Iodine (Iod) 0,1N.

1.3. Định lượng được dung dịch Glucose và tính được nồng độ phần trăm (kl/tt) của dung dịch Glucose.

2. Nội dung

2.1. Dụng cụ - hóa chất

2.2. Pha dung dịch Iodine 0,1N

2.3. Nguyên tắc định lượng Glucose

2.4. Định lượng dung dịch Glucose 5%

Bài 9: Phương pháp Complexon (Xác định nồng độ EDTA, định lượng Ca^{2+} , định lượng Fe^{3+} , định lượng Ba^{2+}) 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Pha được một dung dịch chuẩn từ chất gốc trong phương pháp Complexon.

1.2. Trình bày được nguyên tắc và phản ứng định lượng EDTA. Xác định được nồng độ dung dịch EDTA 0,05M.

1.3. Định lượng được các ion kim loại Ca^{2+} , Fe^{3+} , Ba^{2+} bằng EDTA

2. Nội dung

2.1. Dụng cụ - hóa chất

2.2. Pha dung dịch Complexon III 0,05M

2.3. Nguyên tắc định lượng Complexon

2.4. Định lượng dung dịch EDTA 0,05M

2.5. Định lượng Ca^{2+} bằng Complexon III với chỉ thị Murexit

2.6. Định lượng Fe^{3+} bằng EDTA.

2.7. Định lượng Ba^{2+} theo phương pháp chuẩn độ ngược (thừa trừ)

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định.

2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn và các thiết bị thực hành.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, videos, bài giảng Power Point, bảng kiểm, dụng cụ và hóa chất thực hành. Tủ sấy, máy đo độ PH, nồi đun cách thủy, cân điện tử, cân phân tích, máy ly tâm, tủ hút mùi.

4. Các điều kiện khác: Đảm bảo an toàn phòng thí nghiệm và vệ sinh môi trường.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung thực hành tại Trường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm kiểm tra

Điểm kiểm tra thường xuyên phần thực hành được chấm dựa trên quá trình làm thí nghiệm và báo cáo thực hành của sinh viên.

Điểm kiểm tra thường xuyên phần lý thuyết được thực hiện dưới hình thức kiểm tra viết với thời gian làm bài dưới 30 phút.

- **Kiểm tra định kỳ:** 02 điểm kiểm tra

Phần lý thuyết:

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi tự luận

+ Thời gian: 45 phút

Phần thực hành:

+ Hình thức: Kiểm tra thực hành

+ Công cụ: Các kỹ thuật thực hành trong chương trình đã học.

+ Thời gian: 45 phút.

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (theo Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022)

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học $\geq 4,0$ được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Dược sĩ trình độ Cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

***Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu...

***Thực hành:** Áp dụng phương pháp làm mẫu, cầm tay chỉ việc, sử dụng bảng kiểm,...

***Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% giờ học lý thuyết, 100% giờ thực hành.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn Môn học lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10; điểm kiểm tra kết thúc phần thực hành phải đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10 (nếu điểm kiểm tra phần thực hành chưa đạt thì được kiểm tra lại tối đa 02 lần)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Phương pháp phân tích khối lượng và các phương pháp chuẩn độ (acid-base, kết tủa, oxy hóa khử và tạo phức).

- Thực hành về phân tích khối lượng, định lượng Acid acetic, EDTA, nước Oxy già, Glucose 5%, Natri clorid.

4. Tài liệu tham khảo

- Tài liệu dạy học

1. Khoa Dược – YHCT, Bùi Thị Trâm Anh, (2025), *Hóa phân tích lý thuyết và thực hành*, Lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo

1. PGS.TSKH. Lê Thành Phước - CN. Trần Tích, (2015), *Hóa phân tích lý thuyết và thực hành*, nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

2. PGS.TS Trần Tử An (2016), *Hóa phân tích, tập 1, phân tích hóa học*, nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

3. PGS.TS Võ Thị Bạch Huệ - PGS.TS. Vĩnh Định, (2018), *Hóa phân tích, tập 2*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

4. Đào Phương Diệp (chủ biên) - Đỗ Văn Huệ, (2017), *Giáo trình Hóa học phân tích, Cơ sở phân tích định lượng hóa học*, nhà xuất bản Đại học sư phạm.

5. CN. Trần Tích, *Thực tập Hóa phân tích*, Trường Đại học Dược Hà Nội.

6. GVC. Trần Tích, GVC. Nguyễn Văn Tuyên, ThS. Nguyễn Thị Kiều Anh, *Thực tập Hóa phân tích*, Trung tâm Thông tin- Thư viện Đại học Dược, Hà Nội.

7. Hồ Thị Yêu Ly, (2019), *Giáo trình Hóa phân tích*, NXB ĐH QG TP.HCM.

8. Lê Thị Thanh Trân, (2024), *Giáo trình Hóa phân tích*, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2022), *Sách giáo khoa Hóa học 10 - Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

5. Ghi chú và giải thích:

TT	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Việt/tên hay dùng
1	Sodium chloride	Natri clorid
2	Sodium hydrogen carbonate	Natri hydrocarbonat
3	Potassium permanganate	Kali permanganat
4	Sodium sulfate	Natri sulfat
5	Acid acetic	Axit acetic
6	Volhard	Fonhard, Fonha
7	Sliver	Bạc
8	Sliver nitrate	Bạc nitrat
9	Calcium	Canxi
10	Barium	Bari
11	Iron	Sắt
12	Iodine	Iod
13	Mecury	Thủy ngân

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: BỆNH HỌC

Mã môn học: MH 17

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; trong đó Lý thuyết 43 giờ; Thực hành: 43 giờ, Kiểm tra: 3 giờ (2LT, 1TH).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học này thuộc kiến thức cơ sở ngành được học vào học kỳ 3 học sau các học phần giải phẫu sinh lý, vi sinh ký sinh.

2. Tính chất: Môn học cung cấp những kiến thức làm cơ sở cho môn chuyên ngành và giúp người học có khả năng nhận biết một số bệnh thông thường từ đó tư vấn hướng điều trị và sử dụng thuốc hợp lý nhất.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được cấu tạo GPSL, một số khái niệm, triệu chứng bệnh của các hệ cơ quan

1.2. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng các bệnh thường gặp của các hệ cơ quan

1.3. Trình bày được tiến triển và biến chứng của các bệnh thường gặp của các hệ cơ quan

2. Về kỹ năng:

2.1. Phát hiện được các triệu chứng trong một số tình huống lâm sàng cụ thể để có hướng xử trí và dự phòng

2.2. Hướng dẫn tư vấn sử dụng một số loại thuốc điều trị các bệnh thường gặp của các hệ cơ quan .

2.3. Tư vấn được cách phát hiện bệnh, điều trị, dự phòng một số bệnh lý chuyên ngành

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1 . Nhận thức được tầm quan trọng của việc nhận định các triệu chứng của 1 số bệnh để xử trí và tư vấn sử dụng thuốc đúng, kịp thời, hiệu quả

3.2. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

3.3. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Đại cương bệnh lý hệ hô hấp	2	2		
2	Viêm phế quản cấp	1	1		
3	Viêm phế quản mạn	1	1		
4	Viêm phổi	2	2		
5	Hen phế quản	2	2		
6	Đại cương bệnh lý hệ tim mạch	2	2		
7	Suy tim	2	2		
8	Tăng huyết áp	1	1		
9	Thấp tim	1	1		
10	Đại cương bệnh lý hệ tiêu hóa	4	4		
11	Loét dạ dày – hành tá tràng	1	1		
12	Áp xe gan do Amip	1	1		
13	Viêm gan Virus	1	1		
14	Tiêu chảy và táo bón	1	1		
15	Các bệnh nhiễm khuẩn tiêu hóa (Bệnh tả, Thương hàn, Lỵ trực trùng, Lỵ Amip)	4	4		
16	Đại cương bệnh lý hệ tiết niệu	2	2		
17	Viêm cầu thận cấp	1	1		
18	Hội chứng thận hư	1	1		
19	Sỏi tiết niệu	1	1		
20	Nhiễm khuẩn tiết niệu	1	1		
21	Bệnh nội tiết (Đái tháo đường, Basedow)	2	2		
22	Đại cương bệnh máu và cơ quan tạo máu	1	1		

23	Hội chứng thiếu máu	1	1		
24	Thiếu máu do thiếu sắt	1	1		
25	Hội chứng xuất huyết	1	1		
26	Đại cương các bệnh lây truyền qua đường tình dục	1	1		
27	Bệnh lậu	1	1		
28	Bệnh giang mai	1	1		
29	HIV/AIDS	2	2		
30	Kiểm tra				2
	Tổng	45	43		2

1.2. Thực hành bệnh viện:

	Tên chương, mục	Số tiết
Bài 1.	Bệnh về bộ máy hô hấp	
1.1.	Viêm phế quản cấp	2
1.2.	Viêm phế quản mạn	2
1.3.	Viêm phổi	2
1.4.	Hen phế quản	2
Bài 2.	Bệnh về bộ máy tuần hoàn	
2.1.	Suy tim	2
2.2.	Tăng HA	2
2.3.	Thấp tim	2
Bài 3.	Bệnh về bộ máy tiêu hóa	
3.1.	Viêm loét dạ dày – tá tràng	2
3.2.	Áp xe gan Amip	2
3.3.	Viêm gan virus	2
3.4.	Tiêu chảy- Táo bón	2
3.5.	Các bệnh nhiễm khuẩn tiêu hóa	4
Bài 4.	Bệnh về bộ máy tiết niệu	
4.1.	Viêm cầu thận cấp	2
4.2.	Hội chứng thận hư	2
4.3.	Sỏi tiết niệu	2
4.4.	Nhiễm khuẩn tiết niệu	2
Bài 5.	Bệnh về cơ quan nội tiết	3
Bài 6.	Bệnh về máu	4
Bài 7.	Các bệnh lây qua đường tình dục	3
	Kiểm tra thực hành	1

	Tổng	45
--	-------------	----

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương bệnh lý hệ hô hấp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được giải phẫu, sinh lý hệ hô hấp
- 1.2. Trình bày được những triệu chứng biểu hiện bệnh lý hô hấp
- 1.3. Biết khái niệm một số dấu hiệu bệnh lý hô hấp khi thăm khám

2. Nội dung:

2.1. Nhắc lại giải phẫu – sinh lý hệ hô hấp:

2.1.1. Mũi – Họng – Thanh quản:

2.1.2. Khí quản – Phế quản

2.1.3. Phổi – Màng phổi:

2.1.3.1. Phổi:

2.1.3.1. Màng phổi

2.1.4. Các bộ phận liên quan với phổi và màng phổi

2.1.4.1. Lồng ngực

2.1.4.2. Các cơ hô hấp

2.1.4.3. Trung thất

2.2. Những triệu chứng biểu hiện bệnh lý hô hấp:

2.2.1. Khó thở

2.2.2. Ho

2.2.3. Khạc đờm

2.2.4. Đau ngực

2.3. Khái niệm một số dấu hiệu bệnh lý hô hấp khi thăm khám:

2.3.1. Biến dạng lồng ngực

2.3.2. Những tiếng thở bất thường

2.3.2.1. Ran ngáy, ran rít

2.3.2.2. Ran ẩm

2.3.2.3. Ran nổ

2.3.2.4. Các tiếng thổi

Bài 2: Viêm phế quản cấp

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân và triệu chứng của viêm phế quản cấp
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc điều trị viêm phế quản cấp

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, nguyên nhân và điều kiện thuận lợi:

- 2.1.1. Định nghĩa:
- 2.1.2. Nguyên nhân
- 2.1.3. Điều kiện thuận lợi
- 2.2. Triệu chứng:
- 2.2.1. Lâm sàng
- 2.2.1.1. Giai đoạn khô
- 2.2.1.2. Giai đoạn ướt
- 2.2.2. Xét nghiệm
- 2.3. Điều trị:
- 2.3.1. Điều trị triệu chứng
- 2.3.2. Điều trị nguyên nhân
- 2.3.3. Điều trị không dùng thuốc
- 2.3.4. Dự phòng viêm phế quản tái phát

Bài 3: Viêm phế quản mạn

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân của bệnh viêm phế quản mạn (VPQM)
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và nguyên tắc điều trị bệnh VPQM

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa, nguyên nhân:
- 2.1.1. Định nghĩa:
- 2.1.2. Nguyên nhân
- 2.2. Triệu chứng và phân loại
- 2.2.1. Lâm sàng
- 2.2.2. Xét nghiệm:
- 2.3. Điều trị:
- 2.3.1. Mục tiêu điều trị
- 2.3.2. Điều trị cụ thể
- 2.3.2.1. Tránh những yếu tố nguy cơ liên quan
- 2.3.2.2. Vấn đề sử dụng kháng sinh
- 2.3.2.3. Điều trị đợt cấp
- 2.3.2.4. Liệu pháp vận động và phục hồi chức năng

Bài 4: Viêm phổi

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được nguyên nhân và điều kiện thuận lợi gây viêm phổi
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh viêm phổi điển hình

1.3. Trình bày được nguyên tắc điều trị viêm phổi

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, nguyên nhân và điều kiện thuận lợi:

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Điều kiện thuận lợi

2.2. Triệu chứng:

2.2.1. Lâm sàng

2.2.2. Xét nghiệm

2.2.3. Một số thể lâm sàng

2.2.3.1. Viêm phổi không điển hình

2.2.3.2. Viêm phổi mắc phải tại bệnh viện

2.2.3.3. Viêm phổi do virus cúm A

2.3. Điều trị và dự phòng:

2.3.1. Thuốc điều trị

2.3.2. Chế độ chăm sóc khác

Bài 5: Hen phế quản

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được nguyên nhân và yếu tố nguy cơ biểu hiện bệnh hen phế quản

1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và nguyên tắc điều trị bệnh hen phế quản

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ:

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ

2.1.2.1. Yếu tố cá thể

2.1.2.2. Yếu tố môi trường

2.2. Triệu chứng:

2.2.1. Lâm sàng

2.2.2. Xét nghiệm

2.3. Điều trị

2.3.1. Mục tiêu và nguyên tắc điều trị

2.3.2. Các thuốc điều trị HPQ

Bài 6: Đại cương bệnh lý hệ tim mạch

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm một số triệu chứng biểu hiện bệnh lý tim mạch

1.2. Trình bày được khái niệm một số tiếng tim và tiếng thổi bất thường.

2. Nội dung:

2.1. Nhắc lại GPSL hệ tim mạch:

2.1.1. Tim

2.1.2. Mạch máu

2.2. Một số triệu chứng biểu hiện bệnh lý tim mạch:

2.2.1. Khó thở

2.2.2. Đau ngực

2.2.3. Ngất

2.2.4. Đánh trống ngực

2.2.5. Phù

2.2.6. Tím

2.2.7. Đau chi dưới do thiếu máu cấp

2.2.8. Cơn đau cách hồi

2.2.9. Hội chứng Raynaud

2.2.10. Một số triệu chứng khác

2.3. Khái niệm một số tiếng tim bất thường:

2.3.1. Tiếng tim bất thường

2.3.2. Tiếng thổi

2.4. Các bệnh tim mạch thường gặp

Bài 7: Suy tim

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được nguyên nhân và phân loại của suy tim

1.2. Trình bày được triệu chứng bệnh lâm sàng của suy tim

1.3. Trình bày được các biện pháp điều trị suy tim

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa:

2.2. Nguyên nhân:

2.2.1. Suy tim trái

2.2.2. Suy tim phải

2.2.3. Suy tim toàn bộ

2.3. Triệu chứng:

2.3.1. Triệu chứng suy tim trái

2.3.1.1. Triệu chứng lâm sàng

2.3.1.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.3.2. Triệu chứng suy tim phải

2.3.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.3.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.3.3. Triệu chứng suy tim toàn bộ

2.4. Phân loại suy tim:

2.4.1. Phân loại theo mức độ:

2.4.1.1. Phân loại mức độ suy tim theo hội tim mạch học New York (NYHA)

2.4.1. 2. Phân loại mức độ suy tim theo hội nội khoa Việt Nam

2.4.2. Phân loại theo vị trí:

2.5. Điều trị:

2.5.1. Những biện pháp điều trị chung:

2.5.2. Điều trị theo nguyên nhân

Bài 8: Tăng huyết áp Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi của bệnh tăng HA

1.2. Trình bày được các bước chẩn đoán tăng HA

1.3. Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc và các biện pháp điều trị tăng HA

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi:

2.1.1. Định nghĩa:

2.1.2. Nguyên nhân:

2.1.2.1. Tăng HA nguyên phát

2.1.2.2. Tăng HA thứ phát

2.1.3. Các yếu tố thuận lợi

2.1.4. Hậu quả tăng HA

2.2. Chẩn đoán tăng HA:

2.2.1. Chẩn đoán xác định tăng HA

2.2.2. Chẩn đoán giai đoạn – độ tăng HA

2.3. Điều trị tăng HA

2.3.1. Mục tiêu điều trị

2.3.2. Nguyên tắc điều trị

2.3.3. Các biện pháp điều trị

Bài 9: Thấp tim Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên nhân và các yếu tố thuận lợi của bệnh thấp tim

1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng của bệnh thấp tim

1.3. Nêu được các tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh thấp tim

1.4. Trình bày các phương pháp điều trị và dự phòng bệnh thấp tim

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, nguyên nhân và điều kiện thuận lợi:

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Điều kiện thuận lợi

2.2. Triệu chứng:

2.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.2.1.1. Nhiễm liên cầu khuẩn ban đầu

2.2.1.2. Viêm đa khớp

2.2.1.3. Viêm tim

2.2.1.4. Hạt Meynet

2.2.1.5. Ban vòng Besnier

2.2.1.6. Múa giật Sydenham

2.2.1.7. Những biểu hiện hiếm gặp khác

2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng

2.2.2.1. Xét nghiệm máu và sinh hóa

2.2.2.2. Các XN phát hiện nhiễm liên cầu

2.2.2.3. Điện tâm đồ

2.2.3. Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh thấp tim

2.3. Tiến triển và biến chứng

2.4. Điều trị và phòng bệnh:

2.4.1. Điều trị

2.4.2. Phòng bệnh

Bài 10: Đại cương bệnh lý hệ tiêu hóa

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm một số triệu chứng biểu hiện bệnh lý tiêu hóa

1.2. Trình bày được vai trò của các xét nghiệm cận lâm sàng trong chẩn đoán bệnh lý hệ tiêu hóa

2. Nội dung:

2.1. Nhắc lại GPSL hệ tiêu hóa:

2.1.1. Miệng

2.1.2. Thực quản

2.1.3. Dạ dày

2.1.4. Ruột non và ruột già

2.1.5. Gan và đường dẫn mật

2.2. Một số triệu chứng thường gặp của bệnh lý hệ tiêu hóa:

- 2.2.1. Nôn và buồn nôn
- 2.2.2. Chảy máu tiêu hóa
- 2.2.3. Đau bụng
- 2.2.4. Tiêu chảy và táo bón
- 2.2.5. Vàng da
- 2.3. Một số xét nghiệm cận lâm sàng
- 2.3.1. X – quang ổ bụng
- 2.3.2. Chụp CT scan
- 2.3.3. Siêu âm
- 2.3.4. Nội soi
- 2.3.5. Xét nghiệm chức năng gan
- 2.3.6. Xét nghiệm khác

Bài 11: Loét dạ dày – tá tràng Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân và một số yếu tố nguy cơ của bệnh loét dạ dày – tá tràng
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm có giá trị chẩn đoán bệnh loét dạ dày – tá tràng.
- 1.3. Trình bày được các biến chứng của bệnh loét dạ dày – tá tràng
- 1.4. Nêu được nguyên tắc điều trị, kể tên các nhóm thuốc chính và một số phác đồ điều trị loét dạ dày – tá tràng.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa, nguyên nhân và các yếu tố nguy cơ:
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân
 - 2.1.3. Các yếu tố nguy cơ
- 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.2.2. Triệu chứng cận lâm sàng
- 2.3. Biến chứng:
- 2.4. Điều trị:
 - 2.4.1. Nguyên tắc điều trị
 - 2.4.2. Chế độ ăn uống và sinh hoạt
 - 2.4.3. Các thuốc điều trị
 - 2.4.4. Chỉ định điều trị ngoại khoa

Bài 12: Áp xe gan do amip Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh áp xe gan do amip
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm có giá trị chẩn đoán bệnh áp xe gan do amip

- 1.3. Nêu được các nhóm thuốc điều trị bệnh áp xe gan do amip

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa, nguyên nhân:

- 2.1.1. Định nghĩa:

- 2.1.2. Nguyên nhân

- 2.2. Triệu chứng:

- 2.2.1. Lâm sàng

- 2.2.2. Xét nghiệm

- 2.3. Biến chứng:

- 2.4. Điều trị

Bài 13: Viêm gan do virus

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân và đường lây của bệnh viêm gan virus
- 1.2. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm của bệnh viêm gan virus

- 1.3. Nêu được nguyên tắc điều trị và cách phòng bệnh viêm gan virus

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa, nguyên nhân và đường lây:

- 2.1.1. Định nghĩa:

- 2.1.2. Nguyên nhân và đường lây

- 2.2. Triệu chứng:

- 2.2.1. Triệu chứng lâm sàng

- 2.2.2. Xét nghiệm

- 2.3. Điều trị và phòng bệnh:

- 2.3.1. Điều trị

- 2.3.2. Phòng bệnh

Bài 14: Táo bón và tiêu chảy

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng và hướng điều trị tiêu chảy cấp
- 1.2. Trình bày được nguyên nhân và hướng điều trị táo bón

2. Nội dung:

- 2.1. Tiêu chảy:

- 2.1.1. Định nghĩa:

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Triệu chứng

2.1.4. Điều trị

2.2. Táo bón:

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Nguyên nhân

2.2.3. Triệu chứng

2.2.4. Điều trị

Bài 15: **Các bệnh nhiễm khuẩn tiêu hóa** **Thời gian: 4 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm có giá trị chẩn đoán bệnh tả, thương hàn, lỵ trực trùng, lỵ amip.

1.2. Trình bày được nguyên tắc điều trị và hướng xử trí thích hợp của từng bệnh.

1.3. Trình bày được các biện pháp dự phòng chung cho các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa

2. Nội dung:

2.1. Bệnh tả:

2.1.1. Định nghĩa:

2.1.2. Nguyên nhân, nguồn lây và đặc điểm gây bệnh

2.1.3. Triệu chứng:

2.1.3.1. Triệu chứng lâm sàng

2.1.3.2. Xét nghiệm

2.1.4. Điều trị:

2.1.4.1. Bù nước và điện giải

2.1.4.2. Sử dụng kháng sinh

2.1.5. Dự phòng

2.2. Thương hàn:

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Nguyên nhân, nguồn lây và đặc điểm gây bệnh

2.2.3. Triệu chứng:

2.2.3.1. Triệu chứng lâm sàng

2.2.3.2. Xét nghiệm:

2.2.4. Biến chứng:

2.2.5. Điều trị

2.2.6. Dự phòng:

2.3. Lỵ trực trùng:

- 2.3.1. Định nghĩa
- 2.3.2. Nguyên nhân, nguồn lây và đặc điểm gây bệnh
- 2.3.3. Triệu chứng:
 - 2.3.3.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.3.3.2. Xét nghiệm:
- 2.3.4. Điều trị
 - 2.3.4.1. Bù nước và điện giải
 - 2.3.4.2. Sử dụng kháng sinh
- 2.3.5. Dự phòng:
- 2.4. Ly Amip:
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Nguyên nhân, nguồn lây và đặc điểm gây bệnh
 - 2.4.3. Triệu chứng:
 - 2.4.3.1. Triệu chứng lâm sàng
 - 2.4.3.2. Xét nghiệm:
 - 2.4.4. Điều trị
 - 2.4.5. Dự phòng:

Bài 16: **Đại cương bệnh lý hệ tiết niệu** **Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được giải phẫu sinh lý của thận
- 1.2. Trình bày được các khái niệm về các triệu chứng chính liên quan đến hệ tiết niệu

2. Nội dung:

- 2.1. Nhắc lại cơ bản về GPSL hệ tiết niệu:
 - 2.1.1. Giải phẫu:
 - 2.1.2. Những chức năng của thận
 - 2.1.3. Sinh lý bệnh rối loạn chức năng thận:
- 2.2. Những triệu chứng chủ yếu của các bệnh liên quan đến hệ tiết niệu:
 - 2.2.1. Biểu hiện ở nước tiểu
 - 2.2.1.1. Thay đổi về lượng nước tiểu:
 - 2.2.1.2. Rối loạn về cách bài tiết nước tiểu:
 - 2.2.1.3. Thay đổi thành phần nước tiểu
 - 2.2.2. Những biểu hiện ở máu:
 - 2.2.2.1. Nito phi protein máu cao
 - 2.2.2.2. Toan máu
 - 2.2.2.3. Rối loạn cân bằng Kali
 - 2.2.3. Biểu hiện toàn thân:

- 2.2.3.1. Phù
- 2.2.3.2. Thiếu máu
- 2.2.3.3. Tăng HA

Bài 17: Viêm cầu thận cấp

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa và triệu chứng của viêm cầu thận cấp
- 1.2. Trình bày được phương pháp điều trị viêm cầu thận cấp

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa, nguyên nhân:
 - 2.1.1. Định nghĩa:
 - 2.1.2. Nguyên nhân:
- 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Triệu chứng lâm sàng:
 - 2.2.2. Xét nghiệm
- 2.3. Điều trị:
 - 2.3.1. Điều trị bằng thuốc
 - 2.3.2. Chế độ ăn uống và sinh hoạt
 - 2.3.3. Chỉ định lọc máu ngoài thận:
 - 2.3.4. Theo dõi sau khi ra viện:

Bài 18: Hội chứng thận hư

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng và tiêu chuẩn chẩn đoán hội chứng thận hư
- 1.2. Trình bày được phương pháp điều trị và tiên lượng Hội chứng thận hư

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa, nguyên nhân:
 - 2.1.1. Định nghĩa:
 - 2.1.2. Nguyên nhân:
 - 2.1.2.1. Nguyên nhân nguyên phát
 - 2.1.2.2. Nguyên nhân thứ phát
- 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Triệu chứng lâm sàng:
 - 2.2.2. Xét nghiệm
- 2.3. Điều trị:
 - 2.3.1. Corticoid và thuốc ức chế miễn dịch
 - 2.3.2. Chống phù
 - 2.3.3. Theo dõi điều trị:

Bài 19:**Sỏi tiết niệu****Thời gian: 1 giờ****1. Mục tiêu:**

- 1.1. Nêu được nguyên nhân sỏi tiết niệu
- 1.2. Trình bày được triệu chứng và phương pháp điều trị, dự phòng sỏi tiết niệu

2. Nội dung chương:

- 2.1. Nguyên nhân, định nghĩa và điều kiện thuận lợi:
 - 2.1.1. Định nghĩa:
 - 2.1.2. Nguyên nhân:
 - 2.1.3. Điều kiện thuận lợi
- 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Triệu chứng lâm sàng:
 - 2.2.2. Xét nghiệm
- 2.3. Điều trị và dự phòng:
 - 2.3.1. Nguyên tắc chung:
 - 2.3.2. Điều trị và dự phòng cụ thể:

Bài 20:**Nhiễm khuẩn tiết niệu****Thời gian: 1 giờ****1. Mục tiêu:**

- 1.1. Nêu được nguyên nhân, điều kiện thuận lợi của nhiễm khuẩn tiết niệu
- 1.2. Trình bày được triệu chứng của NKTN dưới và viêm thận – bể thận cấp
- 1.3. Trình bày phương pháp điều trị NKTN

2. Nội dung:

- 2.1. Nguyên nhân, định nghĩa và điều kiện thuận lợi:
 - 2.1.1. Định nghĩa:
 - 2.1.2. Nguyên nhân:
 - 2.1.3. Điều kiện thuận lợi
- 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Nhiễm khuẩn tiết niệu dưới:
 - 2.2.2. Viêm thận – bể thận cấp
- 2.3. Điều trị:
 - 2.3.1. Nguyên tắc chung:
 - 2.3.2. Điều trị cụ thể:

Bài 21:**Các bệnh về nội tiết****Thời gian: 2 giờ****1. Mục tiêu:**

- 1.1. Trình bày được nguyên nhân gây bệnh đái tháo đường, bệnh Basedow
- 1.2. Trình bày được triệu chứng bệnh đái tháo đường, bệnh Basedow
- 1.3. Trình bày được cách điều trị bệnh đái tháo đường, bệnh Basedow

2. Nội dung :

2.1. Đái tháo đường:

2.1.1. Định nghĩa:

2.1.2. Nguyên nhân:

2.1.3. Phân loại:

2.1.4. Triệu chứng

2.1.5. Biến chứng

2.1.6. Điều trị

2.2. Bệnh Basedow:

2.2.1. Định nghĩa:

2.2.2. Nguyên nhân:

2.2.3. Phân loại:

2.2.4. Triệu chứng

2.2.5. Biến chứng

2.2.6. Điều trị

Bài 22: Đại cương bệnh máu và cơ quan tạo máu

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các rối loạn về tế bào máu

1.2. Nêu được ý nghĩa của các xét nghiệm huyết học trong lâm sàng

2. Nội dung:

2.1. Nhắc lại sinh lý máu:

2.1.1. Hồng cầu:

2.1.2. Bạch cầu:

2.1.3. Tiểu cầu:

2.2. Các rối loạn tế bào máu:

2.2.1. Rối loạn về hồng cầu

2.2.2. Rối loạn về bạch cầu

2.2.3. Rối loạn về tiểu cầu và quá trình đông máu

2.3. Một số xét nghiệm huyết học ứng dụng trong lâm sàng:

2.3.1. Xét nghiệm công thức máu:

2.3.2. Tủy đồ:

2.3.3. Tốc độ máu lắng:

2.3.4. Các xét nghiệm đông máu

Bài 23: Hội chứng thiếu máu

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa thiếu máu và các nguyên nhân gây thiếu máu

1.2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của thiếu máu

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, nguyên nhân và phân loại:

2.1.1. Định nghĩa:

2.1.2. Nguyên nhân:

2.1.3. Phân loại:

2.2. Triệu chứng lâm sàng:

2.2.1. Thiếu máu cấp tính

2.2.2. Thiếu máu mạn tính

2.2.3. Thiếu máu do cơn tan máu cấp

2.2.4. Xét nghiệm

2.3. Điều trị:

Bài 24: Thiếu máu do thiếu sắt

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được chức năng của sắt, sự hấp thu sắt trong cơ thể và các nguyên nhân gây thiếu máu do thiếu sắt.

1.2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, các hậu quả của thiếu máu do thiếu sắt.

1.3. Trình bày được các biện pháp điều trị và dự phòng thiếu máu do thiếu sắt.

2. Nội dung :

2.1. Định nghĩa, nguyên nhân:

2.1.1. Định nghĩa:

2.1.2. Chức năng và sự hấp thu sắt trong cơ thể:

2.1.3. Nguyên nhân

2.1.3.1. Thiếu dinh dưỡng

2.1.3.2. Suy giảm khả năng hấp thu sắt:

2.1.3.3. Tăng nhu cầu

2.1.3.4. Mất máu:

2.2. Triệu chứng:

2.2.1. Triệu chứng lâm sàng:

2.2.2. Triệu chứng xét nghiệm

2.3. Hậu quả của thiếu máu do thiếu sắt

2.4. Điều trị:

2.5. Dự phòng:

Bài 25: Hội chứng xuất huyết

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa xuất huyết và các nguyên nhân gây xuất huyết

1.2. Trình bày được các triệu chứng lâm sàng của xuất huyết

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, nguyên nhân:

2.1.1. Định nghĩa:

2.1.2. Nguyên nhân:

2.1.2.1. Do thành mạch bị tổn thương

2.1.2.2. Do tiêu cầu

2.1.2.3. Do bệnh huyết tương

2.2. Triệu chứng:

2.2.1. Triệu chứng lâm sàng:

2.2.1.1. Xuất huyết dưới da

2.2.1.2. Xuất huyết niêm mạc

2.2.1.3. Xuất huyết nội tạng

2.2.2. Triệu chứng xét nghiệm

2.3. Điều trị

Bài 26: Đại cương các bệnh lây qua đường tình dục ` Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Kể tên được các bệnh lây qua đường tình dục thường gặp

1.2. Trình bày được các hội chứng thường gặp nhất của bệnh lây qua đường tình dục

2. Nội dung:

2.1. Vài nét về các bệnh lây truyền qua đường tình dục:

2.2. Các bệnh và hội chứng thường gặp nhất của bệnh lây qua đường tình dục:

2.2.1. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp nhất

2.2.2. Các hội chứng thường gặp của bệnh lây qua đường tình dục:

Bài 27: Bệnh lâu Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm của bệnh lâu

1.2. Trình bày được các phương pháp điều trị bệnh lâu

2. Nội dung :

2.1. Định nghĩa, nguyên nhân:

2.1.1. Định nghĩa:

- 2.1.2. Nguyên nhân:
- 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Lâm sàng:
 - 2.2.1.1. Viêm niệu đạo do lậu ở nam giới:
 - 2.2.1.2. Viêm cổ tử cung và viêm niệu đạo do lậu ở nữ
 - 2.2.1.3. Nhiễm lậu cầu phát tán:
 - 2.2.1.4. Viêm kết mạc mắt do lậu ở trẻ sơ sinh
 - 2.2.2. Xét nghiệm
- 2.3. Điều trị:
 - 2.3.1. Bệnh lậu người lớn chưa có biến chứng:
 - 2.3.2. Bệnh lậu có biến chứng hoặc nhiễm lậu cầu phát tán
 - 2.3.3. Điều trị viêm kết mạc mắt do lậu ở trẻ sơ sinh

Bài 28: Bệnh giang mai ` Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm của bệnh giang mai
- 1.2. Trình bày được các phương pháp điều trị bệnh giang mai

2. Nội dung :

- 2.1. Định nghĩa, nguyên nhân:
 - 2.1.1. Định nghĩa:
 - 2.1.2. Nguyên nhân:
- 2.2. Triệu chứng:
 - 2.2.1. Lâm sàng:
 - 2.2.1.1. Giang mai thời kỳ I:
 - 2.2.1.2. Giang mai thời kỳ II:
 - 2.2.1.3. Giang mai thời kỳ III:
 - 2.2.2. Xét nghiệm
- 2.3. Điều trị:

Bài 29: Bệnh HIV/AIDS ` Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các giai đoạn nhiễm HIV
- 1.2. Trình bày được các biểu hiện lâm sàng và xét nghiệm của AIDS
- 1.3. Nêu được các phương pháp điều trị bệnh HIV/AIDS

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa, tình hình mắc bệnh:
 - 2.1.1. Định nghĩa:
 - 2.1.2. Tình hình mắc bệnh:

2.2. HIV:

2.2.1. Cấu trúc và đặc điểm của HIV:

2.2.1.1. Cấu trúc:

2.2.1.2. Đặc điểm HIV:

2.3. Các giai đoạn nhiễm HIV và hội chứng AIDS:

2.3.1. Các giai đoạn nhiễm HIV:

2.3.1.1. Giai đoạn nhiễm trùng khởi phát:

2.3.1.2. Giai đoạn nhiễm trùng tiềm tàng

2.3.1.3. Giai đoạn hình thành hội chứng AIDS

2.3.2. Hội chứng AIDS:

2.3.2.1. Lâm sàng

2.3.2.2. Cận lâm sàng

2.4. Điều trị và dự phòng HIV/AIDS:

2.4.1. Điều trị đặc hiệu

2.4.2. Các điều trị khác

2.4.3. Dự phòng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng giảng đường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, Máy Projector

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, giáo trình

4. Các điều kiện khác: Có bệnh viện để thực tập lâm sàng, sinh viên được hướng dẫn và thực hiện thăm khám trên người bệnh ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng các năng lực của người Dược sĩ trình độ cao đẳng trong quá trình thực hành các môn học chuyên ngành.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 01 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ: 02 điểm kiểm tra**

+ Hình thức: Kiểm tra viết

+ Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc thực hành lâm sàng: 1 điểm**

+ Hình thức: Thực hành trên người bệnh

+ Phương pháp: Phát hiện được các triệu chứng của các bệnh thường gặp trên người bệnh

+ Thời gian: 60 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (hệ số 1), định kì học phần lý thuyết (hệ số 2)	40%
+ Điểm thi kết thúc học phần thực hành bệnh viện (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 và điểm thực hành bệnh viện ≥ 5 được công nhận là Đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình này áp dụng cho sinh viên Cao đẳng dược.

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên

* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng > 20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đủ 100% các buổi thực hành tại bệnh viện và các buổi trực được phân công có xác nhận của giáo viên bệnh viện. Trong quá trình học tại bệnh viện, có sự hướng dẫn và giám sát trực tiếp của giảng viên bệnh viện kết hợp cùng giảng viên viên của Khoa. Kết thúc đợt học tập, phải có đủ chứng từ chứng minh đã thực hiện đạt được các năng lực của học phần để có đủ tiêu chuẩn tham dự thi thực hành bệnh viện.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết và thực hành bệnh viện.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các bài học liên quan đến bệnh nhiễm khuẩn hay gặp như tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường tiết niệu, viêm phổi

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Thanh Hải, (2021), *Bài giảng bệnh học* , Khoa Y học lâm sàng trường CDYT Hà Tĩnh.

[2] Trường Đại học Y Hà Nội, (2025), *Bệnh học nội khoa tập 1*, nhà xuất bản y học.

[3] Trường Đại học Y Hà Nội, (2025), *Bệnh học nội khoa tập 2* , nhà xuất bản y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Mã môn học: MH 18

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; trong đó: Lý thuyết: 14 tiết; Thực hành, thảo luận, bài tập: 43 giờ; Kiểm tra: 3 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

Môn học cơ sở ngành được phân bố từ học kỳ III của khoá học

2. Tính chất:

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Chăm sóc sức khỏe cộng đồng, vai trò của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng; Các vấn đề thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình, hay của một cộng đồng).

Cách xác định được tình trạng sức khỏe của cộng đồng, các yếu tố tác động tới sức khỏe cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp... (lập kế hoạch và thực hành chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, cung cấp các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe,...).

Vận dụng kiến thức, kỹ năng về chăm sóc cộng đồng vào thực tiễn; môn học giúp học sinh cụ thể hóa kiến thức vào nhiệm vụ của người cán bộ y tế cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được một số khái niệm và định nghĩa trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

1.2. Trình bày được cách lượng giá nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

1.3. Trình bày được cách lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

1.4. Trình bày được quy trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

1.5. Trình bày được quy trình thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình.

1.6. Trình bày được kỹ thuật sàng lọc vấn đề sức khỏe cộng đồng.

1.7. Trình bày được các phương pháp phân tích vấn đề sức khỏe cộng đồng.

1.8. Trình bày được các hoạt động cung ứng dịch vụ Y tế.

1.9. Trình bày được cách quản lý sức khỏe tại trạm Y tế.

1.10. Trình bày được chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của trạm y tế xã, chức trách nhiệm vụ của từng cán bộ y tế xã.

1.11. Liệt kê được các phương pháp thu thập thông tin về điều kiện môi trường sống và tình trạng sức khỏe cộng đồng.

1.12. Vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào nội dung thực tập cộng đồng.

2. Về kỹ năng:

2.1. Vận dụng kiến thức trong môn học để xác định vấn đề sức khỏe cộng đồng.

2.2. Vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

2.3. Vận dụng kiến thức đã học để lên kế hoạch và thực hiện thăm gia đình.

2.4. Vận dụng kiến thức đã học để tìm nguyên nhân gây nên vấn đề sức khỏe cộng đồng.

2.5. Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện tốt công tác quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.6. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học vào công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.

2.7. Tìm hiểu và viết báo cáo về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của trạm y tế và của từng cán bộ y tế cơ sở.

2.8. Điều tra thu thập số liệu về tình hình sức khỏe cộng đồng của xã/thôn, xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên cần có biện pháp can thiệp/giúp đỡ.

2.9. Thăm hộ gia đình để tìm hiểu về môi trường vệ sinh và tình trạng sức khỏe của các gia đình, thực hiện kỹ năng tư vấn, giáo dục sức khỏe tại nhà.

2.10. Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho cụm dân cư/thôn bản.

2.11. Tham gia các hoạt động chuyên môn tại trạm y tế.

2.12. Viết báo cáo thu hoạch thực tập.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Có ý thức trách nhiệm về chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.

3.2. Có ý thức trách nhiệm trong quản lý sức khỏe tại cộng đồng

3.3. Thường xuyên có thái độ và hành động đúng trong việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian

1.1. Lý thuyết tại trường:

Số	Tên chương, mục	Thời gian
----	-----------------	-----------

TT		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Khái niệm về điều dưỡng cộng đồng	1	1		
2	Xác định nhu cầu điều dưỡng cộng đồng	2	2		
3	Lập kế hoạch điều dưỡng cộng đồng	2	2		
4	Quy trình điều dưỡng cộng đồng	2	2		
5	Thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình	2	2		
6	Sàng lọc vấn đề sức khỏe cộng đồng	1	1		
7	Phân tích vấn đề sức khỏe cộng đồng	1	1		
8	Cung ứng dịch vụ Y tế	1	1		
9	Quản lý sức khỏe tại trạm Y tế	2	2		
		1			1
Cộng		15	14		1

1.2. Thực hành tại cộng đồng: Thời gian 45 giờ

TT	Tên chương, mục	Thời gian
1	Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của TYT, chức trách nhiệm vụ của từng cán bộ y tế và NVYT thôn bản	7 giờ
2	Điều tra thu thập, các thông tin, số liệu liên quan đến tình trạng môi trường sống và sức khỏe của cộng đồng dân cư trong xã/ thôn bản	8 giờ
3	Thăm hộ gia đình	8 giờ
4	Tham gia các hoạt động thường xuyên tại trạm y tế xã.	8 giờ
5	Phân tích thông tin về số liệu thu thập được	4 giờ
6	Lập và thực hiện kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng dân cư trong thôn bản	4 giờ
7	Viết thu hoạch cá nhân vào báo cáo kết quả thực tập của nhóm	4 giờ
8	Tổng kết đợt thực tập	2 giờ
	Tổng số	45 giờ

2. Nội dung chi tiết:

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1 : Khái niệm về điều dưỡng cộng đồng

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm điều dưỡng cộng đồng
- 1.2. Liệt kê được 4 chức năng và 8 nhiệm vụ chính của người điều dưỡng cộng đồng
- 1.3. Trình bày được nội dung đánh giá mức độ sức khỏe tại cộng đồng

2. Nội dung:

- 2.1. Lịch sử phát triển của y tế cộng đồng
- 2.2. Một số khái niệm và định nghĩa.
 - 2.2.1. Cộng đồng
 - 2.2.2. Sức khỏe
 - 2.2.3. Sức khỏe cộng đồng
 - 2.2.4. Chăm sóc sức khỏe
 - 2.2.5. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe
 - 2.2.6. Chăm sóc sức khỏe ban đầu
 - 2.2.7. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng
- 2.3. Điều dưỡng cộng đồng:
 - 2.3.1. Khái niệm:
 - 2.3.2. Mục tiêu:
 - 2.3.3. Vai trò và năng lực của người điều dưỡng cộng đồng.
 - 2.3.4. Chức năng và nhiệm vụ của người điều dưỡng cộng đồng
 - Chức năng
 - Nhiệm vụ
- 2.4. Đánh giá mức độ SK cộng đồng
 - 2.4.1. Đánh giá tình hình
 - 2.4.2. Chẩn đoán cộng đồng
 - 2.4.3. Các kế hoạch can thiệp
 - 2.4.4. Các kết quả chăm sóc

Bài 2: Xác định nhu cầu điều dưỡng cộng đồng

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm và mục đích lượng giá nhu cầu điều dưỡng tại cộng đồng.
- 1.2. Mô tả được cách xác định nhu cầu điều dưỡng cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- 1.3. Phân biệt được giữa chẩn đoán chăm sóc với chẩn đoán điều trị và chẩn đoán cộng đồng.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về lượng giá nhu cầu điều dưỡng
- 2.2. Mục đích của lượng giá nhu cầu điều dưỡng
- 2.3. Xác định nhu cầu điều dưỡng.
 - 2.3.1. Với cá nhân người bệnh:
 - 2.3.2. Với gia đình và cộng đồng:
 - Thu thập và xác định chỉ số
 - Xác định vấn đề SK
- 2.4. Chẩn đoán chăm sóc
 - 2.4.1. Phân biệt chẩn đoán chăm sóc với chẩn đoán điều trị
 - 2.4.2. Phân biệt chẩn đoán chăm sóc với chẩn đoán cộng đồng

Bài 3: Lập kế hoạch điều dưỡng cộng đồng

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1 Trình bày được khái niệm về kế hoạch điều dưỡng cộng đồng
- 1.2. Xây dựng được kế hoạch hành động cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về kế hoạch điều dưỡng.
- 2.2. Kế hoạch điều dưỡng cho cá nhân người bệnh
 - 2.2.1. Xác định vấn đề ưu tiên
 - 2.2.2. Quyết định các mục tiêu
 - 2.2.3. Xây dựng và sắp xếp các hoạt động chăm sóc.
 - 2.2.4. Cách viết mệnh lệnh chăm sóc (Hoạt động chăm sóc).
 - 2.2.5. Viết hoàn thành bản kế hoạch chăm sóc
- 2.3. Lập kế hoạch chăm sóc cho gia đình và cộng đồng.
 - 2.3.1. Xác định vấn đề ưu tiên
 - 2.3.2. Xây dựng các mục tiêu chăm sóc
 - 2.3.3. Quyết định giải pháp
 - 2.3.4. Xác định các hoạt động
 - 2.3.5. Lập kế hoạch hoạt động
- Bài tập tình huống

Bài 4: Quy trình điều dưỡng cộng đồng

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm quy trình điều dưỡng tại cộng đồng.
- 1.2. Trình bày được các bước của quy trình điều dưỡng cộng đồng.
- 1.3. Lập được kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm quy trình điều dưỡng tại cộng đồng

2.2. Quy trình điều dưỡng

2.2.1. Lượng giá nhu cầu điều dưỡng

- Phương pháp hỏi trực tiếp khách hàng

- Phương pháp gián tiếp

- Phương pháp dịch tễ cộng đồng.

- Khám thực thể:

2.2.2. Lập kế hoạch điều dưỡng

- Mẫu kế hoạch tổng thể

2.2.3. Thực hiện kế hoạch điều dưỡng.

2.2.4. Đánh giá điều dưỡng

- Với cá nhân

- Với gia đình và cộng đồng

BÀI TẬP TÌNH HUỐNG

1. Lập và thực hiện KH chăm sóc cho cá nhân người bệnh.

A. Tên kế hoạch (Vấn đề)

B. Mục tiêu

C. Giải pháp

2. Lập và thực hiện KH chăm sóc gia đình.

A. Tên kế hoạch (Vấn đề)

B. Mục tiêu

C. Giải pháp

3. Lập và thực hiện KH chăm sóc cộng đồng

A. Tên kế hoạch (Vấn đề)

B. Mục tiêu

C. Giải pháp

Bài 5: Thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình

2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm gia đình hạt nhân và gia đình mở rộng.

1.2. Trình bày được mục đích thăm và chăm sóc sức khỏe gia đình.

1.3. Trình bày được quy trình thăm gia đình.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm gia đình

2.1.1. Thế nào là gia đình

2.1.2. Vị trí và vai trò của gia đình

2.1.3. Cấu trúc gia đình

- Mô hình gia đình:
- Lối sống gia đình

2.2. Sức khỏe gia đình

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến SKGD.

- Môi trường thiên nhiên:
- Kinh tế
- Y tế
- Môi trường văn hóa

2.2.3. Chăm sóc tại gia đình

2.2.4. Chỉ số SK gia đình

2.2.5. Vai trò của người ĐDCĐ đối với sức khỏe gia đình.

- Bảo trợ:
- Giáo dục và tư vấn
- Chăm sóc
- Duy trì
- Làm mẫu và gương mẫu

2.3. Thăm gia đình

2.3.1. Mục đích

- Hỗ trợ cho gia đình sức khỏe tốt hơn: Bằng các phương pháp.
- Xác định các vấn đề sức khỏe của gia đình
- Giúp gia đình giải quyết các vấn đề sức khỏe và xã hội
- Hướng dẫn cho gia đình những kỹ năng để tự CSSK.
- Trao đổi với gia đình đã thực hiện được gì sau mỗi lần đến thăm.
- Đánh giá tình hình sức khỏe gia đình

2.3.2. Thực hiện thăm gia đình.

- Chuẩn bị
- Phương pháp
- Quy trình thăm gia đình
- Sau khi thăm gia đình
- Ghi hồ sơ.

Bài 6: Sàng lọc vấn đề sức khỏe cộng đồng

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm sàng lọc sức khỏe
- 1.2. Phân biệt được sàng lọc và chẩn đoán

- 1.3. Trình bày được một số sàng lọc thông thường tại cộng đồng
- 1.4. Trình bày được biện pháp nâng cao tính trùng lặp trong sàng lọc

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm sàng lọc
- 2.2. Phân biệt sàng lọc và chẩn đoán
- 2.3. Kỹ thuật sàng lọc
 - 2.3.1. Một số sàng lọc thông thường tại cộng đồng
 - 2.3.2. Độ chính xác của kiểm tra sàng lọc
 - Về mức độ chính xác
 - Về sự trùng lặp
 - Biện pháp nâng cao tính trùng lặp
 - 2.3.3. Dương tính giả và âm tính giả
- 2.4. Chất lượng của một trắc nghiệm sàng lọc tốt
 - 2.4.1. Một vài chất lượng quan trọng của một kiểu trắc nghiệm sàng lọc tốt
 - 2.4.2. Câu hỏi đặt ra trước khi bắt đầu chương trình sàng lọc:
- 2.5. Kết Luận

Bài 7: Phân tích vấn đề sức khỏe cộng đồng

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả được lợi ích của phân tích một vấn đề sức khỏe
- 1.2. Trình bày được các phương pháp phân tích một vấn đề sức khỏe
- 1.3. Áp dụng được phương pháp cây vấn đề để phân tích nguyên nhân một vấn đề sức khỏe

2. Nội dung:

- 2.1. Lợi ích của phân tích một vấn đề sức khỏe
- 2.2. Các phương pháp phân tích vấn đề sức khỏe
 - 2.2.1. Sơ đồ diễn tiến
 - 2.2.2. Khung xương cá
 - 2.2.3. Cây vấn đề

Bài 8: Cung ứng dịch vụ Y tế

1 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các loại hình dịch vụ y tế cộng đồng
- 1.2. Trình bày được hoạt động dự báo về cung ứng dịch vụ y tế
- 1.3. Trình bày được Quy trình thực hiện cung ứng dịch vụ y tế

2. Nội dung:

- 2.1. Các dịch vụ y tế cộng đồng

- 2.1.1. Dịch vụ tư vấn giáo dục sức khỏe
- 2.1.2. Dịch vụ vệ sinh và y tế công cộng
- 2.1.3. Dịch vụ chăm sóc người bệnh tại nhà
- 2.1.4. Dịch vụ thăm thai, đỡ đẻ và KHHGĐ
- 2.1.5. Dịch vụ phòng dịch, chống dịch
- 2.1.6. Dịch vụ cung ứng thuốc và dịch vụ y tế
- 2.2. Các hoạt động dịch vụ y tế
 - 2.2.1. Xác định nhu cầu và cung ứng dịch vụ y tế
 - 2.2.2. Hoạt động hướng dẫn sử dụng dịch vụ y tế
 - 2.2.3. Hoạt động dự báo về cung ứng dịch vụ y tế:
 - 2.2.4. Chất lượng dịch vụ y tế
- 2.3. Thực hiện cung ứng dịch vụ y tế cộng đồng
 - 2.3.1. Quyết định mục tiêu và giải pháp
 - 2.3.2. Xây dựng kế hoạch
 - 2.3.3. Quy trình thực hiện cung ứng dịch vụ y tế

Bài 9: Quản lý sức khỏe tại trạm Y tế

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm quản lý sức khỏe cộng đồng.
- 1.2. Vẽ được sơ đồ chức năng QLSK tại trạm y tế.
- 1.3. Trình bày được tầm quan trọng của thông tin trong công tác QLSK tại trạm.
- 1.4. Trình bày được cách thu thập TT về sức khỏe
- 1.5. Tính toán được các chỉ số sức khỏe cơ bản tại trạm y tế cơ sở

2. Nội dung:

- 2.1. Một số khái niệm về quản lý
- 2.2. Quản lý sức khỏe tại trạm y tế
 - 2.2.1. Chức năng QLSK tại trạm y tế
 - 2.2.2. Cách tính chỉ số cơ bản tại trạm y tế cơ sở
 - 2.2.3 Thu thập thông tin tại trạm y tế cơ sở
 - 2.2.3.1. Tầm quan trọng của thông tin
 - 2.2.3.2. Các nguồn thông tin
 - 2.2.3.3. Các nhóm thông tin
 - 2.2.4. Vai trò của sổ sách trong việc QLSK tại tuyến y tế cơ sở
 - 2.2.5. Khả năng khai thác chỉ số y tế từ 7 quyển sổ ở tuyến y tế cơ sở

B. PHẦN THỰC TẬP CỘNG ĐỒNG

Bài 1 : Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của TYT, chức trách nhiệm vụ của từng cán bộ y tế và NVYT thôn bản 7 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Liệt kê được các chức năng và nhiệm vụ chính của người cán bộ và nhân viên y tế thôn bản cộng đồng

1.2. Trình bày được nội dung hoạt động của trạm y tế

2. Nội dung

2.1. Đọc, nghiên cứu tài liệu tại trạm y tế

2.2. Nghe báo cáo của lãnh đạo trạm y tế về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý sức khỏe tại trạm

2.3. Phỏng vấn, trao đổi với cán bộ y tế tại trạm y tế

2.4. Phỏng vấn, trao đổi với cá nhân, gia đình và cộng đồng

Bài 2 : Điều tra thu thập, các thông tin, số liệu liên quan đến tình trạng môi trường sống và sức khỏe của cộng đồng dân cư trong xã/thôn bản 8 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Điều tra thu thập, các thông tin về môi trường sống trong xã

1.2. Nắm bắt được tình hình sức khỏe của cộng đồng dân cư trong xã

2. Nội dung

2.1. Thu thập, các thông tin về môi trường sống, tình hình sức khỏe của cộng đồng qua sổ sách, báo cáo tại trạm y tế

2.2. Điều tra về môi trường sống tại thôn bản và hộ gia đình

2.3. Sử dụng bảng kiểm để điều tra môi trường sống tại các thôn bản

2.4. Phỏng vấn, trao đổi với cá nhân, gia đình và cộng đồng để biết được tình hình sức khỏe tại cộng đồng.

Bài 3 : Thăm hộ gia đình

8 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nắm được tình hình sức khỏe các gia đình tại cộng đồng.

1.2. Giúp đỡ gia đình giải quyết các vấn đề sức khỏe và xã hội.

1.3. Hoàn thành các mẫu điều tra theo yêu cầu.

1.4. Thăm mỗi hộ gia đình 2 lần (mỗi học sinh phụ trách 2-3 hộ gia đình)

2. Nội dung

2.1. Thăm gia đình lần 1: Thu thập thông tin cơ bản tại gia đình.

2.1.1. Thu thập thông tin về vệ sinh môi trường sống của gia đình.

2.1.2. Thu thập thông tin về tình hình sức khỏe của gia đình.

2.1.3. Chăm sóc và hướng dẫn chăm sóc khi gia đình có nhu cầu.

2.2. Thăm gia đình lần 2: Bổ sung và hoàn thiện theo mẫu.

2.2.1. Kiểm tra lại kết quả thực hiện theo hướng dẫn trong lần viếng thăm trước để củng cố, bổ sung.

2.2.2. Tư vấn, hướng dẫn cho gia đình giải quyết các vấn đề sức khỏe và xã hội

2.3. Hoàn thiện, bổ sung vào hồ sơ gia đình

Bài 4 : Tham gia các hoạt động thường xuyên tại trạm y tế xã 8 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Tham gia khám chữa bệnh, tư vấn, giáo dục sức khỏe, vệ sinh, phòng bệnh, tiêm chủng mở rộng.

1.2. Làm quen các loại sổ sách, báo cáo của trạm y tế và của nhân viên y tế thôn bản.

2. Nội dung

2.1. Tham gia khám chữa bệnh, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh

2.2. Tham gia các chương trình y tế quốc gia tại trạm y tế

2.2.1. Tham gia vệ sinh, phòng bệnh

2.2.2. Tham gia chương trình DS-KHHGD

2.2.3. Tham gia tiêm chủng mở rộng

Bài 5: Phân tích thông tin về số liệu thu thập được 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phân tích được số liệu thu thập.

1.2. Xác định được vấn đề sức khỏe tại cộng đồng.

1.3. Lựa chọn được vấn đề sức khỏe ưu tiên

1.4. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên.

2. Nội dung

2.1. Phân tích các số liệu thu thập

2.2. Cách xác định vấn đề sức khỏe

2.3. Cách lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên

2.4. Lập kế hoạch để giải quyết các vấn đề sức khỏe

2.5. Viết báo cáo

Bài 6: Lập và thực hiện kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng dân cư trong thôn bản 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Lập được kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe.

1.2. Thực hiện được kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe.

2. Nội dung

- 2.1. Lập kế hoạch truyền thông về vấn đề sức khỏe tại cộng đồng
- 2.2. Thực hành tư vấn giáo dục sức khỏe cho người dân

Bài 7: Viết thu hoạch cá nhân và báo cáo kết quả thực tập của nhóm

4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nhóm hoàn thành báo cáo.
- 1.2. Cá nhân hoàn thành báo cáo

2. Nội dung

- 2.1. Viết báo cáo nhóm
- 2.2. Viết thu hoạch cá nhân

Bài 8: Tổng kết đợt thực tập

2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Có được nhận xét của trạm y tế và giảng viên phụ trách.
- 1.2. Xác nhận của trạm y tế

2. Nội dung

- 2.1. Báo cáo kết quả nhận xét của trạm y tế và giảng viên phụ trách
- 2.2. Nhận xét, xác nhận của trạm y tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết và thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định tại trường và trạm y tế.
2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn, mô hình.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo. Sổ sách, báo cáo của cấp trên tại trạm y tế, các mẫu phiếu điều tra, bảng kiểm.
4. Các điều kiện khác: Các trang thiết bị hiện có của tại trạm y tế.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức:

Sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Hệ thống kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng;
- + Vận dụng kiến thức vào thực tiễn để chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng thể hiện trong xác định vấn đề sức khỏe, lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên và đưa ra các biện pháp giải quyết thông qua xây dựng kế hoạch và viết báo cáo thu hoạch.

- Kỹ năng:

Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành các bài tập tình huống tại cộng đồng và thông qua việc thực hành thu thập thông tin vào phiếu điều tra, phân tích thông tin để có số liệu phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập sinh viên cần đạt các yêu cầu sau:

- + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.
- + Chuyên cần, say mê môn học phát huy làm việc nhóm.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Điểm kiểm tra thường xuyên:** Bài kiểm tra 15 phút, hỏi miệng

- **Kiểm tra định kỳ lý thuyết:** 1 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm trên giấy

+ Công cụ: Câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- **Thi kết thúc Môn học thực hành cộng đồng:** 1 điểm

+ Hình thức: Báo cáo kết quả thực tập

+ Phương pháp: Làm bản báo cáo thực tập cộng đồng và trình bày báo cáo

+ Thời gian: 40 phút

- **Thi kết thúc Môn học lý thuyết:** 1 điểm

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc Môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên Môn học lý thuyết (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ Môn học lý thuyết (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc Môn học thực hành cộng đồng (50%)	60%
+ Điểm thi kết thúc Môn học lý thuyết (50%)	

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học chăm sóc sức khỏe cộng đồng được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng Dược trong Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên:

+ Đây là môn học gắn liền với công tác chuyên môn tế tại cộng đồng. Vì vậy giáo viên nên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm gây được hứng thú cho học sinh, làm cho học sinh chủ động, tích cực tiếp thu kiến thức để đạt được mục tiêu của môn học.

+ Áp dụng phương pháp dạy học tích cực, phối hợp các phương pháp: Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Nghiên cứu tài liệu; Trực quan; Làm bài tập; Đóng vai.

+ Giảng viên của Trường cần phối hợp với cán bộ y tế của trạm y tế, cung cấp nội dung, chương trình, kế hoạch thực tập để thực hiện tốt mục tiêu đã đề ra.

2.2. Đối với người học:

+ Tăng cường thảo luận, làm bài tập tình huống nhằm mục đích củng cố, ghi nhớ, khắc sâu kiến thức đã học.

+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết, tham gia 100 % buổi thực tập và được đánh giá kết quả thực hiện.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.

+ Tham dự thi kết thúc Môn học lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

+ Chủ động tổ chức thực hiện 30 giờ tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Bài 2 là bài trọng tâm phải nắm vững là tiền đề cho các bài 3 đến bài 9; bài 3 đến bài 9 là những kiến thức sát thực với đối tượng người học.

4. Tài liệu cần tham khảo:

4.1. Lê Văn Huân (2025); *Giáo trình Chăm sóc sức khỏe cộng đồng*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. năm 2025

4.2. Giáo trình Điều dưỡng cộng đồng, Nhà xuất bản Hà Nội 2005.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC VẬT - ĐỌC VIẾT TÊN THUỐC

Mã môn học: MH 19

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên môn, được bố trí học ở học kỳ II

2. Tính chất: Môn học làm cơ sở cho môn dược liệu, dược cổ truyền và môn học có các nội dung sau:

+ Cách đọc, viết theo tiếng Latin, cách đọc viết tên thuốc, cây thuốc, hóa chất bằng tiếng Việt theo thuật ngữ quốc tế tiếng Latin.

+ Hình thái, cấu tạo các cơ quan sinh sản, sinh dưỡng của thực vật. Phân loại thực vật.

+ Nhận biết các bộ phận rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt... tại vườn và phòng thực hành. Làm được tiêu bản soi vi phẫu cấu tạo các cơ quan của thực vật. Làm được tiêu bản mẫu cây khô.

II. Mục tiêu môn học:

1. Kiến thức:

1.1. Trình bày những kiến thức cơ bản về cách đọc và viết tên các thuốc bằng tiếng Việt theo danh pháp quốc tế Latin. Viết tên Latin của một số cây thuốc thông dụng.

1.2. Trình bày những kiến thức cơ bản về đặc điểm cấu tạo tế bào, mô thực vật, đặc điểm hình thái và giải phẫu các cơ quan dinh dưỡng (rễ, thân, lá) và cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt) của thực vật.

1.3. Trình bày những kiến thức cơ bản về cách phân loại thực vật, các đặc điểm nổi bật của một số họ thực vật thường dùng làm thuốc.

1.4. Phân tích được đặc điểm hình thái các loại rễ cây, thân cây và lá cây. Phân biệt được các loại lá đơn và lá kép.

1.5. So sánh cấu tạo giải phẫu của rễ cây, thân cây và lá cây lớp Ngọc lan và lớp Hành. So sánh sự giống và khác nhau giữa lá đơn và lá kép.

2. Kỹ năng:

2.1. Rèn luyện kỹ năng đọc và viết được đúng tên các thuốc, dược liệu thông dụng bằng tiếng Việt theo danh pháp quốc tế Latin.

2.2. Nhận biết được đặc điểm cấu tạo tế bào, mô thực vật, đặc điểm hình thái và giải phẫu các cơ quan dinh dưỡng (rễ, thân, lá) và cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt) của thực vật.

2.3. Nhận biết được đặc điểm chung của các họ thực vật thông dụng làm thuốc.

2.4. Thực hiện được các thao tác kỹ thuật cơ bản trong nghiên cứu thực vật và kiểm nghiệm dược liệu, bao gồm: Làm tiêu bản vi phẫu, soi kính hiển vi, làm tiêu bản mẫu khô và nhận dạng được cây thuốc thông dụng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Nhận thức đúng vai trò của môn thực vật đối với chương trình Đào tạo và thực hành nghề nghiệp.

3.2. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập nghiên cứu môn học này.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm trong tiếng Latin	05	02		
2	Chương 2: Cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin	06	03		
3	Chương 3: Sơ lược về ngữ pháp tiếng Latin và các từ viết tắt thường dùng trong ngành dược	06	03		
4	Chương 4: Cách viết tên thuốc bằng tiếng Việt theo thuật ngữ quốc tế Tiếng Latin	06	03		
5	Chương 5: Cách đọc tên thuốc bằng Tiếng Việt theo thuật ngữ quốc tế Tiếng Latin	10	03		
6	Chương 6: Đại cương về thực vật dược	02	02		
7	Chương 7: Tế bào và mô thực vật	04	04		

	Bài 1: Phương pháp sử dụng kính hiển vi soi tế bào, soi tinh bột được liệu	06		06	
8	Chương 8: Các cơ quan sinh dưỡng	05	05		
	Bài 2: Rễ cây.	06		03	
	Bài 3: Thân cây	06		03	
	Bài 4: Lá cây	06		03	
9	Chương 9: Các cơ quan sinh sản	06	06		
	Bài 5: Hoa	03		03	
	Bài 6: Quả và hạt	03		03	
10	Chương 10: Đại cương về phân loại thực vật học	06	05	01	
11	Chương 11: Thực vật bậc thấp	04	03	01	
12	Chương 12: Thực vật bậc cao	05	04	01	
	Bài 7: Thực địa vườn. Phương pháp làm mẫu khô thực vật.	03		03	
	Ôn tập và kiểm tra đánh giá		02	03	05
	Cộng	75	45	30	

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN LÝ THUYẾT:

Chương 1: Cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm trong tiếng Latin.

Thời gian: 02 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm trong tiếng Latin.

1.2. Viết và đọc đúng tên các nguyên tố, hóa chất, tên thuốc thông dụng bằng tiếng Latin.

1.3. Thuộc được nghĩa tiếng Việt các từ Latin đã học.

2. Nội dung

2.1. Bảng chữ cái Latin.

2.2. Cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm.

2.2.1. Cách viết và đọc các nguyên âm, bán nguyên âm.

2.2.2. Cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm.

2.3. Bài tập đọc.

Chương 2: Cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin.

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cách viết và đọc các nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin.

1.2. Viết và đọc đúng các từ thực vật, tên cây thuốc thông dụng bằng tiếng Latin.

1.3. Đọc và thuộc nghĩa tiếng Việt các từ Latin đã học.

2. Nội dung

2.1. Cách viết và cách đọc các nguyên âm kép, nguyên âm ghép.

2.2. Cách viết và đọc các phụ âm kép, phụ âm ghép, phụ âm đôi.

2.3. Bài tập đọc.

Chương 3: Sơ lược về ngữ pháp tiếng Latin và các từ viết tắt thường dùng trong ngành dược.

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cách dùng các loại từ trong tiếng Latin và sử dụng danh từ, tính từ trên nhãn thuốc, đơn thuốc.

1.2. Viết và đọc đúng các từ viết tắt thường dùng trong ngành bằng tiếng Latin.

1.3. Thuộc nghĩa tiếng Việt các từ viết tắt thông dụng trên đơn thuốc, nhãn thuốc và phiếu giới thiệu thuốc.

2. Nội dung

2.1. Các loại từ trong tiếng Latin.

2.2. Cách sử dụng danh từ, tính từ Latin trong ngành Dược.

2.3. Các từ viết tắt thường dùng trên nhãn thuốc đơn thuốc.

2.4. Một số đơn thuốc kê bằng tiếng Latin.

Chương 4: Cách viết tên thuốc bằng tiếng Việt theo thuật ngữ quốc tế Tiếng Latin.

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cách viết tên thuốc, hóa chất bằng tiếng Việt theo Thuật ngữ Quốc tế tiếng Latin.

1.2. Kể được cách viết các thuật ngữ tiếng Việt quen dùng theo qui tắc phiên âm thuật ngữ của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng Nhà nước.

1.3. Viết đúng tên qui định của các nguyên tố hóa học, hóa chất, tên thuốc thường dùng theo chương trình DSCĐ.

2. Nội dung

- 2.1. Quy tắc chung.
- 2.2. Cách viết tên thuốc, dược liệu, dạng bào chế.
- 2.3. Bài tập viết.

Chương 5: Cách đọc tên thuốc bằng Tiếng Việt theo thuật ngữ quốc tế Tiếng Latin.

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được quy tắc chung và cách đọc khác biệt với cách đọc tiếng Việt về tên các nguyên tố, hóa chất và tên thuốc theo Thuật ngữ Quốc tế tiếng Latin.

1.2. Đọc đúng (rõ và chuẩn xác) tên các nguyên tố, hóa chất, tên thuốc thông dụng theo chương trình đào tạo DSCĐ.

2. Nội dung

- 2.1. Quy tắc chung.
- 2.2. Cách đọc các nguyên âm và nguyên âm kép.
- 2.3. Cách đọc các phụ âm đơn, phụ âm kép, nguyên âm kép đứng trước phụ âm.
- 2.4. Cách đọc các vần có phụ âm đứng sau nguyên âm khác với cách đọc thông thường trong tiếng việt.
- 2.5. Một số cách đọc ngoại lệ.
- 2.6. Bài tập đọc.

Chương 6: Đại cương về thực vật dược.

Thời gian: 02 Giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được vai trò của thực vật đối với thiên nhiên và ngành Dược.
- 1.2. Trình bày được các phần của thực vật dược và ý nghĩa.

2. Nội dung

- 2.1. Vai trò của thực vật
 - 2.1.1. Với thiên nhiên và đời sống con người
 - 2.1.2. Đối với ngành Dược
- 2.2. Các phần của thực vật dược
- 2.3. Quan hệ của môn học thực vật với các môn học khác

Chương 7: Tế bào và mô thực vật.

Thời gian: 04 Giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được hình dạng, kích thước, các phần và vẽ được sơ đồ cấu tạo của một tế bào thực vật

1.2. Trình bày được khái niệm và phân loại được mô thực vật (đặc điểm chính, chức năng và hình thái của các loại mô thực vật).

2. Nội dung

1. Tế bào thực vật

1.1. Số lượng, hình dạng, kích thước tế bào thực vật

1.2. Cấu tạo của tế bào thực vật

2. Mô thực vật:

2.1. Mô phân sinh

2.2. Mô mềm

2.3. Mô che chở

2.4. Mô nâng đỡ

2.5. Mô dẫn

2.6. Mô tiết

Chương 8: Các cơ quan sinh dưỡng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các phần của một rễ, thân, lá cây

1.2. Phân loại được các rễ, thân, lá dựa trên đặc điểm hình thái.

1.3. Mô tả, vẽ và so sánh được đặc điểm cấu tạo giải phẫu của các loại rễ, thân lá của các đại diện lớp Ngọc lan và lớp Hành.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Rễ cây

2.2.1. Đặc điểm hình thái

2.2.1.1. Các phần của rễ

2.2.1.2. Các loại rễ

2.2. Cấu tạo giải phẫu

2.2.2.1. Cấu tạo cấp 1

2.2.2.2. Cấu tạo cấp 2

2.2.2.3. Cấu tạo cấp 3

2.3. Thân cây

2.3.1. Đặc điểm hình thái

2.3.1.1. Các phần của thân cây

2.3.1.2. Các loại cây

2.3.1.3. Các loại thân cây

2.3.2. Cấu tạo giải phẫu

2.3.2.1. Cấu tạo của thân cây lớp Ngọc lan

- 2.3.2.2. Cấu tạo của thân cây lớp Hành
- 2.4. Lá cây
 - 2.4.1. Đặc điểm hình thái
 - 2.4.1.1. Các phần của lá cây
 - 2.4.1.2. Gân lá
 - 2.4.1.3. Các kiểu lá
 - 2.4.1.4. Cách sắp xếp lá trên cành
 - 2.4.2. Cấu tạo giải phẫu
 - 2.4.2.1. Cấu tạo của lá cây lớp Ngọc lan
 - 2.4.2.2. Cấu tạo của lá cây lớp Hành
- 2.5. Vai trò và ứng dụng trong ngành dược

Chương 9: Các cơ quan sinh sản

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được đặc điểm của cơ quan (bộ phận) sinh sản của nhóm thực vật ôn đới.
- 1.2. Mô tả và vẽ được cấu trúc các phần của một hoa, quả và hạt.
- 1.3. Phân loại được các loại hoa, quả dựa trên các đặc điểm hình thái.
- 1.4. Trình bày được cấu tạo và các kiểu hình thái của các bộ phận sinh sản của hoa (bộ nhị và bộ nhụy).
- 1.5. Phân loại được các kiểu cụm hoa.
- 1.6. Trình bày được sự biến đổi đặc biệt của một số loại hoa, cụm hoa, quả, hạt.
- 1.7. Trình bày được các hình thức thụ phấn của hoa.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm chung
 - 2.1.1. Sinh sản vô tính
 - 2.1.2. Sinh sản sinh dưỡng
 - 2.1.3. Sinh sản hữu tính
- 2.2. Các cơ quan sinh sản của ngành Ngọc lan
 - 2.2.1. Hoa
 - 2.2.2. Quả
 - 2.2.3. Hạt
- 2.3. Vai trò và ứng dụng trong ngành Dược

Chương 10: Phân loại thực vật

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa loài, cách gọi tên loài và các taxon bậc trên loài

1.2. Kể tên được các nhóm thực vật chính và 11 ngành thực vật của các nhóm đó.

2. Nội dung

2.1. Các khái niệm

2.1.1. Loài (species)

2.1.2. Các taxon bậc trên loài:

2.2. Bảng phân loại thực vật

Chương 11: Thực vật bậc thấp.

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Phân biệt được Nấm nhầy và Nấm thực.

1.2. Trình bày được hình thái tản, cấu tạo tế bào và sự sinh sản của Ngành nấm. Trình bày được các phân ngành nấm thực.

1.3. Trình bày được đặc điểm cấu tạo tế bào, hình thái tản, và sự sinh sản của Ngành Tảo.

1.4. Trình bày được đặc điểm và đại diện 3 ngành: Tảo đỏ, Tảo màu, Tảo lục.

2. Nội dung

2.1. Nấm (Fungi)

2.1.1. Ngành nấm nhầy (Myxomycota)

2.1.2. Ngành nấm thực (Mycota)

2.2. Các ngành tảo (Algae)

2.2.1. Đặc điểm chung

2.2.2. Đa dạng và phân loại

Chương 12: Thực vật bậc cao.

Thời gian: 04 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm chung của ngành Rêu, các ngành Quyết, ngành Thông, ngành Ngọc lan.

1.2. Trình bày được đặc điểm, vai trò và đại diện của các họ chính của các ngành Quyết, ngành Thông, ngành Ngọc lan.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm chung

2.2. Ngành Rêu (Bryophyta)

2.3. Ngành Quyết:

2.4. Ngành hạt trần (Gymnospermatophyta) -Ngành Thông (Pinophyta)

2.5. Ngành Ngọc lan (Hạt kín - Magnoliophyta)

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Phương pháp sử dụng kính hiển vi. Soi tế bào, soi tinh bột được liệ

Thời gian: 06 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Sử dụng được kính hiển vi quang học để soi tế bào thực vật (tế bào vảy hành), và một số hạt tinh bột (khoai tây, sắn dây, gạo, đậu, ngô).

1.2. Vẽ được hình dạng một số tế bào, hạt tinh bột.

1.3. Rèn luyện được tác phong thận trọng, tỉ mỉ trong thực hành được.

2. Nội dung

1. Mẫu vật dụng cụ và hóa chất

2. Kính hiển vi

2.1. Cấu tạo kính hiển vi

2.2. Cách sử dụng kính hiển vi

3. Cách làm tiêu bản để soi kính hiển vi

3.1. Tiêu bản tinh bột

3.2. Tiêu bản tế bào vảy hành

Bài 2: Rễ cây.

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Làm được tiêu bản vi học thực vật theo phương pháp bóc, cắt và nhuộm kép.

1.2. Vẽ được sơ đồ cấu tạo tổng quát và cấu tạo chi tiết một phần tiêu bản rễ cây.

1.3. Trình bày và vẽ được các đặc điểm hình thái của rễ cây và phân biệt được các loại rễ cây.

1.4. Phân biệt được các đặc điểm cấu tạo vi học của rễ cây cấp một và cấp hai.

2. Nội dung

2.1. Phương pháp làm tiêu bản vi phẫu

2.1.1. Mẫu vật, dụng cụ và hóa chất

2.1.2. Phương pháp làm tiêu bản vi học thực vật

2.2. Phương pháp vẽ tiêu bản vi phẫu

2.2.1. Mẫu vật, dụng cụ

2.2.2. Một số yêu cầu của hình vẽ

2.2.3. Các cách vẽ

2.3. Rễ cây

2.3.1. Mẫu vật, dụng cụ và hóa chất

2.3.2. Hình thái của rễ

2.3.3. Cấu tạo giải phẫu của rễ cây

Bài 3: Thân cây.

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày và vẽ được các đặc điểm hình thái của thân cây và phân biệt được các loại thân cây.

1.2. Phân biệt được cấu tạo cấp một và cấp hai của các loại thân cây lớp Ngọc lan và lớp Hành.

1.3. Làm được tiêu bản vi học, vẽ được một phần cấu tạo chi tiết, vẽ sơ đồ tổng quát của các loại thân cây: Hương nhu trắng, Thiên môn đông.

1.4. Rèn luyện được tác phong thận trọng, tỉ mỉ trong thực hành được.

2. Nội dung:

2.1. Mẫu vật, dụng cụ và hóa chất

2.2. Hình thái của thân

2.2.1. Nhận dạng các phần của một thân

2.2.2. Nhận dạng các loại thân cây

2.3. Cấu tạo giải phẫu của thân cây

2.3.1. Cấu tạo thân cây lớp Ngọc lan (Magnoliopsida):

2.3.2. Cấu tạo thân cây lớp Hành (Liliopsida)

Bài 4: Lá cây

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Phân biệt được các đặc điểm hình thái của một lá cây và vẽ được cấu tạo các loại lá.

1.2. Làm được tiêu bản lá cây Trúc đào

1.3. Rèn luyện được tác phong thận trọng, tỉ mỉ trong thực hành được.

2. Nội dung

2.1. Mẫu vật, dụng cụ và hóa chất

2.2. Hình thái lá

2.2.1. Nhận biết các phần của lá

2.2.2. Phân biệt các thứ lá

2.2.3. Phân biệt các kiểu gân lá, cách sắp xếp của lá trên cành

2.3. Cấu tạo giải phẫu

2.3.1. Cấu tạo lá cây lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)

2.3.2. Cấu tạo lá cây lớp Hành (Liliopsida)

Bài 5: Hoa

Thời gian: 03 Giờ

1. Nội dung:

1.1. Làm quen và sử dụng thành thạo các dụng cụ thông thường để phân tích hình thái hoa.

1.2. Phân loại và vẽ được các kiểu cụm hoa

1.3. Phân biệt và vẽ được đặc điểm hình thái của các bộ phận trong một hoa như đế, đài, tràng, bộ nhị, bộ nhụy.

1.4. Rèn luyện được tác phong thận trọng, tỉ mỉ trong thực hành được.

2. Nội dung:

2.1. Mẫu vật, dụng cụ

2.2. Nhận dạng các kiểu cụm hoa (hoa tự)

2.2.1. Hoa mọc riêng lẻ: Dâm bụt, Hồng, Cà độc dược

2.2.2. Cụm hoa

2.3. Nhận dạng cấu tạo các phần của một hoa

Bài 6: Quả và hạt.

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Làm quen và sử dụng thành thạo các dụng cụ thông thường để phân tích hình thái quả.

1.2. Phân biệt và vẽ được các đặc điểm hình thái của một quả.

1.3. Phân tích và vẽ được cấu tạo của hạt nói chung và các kiểu hạt đã được quan sát.

1.4. Rèn luyện được tác phong thận trọng, tỉ mỉ trong thực hành được.

2. Nội dung:

2.1. Quả

2.1.1. Mẫu vật, dụng cụ

2.1.2. Các phần của quả

2.1.3. Các loại quả

2.2. Hạt

2.2.1. Mẫu vật, dụng cụ

2.2.2. Các phần của hạt

2.2.3. Các loại hạt đặc biệt

Bài 7: Phân loại thực vật.

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa loài, cách gọi tên loài và các taxon bậc trên loài.

1.2. Kể tên được các nhóm thực vật chính và 11 ngành thực vật của các nhóm đó.

2. Nội dung

2.1. Các khái niệm.

2.1.1. Loài (species).

2.1.2. Các taxon bậc trên loài.

2.2. Bảng phân loại thực vật.

Bài 8: Thực địa vườn. Phương pháp làm mẫu khô thực vật.

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nhận thức được 20 mẫu cây thuốc bằng các giác quan thông thường, gọi tên tiếng việt của chúng.

1.2. Tìm và nhận dạng được các cây thuốc trong các họ.

1.3. Làm được tiêu bản mẫu khô thực vật.

1.4. Rèn luyện được tác phong thận trọng, tỉ mỉ trong thực hành được.

2. Nội dung:

1. Tìm và nhận dạng được các cây thuốc trong các họ sau:

Họ Hồ tiêu, họ Rau răm, họ Thầu dầu, họ Đậu, La đơn, họ Gừng, họ Trúc đào, họ Nhân sâm, Họ Hoa môi, họ Cúc, họ Mạch môn, họ Thiên môn, họ cà phê, họ Hoa tán, họ Dâu tằm, họ Táo ta, họ Lúa.

2. Mẫu vật và dụng cụ.

3. Thu mẫu tiêu bản.

4. Ép mẫu cây khô.

5. Khâu mẫu tiêu bản.

6. Bảo quản tiêu bản.

7. Sắp xếp và quản lý tiêu bản.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết, phòng thực hành thực vật - dược liệu, vườn thực vật - dược liệu.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, kính hiển vi, dụng cụ làm tiêu bản, dụng cụ ép mẫu cây khô, tủ đựng kính hiển vi,...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, bài giảng, tiêu bản mẫu, tranh ảnh các bộ phận. Dụng cụ thực hành: Lamen, lam kính, bình nhỏ giọt, bình

đựng hóa chất, kim mũi mác, giấy lọc, đèn cồn, ống nghiệm. Hóa chất: dung dịch javen, dung dịch xanh methylen, dung dịch phenol đỏ.

4. Các điều kiện khác: Vườn thực địa, bảo đảm an toàn vệ sinh, môi trường trong quá trình thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Đánh giá kiến thức về: tế bào và mô thực vật cơ quan sinh dưỡng, sinh sản, phân loại thực vật.

- Kỹ năng:

Làm việc nhóm, thuyết trình trước đám đông, sử dụng kính, làm tiêu bản, phân loại thực vật

- Thái độ:

+ Rèn luyện được tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành kiểm nghiệm.

+ Sinh viên có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình học tập và nghiên cứu.

2. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 02 điểm số lí thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lí thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 02 điểm số lí thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: Bốc thăm đánh giá kĩ năng tại phòng thực hành.

Công cụ: Bảng kiểm các quy trình thực hành. Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng dược chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng
- Thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, phát huy tính tích cực của học sinh.
- Thực hành: Tại Labo
- Phân tích từng bước tiến hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5
- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lý thuyết 90 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 7,8,9,12 là trọng tâm.

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy

Khoa Dược – YHCT, Ngô Thị Hồng Quế (2025), *Giáo trình thực vật - đọc viết tên thuốc*, lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo

1. Bộ môn Đông dược - Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ (2022), *Giáo trình đào tạo dược sỹ - Thực vật dược*, CTCP Nhà in Khoa học và Công nghệ.

2. Bộ môn Thực vật - Trường Đại học Dược Hà Nội (2022), PGS.TS. Trần

Văn Ôn, *Thực vật dược*, Nhà xuất bản Y học .

3. GS.TS Đỗ Tất Lợi (tái bản lần thứ 8, cập nhật đến năm 2025). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học .

4. Võ Văn Chi (tái bản 2022), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.

5. Lê Thị Trễ (2020), *Phân loại học Thực Vật*, NXB Đại học Huế.

6. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (2007), *Sách đỏ Việt Nam - Phần thực vật*, NXB KHKT, Hà Nội.

7. GS.TS Nguyễn Hà (2024) *Giáo trình Thực vật học* , NXB giáo dục

8. Nguyễn Thúy Dân (2007), *Giáo trình viết và đọc tên thuốc*, NXB Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TỔ CHỨC VÀ PHÁP CHẾ DƯỢC

Mã môn học: MH 20

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Là môn học chuyên ngành có thực hành, thảo luận, bài tập, được bố trí ở học kì V. Sau các môn học chuyên ngành Dược liệu, hóa dược, Dược lý, kiểm nghiệm thuốc.

2. Tính chất:

- Tổ chức Dược: Nhằm giúp sinh viên có kiến thức về tổ chức y tế, về lịch sử ngành Dược, mô hình tổ chức và quản lý Nhà nước về y dược; mục tiêu công tác y tế, các chính sách thuốc quốc gia, chính sách thuốc thiết yếu;

- Pháp chế dược giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản pháp qui của nhà nước và các văn bản pháp qui chủ yếu trong ngành Dược. Thông qua Môn học này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản và các tình huống thực tế liên quan tới thực hành nghề nghiệp. Qua đó, người học có khả năng vận dụng và chấp hành tốt các quy định pháp lý khi hành nghề;

II. Mục tiêu môn học:

1. Kiến thức:

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về hệ thống văn bản pháp quy của nhà nước có liên quan chủ yếu đến các lĩnh vực hoạt động dược của Việt Nam.

1.2. Phân tích được các nội dung chính yếu của một số văn bản pháp quy dược có tính phổ biến và thông dụng nhất tại Việt Nam.

2. Về kỹ năng

2.1. Thực hiện đúng các Quy định của pháp luật liên quan đến các hoạt động kinh doanh dược;

2.2. Thực hiện các nghiệp vụ về dược đúng quy chế trong phạm vi nhiệm vụ dược giao.

2.3. Vận dụng được các văn bản pháp quy về Dược trong hành nghề Dược tại Việt Nam.

2.4. Thực hiện tổ chức và triển khai được các thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm tra chất lượng, phân phối bảo quản, cung ứng thuốc theo tiêu chuẩn thực hành tốt gồm: GMP, GLP, GDP, GSP, GPP.

2.5. Triển khai thực hiện các văn bản pháp quy về dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

2.6. Triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và các chương trình y tế quốc gia.

2.7. Thu thập, tổng hợp và phổ biến được các thông tin liên quan đến thuốc và sức khỏe.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập cũng như trong hoạt động nghề nghiệp.

3.2. Tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật và thực thi nhiệm vụ của một cán bộ dược có trình độ cao đẳng.

3.3. Chủ động trong công việc, tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình; trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tự chịu trách nhiệm trong chuyên môn nghiệp vụ được giao; tích cực, chủ động trong làm việc nhóm.

3.4. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

3.5. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Lịch sử ngành dược thế giới và ngành dược Việt Nam	2	2		
2	Chương 2: Tổ chức ngành Y tế và ngành dược Việt Nam	10	4	6	

2.

3	Chương 3: Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân- luật Dược- Luật khám chữa bệnh	3	3		
4	Chương 4: Chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam	4	4		
5	Chương 5: Thuốc thiết yếu và chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu	3	3		
6	Chương 6: Quy định quản lý thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất	15	6	9	
7	Chương 7: Quy định kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú	10	4	6	
8	Chương 8: Các quy định ghi nhãn thuốc	9	3	6	1
9	Chương 9: Quy định về hành nghề kinh doanh	3	3		
10	Chương 10: Các quy định về quản lý chất lượng thuốc	4	4		
11	Chương 11: Quy định về thanh tra dược	3	3		
12	Chương 12: Các quy định về thông tin, quảng cáo thuốc	4	4		1
	Kiểm tra				3
	CỘNG	75	43	27	5

Nội dung chi tiết:

Chương 1: Lịch sử ngành dược thế giới và ngành dược Việt Nam.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được những nét tổng quát về sự ra đời và sự phát triển của ngành dược thế giới và Việt Nam qua một số giai đoạn lịch sử.

1.2. Trình bày được những đặc điểm lịch sử trong các giai đoạn của lịch sử ngành dược thế giới và ngành dược Việt Nam.

2. Nội dung chương:

2.1. Lịch sử tổ chức ngành Dược thế giới

2.1.1. Y dược học thời cổ đại

2.1.2. Ngành dược tách khỏi ngành Y

2.1.3. Ngành dược hiện đại

2.2. Lịch sử ngành dược Việt Nam

2.2.1. Thời cổ đại

2.2.2. Sự giao hữu giữa Y và dược Việt Nam và Y dược Trung Quốc

2.2.3. Nền Y - dược học dưới các triều đại phong kiến Việt Nam

2.2.4. Dược học dưới thời pháp thuộc và sự hình thành ngành Dược Việt Nam

2.2.5. Ngành dược Việt Nam sau cách mạng tháng tám.

2.2.6. Sự phát triển của ngành dược học trong giai đoạn thống nhất đất nước từ 1975 đến nay

Chương 2: Tổ chức ngành Y tế và ngành dược Việt Nam

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của ngành Y tế Việt Nam.

1.2. Trình bày được tổ chức, nhiệm vụ và đặc điểm của ngành Dược Việt Nam.

2. Nội dung chương:

2.1. Tổ chức ngành Y tế Việt Nam

2.1.1. Khu vực cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị trực thuộc bộ

2.1.2. Khu vực cơ quan Y tế trực thuộc UBND tỉnh, thành phố

2.1.3. Khu vực cơ quan Y tế trực thuộc Bộ ngành khác

2.1.4. Chức năng và nhiệm vụ

2.1.5. Tổ chức bộ máy của các đơn vị trực thuộc bộ

2.1.6. Tổ chức y tế địa phương

2.2. Tổ chức ngành dược Việt Nam

2.2.1. Một số đặc điểm của ngành dược Việt Nam

2.2.2. Các cấp tổ chức trong ngành Dược

Chương 3: Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân- luật Dược- Luật khám chữa bệnh

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, tính chất, chức năng của pháp luật.

1.2. Trình bày được các loại văn bản ban hành về công tác dược hiện nay.

1.3. Trình bày tóm tắt nội dung chính của Luật dược.

2. Nội dung chương:

2.1. Một số khái niệm

2.2. Vai trò của các văn bản pháp lý

2.3. Những vấn đề chung về pháp luật

2.3.1. Khái niệm về pháp luật

2.3.2. Các tính chất cơ bản của pháp luật

2.3.3. Các chức năng của pháp luật

2.4. Luật dược

Chương 4: Chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được sự cần thiết phải có chính sách quốc gia về thuốc.

1.2. Trình bày được mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể trong chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam.

1.3. Trình bày chính sách cụ thể trong chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam.

1.4. Trình bày được tình hình triển khai và thực hiện chính sách quốc gia về thuốc đã thực hiện tại địa phương.

2. Nội dung chương:

2.1. Sự cần thiết phải có chính sách quốc gia về thuốc

2.2. Mục tiêu của chính sách quốc gia về thuốc Việt Nam

2.2.1. Mục tiêu chung

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

2.3. Các chính sách cụ thể

2.3.1. Thuốc thiết yếu - Sử dụng thuốc hợp lý và an toàn

2.3.2. Đảm bảo chất lượng thuốc

2.3.4. Thuốc cổ truyền

2.3.5. Đào tạo nhân lực dược

2.3.6. Thông tin về thuốc

2.3.7. Tăng cường công tác quản lý về dược

2.3.8. Nghiên cứu khoa học, hợp tác trong và ngoài nước về dược

Chương 5: Thuốc thiết yếu và chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu

Thời gian: 3 giờ

1. Thuốc thiết yếu

1.1. Khái niệm thuốc thiết yếu

1.2. Nguyên tắc lựa chọn thuốc thiết yếu

1.3. Khái niệm và đặc điểm của danh mục thuốc thiết yếu

1.4. Nguyên tắc xây dựng Danh mục thuốc thiết yếu

1.5. Sự cần thiết và ưu điểm của danh mục thuốc thiết yếu

2. Chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu- Chương trình thuốc thiết yếu

2.1. Mục tiêu chung

2.2. Mục tiêu cụ thể

3. Một số chính sách cung ứng thuốc đặc biệt

3.1. Chính sách cung ứng thuốc dự trữ phòng chống dịch bệnh, thiên tai

3.2. Chính sách thuốc chừa phòng và điều trị các bệnh xac hội và y tế công cộng

3.3. Chinhachs cung ứng thuốc cho các đối tượng chính sách xã hội

3.4. Chính sách thuốc cho bảo hiểm y tế

Chương 6: Quy định quản lý thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất.

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của thông tư quy định các hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện (GN), hướng tâm thần (HTT) và tiền chất (TC)

1.2. Trình bày được các quy định chung về việc kê đơn, ghi nhãn thuốc, giao nhận, vận chuyển, báo cáo, lưu giữ sổ sách, hủy thuốc, pha chế, sử dụng thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất.

1.3. Trình bày được các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất: Sản xuất, xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ.

1.4. Trình bày được các quy định liên quan đến hoạt động pha chế, cấp phát, sử dụng, bảo quản thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất tại các cơ sở y tế, trung tâm cai nghiện.

1.5. Trình bày được các thủ tục dự trừ và xét duyệt dự trừ, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất.

1.6. Phân biệt được các loại đơn thuốc, phiếu lĩnh thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất. Vận dụng quy chế để vẽ được sơ đồ mạng lưới phân phối thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất, cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.

2. Nội dung chương:

2.1. Quy định chung

2.1.1. Một số khái niệm

2.1.2. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

2.1.3. Các quy định chung về các hoạt động liên quan đến thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất

2.2. Các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất.

2.2.1. Các nguyên tắc chung

2.2.2. Sản xuất

2.2.3. Xuất nhập khẩu - bán buôn

2.2.4. Bán lẻ

2.3. Các quy định liên quan đến hoạt động pha chế, cấp phát, sử dụng, bảo quản thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất tại cơ sở y tế, trung tâm cai nghiện.

2.3.1. Pha chế

2.3.2. Cấp phát và sử dụng

2.3.3. Bảo quản thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất tại khoa dược, tủ thuốc trực, tủ thuốc cấp cứu.

2.4. Hồ sơ, thủ tục và quy định liên quan đến việc dự trữ - duyệt dự trữ, xuất khẩu - nhập khẩu thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất.

2.4.1. Dự trữ

2.4.2. Duyệt dự trữ

2.5. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

2.5.1. Kiểm tra và thanh tra

2.5.2. Xử lý vi phạm

2.6. Bài tập ứng dụng:

2.6.1. Phân loại được các biệt dược cần quản lý hay miễn quản lý theo danh mục các thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần - TCDLT

2.6.2. Vận dụng được các quy định liên quan hoạt động kinh doanh, pha chế, cấp phát, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần vào thực tế.

2.6.3. Lập dự trữ được các thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc.

2.6.4. Làm được báo cáo tồn kho, sử dụng, báo cáo nhầm lẫn, thất thoát hoặc khi có nghi ngờ thất thoát thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất tại các cơ sở y tế. Lập được qui trình hủy thuốc .

Chương 7: Quy định kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các điều kiện của người kê đơn và các thuốc phải kê đơn.

1.2. Trình bày được các quy định liên quan đến đơn và kê đơn thuốc.

1.3. Trình bày được các hướng dẫn cơ bản của WHO về thực hành kê đơn thuốc tốt.

1.4. Phân biệt được các loại đơn thuốc và biết vận dụng quy chế để kiểm tra một số đơn thuốc cụ thể.

2. Nội dung chương:

2.1. Quy định chung

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.1.3. Điều kiện của người kê đơn

2.1.4. Danh mục thuốc phải kê đơn

2.1.5. Danh mục thuốc không kê đơn

2.2. Quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc

2.2.1. Mẫu đơn thuốc

2.2.2. Trách nhiệm của người kê đơn thuốc

2.2.3. Những quy định về ghi đơn thuốc

2.2.4. Các trường hợp quy định đặc biệt

2.2.5. Thời gian đơn thuốc có giá trị mua và lĩnh thuốc

2.3. Bán thuốc theo đơn

2.3.1. Sổ sách bán thuốc theo đơn

2.3.2. Trách nhiệm của người bán thuốc

2.4. Hướng dẫn thực hành kê đơn thuốc tốt của WHO

2.4.1. Quá trình thực hiện kê đơn, điều trị hợp lý

2.4.2. Hướng dẫn lựa chọn thuốc

2.4.3. Kê đơn thuốc

2.4.4. Cung cấp thông tin, hướng dẫn và cảnh báo cho bệnh nhân

2.5. Bài tập ứng dụng

2.5.1. Phân tích được sự đúng sai của một số đơn thuốc.

2.5.2. Ra quyết định cung cấp, hoặc không cung cấp thuốc sau khi phân tích đơn.

2.5.3. Sẵn sàng xử lý tình huống cụ thể về quy định kê đơn thuốc khi xét đơn..

Chương 8: Các quy định ghi nhãn thuốc.

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các khái niệm và yêu cầu chung về nhãn thuốc.
- 1.2. Trình bày được các quy định của một nhãn thuốc thông thường.
- 1.3. Trình bày được các quy định của nhãn thuốc đặc biệt và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
- 1.4. Có khả năng thiết kế được một nhãn thuốc theo đúng quy định của quy chế.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Quy định chung
 - 2.1.1. Một số khái niệm
 - 2.1.2. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh
 - 2.1.3. Các yêu cầu về nhãn thuốc
- 2.2. Nội dung của nhãn thuốc
 - 2.2.1. Nhãn thuốc thông thường
 - 2.2.2. Các nhãn thuốc đặc biệt
- 2.3. Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc
 - 2.3.1. Yêu cầu tờ hướng dẫn sử dụng thuốc
 - 2.3.2. Nội dung của tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
- 2.4. Bài tập ứng dụng
 - 2.4.1. Thiết kế được nội dung cần thiết ghi trên nhãn thuốc thường.
 - 2.4.2. Thiết kế được nội dung cần thiết ghi trên nhãn thuốc đặc biệt.
 - 2.4.3. Thiết kế được nội dung tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

Chương 9: Quy định về hành nghề kinh doanh dược phẩm

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được những cơ sở pháp lý cho việc hình thành các loại hình kinh doanh dược phẩm.
- 1.2. Trình bày được những tiêu chuẩn và thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề dược.
- 1.3. Trình bày được các quy định cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện kinh doanh thuốc.

1.4. Trình bày được phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ sở kinh doanh dược.

2. Nội dung chương:

2.1. Những cơ sở pháp lý cho việc ra đời các loại hình hành nghề dược

2.1.1. Cơ sở pháp lý

2.1.2. Các loại hình hành nghề kinh doanh dược phẩm

2.2. Quy định về cấp chứng chỉ hành nghề dược

2.2.1. Khái niệm về chứng chỉ hành nghề dược

2.2.2. Tiêu chuẩn để được cấp chứng chỉ hành nghề dược

2.2.3. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề dược

2.2.4. Giá trị, thời hạn của chứng chỉ hành nghề dược

2.2.5. Thu hồi chứng chỉ hành nghề dược

2.3. Quy định về chứng chỉ đủ điều kiện kinh doanh thuốc

2.3.1. Khái niệm về chứng chỉ đủ điều kiện kinh doanh thuốc

2.3.2. Tiêu chuẩn để được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc

2.3.3. Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc

2.3.4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc

2.3.5. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc

2.3.6. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc

2.3.7. Thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc

2.4. Phạm vi hành nghề, quyền hạn và trách nhiệm của người hành nghề dược

2.4.1. Phạm vi hành nghề Dược

2.4.2. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở, người hành nghề dược

Chương 10: Các quy định về quản lý chất lượng thuốc

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được được khái niệm: Chất lượng hàng hóa, chất lượng thuốc, thuốc giả, thuốc kém phẩm chất.

1.2. Trình bày được 7 nội dung đảm bảo chất lượng thuốc.

1.3. Trình bày được 4 giai đoạn quyết định chất lượng thuốc, 5 cấp độ quản lý chất lượng thuốc, các nhân tố quyết định chất lượng sản phẩm.

1.4. Trình bày các quy định chủ yếu trong nội dung của quy chế quản lý chất lượng thuốc.

1.5. Trình bày các địa chỉ ưu tiên và các địa chỉ cần thiết để lấy mẫu thuốc cho công tác kiểm tra chất lượng thuốc.

1.6. Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

2. Nội dung chương:

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Định nghĩa thuốc

2.1.2. Định nghĩa chất lượng thuốc

2.1.3. Định nghĩa thuốc giả

2.1.4. Định nghĩa thuốc kém chất lượng

2.1.5. Dược điển

2.2. Các nội dung cơ bản đảm bảo chất lượng thuốc

2.2.1. Các giai đoạn quyền định chất lượng thuốc

2.2.2. Các nhân tố quyết định chất lượng của thuốc

2.2.3. Quan niệm hiện đại về quản lý chất lượng thuốc toàn diện

2.3. Các nội dung cơ bản đảm bảo chất lượng thuốc

2.3.1. Thử nghiệm và đánh giá thuốc tiền lâm sàng và lâm sàng

2.3.2. Giám sát, đánh giá chất lượng thuốc qua tiêu chuẩn chất lượng thuốc

2.3.3. Giám sát, thực hiện chặt chẽ việc đăng ký thuốc

2.3.4. Thực hành sản xuất thuốc tốt (GMP)

2.3.5. Kiểm tra chất lượng thuốc

2.3.6. Bảo quản, tồn trữ, mua và phân phối thuốc (GSP, GDP)

2.3.7. Đảm bảo sử dụng thuốc an toàn và hợp lý

2.4. Các quy định về chất lượng thuốc

2.4.1. Quy định chung

2.4.2. Kiểm tra chất lượng thuốc

2.4.3. Quy định về việc đình chỉ lưu hành, thu hồi thuốc và xử lý thuốc vi phạm chất lượng.

2.5. Bài tập ứng dụng

2.5.1. Thiết kế được qui trình kiểm tra chất lượng thuốc?

2.5.2. Thiết kế được sơ đồ về hệ thống kiểm nghiệm thuốc ở Việt Nam

2.5.3. Vận dụng được kiến thức vào giải quyết các tình huống cụ thể.

Chương 11: Quy định về thanh tra dược

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được hệ thống tổ chức thanh tra dược, vai trò và chức năng thanh tra dược trong ngành y tế.

- 1.2. Trình bày được trách nhiệm và quyền hạn của thanh tra dược.
- 1.3. Trình bày được các hình thức, phương pháp và trình tự thanh tra dược.
- 1.4. Trình bày được nội dung thanh tra cơ sở sản xuất thuốc, cơ sở bán thuốc trực tiếp cho người.

- 1.5. Trình bày được một số hành vi vi phạm hành chính về hành nghề dược.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Vai trò của công tác thanh tra trong ngành y tế
 - 2.1.1. Vị trí chức năng của thanh tra y tế và thanh tra dược
 - 2.1.2. Tiêu chuẩn thanh tra dược
 - 2.1.3. Phân biệt giữa thanh tra và kiểm tra
- 2.2. Tổ chức thanh tra dược trong ngành y tế
 - 2.2.1. Thanh tra dược bộ y tế
 - 2.2.2. Thanh tra dược sở y tế
- 2.3. Trách nhiệm, phạm vi quyền hạn thanh tra dược
 - 2.3.1. Trách nhiệm
 - 2.3.2. Phạm vi quyền hạn
 - 2.3.3. Mối quan hệ giữa thanh tra dược và cơ quan quản lý dược
- 2.4. Nội dung, hình thức, phương pháp và trình tự thanh tra
 - 2.4.1. Nội dung thanh tra dược
 - 2.4.2. Hình thức thanh tra
 - 2.4.3. Phương pháp thanh tra
 - 2.4.4. Trình tự thanh tra
 - 2.4.5. Chú ý
 - 2.4.6. Nội dung quy trình thanh tra dược chuẩn
- 2.5. Một số nội dung thanh tra các cơ sở dược
 - 2.5.1. Thanh tra cơ sở bán thuốc trực tiếp cho người
 - 2.5.2. Thanh tra các cơ sở sản xuất thuốc

Chương 12: Các quy định về thông tin, quảng cáo thuốc

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được những nét đại cương về thông tin, quảng cáo thuốc.
- 1.2. Trình bày được các quy định chung về thông tin, quảng cáo thuốc.
- 1.3. Trình bày được các quy định đối với các hình thức thông tin thuốc cho cán bộ y tế.
- 1.4. Trình bày được các quy định đối với các hình thức quảng cáo thuốc.
- 1.5. Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực hành hoạt động nghề nghiệp.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về thông tin và quảng cáo thuốc

2.1.1. Thông tin

2.1.2. Quảng cáo

2.1.3. Thông tin và quảng cáo thuốc dùng cho người

2.2. Các phạm vi quy định về thông tin, quảng cáo thuốc

2.2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.2.2. Các khái niệm cơ bản

2.2.3. Điều kiện chung về thông tin, quảng cáo thuốc

2.2.4. Phí thẩm định hồ sơ đăng kí thông tin, quảng cáo thuốc

2.2.5. Hành vi nghiêm cấm

2.3. Các quy định cụ thể về thông tin thuốc

2.3.1. Trách nhiệm về thông tin thuốc

2.3.2. Giới hạn thông tin để giới thiệu thuốc cho cán bộ y tế

2.3.3. Quy định đối với các hình thức thông tin thuốc cho cán bộ y tế

2.4. Các quy định về quảng cáo thuốc

2.4.1. Các loại thuốc được quảng cáo

2.4.2. Nội dung quảng cáo thuốc

2.4.3. Quy định đối với các hình thức quảng cáo thuốc

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học

2. Trang thiết bị máy móc: Projector, máy vi tính, bảng, phấn

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn, giáo trình ttoor chức pháp chế dược lưu hành nội bộ và tài liệu phát tay cho sinh viên, luật dược 2016, các thông tư, nghị định triển khai luật Dược. Giấy A4, bút dạ đề thảo luận nhóm, mẫu nhãn thuốc, mẫu đơn thuốc.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Hệ thống các kiến thức về tổ chức quản lý dược.

+ Hệ thống các kiến thức về pháp chế dược.

- Về kỹ năng

+ Thực hiện đúng các Quy định của pháp luật liên quan đến các hoạt động kinh doanh dược;

+ Thực hiện các nghiệp vụ về dược đúng quy chế trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

+ Vận dụng được các văn bản pháp quy về Dược trong hành nghề Dược tại Việt Nam.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập cũng như trong hoạt động nghề nghiệp.

+Thể hiện ý thức của người tham gia hoạt động trong lĩnh vực y tế nói chung và lĩnh vực dược nói riêng.

+Tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật và thực thi nhiệm vụ của một cán bộ dược có trình độ cao đẳng.

2. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 02 điểm số lí thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lí thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 02 điểm số lí thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: kiểm tra theo bài tập tình huống và thảo luận nhóm.

Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng dược chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên: Sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như: Thuyết trình ngắn, phát vấn, tổ chức lớp thảo luận nhóm, hướng dẫn làm mẫu, bài tập tình huống..

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kỳ thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thảo luận, bài tập và có báo cáo kết quả.

- Điểm kiểm tra định kỳ thực hành trên ≥ 5

- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kỳ thường xuyên ≥ 5

- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lý thuyết 90 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Tổ chức ngành Y tế và ngành dược Việt Nam

- Chính sách quốc gia về thuốc, đặc biệt là nhóm thuốc thiết yếu.

- Quy chế quản lý thuốc gây nghiện, hướng tâm thần, tiền chất; kê đơn và bán thuốc theo đơn; hành nghề kinh doanh dược phẩm, quản lý chất lượng thuốc; Luật dược là những kiến thức sát nhất đối với người học.

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy

Khoa Dược-YHCT (2025), *Giáo trình tổ chức và pháp chế Dược*, lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2024). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược số 44/2024/QH15* – hiệu lực từ 01/07/2025. Văn bản hợp nhất số 39/VBHN-VPQH ngày 27/02/2025.

2. Chính phủ (2025). *Nghị định số 163/2025/NĐ-CP* ngày 29/06/2025 – quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Bộ Y tế (2025). *Thông tư số 31/2025/TT-BYT* ngày 01/07/2025 – hướng dẫn thi hành Luật Dược và Nghị định 163/2025/NĐ-CP.

4. Bộ Y tế (2025). *Thông tư số 26/2025/TT-BYT* ngày 30/6/2025 quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

5. Bộ Y tế (2024). *Thông tư số 27/2024/TT-BYT ngày 01/11/2024*, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2017/TT-BYT quy định quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất, có hiệu lực từ ngày 30/01/2025

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: BẢO CHẾ

Mã môn học: MH 21

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 58 giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 5 giờ;)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Là môn học chuyên ngành bắt buộc bao gồm lý thuyết và thực hành. Được bố trí học vào học kì V. Sau khi đã học xong một số môn chuyên ngành như Kiểm nghiệm, Hóa dược - Dược lý.

2. Tính chất: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, ưu nhược điểm, thành phần, kỹ năng cơ bản để bào chế, tiêu chuẩn chất lượng và bảo quản các dạng thuốc thông dụng. Hướng dẫn sử dụng các dạng thuốc an toàn, hợp lý. Phần thực hành nhằm minh họa, soi sáng cho phần lý thuyết giúp người học làm quen với các kỹ thuật bào chế cơ bản và bào chế được một số dạng thuốc thông thường ở quy mô phòng thực hành.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức

- 1.1. Trình bày được khái niệm, thành phần chính của dạng thuốc
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc bào chế và cấu tạo của các dạng thuốc
- 1.3. Xây dựng được công thức bào chế thích hợp nhất cho các dạng thuốc thông thường
- 1.4. Trình bày được tiêu chuẩn chất lượng của dạng thuốc và cách đánh giá

2. Về kỹ năng

- 2.1. Phân tích công thức và lập quy trình bào chế một số dạng thuốc thông thường.
- 2.2. Triển khai và kiểm soát được quá trình sản xuất thuốc tốt theo tiêu chuẩn thực hành tốt GMP.
- 2.3. Hướng dẫn đúng cách bảo quản và cách dùng các dạng thuốc.

3. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm

- 3.1 Chủ động trong công việc, tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình; trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tự chịu trách nhiệm trong chuyên môn nghiệp vụ được giao.

3.2. Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn trong lĩnh vực bào chế thuốc, các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quan và phân bố thời gian.

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về môn học bào chế		2	0	
2	Chương 2: Kỹ thuật đóng đo trong bào chế		3	0	
3	Chương 3: Kỹ thuật nghiền, tán rây trộn đều		2	0	
4	Chương 4: Kỹ thuật hòa tan làm trong		2	0	
5	Chương 5: Kỹ thuật khử khuẩn trong bào chế		2	0	
6	Chương 6: Các dạng thuốc điều chế bằng phương pháp chiết xuất		6	3	
7	Chương 7: Dung dịch thuốc		6	3	
8	Chương 8: Thuốc tiêm		3	0	
9	Chương 9: Thuốc tiêm truyền		2	0	
10	Chương 10: Thuốc nhỏ mắt		2	3	
11	Chương 11. Nhũ tương thuốc		4	3	
12	Chương 12: Hỗn dịch thuốc		3	3	
13	Chương 13: Thuốc phun mù		2	0	
14	Chương 14: Thuốc bột		2	0	
15	Chương 15: Thuốc cốm		2	3	
17	Chương 16: Thuốc viên nén		4	3	
18	Chương 17: Thuốc nang		4	3	
19	Chương 18: Thuốc mỡ		3	0	
20	Chương 19: Thuốc đặt		4	3	
Tổng		90	58	27	5

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Đại cương về môn học bào chế.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Tóm tắt được một số giai đoạn chính về lịch sử phát triển môn học

1.2. Trình bày được một số khái niệm thường dùng trong bào chế: dạng thuốc, dược chất, tá dược, chế phẩm, biệt dược.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm về bào chế

2.2. Vài nét về lịch sử phát triển

2.3. Vị trí môn bào chế

2.4. Một số khái niệm hay dùng trong bào chế

2.4.1. Dạng thuốc

2.4.2. Chế phẩm

2.4.3. Biệt dược

Chương 2: Kỹ thuật đóng đo trong bào chế.

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được 6 dụng cụ đóng đo thể tích thương dùng trong bào chế.

1.2. Trình bày được công dụng của 6 dụng cụ và kỹ thuật sử dụng.

2. Nội dung

2.1. Đóng đo thể tích chất lỏng

2.1.1. Dụng cụ đóng đo trong bào chế thường dùng

2.1.2. Kỹ thuật sử dụng

2.2. Đo tỷ trọng

2.2.1. Định nghĩa tỷ trọng

2.2.2. Đo tỷ trọng một chất lỏng

2.3. Đo độ cồn

2.3.1. Khái niệm độ cồn

2.3.2. Dụng cụ đo độ cồn

2.3.3. Cách xác định độ cồn

Chương 3: Kỹ thuật nghiền, tán rây trộn đều.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tên, đặc điểm các dụng cụ thường dùng để nghiền, tán, rây, trộn đều.

1.2. Trình bày được kỹ thuật sử dụng các dụng cụ có trong bài học.

2. Nội dung

- 2.1. Các loại dụng cụ
 - 2.1.1. Cối chày
 - 2.1.2. các máy nghiền, giã
- 2.2. Rây
 - 2.2.1. Cách xác định độ mịn của bột
 - 2.2.2. Cách sử dụng rây
- 2.3. Trộn đều
 - 2.3.1. Các loại dụng cụ dùng để trộn đều
 - 2.3.2. Kỹ thuật trộn đều
- 2.4. Kỹ thuật nghiền, tán một số nguyên liệu
 - 2.4.1. Hóa chất
 - 2.4.2. Dược liệu thảo mộc, động vật
- 2.5. Một số ví dụ nghiền tán dược chất thành bột

Chương 4: Kỹ thuật hòa tan làm trong. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các khái niệm: Hoà tan, hệ số hoà tan và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hoà tan.
- 1.2. Trình bày được các phương pháp hoà tan, làm trong thường dùng trong bào chế thuốc.
- 1.3. Trình bày được kỹ thuật hoà tan, làm trong.

2. Nội dung

- 2.1. Hòa tan
 - 2.1.1. Yếu tố ảnh hưởng đến độ hòa tan
 - 2.1.2. Hệ số hòa tan
 - 2.1.3. Phương pháp hòa tan
- 2.2. Làm trong dung dịch
 - 2.2.1. Vật liệu lọc
 - 2.2.2. Phương pháp lọc

Chương 5: Kỹ thuật khử khuẩn trong bào chế. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các phương pháp khử khuẩn trong bào chế thuốc
- 1.2. Trình bày được kỹ thuật sử dụng tủ sấy, nồi hấp để khử khuẩn dụng cụ pha chế và các chế phẩm thuốc.

2. Nội dung

- 2.1. Các phương pháp khử khuẩn
 - 2.1.1. Khử khuẩn bằng phương pháp vật lý
 - 2.1.2. Khử khuẩn bằng phương pháp hóa học

2.2. Kỹ thuật sử dụng nồi hấp, tủ sấy để khử khuẩn trong bào chế

2.2.1. Nồi hấp

2.2.2. Tủ sấy

Chương 6: Các dạng thuốc điều chế bằng phương pháp chiết xuất

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đặc điểm của dược liệu, dung môi để chiết xuất bào chế dịch chiết, cao, cồn.

1.2. So sánh được ưu nhược điểm phương pháp ngâm nóng, ngâm lạnh.

1.3. Trình bày được nguyên tắc, qui trình chiết xuất bằng phương pháp ngâm kiệt.

1.4. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất, chất lượng chiết.

1.5. Trình bày được kỹ thuật điều chế cồn thuốc, cao thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về hòa tan, chiết xuất

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Dược liệu và dung môi để điều chế dịch chiết

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ và hiệu suất chiết xuất

2.2.1. Độ mịn của dược liệu

2.2.2. Tỷ lệ giữa dược liệu và dung môi

2.2.3. pH của dung môi

2.2.4. Chênh lệch nồng độ và điều kiện thủy động

2.2.5. Nhiệt độ

2.2.6. Thời gian chiết xuất

2.2.7. Chất diện hoạt

2.3. Các phương pháp hòa tan chiết xuất

2.3.1. Phương pháp ngâm

2.3.2. Phương pháp ngâm nhỏ giọt

2.4. Các dạng thuốc điều chế bằng phương pháp chiết xuất

2.4.1. Cồn thuốc

2.4.2. Cao thuốc

Chương 7: Dung dịch thuốc.

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm, phân loại dung dịch thuốc, chất tan và dung môi.

1.2. Trình bày được kỹ thuật điều chế nước cất và nước khử khoáng.

1.3. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến độ tan và tốc độ tan của dược chất, vận dụng trong kỹ thuật điều chế dung dịch thuốc.

1.4. Lập được quy trình điều chế các dung dịch thuốc thông thường dùng để uống và dùng ngoài

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Ưu, nhược điểm

2.1.3. Phân loại

2.1.4. Thành phần

2.2. Các dung môi thường dùng

2.2.1. Nước – Kỹ thuật điều chế nước cất

2.2.2. Cồn ethylic

2.2.3. Glycerin

2.2.4. Propylen glycol

2.2.5. Dầu thực vật

2.2.6. dầu paraffin

2.3. Kỹ thuật pha chế dung dịch thuốc

2.3.1 Chuẩn bị

2.3.2. Pha chế

2.4. Yêu cầu chất lượng của dung dịch thuốc

2.5. Một số công thức dung dịch thuốc uống và dùng ngoài

2.5.1. Dung dịch thuốc nước

2.5.2. Siro đơn – siro thuốc

2.5.3. Potio

2.5.4. Nước thơm

Chương 8: Thuốc tiêm.

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa, cách phân loại, ưu nhược điểm và thành phần thuốc tiêm.

1.2. Trình bày kỹ thuật điều chế của thuốc tiêm.

1.3. Trình bày được yêu cầu, nguyên tắc kiểm tra chất lượng và đảm bảo chất lượng của thuốc tiêm.

1.4. Phân tích được vai trò và trình tự pha chế một số công thức thuốc tiêm.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

- 2.1.2. Đặc điểm
- 2.1.3. Ưu, nhược điểm
- 2.2. Thành phần
 - 2.2.1. Dược chất
 - 2.2.2. Dung môi
 - 2.2.3. các chất phụ
 - 2.2.4. Vỏ đựng thuốc
- 2.3. Kỹ thuật bào chế
 - 2.3.1. Chuẩn bị
 - 2.3.2. Pha chế
 - 2.3.3. Tiệt khuẩn thuốc
 - 2.3.4. Kiểm tra đôi kín ống tiêm
 - 2.3.5. Soi, in và dán nhãn
- 2.4. Kiểm tra chất lượng thuốc tiêm
 - 2.4.1. Độ trong
 - 2.4.2. Sai số thể tích
 - 2.4.3. Định tính – định lượng
 - 2.4.4. pH
 - 2.4.5. Độ vô khuẩn
 - 2.4.6. Chất gây sốt
 - 2.4.7. Nội độc tổ vi khuẩn
- 2.5. Một số công thức thuốc tiêm

Chương 9: Thuốc tiêm truyền. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, cách phân loại, ưu nhược điểm và thành phần thuốc tiêm truyền
- 1.2. Trình bày kỹ thuật điều chế của thuốc tiêm truyền
- 1.3. Trình bày được yêu cầu, nguyên tắc kiểm tra chất lượng và đảm bảo chất lượng của thuốc tiêm truyền
- 1.4. Phân tích được vai trò và trình tự pha chế một số công thức thuốc tiêm truyền.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Đặc điểm
 - 2.1.3. Phân loại
- 2.2. Kỹ thuật bào chế

- 2.2.1. Chuẩn bị
- 2.2.2. Pha chế
- 2.3. Kiểm tra chất lượng thuốc
- 2.4. Một số công thức thuốc tiêm truyền

Chương 10: Thuốc nhỏ mắt.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được đặc điểm của thành phần thuốc nhỏ mắt
- 1.2. Trình bày được kỹ thuật điều chế và yêu cầu chất lượng của thuốc nhỏ mắt.
- 1.3. Phân tích được vai trò và trình tự pha chế một số công thức thuốc nhỏ mắt.
- 1.4. Phân loại được các chế phẩm dùng cho nhãn khoa

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Thành phần
 - 2.2.3. Bao bì
- 2.2. Pha chế - sản xuất thuốc nhỏ mắt
 - 2.2.1. Chuẩn bị cơ sở, thiết bị, nguyên phụ liệu, bao bì, người pha chế
 - 2.2.2. Quy trình pha chế
- 2.3. Yêu cầu chất lượng
 - 2.3.1. Cảm quan
 - 2.3.2. Độ vô khuẩn
 - 2.3.3. Các chỉ tiêu khác

Chương 11. Nhũ tương thuốc

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm và thành phần chính của nhũ tương
- 1.2. Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và bền vững của nhũ tương
- 1.3. Thành lập được công thức và áp dụng phương pháp phù hợp để điều chế một nhũ tương hoàn chỉnh.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Hệ phân tán dị thể lỏng
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Phân loại các hệ phân tán
 - 2.1.3. Đặc điểm của hệ phân tán lỏng

- 2.2. Đại cương về nhũ tương thuốc
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Thuật ngữ quy ước
 - 2.2.3. Thành phần
 - 2.2.4. Kiểu nhũ tương
 - 2.2.5. Phân loại nhũ tương
 - 2.2.6. Ưu, nhược điểm
- 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và bền vững của nhũ tương
 - 2.3.1. Ảnh hưởng do chênh lệch tỷ trọng giữa hai pha
 - 2.3.2. Ảnh hưởng do kích thước tiểu phân của pha phân tán
 - 2.3.3. Ảnh hưởng do độ nhớt của môi trường phân tán
 - 2.3.4. Ảnh hưởng của sức căng lên bề mặt giữa 2 pha lỏng không đồng tan
 - 2.3.5. Ảnh hưởng do tỷ lệ của pha phân tán
 - 2.3.6. ảnh hưởng của chất nhũ hóa
 - 2.3.7. Ảnh hưởng do thời gian phân tán và cường độ của lực gây phân tán
 - 2.3.8. Ảnh hưởng của nhiệt độ, pH và các chất điện giải
- 2.4. Các chất nhũ hóa thường dùng trong bào chế
 - 2.4.1. Phân loại chất điện giải theo HLB
 - 2.4.2. Phân loại chất nhũ hóa theo nguồn gốc và cấu trúc hóa học
- 2.5. Kỹ thuật bào chế nhũ tương
 - 2.5.1. Thành lập công thức một nhũ tương
 - 2.5. 2. Các phương pháp điều chế nhũ tương
- 2.6. Một số công thức nhũ tương
- 2.7. Đóng gói và bảo quản
- 2.8. Kiểm soát chất lượng

Chương 12: Hỗn dịch thuốc.

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, thành phần, ưu nhược điểm của hỗn dịch
- 1.2. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến sự bền vững của hỗn dịch
- 1.3. Vận dụng được các phương pháp phù hợp để bào chế được một số

hỗn dịch thuốc thông thường

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Tính chất
 - 2.1.3. Phân loại
 - 2.1.4. Ưu, nhược điểm

- 2.1.5. Thành phần của hỗn dịch
- 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định và bền vững của hỗn dịch
 - 2.2.1. Tính thấm của được chất rắn
 - 2.2.2. Kích thước tiểu phân được chất rắn
 - 2.2.3. Độ nhớt của môi trường phân tán
 - 2.2.4. Sự tương tác bề mặt của các tiểu phân rắn phân tán
 - 2.2.5. Các yếu tố khác
- 2.3. Kỹ thuật điều chế hỗn dịch
 - 2.3.1. Phương pháp phân tán cơ học
 - 2.3.2. Phương pháp ngưng kết
 - 2.3.3. Kết hợp phương pháp phân tán và ngưng kết
 - 2.3.4. Thuốc bột và cốm để pha hỗn dịch
- 2.4. Một số công thức hỗn dịch thuốc

Chương 13: Thuốc phun mù

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được ưu - nhược điểm, phân loại, thành phần cấu tạo và nguyên tắc bào chế thuốc phun mù
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc kiểm tra chất lượng trong sản xuất thuốc phun mù và đánh giá các tiêu chuẩn của thành phẩm.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Phân loại
 - 2.1.3. Ưu, nhược điểm
- 2.2. Thành phần
 - 2.2.1. Chất đẩy
 - 2.2.2. Bình chứa
 - 2.2.3. Van
 - 2.2.4. Đầu phun
- 2.3. Nguyên tắc sản xuất
 - 2.3.1. Nguyên tắc chung
 - 2.3.2. Một số công thức thuốc phun mù

Chương 14: Thuốc bột

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- bột
- 1.1. Trình bày được khái niệm, phân loại và các tá dược dùng trong thuốc bột
- 1.2. Trình bày được kỹ thuật điều chế bột kép và quy trình bào chế thuốc bột.

1.3. Phân tích và xây dựng được quy trình bào chế một số thuốc bột

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Đặc điểm

2.1.3. Phân loại

2.1.4. Ưu, nhược điểm

2.2. Thành phần

2.2.1. Dược chất

2.2.2. Tá dược

2.3. Kỹ thuật bào chế thuốc bột

2.3.1. Kỹ thuật bào chế thuốc bột đơn

2.3.2. Kỹ thuật bào chế thuốc bột kép

2.4. Tiêu chuẩn chất lượng

2.5. Một số công thức

Chương 15: Thuốc cốm

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đúng khái niệm, phân loại thuốc cốm

1.2. Kể được các thành phần cơ bản của thuốc cốm

1.3. Trình bày được kỹ thuật điều chế thuốc cốm

1.4. Phân tích và xây dựng được quy trình bào chế một số thuốc cốm

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Đặc điểm, phân loại

2.1.3. Thành phần

2.2. Kỹ thuật điều chế

2.2.1. chuẩn bị

2.2.2. Tạo khối dẻo

2.2.3. Xát cốm

2.2.4. Sấy cốm

2.2.5. Sửa cốm

- 2.2.6. Đóng gói
- 2.3. Yêu cầu chất lượng
- 2.4. Một số công thức thuốc cốm

Chương 16: Thuốc viên nén

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, phân loại, và ưu nhược điểm của viên nén
- 1.2. Trình bày được vai trò và cách sử dụng các tá dược chính trong bào chế viên nén
- 1.3. Vẽ được sơ đồ các giai đoạn bào chế viên nén theo kỹ thuật xát hạt khô và xát hạt ướt
- 1.4. Phân tích và xây dựng được quy trình bào chế của một số viên nén

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm
 - 2.1.3. Phân loại
 - 2.1.4. Ưu, nhược điểm
- 2.2. Kỹ thuật bào chế
 - 2.2.1. Điều kiện và cơ chế hình thành viên nén
 - 2.2.2. Các tá dược
 - 2.2.3. Các phương pháp sản xuất viên nén
 - 2.2.4. Dập viên
 - 2.2.5. Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng viên nén
 - 2.2.6. Bao bì
- 2.3. Kiểm nghiệm thuốc viên nén
- 2.4. Sinh khả dụng của viên nén
- 2.5. Các thuốc viên đặc biệt
 - 2.5.2. Viên nhai
 - 2.5.3. Viên đặt trong miệng
 - 2.5.4. Viên nén phụ khoa
 - 2.5.5. Viên sủi bọt
 - 2.5.6. Viên cấy dưới da
- 2.6. Một số công thức

Chương 17: Thuốc nang

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm, cách phân loại, mục đích đóng thuốc vào viên nang

1.2. Trình bày được các giai đoạn cơ bản của 3 phương pháp bào chế viên nang

1.3. Trình bày được yêu cầu chất lượng của thuốc viên nang.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Mục đích đóng thuốc vào nang

2.1.4. Ưu, nhược điểm

2.2. Thành phần

2.2.1. Dược chất

2.2.2. Tá dược

2.3. Kỹ thuật bào chế

2.3.1. Kỹ thuật bào chế nang mềm Gelatin

2.3.2. Kỹ thuật bào chế nang cứng Gelatin

2.4. Yêu cầu chất lượng

2.5. Một số công thức thuốc viên nang

Chương 18: Thuốc mỡ

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sinh khả dụng của thuốc mỡ

1.2. Trình bày được ưu nhược điểm, phạm vi sử dụng của các nhóm tá dược thuốc mỡ

1.3. Mô tả được các giai đoạn điều chế thuốc mỡ theo 3 phương pháp điều chế

1.4. Vận dụng được các phương pháp phù hợp để điều chế được một số công thức thuốc mỡ thông thường

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Yêu cầu chất lượng

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hấp thu thuốc qua da

- 2.3.1. Quá trình thẩm thấu qua da
- 2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thẩm thấu và hấp thu thuốc qua da
- 2.3. Các tá dược thường dùng
 - 2.3.1. Yêu cầu đối với tá dược
 - 2.3.2. Phân loại tá dược
- 2.4. Kỹ thuật điều chế
 - 2.4.1. Phương pháp hòa tan
 - 2.4.2. Phương pháp trộn đều đơn giản
 - 2.4.3. Phương pháp trộn đều nhũ hóa
 - 2.4.4. Kết hợp nhiều phương pháp
- 2.5. Đóng gói
- 2.6. Kiểm soát chất lượng
 - 2.6.1. Kiểm tra tính đồng nhất
 - 2.6.2. Kiểm tra các tính chất vật lý
 - 2.6.3. Xác định thể chất
 - 2.6.4. Xác định pH
 - 2.6.5. Độ vô khuẩn
 - 2.6.6. Xác định khả năng giải phóng hoạt chất của thuốc mỡ
 - 2.6.7. Xác định độ ổn định
- 2.7. Một số thuốc mỡ đặc biệt
 - 2.7.1. Thuốc mỡ tra mắt
 - 2.7.2. Thuốc mỡ kháng sinh
 - 2.7.3. Thuốc mỡ bảo vệ da

Chương 19: Thuốc đặt

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được ưu, nhược điểm của thuốc đặt
- 1.2. Trình bày được các tá dược thường dùng để điều chế thuốc đặt
- 1.3. Trình bày được kỹ thuật điều chế thuốc đặt bằng phương pháp đun chảy đồ khuôn
- 1.4. Tiến hành pha chế được một dạng thuốc đặt thông thường đúng quy trình

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Đặc điểm
 - 2.1.3. Ưu, nhược điểm

- 2.1.4. Yêu cầu chất lượng
- 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hấp thu dược chất qua đường trực tràng
 - 2.2.1. Các yếu tố sinh lý của trực tràng
 - 2.2.2. Các yếu tố dược học
- 2.3. Thành phần
 - 2.3.1. Dược chất
 - 2.3.2. Tá dược
- 2.4. Kỹ thuật điều chế
 - 2.4.1. Phương pháp ép khuôn
 - 2.4.2. Phương pháp đun chảy đổ khuôn
- 2.5. Một số công thức thuốc đặt
- 2.6. Kiểm soát chất lượng

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Điều chế cồn A.S.A.

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất đạt yêu cầu.
- 1.2. Phân tích công thức, viết được quy trình pha cồn A.S.A.
- 1.3. Tiến hành điều chế được cồn A.S.A. đúng quy trình kỹ thuật
- 1.4. Rèn luyện thái độ thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành bào chế

2. Nội dung:

- 2.1. Công thức
 - 2.1.1. Phân tích vai trò các thành phần trong công thức, phương pháp điều chế
- 2.2. Kỹ thuật điều chế
 - 2.2.1. Chuẩn bị
 - 2.2.2. Tiến hành
 - 2.2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 2: Điều chế potio tinh dầu và siro đơn chế nóng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất đạt yêu cầu.
- 1.2. Phân tích vai trò các thành phần trong công thức
- 1.3. Tiến hành điều chế được Siro đơn đúng quy trình kỹ thuật
- 1.4. Rèn luyện thái độ thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành bào chế

2. Nội dung

- 2.1. Công thức:
 - 2.1.1. Phân tích vai trò các thành phần trong công thức.
- 2.2. Kỹ thuật điều chế
 - 2.2.1. Chuẩn bị
 - 2.2.2. Tiến hành
 - 2.2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 3: Điều chế thuốc nhỏ mắt Cloramphenicol 0,4%

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất đạt yêu cầu
- 1.2. Phân tích công thức và viết được quy trình điều chế thuốc nhỏ mắt Cloramphenicol 0,4%
- 1.3. Tiến hành điều chế được thuốc nhỏ mắt Cloramphenicol 0,4% đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.4. Rèn luyện thái độ thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành bào chế

2. Nội dung

- 2.1. Công thức
 - 2.1.1. Phân tích vai trò các thành phần trong công thức, phương pháp điều chế
- 2.2. Kỹ thuật điều chế
 - 2.2.1. Chuẩn bị
 - 2.2.2. Tiến hành
 - 2.2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 4: Điều chế nhũ tương Clorocid

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất đạt yêu cầu
- 1.2. Phân tích công thức và viết được quy trình điều chế nhũ tương Clorocid
- 1.3. Tiến hành điều chế được nhũ tương Clorocid đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.4. Rèn luyện thái độ thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành bào chế

2. Nội dung

- 2.1. Công thức
 - 2.1.1. Phân tích vai trò các thành phần trong công thức, phương pháp điều chế
- 2.2. Kỹ thuật điều chế

- 2.2.1. Chuẩn bị
- 2.2.2. Tiến hành
- 2.2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 5: Điều chế hỗn dịch Terpin

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất đạt yêu cầu
- 1.2. Phân tích công thức và viết được quy trình điều chế hỗn dịch Terpin
- 1.3. Tiến hành điều chế được hỗn dịch Terpin đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.4. Rèn luyện thái độ thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành bào

chế

2. Nội dung

2.1. Công thức

- 2.1.1. Phân tích vai trò các thành phần trong công thức, phương pháp điều

chế

2.2. Kỹ thuật điều chế

- 2.2.1. Chuẩn bị
- 2.2.2. Tiến hành
- 2.2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 6: Điều chế cốm Calci

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất đạt yêu cầu
- 1.2. Phân tích công thức và viết được quy trình điều chế cốm Calci
- 1.3. Tiến hành điều chế được cốm Calci đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.4. Rèn luyện thái độ thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành bào

chế

2. Nội dung

2.1. Công thức

- 2.1.1. Phân tích vai trò các thành phần trong công thức, phương pháp điều

chế

2.2. Kỹ thuật điều chế

- 2.2.1. Chuẩn bị
- 2.2.2. Tiến hành
- 2.2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 7: Điều chế thuốc viên nén Vitamin B1 10mg

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất đạt yêu cầu
- 1.2. Phân tích công thức và viết được quy trình điều chế viên nén Vitamin B1 10mg
- 1.3. Tiến hành điều chế được viên nén Vitamin B1 10mg đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.4. Rèn luyện thái độ thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành bào chế

2. Nội dung

- 2.1. Công thức
 - 2.1.1. Phân tích vai trò các thành phần trong công thức, phương pháp điều chế
- 2.2. Kỹ thuật điều chế
 - 2.2.1. Chuẩn bị
 - 2.2.2. Tiến hành
 - 2.2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 8: Điều chế thuốc viên nang Paracetamol 250mg

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất đạt yêu cầu
- 1.2. Phân tích công thức và viết được quy trình điều chế viên nang Paracetamol 250mg
- 1.3. Tiến hành điều chế được viên nang Paracetamol 250mg đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.4. Rèn luyện thái độ thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành bào chế

2. Nội dung

- 2.1. Công thức
 - 2.1.1. Phân tích vai trò các thành phần trong công thức, phương pháp điều chế
- 2.2. Kỹ thuật điều chế
 - 2.2.1. Chuẩn bị
 - 2.2.2. Tiến hành
 - 2.2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 9: Điều chế thuốc đạn Paracetamol và thuốc trứng clorocid

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất đạt yêu cầu
- 1.2. Phân tích công thức và viết được quy trình điều chế
- 1.3. Tiến hành điều chế thuốc đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.4. Rèn luyện thái độ thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành bào

chế

2. Nội dung

2.1. Công thức

- 2.1.1. Phân tích vai trò các thành phần trong công thức, phương pháp điều

chế

2.2. Kỹ thuật điều chế

2.2.1. Chuẩn bị

2.2.2. Tiến hành

2.2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lý thuyết, phòng thực hành bào chế

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, máy dập viên, máy đóng viên nang cứng, tủ lạnh, khuôn đúc thuốc, cân điện tử, cân đĩa, máy bao tròn, máy thử độ rã, máy thử độ hòa tan, máy thử độ cứng của viên, máy soi trong, nồi hấp tiệt trùng, máy lọc nước RO, nồi đun cách thủy.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Dụng cụ: cốc chân, cốc có mỏ, phễu lọc, ống đong, cối chày, đèn cồn, bộ lọc, hộp nhựa đựng hóa chất...

- Nguyên liệu: Aspirin, Natri salicylate, Clorocid, Terpin hydrat, Natribenzoat, cồn 90, lanolin, vaselin, tinh bột sắn, nang thuốc, glycerin, galetin, paracetamol, Vitamin B1, Avicel, PVP K30, PEG 6000, PEG 4000, dầu cá, sáp ong, tinh dầu bạc hà, tinh dầu quế...

4. Các điều kiện khác: An toàn trong thực hành, vệ sinh môi trường, xử lý chất thải

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức: Khái niệm, ưu nhược điểm, thành phần và phương pháp bào chế của các dạng thuốc

- Kỹ năng: Tiến hành bào chế được một dạng thuốc đã học theo đúng quy trình kỹ thuật

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tác phong thận trọng, chính xác, trung thực, vô khuẩn trong quá trình thực hành

2. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lý thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: Bốc thăm đánh giá kỹ năng tại phòng thực hành.

Công cụ: Bảng kiểm các quy trình thực hành. Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng được chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng

- Thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, phát huy tính tích cực của học sinh.

- Thực hành: Tại Labo

- Phân tích từng bước tiến hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học

- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học

- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.

- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5

- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5

- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lí thuyết 120 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương thuốc tiêm, viên nén, viên nang

4. Tài liệu tham khảo:

- **Tài liệu giảng dạy:**

Khoa Dược – YHCT (2025), *Giáo trình Bào chế*, lưu hành nội bộ

- **Tài liệu tham khảo**

1. Trường Đại học Dược Hà Nội – PGS.TS Nguyễn Đăng Hòa chủ biên (2024), *Bào Chế*, Nhà xuất bản Y học

2. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: HÓA DƯỢC

Mã môn học: MH 22

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 58 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học chuyên ngành bắt buộc. Bố trí ở Học kỳ III. Sau khi hoàn thành xong hóa vô cơ, hữu cơ

2. Tính chất: Môn học Hoá Dược giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về cấu tạo, nguồn gốc, phương pháp điều chế, tính chất lý hoá học, phương pháp kiểm nghiệm và công dụng của các nhóm thuốc chính và các thuốc điển hình trong mỗi nhóm thuốc, vận dụng được những kiến thức đã học để kiểm nghiệm được một số thuốc hoá dược đại diện.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được các nhóm thuốc chính dùng trong điều trị, bao gồm nguồn gốc, phân loại, cấu tạo hóa học, tính chất lý hóa và tác dụng sinh học chung của nhóm.

1.2. Trình bày được các công thức cấu tạo, nguồn gốc, phương thức điều chế, tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong pha chế, bảo quản, kiểm nghiệm, chỉ định điều trị.

1.3. Thu thập, tổng hợp và phổ biến được các thông tin liên quan đến thuốc và sức khỏe.

1.4. Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực các dược chất dùng làm thuốc để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao

2. Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để tiến hành kiểm nghiệm định tính, định lượng được một số nguyên liệu làm thuốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Rèn luyện thái độ thận trọng trong phân tích công thức để có hiểu biết về tác dụng và ứng dụng trong sử dụng thuốc cũng như trong kiểm nghiệm thuốc.

3.2. Hình thành tính Chủ động trong công việc, tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình; trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tự chịu trách nhiệm trong chuyên môn nghiệp vụ được giao; tích cực, chủ động trong làm việc nhóm;

3.3. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan;

3.4. Có tinh thần cầu tiến, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục khiêm tốn học tập vươn lên;

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Bài 1:Thuốc gây mê và thuốc gây tê	2	2	
2	Bài 2: Thuốc an thần, gây ngủ và chống động kinh	2	2	
3	Bài 3: Thuốc giảm đau; thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm	4	4	
4	Bài 4: Thuốc điều trị lao phong và thuốc ho long đờm	2	2	
5	Bài 5: Thuốc kích thích thần kinh trung ương	2	2	
6	Bài 6: Thuốc tác động trên hệ thần kinh giao cảm và phó giao cảm	4	3	1
7	Bài 7: Thuốc tim mạch	8	8	
8	Bài 8: Vitamin và một số chất dinh dưỡng	4	4	
9	Bài 9: Histamin và thuốc kháng histamine	2	2	
10	Bài 10: Thuốc ảnh hưởng chức năng dạ dày, ruột	4	4	
11	Bài 11: Hormon và các hợp chất tương tự	8	8	
12	Bài 12: Thuốc kháng sinh và kháng khuẩn	8	8	
13	Bài 13: Thuốc điều trị nấm:	2	2	
14	Bài 14: Thuốc điều trị bệnh do ký sinh trùng	4	3	1
15	Bài 15: Thuốc chống virus:	2	2	

16	Bài 16: Thuốc điều trị ung thư	2	2	
	Tổng cộng	60	58	2

Thực hành

TT	Tên chương, mục	Số tiết	Ghi chú
1	Bài 1: Định tính, định lượng procainamid	3	
2	Bài 2: Định tính, định lượng cafein và promethazin	3	
3	Bài 3: Định tính, định lượng Định tính, định lượng theobrombin, sắt II oxalat	3	
4	Bài 4: Định tính, định lượng Natribicarbonat, glucose	3	
5	Bài 5: Định tính, định lượng Berberin hydroclorid, oxy già	3	
6	Bài 6: Định tính, định lượng tetracylin	3	
7	Bài 7: Định tính, định lượng vitamin b1, oxy già	3	
8	Bài 8: Định tính, định lượng sulfaguanidin, calci clorid	3	
9	Bài 9: Định tính, định lượng Acid acetylsalicylic, magiesi sulfat	3	
10	Kiểm tra	3	
	Tổng cộng	30	

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Thuốc gây mê và thuốc gây tê

Thời gian 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1 Trình bày được định nghĩa, phân loại thuốc gây mê.
- 1.2. Trình bày được định nghĩa và phân loại thuốc gây tê.
- 1.3. Trình bày được công thức hóa học, tên khoa học, tính chất lý hóa ứng dụng trong kiểm nghiệm (định tính, định lượng, thử tinh khiết) và công dụng của các thuốc gây mê và gây tê của các thuốc Halothan, Thiopental, Lidocain, Procain.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Thuốc gây mê
- 2.2. Thuốc gây tê

Bài 2: Thuốc an thần, gây ngủ và chống động kinh

Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cách phân loại thuốc an thần, gây ngủ theo cấu trúc. Tính chất hóa học và phương pháp định tính, định lượng chung của barbiturat và các dẫn chất benzodiazepine.

1.2. Trình bày được công thức hóa học, tên khoa học, tính chất lý hóa ứng dụng trong kiểm nghiệm (định tính, định lượng) và công dụng của các thuốc : Phenobarbital, Diazepam.

1.3. Trình bày được phân loại thuốc chống động kinh theo cấu tạo hóa học.

2. Nội dung Bài:

2.1. Dẫn chất của acid barbituric

2.2. Dẫn chất của benzodiazepine

2.3. Thuốc an thần gây ngủ thuộc dẫn chất khác

2. 4. Thuốc chống động kinh

Bài 3: Thuốc giảm đau; thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được công thức, tính chất, định tính, định lượng và công dụng của các thuốc giảm đau loại opioid.

1.2. Trình bày được phân loại và cơ chế tác dụng chung của nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm.

1.3. Trình bày được công thức, tính chất, định tính, định lượng và công dụng của các thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm.

2. Nội dung Bài:

2.1. Thuốc giảm đau loại opioid

2.2. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm

Bài 4: Thuốc điều trị lao phong và thuốc ho long đờm

Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được phân loại thuốc điều trị lao

1.2. Trình bày được công thức, tính chất, định tính, định lượng, tác dụng của các thuốc trị lao trong bài

1.3. Trình bày được các nhóm thuốc điều trị ho. Trình bày được công thức, tính chất, định tính, định lượng và tác dụng của các thuốc điều trị ho trong bài học

2. Nội dung Bài:

2.1. Thuốc điều trị lao phong

2.2. Thuốc trị ho

2.3. Thuốc long đờm

Bài 5: Thuốc kích thích thần kinh trung ương

Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được tác dụng và chỉ định của các loại thuốc kích thích thần kinh trung ương.

1.2. Trình bày được công thức cấu tạo, tên khoa học, tính chất, định tính, định lượng, tác dụng, chỉ định của các thuốc trong bài.

2. Nội dung Bài:

2.1. Thuốc kích thích vỏ não

2.2. Thuốc kích thích hành não

2.3. Thuốc kích thích tủy sống

Bài 6: Thuốc tác động trên hệ thần kinh giao cảm và phó giao cảm

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm tác dụng và phân loại các thuốc kiểu giao cảm và hủy giao cảm.

1.2. Trình bày được đặc điểm tác dụng các thuốc kiểu phó giao cảm và hủy phó giao cảm.

1.3. Trình bày được công thức cấu tạo, tên khoa học, điều chế (nếu có), tính chất lý, hóa ứng dụng vào kiểm nghiệm và công dụng của các thuốc có trong bài

2. Nội dung Bài:

2.1. Thuốc tác dụng kiểu giao cảm

2.2. Thuốc tác dụng hủy giao cảm

2.3. Thuốc tác dụng phó giao cảm

2.4. Thuốc tác dụng hủy phó giao cảm

Bài 7: Thuốc tim mạch

Thời gian 8 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các nhóm thuốc điều trị loạn nhịp tim, đau thắt ngực, tăng huyết áp và tăng lipid máu.

1.2. Trình bày được công thức, tính chất, định tính, định lượng và tác dụng của các thuốc trong bài học.

2. Nội dung Bài:

2.1. Thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp

2.2. Thuốc chống loạn nhịp tim

2.3. Thuốc hạ lipid máu

2.4. Thuốc chống đau thắt ngực

2.5. Thuốc cường tim

Bài 8: Vitamin và một số chất dinh dưỡng

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, vai trò và phân loại của các Vitamin.
- 1.2. Trình bày được tính chất chung của mỗi nhóm Vitamin.
- 1.3. Trình bày được nguyên tắc điều chế, cấu tạo hóa học, tính chất (định tính, định lượng) và công dụng của các Vitamin và các chất dinh dưỡng có trong bài

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Vitamin
- 2.2. Một số chất dinh dưỡng

Bài 9: Histamin và thuốc kháng histamine

Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Vẽ được cấu trúc chung của thuốc kháng Histamin H_1 . Trình bày được cách phân loại theo cấu trúc và sự liên quan giữa cấu trúc và tác dụng của thuốc kháng Histamin H_1 .
- 1.2. Vẽ được công thức cấu tạo, nêu tính chất lý hóa và ứng dụng trong định tính, định lượng; tác dụng và công dụng của các thuốc trong nội dung bài.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Thuốc kháng histamine thế hệ I
- 2.2. Thuốc kháng histamine thế hệ II
- 2.3. Thuốc kháng histamine thế hệ III
- 2.4. Các chất ức chế giải phóng histamin

Bài 10: Thuốc ảnh hưởng chức năng dạ dày, ruột

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các nguyên nhân gây loét dạ dày – tá tràng, các nhóm thuốc dùng trong điều trị loét dạ dày – tá tràng.
- 1.2. Trình bày được các chỉ định của các thuốc nhuận tràng, tẩy và các thuốc điều trị tiêu chảy.
- 1.3. Vẽ được công thức cấu tạo, trình bày được tính chất lý hóa và ứng dụng vào trong định tính, định lượng các thuốc trong nội dung bài.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Thuốc điều trị dạ dày, tá tràng
- 2.2. Thuốc nhuận tràng và tẩy

2.3. Thuốc điều trị bệnh tiêu chảy

2.4. Các thuốc giúp tiêu hóa

Bài 11: Hormon và các hợp chất tương tự

Thời gian 8 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Vẽ được khung hoặc công thức chung của mỗi nhóm thuốc (nếu có); công thức cấu tạo của các chất trong Bài.

1.2. Trình bày được các tính chất lý hóa và các phép thử định tính, định lượng; tác dụng và công dụng của mỗi thuốc cụ thể.

2. Nội dung Bài:

2.1. Hormon sinh dục nữ

2.2. Hormon sinh dục nam

2.3. Hormon vỏ thượng thận

2.4. Hormon tuyến yên

2.5. Hormon tuyến giáp và các thuốc kháng giáp trạng

2.6. Hormon tuyến tụy và thuốc tổng hợp bệnh đái tháo đường

Bài 12: Thuốc kháng sinh và kháng khuẩn

Thời gian 8 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Vẽ được công thức cấu tạo chung của các nhóm kháng sinh, công thức của các chất điển hình, nêu thành phần chế phẩm đối với kháng sinh có cấu trúc phức tạp (Macrolid, Polypeptid...).

1.2. Trình bày được tính chất lý hóa chung của nhóm, riêng mỗi chất và nêu ứng dụng tính chất lý hóa trong định tính, định lượng, bảo quản.

1.3. Trình bày được tương quan giữa cấu trúc và tác dụng, tác dụng, tính bị kháng, đặc điểm dược động học và công dụng của mỗi thuốc.

2. Nội dung Bài:

2.1. Kháng sinh beta lactam

2.2. Kháng sinh aminosid

2.3. Kháng sinh tetracyclin

2.4. Kháng sinh cloramphenicol

2.5. Kháng sinh macrolid

2.6. Kháng sinh lincosamid

2.7. Kháng sinh polypeptid

2.8. Kháng sinh quinolon

2.9. Thuốc kháng khuẩn Sulfamid

Bài 13: Thuốc điều trị nấm:

Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Kể tên và trình bày cơ chế tác dụng của các nhóm thuốc dùng trong điều trị nấm; các thuốc thường dùng trong mỗi nhóm và chỉ định dùng của mỗi thuốc.

1.2. Trình bày được công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong kiểm nghiệm các thuốc: Clotrimazol, ketoconazol, amphotericin B, griseofulvin.

2. Nội dung Bài:

2.1. Các azol

2.2. Allylamin và dẫn chất

2.3. Kháng sinh chống nấm

Bài 14: Thuốc điều trị bệnh do ký sinh trùng

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu:

1. 1. Trình bày được các thuốc điều trị giun sán thường dùng bao gồm tên thuốc, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa và ứng dụng các tính chất đó trong định tính, định lượng của mỗi thuốc.

1. 2. Trình bày được các thuốc điều trị bệnh sốt rét thường dùng bao gồm tên thuốc, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa, định tính, định lượng của mỗi thuốc.

1.3. Trình bày được các thuốc điều trị lỵ amip và Trichomonas thường dùng bao gồm tên thuốc, công thức cấu tạo, các tính chất lý hóa, định tính, định lượng của mỗi thuốc

2. Nội dung Bài:

2.1. Thuốc điều trị bệnh giun sán

2.2. Thuốc điều trị bệnh sốt rét

2.3. Thuốc điều trị lỵ amip và Trichomonas

Bài 15: Thuốc chống virus:

Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm cấu tạo chính của virus, các bệnh do virus gây ra, phân loại các thuốc chống virus.

1.2. Trình bày được công thức cấu tạo, tên khoa học, tính chất lý hóa (hoặc định tính, định lượng), cơ chế tác dụng của Zidovudun, Zalcitabin, Lamivudin, Acyclovir, Amantadin.

2. Nội dung Bài:

2.1.Đại cương

2.2. Một số thuốc điển hình

Bài 16: Thuốc điều trị ung thư

Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, nguyên nhân, cơ chế, nguyên tắc điều trị của bệnh ung thư.

1.2. Trình bày được công thức cấu tạo, tên khoa học, tính chất lý hóa (hoặc định tính, định lượng), cơ chế tác dụng của các thuốc điều trị ung thư cơ bản.

2. Nội dung Bài:

2.1.Đại cương

2.2. Một số thuốc điển hình

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Định tính, định lượng procainamid

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện đúng quy trình thử giới hạn tạp chất, định tính, định lượng procainamid,

1.2. Pha chế được các hóa chất và vận dụng được các nguyên tắc để thực hành.

2. Nội dung

2.1. Công thức

2.2. Tính chất

2.3. Thử giới hạn tạp chất

2.4. Định tính

2.5. Định lượng

Bài 2: Định tính Cafein và promethazin hydroclorid

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện đúng quy trình thử giới hạn tạp chất, định tính, định lượng Cafein và promethazin hydroclorid

1.2. Pha chế được các hóa chất và vận dụng được các nguyên tắc để thực hành.

2. Nội dung

2.1. Công thức

2.2. Tính chất

2.3. Thử giới hạn tạp chất

2.4. Định tính

2.5. Định lượng

Bài 3: Định tính Theobromin và Sắt (II) oxalat

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện đúng quy trình thử giới hạn tạp chất, định tính, định lượng Theobromin và Sắt (II) oxalat

1.2. Pha chế được các hóa chất và vận dụng được các nguyên tắc để thực hành.

2. Nội dung

2.1. Công thức

2.2. Tính chất

2.3. Thử giới hạn tạp chất

2.4. Định tính

2.5. Định lượng

Bài 4: Định tính Glucose, Natri hydrocarbonat

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện đúng quy trình Kiểm nghiệm Glucose, Natri hydrocarbonat

1.2. Pha chế được các hóa chất và vận dụng được các nguyên tắc để thực hành.

2. Nội dung

2.1. Công thức

2.2. Tính chất

2.3. Thử giới hạn tạp chất

2.4. Định tính

2.5. Định lượng

Bài 5: Định tính định lượng Berberin hydroclorid, Hydrogen peroxyd

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện đúng quy trình Kiểm nghiệm Berberin hydroclorid, Hydrogen peroxyd

1.2. Pha chế được các hóa chất và vận dụng được các nguyên tắc để thực hành.

2. Nội dung

2.1. Công thức

2.2. Tính chất

2.3. Thử giới hạn tạp chất

2.4. Định tính

2.5. Định lượng

Bài 6: Định tính Tetracyclin hydroclorid

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện đúng quy trình kiểm nghiệm Tetracyclin hydroclorid

1.2. Pha chế được các hóa chất và vận dụng được các nguyên tắc để thực hành.

2. Nội dung

2.1. Công thức

2.2. Tính chất

2.3. Thử giới hạn tạp chất

2.4. Định tính

2.5. Định lượng

Bài 7: Định tính Quinin hydroclorid, Vitamin B1

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện đúng quy trình kiểm nghiệm Quinin hydroclorid, Vitamin B1

1.2. Pha chế được các hóa chất và vận dụng được các nguyên tắc để thực hành.

2. Nội dung

2.1. Công thức

2.2. Tính chất

2.3. Thử giới hạn tạp chất

2.4. Định tính

2.5. Định lượng

Bài 8: Định tính Sufaguanidin, Calci clorid

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện đúng quy trình kiểm nghiệm Sufaguanidin, Calci clorid

1.2. Pha chế được các hóa chất và vận dụng được các nguyên tắc để thực hành.

2. Nội dung

2.1. Công thức

2.2. Tính chất

2.3. Thử giới hạn tạp chất

2.4. Định tính

2.5. Định lượng

Bài 9: Định tính Acid acetyl salicylic, Magnesi sulfat

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Thực hiện đúng quy trình kiểm nghiệm oxy già, quinin sulfat

1.2. Pha chế được các hóa chất và vận dụng được các nguyên tắc để thực hành.

2. Nội dung

2.1. Công thức

2.2. Tính chất

2.3. Thử giới hạn tạp chất

2.4. Định tính

2.5. Định lượng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học, phòng thực hành hóa dược

2. Trang thiết bị máy móc: Projector, máy vi tính, bảng, phấn và các thiết bị thực hành: cân điện tử, cân phân tích, máy ly tâm, lò nung, tủ sấy, tủ lạnh, nồi đun cách thủy, máy đo độ pH, máy chuẩn độ đo thế, máy Uv-Vis, tủ hút phòng thí nghiệm

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn, giáo trình hóa dược lưu hành nội bộ, tài liệu phát tay cho sinh viên, dụng cụ phòng thực hành: Buret, bình nón, pipet, cốc có mỏ, bộ lọc, ống nghiệm, ống nhỏ giọt, bình định mức, đèn cồn. Hóa chất phòng thực hành procainamid, aspirin, cafein, promethazin, theobrombin, sắt II oxalat, calci clorid, glucose, vitamin b1, berberin, sulfaguanidin, tetracylin, oxy già, quinin sulfat

4. Các điều kiện khác: Đảm bảo an toàn, vệ sinh phòng thực hành

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Phân tích được các nhóm thuốc chính dùng trong điều trị về các nội dung: nguồn gốc, phân loại, cấu trúc hóa học, tên khoa học, phương pháp và cách điều chế, tính chất lý hóa chung, phương pháp định tính, định lượng và tác dụng sinh học chung của nhóm thuốc. Biết được các chỉ định chính của các thuốc trong chương trình học.

- Kỹ năng:

- + Kỹ năng tiến hành thí nghiệm môn học.
- + Kỹ năng tư duy, tự học, làm việc theo nhóm.
- + Kỹ năng trình bày các vấn đề khoa học.
- Thái độ: Rèn luyện thái độ thận trọng, tỷ mỉ, chính xác trong thực hành kiểm nghiệm hóa dược.

2. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:
 - + 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lý thuyết
 - + 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.
- Kiểm tra định kỳ
 - + 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút
 - + 01 điểm số thực hành: Bốc thăm đánh giá kỹ năng tại phòng thực hành. Công cụ: Bảng kiểm các quy trình thực hành. Thời gian: 60 phút
- Thi kết thúc môn học:
 - + Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.
 - + Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 40 phút
- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.
- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng dược chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng
- Thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, phát huy tính tích cực của học sinh.

- Thực hành: Tại Labo
- Phân tích từng bước tiến hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5
- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lí thuyết 120 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương kháng sinh, hormon, NSAIDs

4. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu giảng dạy:

Khoa Dược – YHCT, Nguyễn Văn Trung (2025), *Giáo trình Hóa Dược*, Lưu hành nội bộ

Tài liệu tham khảo:

1. Khoa Công nghệ Hóa dược, Trường đại học Dược Hà Nội (20024), *Hóa dược tập I*, nhà xuất bản Y học.
2. Khoa Công nghệ Hóa dược, Trường đại học Dược Hà Nội (20025), *Hóa dược tập II*, nhà xuất bản Y học.
3. Trường cao đẳng Dược hải Dương (2022), *Bài giảng hóa dược*.
4. Bộ Y tế, *Dược điển Việt Nam V* (2017), nhà xuất bản Y học.
5. Bộ Y tế, *Dược thư Quốc gia* (2022), nhà xuất bản Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: DƯỢC LIỆU

Mã môn học: MH 23

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 58 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được bố trí sau môn học Thực vật - đọc viết tên thuốc ở học kì III.

2. Tính chất: Môn học làm cơ sở cho môn dược cổ truyền và môn học có các nội dung sau:

2.1. Nhận thức vị dược liệu: Tên tiếng Việt, tên khoa học, đặc điểm hình thái.

2.2. Phân loại dược liệu dựa vào nhóm hợp chất hóa học.

2.3. Biết cách kiểm nghiệm dược các hoạt chất chính có trong từng nhóm dược liệu.

2.4. Hướng dẫn sử dụng dược các cây, con dùng làm thuốc.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức: Sau khi học xong Môn học này sinh viên sẽ:

1.1. Phân tích dược các nhóm dược liệu theo cấu trúc hóa học (tanin, coumarin, carbonhydrat, Anthranoid, chất béo, chất nhựa, glycosid...) và so sánh về cấu trúc hóa học chung, tác dụng chung của các nhóm với nhau.

1.2. Phân tích dược các nhóm dược liệu theo cấu trúc hóa học (Saponin, flavonoid, alcaloid, tinh dầu) và so sánh về cấu trúc hóa học chung, tác dụng chung của các nhóm với nhau.

1.3. Phân tích dược tên khoa học, tên vị, đặc điểm thực vật nguồn gốc, thành phần hoá học, vi phẫu, tác dụng và công dụng của dược liệu.

2. Về kỹ năng:

2.1. Nhận biết một số dược liệu thường dùng trong ngành dược.

2.2. Hướng dẫn sử dụng dược liệu đảm bảo an toàn, hợp lý.

2.3. Thực hiện dược các bước chế biến dược liệu theo đúng phương pháp

2.4. Kỹ năng đọc, nghiên cứu tài liệu, thuyết trình và phân tích vấn đề

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Nhận thức đúng vai trò của môn dược liệu đối với chương trình Đào tạo và thực hành nghề nghiệp.

3.2. Ứng dụng vào thực tiễn để có thái độ nghiêm túc khi học tập nghiên cứu môn học này.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

ST T	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về dược liệu Bài 1: Xác định độ ẩm trong dược liệu và kiểm nghiệm hạt tinh bột.	07	06	01	
2	Chương 2: Dược liệu chứa carbohydrat	08	08		
	Bài 2: Nhận thức dược liệu chứa Carbonhydrat	02		02	
3	Chương 3: Dược liệu chứa coumarin, tanin	04	04		
	Bài 3: Chiết xuất và định tính Tanin trong dược liệu. Nhận thức dược liệu chứa coumarin, tannin	03		03	
4	Chương 4: Dược liệu chứa chất nhựa, chất béo	04	04		
	Bài 4: Chiết xuất và định tính chất nhựa. Nhận thức dược liệu chứa chất nhựa, chất béo	03		03	
5	Chương 5: Dược liệu chứa những hợp chất Anthranoid	04	04		
	Bài 5: Chiết xuất và định tính Glycosid tẩy.	01		01	
6	Chương 6: Dược liệu chứa Glycosid tim	04	04		
	Bài 6: Chiết xuất và định tính Glycosid tim. Nhận thức dược liệu chứa Anthranoid, glycosid tim	02		02	
7	Chương 7: Dược liệu chứa Saponin	06	06		
	Bài 7: Chiết xuất và định tính Saponin trong dược liệu. Nhận thức dược liệu chứa Saponin	03		03	
8	Chương 8: Dược liệu chứa Flavonoid	06	06		
	Bài 8: Chiết xuất và định tính Flavonoid trong dược liệu. Nhận thức dược liệu chứa Flavonoid	03		03	

9	Chương 9: Dược liệu chứa Alcaloid	08	08		
	Bài 9: Định tính Alcaloid trong dược liệu. Nhận thức dược liệu chứa Alcaloid	06		06	
10	Chương 10: Dược liệu chứa Tinh dầu	08	08		
	Bài 10: Kiểm nghiệm Tinh dầu trong dược liệu. Nhận thức dược liệu chứa Tinh dầu	03		03	
11	Ôn tập, kiểm tra, đánh giá		02	03	05
	Cộng	90	60	30	

2. Nội dung chi tiết:

Phần lý thuyết

Chương 1: Đại cương về Dược liệu.

Thời gian: 06 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, lịch sử của nền y học thế giới và trong nước, gắn với môn học.

1.2. Trình bày được vị trí của dược liệu trong ngành Y tế và trong nền kinh tế quốc dân.

1.3. Phân tích được kỹ thuật thu hái, phơi sấy, chế biến, bảo quản dược liệu.

1.4. Áp dụng được các phương pháp đánh giá để đánh giá một số dược liệu.

2. Nội dung:

2.1. Mở đầu

2.1.1. Định nghĩa môn học

2.1.2. Lịch sử môn học dược liệu

2.1.3. Vị trí của dược liệu trong ngành y tế và nền kinh tế quốc dân

2.2. Thu hái, chế biến và bảo quản dược liệu

2.2.1. Thu hái dược liệu

2.2.2. Ôn định dược liệu

2.2.3. Làm khô dược liệu

2.2.4. Chọn lựa, đóng gói và bảo quản dược liệu

2.3. Các phương pháp đánh giá dược liệu

Chương 2: Dược liệu chứa Carbonhydrat.

Thời gian: 08 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa về: Carbonhydrat, tinh bột, cellulose và các dẫn chất gồm, chất nhầy và pectin.

1.2. Áp dụng được một số phương pháp để nhận biết và đánh giá dược liệu chứa carbonhydrat.

1.3. Áp dụng được các kiến thức đã học để nhận biết, miêu tả các dược liệu chứa tinh bột, chú trọng dược liệu: Cát căn, sen, ý dĩ.

2. Nội dung:

2.1. Tinh bột

2.1.1. Cấu trúc hóa học của tinh bột

2.1.2. Sự thủy phân của tinh bột

2.1.3. Hình dạng của tinh bột

2.1.4. Chế tinh bột

2.1.5. Định tính và định lượng

2.1.6. Công dụng

2.2. Những dược liệu cụ thể

Chương 3: Dược liệu chứa coumarin, tannin.

Thời gian: 04 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, cấu trúc, tác dụng và công dụng của coumarin, tanin.

1.2. Trình bày được các dược liệu chứa coumarin, tanin đã được đưa vào giáo trình và hướng dẫn sử dụng được các dược liệu trên.

2. Nội dung:

2.1. Dược liệu chứa Coumarin

2.1.1. Khái niệm chung về Coumarin

2.1.2. Sự phân bố trong tự nhiên

2.1.3. Tác dụng và công dụng

2.1.4. Các dược liệu chứa Coumarin

2.2. Dược liệu chứa Tanin

2.2.1. Khái niệm chung về Tanin

2.2.2. Tác dụng và công dụng

2.2.3. Các dược liệu chứa tanin

Chương 4: Dược liệu chứa chất nhựa, chất béo.

Thời gian: 04 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Phân loại được chất nhựa, mỗi loại cho 1 ví dụ điển hình.

1.2. Trình bày được định nghĩa, phân loại lipid và định nghĩa được glycerid (acylglycerol) và dầu mỡ.

1.3. Trình bày được tính chất lý học và hoá học, sự liên quan giữa tính chất và các chỉ số, ý nghĩa của các chỉ số hoá học.

1.4. Áp dụng được các phương pháp chế tạo dầu mỡ từ nguyên liệu thực vật và động vật

1.5. Trình bày được công dụng dầu mỡ và trình bày một số dược liệu điển hình.

2. Nội dung:

2.1. Dược liệu có chứa chất nhựa

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Các dược liệu chứa chất nhựa

2.2. Dược liệu chứa chất béo

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Các dược liệu có chất béo

Chương 5: Dược liệu chứa những hợp chất Anthranoid.

Thời gian: 04 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được tính chất, đặc điểm cấu trúc của 3 nhóm anthranoid: nhóm phẩm nhuộm, nhóm nhuận tẩy, nhóm dimer.

1.2. Trình bày được tính chất của anthranoid và định tính được anthranoid trong dược liệu.

1.3. Trình bày được nguyên tắc chiết xuất anthranoid từ dược liệu, tác dụng sinh học và công dụng của anthranoid.

1.4. Trình bày được nguồn gốc, thành phần hóa học, công dụng chính của các dược liệu chứa anthranoid và hướng dẫn sử dụng được các dược liệu chứa anthranoid.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm chung về Anthranoid

2.2. Phân nhóm

2.3. Tính chất và định tính

2.4. Chiết xuất

2.5. Tác dụng sinh lý và công dụng

2.6. Các dược liệu chứa Anthranoid thuộc chi Cassia

Chương 6: Dược liệu chứa Glycosid tim.

Thời gian: 04 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, tính chất và đặc điểm của glycosid tim.

1.2. Trình bày được các nội dung về nguồn gốc, thành phần hóa học, công dụng của các dược liệu chứa glycosid tim.

1.3. Áp dụng những kiến thức đã học để nhận biết, phơi sấy, chiết xuất các dược liệu chứa glycosid tim.

1.4. Áp dụng các kiến thức để phân tích công dụng và ứng dụng của các dược liệu chứa glycosid tim.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa

2.2. Phân bố trong thực vật

2.3. Cấu trúc hóa học

2.4. Liên quan giữa cấu trúc và tác dụng

2.5. Tính chất, đặc điểm

2.6. Bảo quản

2.7. Các dược liệu chứa Glycosid tim

Chương 7: Các dược liệu chứa Saponin.

Thời gian: 06 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, cấu trúc hoá học của saponin.

1.2. Trình bày được tác dụng và công dụng của Saponin.

1.3. Phân tích được thành phần hóa học của các dược liệu chứa Saponin đã được đưa vào giáo trình, chú trọng: cam thảo, Viễn chí, Cát cánh, Ngưu tất, Nhân sâm, Tam thất, Mạch môn

1.4. Áp dụng được các kiến thức đã học để phân tích công dụng và ứng dụng của các dược liệu chứa saponin.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa

2.2. Một số tính chất đặc biệt của Saponin.

2.3. Tác dụng và công dụng

2.4. Sự phân bố trong thực vật

2.5. Các dược liệu chứa Saponin

Chương 8: Dược liệu chứa Flavonoid.

Thời gian: 06 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Phân tích được các cấu trúc hoá học của flavonoid bao gồm khung của flavonoid, phân loại flavonoid.

1.2. Trình bày tác dụng sinh học và công dụng của flavonoid

1.3. Phân tích được các dược liệu chứa flavonoid đã đưa vào giáo trình, chú trọng: hoa hòe, các dược liệu cho rutin, diếp cá, núc nác, kim ngân, râu mèo, actiso, hồng hoa, xạ can, dây mật, tô mộc

1.4. Áp dụng các phương pháp đã học, nêu những ứng dụng của dược liệu chứa flavonoid trong đời sống và trong ngành dược.

2. Nội dung:

2.1. Cấu trúc hóa học

2.1.1. Khung của flavonoid

2.1.2. Phân loại flavonoid

2.2. Sự phân bố Flavonoid trong thực vật

2.3. Tính chất

2.4. Tác dụng và công dụng

2.5. Dược liệu chứa Flavonoid

Chương 9: Dược liệu chứa Alcaloid.

Thời gian: 08 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, cách đặt tên, tính chất chung, trạng thái thiên nhiên của alcaloid trong dược liệu.

1.2. Phân tích được phương pháp chiết xuất phân lập alcaloid trong dược liệu.

1.3. Phân loại được alcaloid trong dược liệu theo cấu trúc hoá học.

1.4. Áp dụng được các kiến thức đã học để phân tích một số dược liệu chứa alcaloid theo nội dung: Tên, đặc điểm thực vật và phân bố, bộ phận dùng làm thuốc, thu hái và chế biến, thành phần hoá học có trong dược liệu, tác dụng và công dụng.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về Alcaloid

2.1.1. Khái niệm về alcaloid

2.1.2. Danh pháp

2.1.3. Phân bố trong thiên nhiên

2.1.4. Sự tạo thành alcaloid trong cây

2.1.5. Tính chất chung của alcaloid

2.1.6. Chiết xuất, tinh chế và phân lập

2.1.7. Định tính alcaloid

2.1.8. Định lượng alkaloid

2.1.9. Cấu tạo hoá học và phân loại

2.1.10. Tầm quan trọng của alcaloid trong dược liệu

2.2. Dược liệu chứa Alcaloid không có nhân dị vòng

2.3. Dược liệu chứa Alcaloid có nhân Piridin và Piperidin.

2.4. Dược liệu chứa Alcaloid có nhân Tropan

2.5. Dược liệu chứa Alcaloid có nhân Quinolizidin và Quinolin.

2.6. Dược liệu chứa Alcaloid có nhân Isoquinolin

2.7. Dược liệu chứa Alcaloid có nhân Indol.

2.8. Dược liệu chứa Alcaloid có nhân Imidazol, nhân Quinazolin, nhân Purin.

2.9. Dược liệu chứa Alcaloid có cấu trúc Steroid, Diterpen và cấu trúc khác.

Chương 10: Dược liệu chứa tinh dầu.

Thời gian: 08 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa tinh dầu và phân biệt được tinh dầu và chất thơm tổng hợp, giữa tinh dầu và chất béo

1.2. Trình bày được nguồn gốc, phân bố, đặc điểm, tác dụng sinh học và công dụng của những dược liệu chứa tinh dầu thường dùng.

1.3. Áp dụng để nhận biết tên và hàm lượng các phần chính trong dược liệu chứa tinh dầu thường dùng.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Thành phần hóa học

2.1.3. Tính chất lý hóa

2.1.4. Trạng thái thiên nhiên và vai trò của tinh dầu đối với cây

2.1.5. Chế tạo tinh dầu

2.1.6. Tác dụng sinh học và ứng dụng của tinh dầu

2.2. Dược liệu chứa tinh dầu có thành phần chính là các dẫn chất Monoterpen

2.3. Những dược liệu chứa tinh dầu có thành phần chính là các dẫn chất Sesquiterpen.

2.4. Dược liệu chứa tinh dầu có thành phần chính là các dẫn chất có nhân thơm.

2.4.1. Đinh Hương

2.4.2. Đại Hồi

2.4.3. Quế

2.5. Một số dược liệu có khả năng khai thác và sử dụng tinh dầu ở Việt Nam.

Phần thực hành

Bài 1: Xác định độ ẩm trong dược liệu và kiểm nghiệm hạt tinh bột. Nhận thức dược liệu chứa Carbonhydrat

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Thực hiện được các thao tác cơ bản xác định độ ẩm, các dược liệu trong bài.
- 1.2. Kiểm nghiệm, nhận thức, phân biệt được một số hạt tinh bột.
- 1.3. Phân biệt được các dược liệu về tên khoa học, nguồn gốc, thành phần hóa học chính, tác dụng, cách dùng, liều lượng.
- 1.4. Rèn luyện được kỹ năng sử dụng kính hiển vi để kiểm nghiệm các hạt tinh bột.

2. Nội dung:

- 2.1. Chuẩn bị
- 2.2. Tiến hành
- 2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 2: Chiết xuất và định tính Tanin trong dược liệu. Nhận thức dược liệu chứa Coumarin, tanin

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất.
- 1.2. Biết được cách chọn dược liệu, các bước chiết xuất và định tính taninoid trong dược liệu.
- 1.3. Làm được một cách thành thạo các bước chiết xuất, định tính.
- 1.4. Phân biệt được các dược liệu về tên khoa học, nguồn gốc, thành phần hóa học chính, tác dụng, cách dùng, liều lượng.
- 1.5. Vận dụng được các nguyên tắc để thực hành chiết xuất và định tính taninoid trong dược liệu.

2. Nội dung:

- 2.1. Chuẩn bị
- 2.2. Tiến hành
- 2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 3: Chiết xuất và định tính chất nhựa. Nhận thức dược liệu chứa chất nhựa, chất béo

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất.
- 1.2. Biết được cách chọn dược liệu, các bước chiết xuất và định tính chất nhựa trong dược liệu.
- 1.3. Làm được một cách thành thạo các bước chiết xuất, định tính.

1.4. Vận dụng được các nguyên tắc để thực hành chiết xuất và định tính chất nhựa trong dược liệu.

1.5. Phân biệt được các dược liệu về tên khoa học, nguồn gốc, thành phần hóa học chính, tác dụng, cách dùng, liều lượng.

2. Nội dung:

2.1. Chuẩn bị

2.2. Tiến hành

2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 4: Chiết xuất và định tính Glycosid tẩy, Glycosid tim. Nhận thức dược liệu chứa Anthranoid, glycosid tim

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất.

1.2. Biết được cách chọn dược liệu, các bước chiết xuất và định tính glycosid tẩy, glycosid tim trong dược liệu.

1.3. Làm được một cách thành thạo các bước chiết xuất, định tính.

1.4. Vận dụng được các nguyên tắc để thực hành chiết xuất và định tính glycosid tẩy, glycosid tim trong dược liệu.

1.5. Phân biệt được các dược liệu về tên khoa học, nguồn gốc, thành phần hóa học chính, tác dụng, cách dùng, liều lượng.

2. Nội dung:

2.1. Chuẩn bị

2.2. Tiến hành

2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 5: Chiết xuất và định tính Saponin trong dược liệu. Nhận thức dược liệu chứa Saponin

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất.

1.2. Biết được cách chọn dược liệu, các bước chiết xuất và định tính saponin trong dược liệu.

1.3. Làm được một cách thành thạo các bước chiết xuất, định tính.

1.4. Vận dụng được các nguyên tắc để thực hành chiết xuất và định tính saponin trong dược liệu.

1.5. Phân biệt được các dược liệu về tên khoa học, nguồn gốc, thành phần hóa học chính, tác dụng, cách dùng, liều lượng.

2. Nội dung:

- 2.1. Chuẩn bị
- 2.2. Tiến hành
- 2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 6: Chiết xuất và định tính Flavonoid trong dược liệu . Nhận thức dược liệu chứa Flavonoid

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất.
- 1.2. Biết được cách chọn dược liệu, các bước chiết xuất và định tính flavonoid trong dược liệu.
- 1.3. Làm được một cách thành thạo các bước chiết xuất, định tính.
- 1.4. Vận dụng được các nguyên tắc để thực hành chiết xuất và định tính flavonoid trong dược liệu.
- 1.5. Phân biệt được các dược liệu về tên khoa học, nguồn gốc, thành phần hóa học chính, tác dụng, cách dùng, liều lượng.

2. Nội dung:

- 2.1. Chuẩn bị
- 2.2. Tiến hành
- 2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 7: Chiết xuất và định tính alkaloid trong dược liệu. Nhận thức dược liệu chứa alkaloid

Thời gian: 06 Giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất.
- 1.2. Biết được các bước chiết xuất và định tính alkaloid trong dược liệu.
- 1.3. Làm được một cách thành thạo các bước chiết xuất, định tính.
- 1.4. Vận dụng được các nguyên tắc để thực hành chiết xuất và định tính alkaloid trong dược liệu.
- 1.5. Phân biệt được các dược liệu về tên khoa học, nguồn gốc, thành phần hóa học chính, tác dụng, cách dùng, liều lượng.

2. Nội dung:

- 2.1. Chuẩn bị
- 2.2. Tiến hành
- 2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

Bài 8: Kiểm nghiệm tinh dầu trong dược liệu. Nhận thức dược liệu chứa tinh dầu

Thời gian: 03 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ và hóa chất để kiểm nghiệm tinh dầu .

1.2. Biết được các bước nhận biết và định tính để kiểm nghiệm tinh dầu trong dược liệu.

1.3. Làm được một cách thành thạo các bước nhận biết, định tính tinh dầu.

1.4. Rèn luyện được kỹ năng để nhận biết, định tính kiểm nghiệm tinh dầu.

1.5. Phân biệt được các dược liệu về tên khoa học, nguồn gốc, thành phần hóa học chính, tác dụng, cách dùng, liều lượng.

2. Nội dung:

2.1. Chuẩn bị

2.2. Tiến hành

2.3. Kết luận, viết báo cáo thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng thực hành thực vật - dược liệu, vườn thực vật - dược liệu.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, kính hiển vi, dụng cụ để chiết xuất dược liệu, tủ sấy, tủ lạnh, nồi đun cách thủy, cân điện tử, cân phân tích, máy đo độ quay cực, máy soi UV

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, bài giảng, giáo trình dược liệu lưu hành nội bộ, tranh cây mẫu. Dụng cụ học thực hành: Buret, bình nón, pipet, cốc có mỏ, bộ lọc, ống nghiệm, ống nhỏ giọt, bình định mức, đèn cồn, bình chiết, bếp điện, bộ chạy sắc ký giấy. Nguyên vật liệu học thực hành: Các loại dược liệu: hòe hoa, cát căn, kim ngân, cam thảo...Hóa chất: NaOH, HCl, các loại thuốc thử...

4. Các điều kiện khác: Vườn thực địa, bảo đảm an toàn vệ sinh, môi trường trong quá trình thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá kiến thức về: saponin, alkaloid, flavonoid, tinh dầu. Chương 1,2,3,4 là trọng tâm.

- Kỹ năng: Làm việc nhóm, thuyết trình trước đám đông, sử dụng kính, làm tiêu bản, phân loại dược liệu

- Thái độ:

+ Rèn luyện được tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác trong thực hành kiểm nghiệm.

+ Sinh viên có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình học tập và nghiên cứu.

2. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lý thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: Bốc thăm nhận thức các dược liệu tại phòng thực hành. Công cụ: các dược liệu. Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng dược chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng

- Thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, phát huy tính tích cực của học sinh.

- Thực hành: Tại Labo

- Phân tích từng bước tiến hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học

- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học

- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.

- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5

- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5

- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lí thuyết 120 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 3,5

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy:

Khoa Dược – YHCT (2025), *Giáo trình Dược liệu*, lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo

1. Bộ môn Dược liệu, Trường Đại học Dược Hà Nội, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hằng, (2024), *Bài giảng dược liệu tập I&II*, Nxb Y học.

2. GS.TS Đỗ Tất Lợi (tái bản lần thứ 8, cập nhật đến năm 2025). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học .

3. Đỗ Bích Huy, Viện dược liệu (2006), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Tập I + II*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

4. Bộ Y tế, Vụ khoa học và đào tạo (2006), *Giáo trình Dược học cổ truyền*, Nxb Y học.

5. Võ Văn Chi (tái bản 2022), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, NXB Y học, Hà Nội.

6. Nguyễn Hải Nam (2010), *Nghiên cứu phát triển thuốc mới*, Nxb. Y học.

7. Viện Dược liệu (2006), “Phương pháp nghiên cứu tác dụng dược lý từ thảo dược”, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

8. Bộ Y tế (2009), *Hướng dẫn của tổ chức Y tế thế giới về Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái dược liệu* (bản dịch từ tiếng Anh).

9. Bộ Y tế (2024), Thông tư 14/2024-BYT, Chế biến dược liệu và vị thuốc cổ truyền

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: DƯỢC LÍ

Mã môn học: MH 24

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 58 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn chuyên ngành bắt buộc. Bố trí tại học kì IV sau khi hoàn thành môn học Hóa dược

2. Tính chất: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về hấp thụ, phân phối, chuyển hoá, thải trừ thuốc trong cơ thể người. Trình bày được tác dụng, tác dụng không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng các thuốc thông thường; vận dụng những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được động học của các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc. Phân tích được cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

1.2. Trình bày được dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng của một số thuốc trong các nhóm.

2. Về kỹ năng:

Tư vấn được cho bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hợp lý

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

LÝ THUYẾT

Số TT	Tên Bài	Thời gian (giờ)		
		Tổng	LT	KT

1	Bài 1: Đại cương về Dược lý		4	
2	Bài 2: Các thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương		4	
3	Bài 3: Thuốc giảm đau - hạ sốt - chống viêm không Steroid		5	
4	Bài 4: Histamin và thuốc kháng Histamin		3	
5	Bài 5: Thuốc điều trị thiếu máu		2	
6	Bài 6: Thuốc lợi tiểu		3	
7	Bài 7: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp		4	
8	Bài 8: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa		4	
9	Bài 9: Thuốc thay thế huyết tương và điều trị rối loạn dinh dưỡng		3	
10	Bài 10: Vitamin		2	
11	Bài 11: Thuốc tác dụng trên hệ tim mạch		8	
12	Bài 12: Hormon và các thuốc kháng hormon		5	
13	Bài 13: Thuốc kháng sinh		8	
14	Bài 14: Thuốc điều trị ung thư		1	
15	Bài 15: Thuốc chữa bệnh ngoài da và thuốc chuyên khoa		2	
16	Tổng cộng	60	58	2

THỰC HÀNH

Số T T	Nội dung	Thời gian (giờ)		
		Tổng	TH	KT
1	Bài 1: Các thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương		3	
2	Bài 2: Thuốc giảm đau - hạ sốt - chống viêm không Steroid		3	
3	Bài 3: Histamin và thuốc kháng Histamin		2	
4	Bài 4: Thuốc điều trị thiếu máu		1	
5	Bài 5: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp		3	
6	Bài 6: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa		3	
7	Bài 7: Thuốc thay thế huyết tương và điều trị rối loạn dinh dưỡng.		1	
8	Bài 8: Vitamin		1	
9	Bài 9: Thuốc tác dụng trên hệ tim mạch		1	
10	Bài 10: Hormon và các thuốc kháng hormon		3	
11	Bài 11: Thuốc kháng sinh		6	
12	Tổng cộng	30	27	3

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài mở đầu

Bài 1: Đại cương về dược lý

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm về thuốc.
- 1.2. Trình bày được các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ của thuốc.
- 1.3. Trình bày được các cách tác dụng của thuốc và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Dược động học
 - 2.2.1. Quá trình hấp thu
 - 2.2.2. Quá trình phân bố
 - 2.2.3. Quá trình chuyển hóa
 - 2.2.4. Quá trình thải trừ
- 2.3. Dược lực học
 - 2.3.1. Các cách tác dụng của thuốc
 - 2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc

Bài 2: Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày khái niệm, cơ chế tác dụng và phân loại của thuốc an thần, gây ngủ, thuốc giảm đau trung ương, thuốc kích thích thần kinh trung ương;
- 1.2. Trình bày được dạng thuốc, đặc điểm của các thuốc gây tê có trong bài;
- 1.3. Trình bày khái niệm, những tai biến thường xảy ra khi dùng thuốc mê;
- 1.4. Trình bày được khái niệm và phân loại của thuốc gây tê ;
- 1.5. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả;
- 1.6. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.7. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Thuốc an thần gây ngủ
- 2.2. Thuốc giảm đau trung ương
- 2.3. Thuốc kích thích thần kinh trung ương
- 2.4. Thuốc gây mê
- 2.5. Thuốc gây tê

Bài 3: Thuốc giảm đau - hạ sốt - chống viêm không Steroid

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được phân loại, đặc điểm của các thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid (NSAIDs).
- 1.2. Phân tích được ưu, nhược điểm của các thuốc thuộc dẫn xuất oxicam, coxib.
- 1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Tác dụng và cơ chế
 - 2.1.2. Tác dụng không mong muốn
 - 2.1.3. Chỉ định chung
 - 2.1.4. Phân loại
- 2.2. Các thuốc giảm đau – hạ sốt – chống viêm không steroid

Bài 4: Histamin và thuốc kháng Histamin

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Phân loại các thuốc kháng histamin
- 1.2. Trình bày được đặc điểm của các thuốc kháng histamin H1.
- 1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp

2. Nội dung Bài:

2.1. Histamin

2.1.1. Sinh tổng hợp và phân bố

2.1.2. Sự giải phóng histamin

2.1.3. Chuyển hóa histamin

2.1.4. Receptor của histamin

2.2. Các thuốc kháng histamin

2.2.1. Cấu trúc và phân loại

2.2.2. Dược động học

2.2.3. Tác dụng và cơ chế

2.2.4. Chỉ định

2.2.5. Tác dụng không mong muốn

2.2.6. Chống chỉ định

2.2.7. Các thuốc trong nhóm

Bài 5 :Thuốc điều trị thiếu máu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1.Trình bày được nguyên nhân gây thiếu máu và cách phân loại thuốc điều trị thuốc thiếu máu.

1.2. Trình bày được đặc điểm của các thuốc điều trị thiếu máu được đề cập trong bài.

1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Đại cương

2.1.1. Thiếu máu nhược sắc

2.1.2. Thuốc điều trị thiếu máu thiếu sắt:

2.1.3. Thiếu máu nguyên hồng cầu khổng lồ.

2.2. Các thuốc chữa thiếu máu thường dùng

Bài 6: Thuốc lợi tiểu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được phân loại thuốc lợi tiểu.
- 1.2. Trình bày được đặc điểm của các thuốc lợi tiểu trong bài học.
- 1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Phân loại thuốc lợi tiểu
- 2.2. Các thuốc lợi tiểu giảm K⁺ máu
- 2.3. Các thuốc lợi tiểu giữ K⁺ máu
- 2.4. Thuốc lợi tiểu khác

Bài 7: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Phân loại được các nhóm thuốc điều trị ho và hen phế quản.
- 1.2. Trình bày được đặc điểm của một số thuốc trong bài
- 1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Các thuốc chữa ho, long đờm
- 2.3. Thuốc điều trị hen phế quản
 - 2.3.1. Phân loại thuốc điều trị hen
 - 2.3.2. Nguyên tắc điều trị hen phế quản
 - 2.3.3. Các thuốc điều trị hen phế quản

Bài 8: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được cách phân loại thuốc điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng
- 1.2. Trình bày được đặc điểm của các thuốc điều trị viêm loét dạ dày - tá tràng được đề cập đến trong bài
- 1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Phân loại thuốc điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng
- 2.3. Một số thuốc điều trị
- 2.4. Thuốc điều trị táo bón
- 2.5. Thuốc điều trị tiêu chảy

Bài 9: Thuốc thay thế huyết tương và điều trị rối loạn dinh dưỡng

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đại cương về dung dịch truyền.
- 1.2. Trình bày được đặc điểm, cách sử dụng các dung dịch tiêm truyền có trong bài học.
- 1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Vai trò của dung dịch tiêm truyền
 - 2.1.3. Phân loại
- 2.2. Các dung dịch tiêm truyền thông dụng
 - 2.2.1. Dịch truyền bù nước và cân bằng chất điện giải.
 - 2.2.2. Dung dịch cung cấp chất dinh dưỡng
 - 2.2.3. Dịch truyền thay thế huyết tương
 - 2.2.4. Dung dịch chống toan kiềm huyết

Bài 10: Vitamin

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được vai trò, phân loại, nguyên tắc sử dụng vitamin.
- 1.2. Trình bày được đặc điểm của một số Vitamin thông dụng.
- 1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm vitamin vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Vai trò
 - 2.1.3. Phân loại
- 2.2. Các vitamin tan trong dầu
- 2.3. Các vitamin tan trong nước

Bài 11: Thuốc tác dụng trên tim mạch

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được đặc điểm của các thuốc điều trị bệnh tim mạch có trong bài học.
- 1.2. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả
- 1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Thuốc điều trị suy tim
- 2.2. Thuốc điều trị đau thắt ngực
- 2.3. Thuốc điều trị loạn nhịp tim
- 2.4. Thuốc điều trị cao huyết áp
- 2.5. Thuốc điều trị tăng lipid máu
- 2.6. Thuốc ảnh hưởng đến hấp thu và thải trừ lipid
- 2.7. Thuốc ảnh hưởng đến sinh tổng hợp lipid

2.8. Thuốc ức chế HGM - CoA reductase (statin)

2.9. Một số thuốc hạ lipoprotein mới.

Bài 12: Hormon và các thuốc kháng hormon

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được khái niệm hormon, đặc điểm, cách phân loại hormon.

1.2. Trình bày đặc điểm của các loại Hormon.

1.3. Trình bày được tác dụng và áp dụng điều trị của các thuốc kháng Hormon được đề cập trong bài.

1.4. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả

1.5. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.6. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm của hormon

2.1.3. Phân loại hormon

2.2. Hormon tuyến vỏ thượng thận

2.3. Hormon sinh dục

2.4. Hormon tuyến tụy và các thuốc hạ đường huyết

2.5. Hormon tuyến giáp

Bài 13: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, phân loại, đặc điểm của các nhóm kháng sinh

1.2. Trình bày được nguyên tắc sử dụng kháng sinh, sự kháng kháng sinh trong điều trị và biện pháp hạn chế kháng kháng sinh.

1.3. Trình bày được đặc điểm các kháng sinh được đề cập đến trong bài.

1.4. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả

1.5. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.6. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.3. Cơ chế tác dụng của kháng sinh

2.1.4. Sự kháng kháng sinh của vi khuẩn

2.1.5. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh

2.2. Một số kháng sinh thường dùng

2.2.1. Betalactam

2.2.2. Nhóm macrolid

2.2.3. Kháng sinh nhóm lincosamid

2.2.4. Kháng sinh nhóm Aminoglycosid

2.2.5. Nhóm peptid

2.2.6. Kháng sinh nhóm tetracyclin

2.2.7 Kháng sinh nhóm phenicol

2.2.8. Kháng sinh nhóm Quinolon

2.2.9. Kháng sinh chống nấm

Bài 14: Thuốc điều trị ung thư

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được các nhóm thuốc điều trị bệnh ung thư.

1.2. Trình bày được đặc điểm của các thuốc điều trị ung thư có trong bài học.

1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Đại cương

2.1.1. Các phương pháp chính điều trị bệnh ung thư

2.1.2. Các nhóm thuốc điều trị ung thư

2.1.3. Tác dụng không mong muốn của thuốc điều trị bệnh ung thư

2.2. Thuốc kháng chuyển hoá

- 2.3. Nhóm alkyl hoá
- 2.4. Các sản phẩm tự nhiên

Bài 15: Thuốc chữa bệnh ngoài da và thuốc chuyên khoa

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại, nguyên tắc sử dụng các thuốc chữa bệnh ngoài da, thuốc chữa bệnh chuyên khoa mắt – tai – mũi – họng
- 1.2. Trình bày được đặc điểm, cách sử dụng các thuốc chữa bệnh ngoài da, bệnh chuyên khoa mắt – tai – mũi – họng thường dùng.
- 1.3. Vận dụng đặc điểm của từng nhóm thuốc vào việc tư vấn sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Thuốc chữa bệnh ngoài da
 - 2.1.1. Phân loại
 - 2.1.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc chữa bệnh ngoài da
 - 2.1.3. Một số thuốc chữa bệnh ngoài da
- 2.2. Thuốc chuyên khoa mắt, tai mũi họng

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Các thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng... của các thuốc tác dụng lên thần kinh trung ương (TKTW)
- 1.2. Vận dụng kiến thức về các thuốc tác dụng lên TKTW trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.
- 1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

- 2.1. Thuốc gây mê, thuốc gây tê
- 2.2. Thuốc an thần gây ngủ

2.3. Thuốc giảm đau trung ương

2.4. Thuốc kích thích TKTW

Bài 2: Thuốc giảm đau - hạ sốt - chống viêm không Steroid

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng... của các thuốc Thuốc giảm đau - hạ sốt - chống viêm không Steroid

1.2. Vận dụng kiến thức về các thuốc Thuốc giảm đau - hạ sốt - chống viêm không Steroid trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Các thuốc thường dùng

- Dẫn chất Acid salicylic
- Dẫn xuất indol
- Dẫn xuất acid phenylacetic
- Dẫn xuất oxicam
- Dẫn xuất aminophenol

2.2. Nhận xét đơn thuốc

Bài 3: Histamin và thuốc kháng Histamin

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng... của các thuốc kháng histamin

1.2. Vận dụng kiến thức về các thuốc kháng histamin trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Các thuốc thường dùng

2.2. Nhận xét đơn thuốc

Bài 4: Thuốc điều trị thiếu máu

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng... của các thuốc điều trị thiếu máu

1.2. Vận dụng kiến thức về các thuốc điều trị thiếu máu trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

Các thuốc thường dùng: Dạng uống: Fe (II) fumarat, Fe (II) gluconat, Fe (II) sulfat; dạng tiêm: Fe (III) dextran, Fe (III) sornitol, Fe (III) sucrose, vitamin B9, vitamin B12

Bài 5: Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng... của các thuốc tác dụng trên hệ hô hấp

1.2. Vận dụng kiến thức về các thuốc tác dụng trên hệ hô hấp trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Thuốc điều trị một số bệnh thường gặp ở đường hô hấp trên.

2.2. Thuốc điều trị một số bệnh thường gặp ở đường hô hấp dưới

2.3. Nhận xét đơn thuốc

Bài 6: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng... của các thuốc tác dụng trên hệ tiêu hoá

1.2. Vận dụng kiến thức về các thuốc tác dụng trên hệ tiêu hoá trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Thuốc điều trị viêm, loét dạ dày – tá tràng

2.2. Thuốc điều trị táo bón, tiêu chảy

2.3. Nhận xét đơn thuốc

Bài 7: Thuốc thay thế huyết tương và điều trị rối loạn dinh dưỡng

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng...của các thuốc thay thế huyết tương và điều trị rối loạn dinh dưỡng

1.2. Vận dụng kiến thức về các thuốc thay thế huyết tương và điều trị rối loạn dinh dưỡng trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

Các thuốc thường dùng: Dung dịch Natri clorid 0,9%, Dung dịch NaCl ưu trương 5% hoặc 10%, Dung dịch Ringer-lactat, Oresol, Dung dịch Glucose đẳng trương 5%, Dung dịch Glucose ưu trương 30%, Alvesin, Aminoacid, Moriamin – S, Plasma sec.

Bài 8: Vitamin

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng...của các vitamin (dạng thuốc và dạng thực phẩm bảo vệ sức khỏe)

1.2. Vận dụng kiến thức về vitamin trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

Các thuốc thường dùng: Vitamin A, Vitamin D, Vitamin E, Vitamin nhóm B, vitamin C

Bài 9: Thuốc tác dụng trên hệ tim mạch

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng... của các thuốc tác dụng trên hệ tim mạch

1.2. Vận dụng kiến thức về các thuốc tác dụng trên hệ tim mạch trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Thuốc điều trị suy tim

2.2. Thuốc điều trị đau thắt ngực

2.3. Thuốc điều trị thiếu máu cơ tim

2.4. Thuốc chống loạn nhịp tim

2.5. Thuốc điều trị cao huyết áp

2.6. Thuốc điều trị tăng lipid máu

2.7. Thuốc lợi tiểu

Bài 10: Hormon và các thuốc kháng hormon

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng... của các thuốc kháng hormon

1.2. Vận dụng kiến thức về các thuốc kháng hormon trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Glucocorticoid và dẫn chất

2.2. Hormon sinh dục

2.3. Hormon tuyến tụy

2.4. Hormon tuyến giáp

Bài 11: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các thuốc, trình bày được các đặc điểm về tên, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng... của các thuốc kháng sinh

1.2. Vận dụng kiến thức về các thuốc kháng sinh trong tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh hiệu quả, an toàn hợp lý.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung Bài:

2.1. Kháng sinh phân nhóm Penicillin

2.2. Kháng sinh phân nhóm Cephalosporin

2.3. Kháng sinh nhóm Aminocyclitol

2.4. Kháng sinh nhóm Phenicol

2.5. Kháng sinh nhóm Tetracyclin

2.6. Kháng sinh nhóm Macrolid

2.7. Kháng sinh nhóm Lincosamid

2.8. Kháng sinh nhóm Quinolon

2.9. Kháng sinh nhóm Peptid Peptit

2.10. Kháng sinh nhóm Tetracyclin

2.11. Kháng sinh chống nấm

2.12. Nhận xét đơn thuốc

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: giảng đường, phòng thực hành Dược lý, quầy thuốc

2. Trang thiết bị máy móc: Projector, bảng, phấn, máy tính

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng, giáo trình dược lý lưu hành nội bộ, Dược thư quốc gia, thuốc và biệt dược, Vidal. Các thuốc biệt dược/generic,

gây mê, thuốc gây tê, an thần gây ngủ, giảm đau trung ương, kích thích TKTW, giảm đau - hạ sốt - chống viêm, các thuốc kháng histamin, Thuốc điều trị viêm, loét dạ dày – tá tràng, Thuốc điều trị táo bón, tiêu chảy, các Vitamin, Thuốc điều trị suy tim, Thuốc điều trị đau thắt ngực, Thuốc điều trị thiếu máu cơ tim, Thuốc chống loạn nhịp tim, Thuốc điều trị cao huyết áp, Thuốc điều trị tăng lipid máu, Thuốc lợi tiểu, Glucocorticoid và dẫn chất, Hormon sinh dục, Hormon tuyến tụy, Hormon tuyến giáp, thuốc kháng sinh

4. Các điều kiện khác: Đảm bảo an toàn trong quá trình thực hành

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Động học của các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc, cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

+ Dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng của các thuốc trong các nhóm.

- Kỹ năng: Tư vấn cho bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, hợp lý.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lý thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: nhận thức các thuốc tại phòng thực hành. Công cụ: Thuốc thành phẩm. Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong Chương trình đào tạo Cao đẳng được chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng
- Thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, phát huy tính tích cực của học sinh.
- Thực hành: Tại Labo
- Phân tích từng bước, cầm tay chỉ việc

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5
- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lý thuyết 120 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý: Bài kháng sinh, NSAIDs

4. Tài liệu tham khảo:

- **Tài liệu giảng dạy:**

Khoa Dược - YHCT (2025), *Giáo trình Dược lý dành cho đối tượng cao đẳng Dược*, Lưu hành nội bộ.

- **Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ môn Dược lý Trường Đại học Y Hà Nội (2023), *Dược lý học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ môn Dược lý, Trường đại học Y dược TPHCM (2024), *Dược lý học tập 1*, Nhà xuất bản Y học.
3. Bộ môn Dược lý, Trường đại học Dược Hà Nội (2022), *Dược lý học tập 1*, Nhà xuất bản Y học
4. Bộ môn Dược lý, Trường đại học Dược Hà Nội (2022), *Dược lý học tập 2*, Nhà xuất bản Y học
5. Bộ môn Dược lâm sàng, Trường Đại học Y Dược TPHCM (2021), *Dược lâm sàng đại cương*, Nhà xuất bản Y học.
6. Bộ môn Dược lâm sàng, Trường đại học Y Dược TPHCM (2021), *Dược lâm sàng và điều trị*, Nhà xuất bản Y học
7. Bộ Y tế (2022), *Dược thư Quốc gia Việt Nam* - xuất bản lần thứ ba
8. Bộ Y tế (2015), *Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KIỂM NGHIỆM

Mã môn học: MH 25

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra 5 giờ,)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học chuyên ngành bắt buộc, Sau khi học xong môn Hóa phân tích bố trí ở học kì IV

2. Tính chất: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp đảm bảo chất lượng thuốc, các yếu tố và điều kiện gần thiết nhằm đảm bảo tính chính xác, khoa học, tin cậy cho các kết quả thí nghiệm, các biện pháp đảm bảo chất lượng thí nghiệm.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được các nguyên tắc và phương pháp chung trong kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm;

1.2. Trình bày được các yêu cầu chất lượng và cách xác định các yêu cầu chất lượng của các dạng thuốc;

1.3. Trình bày được các yếu tố và điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính chính xác, khoa học, tin cậy đối với các kết quả kiểm nghiệm.

1.4. Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm

2. Về kỹ năng:

2.1. Kiểm nghiệm được một số dạng thuốc và nguyên liệu làm thuốc thông dụng;

2.2. Pha chế được một số dụng dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;

2.3. Sử dụng được một số máy móc để kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc như: máy đo pH, máy quang phổ tử ngoại- khả kiến, máy sắc ký lỏng hiệu năng cao.

2.4. Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Hình thành tính Chủ động trong công việc, tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình; trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tự chịu trách nhiệm trong chuyên môn nghiệp vụ được giao; tích cực, chủ động trong làm việc nhóm;

3.2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan;

3.3. Có tinh thần cầu tiến, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục khiêm tốn học tập vươn lên;

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Lý thuyết:

TT	Tên chương, mục	Thời gian		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Chương 1. ĐẠI CƯƠNG	8	8	
1.1	Bài 1. Đại cương về công tác kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm	4	4	
1.2	Bài 2. Công tác kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm	4	4	
2	Chương 2. KIỂM NGHIỆM CÁC DẠNG THUỐC	18	17	1
2.1	Bài 1. Kiểm nghiệm thuốc bột và thuốc cốm	4	4	
2.2	Bài 2. Kiểm nghiệm viên nén, viên nang	4	4	
2.3	Bài 3. Kiểm nghiệm các dạng thuốc lỏng	4	4	
2.4	Bài 4. Kiểm nghiệm thuốc mỡ, thuốc kem	2	2	
2.5	Bài 5. Kiểm nghiệm thuốc đông được	4	3	1
3	Chương 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	19	18	1
3.1	Bài 1. Các xác định cơ bản trong kiểm nghiệm.	3	3	

3.2	Bài 2. Phương pháp xác định các chỉ số vật lí	4	4	
3.3	Bài 3. Các phương pháp phân tích dụng cụ	8	8	
3.4	Bài 4. Kiểm nghiệm theo phương pháp vi sinh vật	4	3	1
	Tổng cộng	45	43	2

Phân thực hành:

TT	Tên chương, mục	Số tiết
1	Bài 1: kĩ thuật pha dung dịch chuẩn độ từ ống chuẩn và từ hóa chất.	3
2	Bài 2: Kiểm nghiệm thuốc bột sorbitol	3
3	Bài 3: Kiểm nghiệm thuốc viên nén vitamin C	3
4	Bài 4: Kiểm nghiệm viên nén theophyllin	3
5	Bài 5: Kiểm nghiệm viên sủi paracetamol	3
6	Bài 6: Kiểm nghiệm thuốc tiêm vitamin C	3
7	Bài 7: Kiểm nghiệm thuốc tiêm vitamin b12	3
8	Bài 8: Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt NaCl	3
9	Bài 9: Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt cloramphenicol	3
	Kiểm tra	3
	Tổng số	30

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. ĐẠI CƯƠNG

Bài 1. Đại cương về công tác kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm chất lượng thuốc và 5 yếu tố cơ bản ảnh hưởng tới chất lượng thuốc.

1.2. Trình bày được các hệ thống tổ chức quản lý, kiểm tra chất lượng thuốc ở Việt Nam.

1.3. Biết được cách sử dụng Dược điển Việt Nam.

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về chất lượng thuốc và mỹ phẩm

2.2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.2.2. Chất lượng thuốc và yêu cầu chất lượng

2.2. Hệ thống tổ chức quản lý, kiểm tra chất lượng thuốc

2.2.1. Hệ thống quản lý chất lượng thuốc

2.2.2. Hệ thống kiểm tra chất lượng thuốc

2.2.3. Hệ thống thanh tra dược

2.3. Giới thiệu Dược điển Việt Nam

2.3.1. Một số nét chung về Dược điển Việt Nam

2.3.2. Cách sử dụng Dược điển

Bài 2. Công tác kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nội dung cơ bản của công tác kiểm tra thuốc- mỹ phẩm.

1.2. Trình bày được nội dung chính của thực hành kiểm nghiệm tốt.

1.3. Biết cách trả lời kết quả kiểm nghiệm và ghi phiếu kiểm nghiệm theo đúng tiêu chuẩn.

1.4. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về Kiểm tra chất lượng thuốc (Drug quality control)

2.2. Các nội dung chính của kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm

2.2.1. Lấy mẫu kiểm nghiệm

2.2.2. Kiểm nghiệm thuốc theo tiêu chuẩn

2.3. Nguyên tắc thực hành kiểm nghiệm thuốc tốt

2.3. 1. Tổ chức và nhân sự

2.3. 2. Hệ thống chất lượng

2.3.3. Cơ sở vật chất

2.3.4. Thiết bị phân tích và hiệu chỉnh thiết bị phân tích

2.3.5. Thuốc thử và chất đối chiếu

2.3.6. Tiêu chuẩn chất lượng và phương pháp phân tích

2.3.7. Mẫu thử

2.3.8. Thử nghiệm và đánh giá kết quả

2.3.9. Hồ sơ và tài liệu

2.3.10. An toàn trong phòng kiểm nghiệm

Chương 2. KIỂM NGHIỆM CÁC DẠNG THUỐC

Bài 1. Kiểm nghiệm thuốc bột và thuốc cốm

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm nghiệm thuốc bột.

1.2. Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm nghiệm thuốc cốm.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung:

2.1. Kiểm nghiệm thuốc bột

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Các yêu cầu chất lượng chung

2.1.3. Các loại thuốc bột

2.2. Kiểm nghiệm thuốc cốm

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Các yêu cầu chất lượng chung

Bài 2. Kiểm nghiệm viên nén, viên nang

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm nghiệm viên nén.

1.2. Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm nghiệm viên nang.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung:

2.1. Kiểm nghiệm viên nén

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Các yêu cầu chất lượng chung

2.1.3. Các loại thuốc bột

2.2. Kiểm nghiệm viên nang

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Các yêu cầu chất lượng chung

Bài 3. Kiểm nghiệm các dạng thuốc lỏng

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các yêu cầu chất lượng và phương pháp kiểm nghiệm thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền.

1.2. Trình bày được các yêu cầu chất lượng và phương pháp kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt.

1.3. Trình bày được các yêu cầu chất lượng và phương pháp kiểm nghiệm nhỏ mũi và nhỏ mũi dạng xịt.

1.4. Trình bày được các yêu cầu chất lượng và phương pháp kiểm nghiệm Siro.

1.5. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.6. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung:

2.1. Kiểm nghiệm thuốc tiêm truyền

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Các yêu cầu chất lượng chung

2.1.3. Các loại thuốc bột

2.2. Kiểm nghiệm thuốc tiêm

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Các yêu cầu chất lượng chung

2.3. Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Các yêu cầu chất lượng chung

2.4. Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mũi, xịt mũi

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Các yêu cầu chất lượng chung

2.5. Kiểm nghiệm thuốc siro

2.5.1. Định nghĩa

2.5.2. Các yêu cầu chất lượng chung

Bài 4. Kiểm nghiệm thuốc mỡ, thuốc kem

Thời gian 2 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được yêu cầu chất lượng và cách kiểm nghiệm thuốc mỡ.

1.2. Trình bày được yêu cầu chất lượng và cách kiểm nghiệm thuốc kem.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung:

2.1. Kiểm nghiệm thuốc mỡ

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Các yêu cầu chất lượng chung

2.1.3. Các loại thuốc bột

2.2. Kiểm nghiệm thuốc kem

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Các yêu cầu chất lượng chung

Bài 5. Kiểm nghiệm thuốc đông dược

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được yêu cầu chất lượng và cách kiểm nghiệm cao thuốc.

1.2. Trình bày được yêu cầu chất lượng và cách kiểm nghiệm thuốc hoàn.

1.3. Trình bày được yêu cầu chất lượng và cách kiểm nghiệm rượu thuốc.

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung

2.1. Kiểm nghiệm thuốc hoàn

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Các yêu cầu chất lượng chung

2.1.3. Các loại thuốc bột

2.2. Kiểm nghiệm cao thuốc

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Các yêu cầu chất lượng chung

2.3. Kiểm nghiệm rượu thuốc

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Các yêu cầu chất lượng chung

Chương 3. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM CHUNG

Bài 1. Các xác định cơ bản trong kiểm nghiệm.

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách xác định mất khối lượng do làm khô
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc và tính được lượng mức trong thuốc theo phương pháp Karl Fischer
- 1.3. Trình bày được cách xác định màu sắc dung dịch trong kiểm nghiệm

2. Nội dung chương:

- 2.1. Xác định mất khối lượng do làm khô
 - 2.1.1. Khái niệm và các phương pháp
 - 2.1.2. Cách tiến hành
- 2.2. Định lượng theo phương pháp Karl Fischer
 - 2.2.1. Nguyên tắc
 - 2.2.2. Tiến hành
- 2.3. Xác định màu sắc của dung dịch
 - 2.3.1. Phương pháp 1
 - 2.3.2. Phương pháp 2

Bài 2. Phương pháp xác định các chỉ số vật lý

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên tắc và cách xác định độ PH của dung dịch
- 1.2. Trình bày được cách xác định khối lượng riêng và tỷ trọng, khoảng nóng chảy, nhiệt độ nóng chảy
- 1.3. Trình bày được khái niệm và phương pháp đo độ nhớt của dung dịch
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.5. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung

- 2.1. Xác định chỉ số pH
- 2.2. Xác định độ nhớt của chất lỏng
- 2.3. Xác định khối lượng riêng và tỷ trọng
- 2.4. Xác định nhiệt độ nóng chảy, khoảng nóng chảy và điểm nhỏ giọt

Bài 3. Các phương pháp phân tích dụng cụ

Thời gian 8 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được nguyên tắc của phương pháp đo quang phổ hấp thụ ở vùng tử ngoại và vùng khả kiến.
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc của phương pháp sắc ký.

1.3. Trình bày được cách thức tiến hành và ứng dụng của sắc ký lớp mỏng, sắc ký lỏng hiệu năng cao.

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp.

1.5. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung

2.1. Phương pháp quang phổ hấp thụ UV-VIS

2.1.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.2. Ứng dụng

2.1.3. Cấu tạo máy quang phổ UV-VIS

2.2. Phương pháp sắc ký

2.2.1. Đại cương

2.2. 2. Sắc ký lớp mỏng

2.2. 3. Sắc ký lỏng hiệu năng cao

Bài 4. Kiểm nghiệm theo phương pháp vi sinh vật

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nguyên tắc và cách xác định nội độ tổ vi khuẩn.

1.2. Trình bày được nguyên tắc và cách thử độ tính bất thường.

1.3. Trình bày được nguyên tắc và cách thử chất gây sốt.

1.4. Trình bày được nguyên tắc và cách thử độ vô khuẩn.

1.5. Trình bày được nguyên tắc và cách thử giới hạn nhiễm khuẩn.

1.6. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.7. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập và trong thực hiện công việc.

2. Nội dung

2.1. Phép thử nội độ tổ vi khuẩn

2.1. 1. Đại cương

2.1. 2. Phương pháp tạo gel

2.1. 3. Phương pháp đo quang

2.2. Thử độ tính bất thường

2.2. 1. Động vật thí nghiệm

2.2. 2. Chuẩn bị dung dịch thử

2.2. 3. Tiến hành thử

2.3. Thử chất gây sốt

- 2.3. 1. Lựa chọn động vật thí nghiệm
- 2.3. 2. Khu vực lưu giữ động vật
- 2.3. 3. Dụng cụ, bơm và kim tiêm:
- 2.3. 4. Thử nghiệm sơ bộ
- 2.3. 5. Thử nghiệm chính thức
- 2.4. Thử chất gây sốt
- 2.4. 1. Lựa chọn động vật thí nghiệm
- 2.4. 2. Khu vực lưu giữ động vật
- 2.4. 3. Dụng cụ, bơm và kim tiêm:
- 2.4. 5. Thử nghiệm sơ bộ
- 2.4. 6. Thử nghiệm chính thức
- 2.5. Thử giới hạn nhiễm khuẩn
- 2.5. 1. Môi trường
- 2.5. 2. Chuẩn bị thí nghiệm
- 2.5. 3. Tiến hành
- 2.5. 4. Yêu cầu giới hạn nhiễm khuẩn
- 2.6. Thử vô khuẩn
- 2.6. 1. Quy định chung
- 2.6. 2. Phương pháp thử
- 2.6. 3. Chuẩn bị môi trường và dung môi
- 2.6. 4. Tiến hành thử theo phương pháp màng lọc
- 2.6. 5. Tiến hành thử theo phương pháp cấy trực tiếp

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: kĩ thuật pha dung dịch chuẩn độ từ ống chuẩn và từ hóa chất.

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1. 1. Chuẩn bị được các dụng cụ, hóa chất đạt yêu cầu.
- 1.2. Pha được dung dịch chuẩn độ từ ống chuẩn đúng quy trình kĩ thuật
- 1.3. Pha được dung dịch chuẩn độ bằng cách pha gần đúng rồi điều chỉnh đúng quy trình kĩ thuật

2. Nội dung

- 2.1. Pha được dung dịch chuẩn độ từ ống chuẩn.
- 2.2. Pha được dung dịch chuẩn độ bằng cách pha gần đúng rồi điều chỉnh.

Bài 2: Kiểm nghiệm thuốc bột sorbitol

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. 1. Chuẩn bị được các dụng cụ,hóa chất đạt yêu cầu.
1. 2. Kiểm nghiệm được bột sorbitol đúng quy trình kĩ thuật.
1. 3. Viết được phiếu kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

2. Nội dung

2.1 Kiểm nghiệm thuốc bột sorbitol

Bài 3,4: Kiểm nghiệm thuốc viên nén vitamin C, theophyllin

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ,hóa chất đạt yêu cầu.
- 1.2. Kiểm nghiệm được thuốc viên nén vitamin C, theophyllin đúng quy trình kĩ thuật.
- 1.3. Viết được phiếu kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

2. Nội dung

- 2.1. Kiểm nghiệm được thuốc viên nén vitamin C
- 2.2. Kiểm nghiệm được thuốc viên nén theophyllin.

Bài 5: Kiểm nghiệm viên sủi

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ,hóa chất đạt yêu cầu.
- 1.2. Kiểm nghiệm được thuốc viên sủi paracetamol đúng quy trình kĩ thuật.
- 1.3. Viết được phiếu kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

2. Nội dung

Kiểm nghiệm được thuốc viên sủi paracetamol

Bài 6,7: Kiểm nghiệm thuốc tiêm

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ,hóa chất đạt yêu cầu.
- 1.2. Kiểm nghiệm được thuốc tiêm vitamin C, vitamin B12 đúng quy trình kĩ thuật.
- 1.3. Viết được phiếu kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

2. Nội dung

- 2.1. Kiểm nghiệm được thuốc tiêm Vitamin C
- 2.2. Kiểm nghiệm được thuốc tiêm vitamin B12

Bài 8,9: Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Chuẩn bị được các dụng cụ, hóa chất đạt yêu cầu.
- 1.2. Kiểm nghiệm được thuốc nhỏ mắt Natriclorid 0,9% , cloramphenicol đúng quy trình kỹ thuật.
- 1.3. Viết được phiếu kiểm nghiệm đạt yêu cầu.

2. Nội dung

- 2.1. Kiểm nghiệm được thuốc nhỏ mắt Natriclorid 0,9%
- 2.2. Kiểm nghiệm được thuốc nhỏ mắt cloramphenicol

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng: Phòng học, phòng thực hành kiểm nghiệm
2. Trang thiết bị máy móc: máy chiếu, máy vi tính, cân điện tử, cân phân tích, máy ly tâm, lò nung, tủ sấy, tủ lạnh, nồi đun cách thủy, máy đo độ pH, máy chuẩn độ đo thế, máy Uv-Vis, tủ hút phòng thí nghiệm, máy thử độ rắn, máy thử độ hòa tan, máy chuẩn độ đo thế, máy thử độ cứng, máy thử độ trong dung dịch
3. Học liệu, dụng cụ: giáo trình, bài giảng kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm lưu hành nội bộ, dược điển Việt Nam V, Dụng cụ phòng thực hành: Buret, bình nón, pipet, cốc có mỏ, bộ lọc, ống nghiệm, ống nhỏ giọt, bình định mức, đèn cồn ...Hóa chất phòng thí nghiệm: Iod, thuốc bột sorbitol, thuốc bột oresol, thuốc tiêm vitamin C, vitamin B12, vitamin B6 , tiêm truyền Natri bicarbonat , nhỏ mắt Natriclorid 0,9% , cloramphenicol , thuốc viên nén vitamin C, aspirin, vitamin B6 , viên nang paracetamol, cloramphenicol , viên sủi paracetamol, thuốc mỡ acid boric. Các hóa chất thuốc thư liên quan
4. Các điều kiện khác: Đảm bảo vệ sinh, an toàn trong quá trình thực hành

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Về kiến thức: Công tác kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm, Nguyên tắc chung và một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc ghi trong Dược điển Việt Nam V
- Về kỹ năng: Kiểm nghiệm một số nguyên liệu và dạng thuốc thông dụng theo quy trình kỹ thuật, sử dụng thành thạo dụng cụ trong kiểm nghiệm và nguyên tắc sử dụng một số thiết bị trong kiểm nghiệm.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tác phong chính xác, trung thực trong hoạt động nghề

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:
- + 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lý thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 02 điểm số lí thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: Bốc thăm đánh giá kĩ năng tại phòng thực hành. Công cụ: Bảng kiểm các quy trình thực hành. Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng được chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng

- Thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, phát huy tính tích cực của học sinh.

- Thực hành: Tại Labo

- Phân tích từng bước tiến hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học

- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học

- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.

- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5

- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5

- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lý thuyết 90 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý: Trọng tâm là kiểm nghiệm các dạng thuốc.

4. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu giảng dạy:

Khoa Dược - YHCT (2025), *Giáo trình kiểm nghiệm*, lưu hành nội bộ

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế, PGS.TS. Trần Đăng Hòa (2021). “*Kiểm nghiệm dược phẩm*”, Nhà xuất bản Giáo dục.

2. Bộ môn Hóa Phân tích và độc chất - Trường ĐH Dược Hà Nội (2022), “*Kiểm nghiệm dược phẩm*” Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

3. Bộ môn Hóa Phân tích và độc chất - Trường ĐH Y Dược Hồ Chí Minh (2023), “*Kiểm nghiệm thuốc*”, Hà nội, Nhà xuất bản Y học.

4. Bộ y tế. “*Dược điển Việt Nam V*” (2017)

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: QUẢN LÝ TỒN TRỮ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THUỐC

Mã môn học: MH 26

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành 27; Kiểm tra 04 giờ;)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- 1. Vị trí:** Là môn học chuyên ngành bắt buộc được bố trí vào học kì V
- 2. Tính chất:** Là môn học chuyên ngành bắt buộc nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về: hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc và bảo quản thuốc và dụng cụ y tế đúng qui chế.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

- 1.1. Trình bày được tầm quan trọng của công tác bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.
- 1.2. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc và dụng cụ y tế.
- 1.3. Trình bày được khái niệm thuốc và yêu cầu đối với việc sử dụng thuốc.
- 1.4. Trình bày được mục tiêu và vai trò của công tác đảm bảo chất lượng thuốc.
- 1.5. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc trong toàn bộ chu trình từ nguyên liệu đầu vào đến tay người sử dụng.
- 1.6. Trình bày được các bộ phận cấu thành của hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc.
- 1.7. Trình bày được khái niệm, mục đích, vai trò, những nội dung chính của các tiêu chuẩn GMP, GSP, GLP, GPP, GDP.

2. Về kỹ năng:

- 2.1. Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế sau khi ra trường.
- 2.2. Thiết kế được kho thuốc theo tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc.
- 2.3. Biết cách quản lý kho thuốc theo tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc.
- 2.4. Vận dụng kiến thức để thiết kế kho thuốc theo tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc.

2.5 Vận dụng kiến thức để quản lý kho thuốc theo tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

3.2. Có mong muốn áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp

3.3. Tuân thủ các nguyên tắc, qui trình thao tác chuẩn (SOP), và ISO trong lĩnh vực dược phẩm; các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1: Quản lý tồn trữ thuốc	22	7	12	3
1	Bài 1: Kỹ thuật bảo quản thuốc và Dược liệu	2	3		
2	Bài 2: Bảo quản dụng cụ thủy tinh	1	1		
3	Bài 3: Bảo quản dụng cụ kim loại	1	1		
4	Bài 4: Bảo quản dụng cụ cao su và chất dẻo	1	1		
5	Bài 5: Bảo quản bông băng gạc chỉ khâu phẫu thuật	1	1		
6	Bài 6: Thiết kế và bố trí diện tích kho dược	3		3	
7	Bài 7: Nhận biết cảm quan chất lượng thuốc trong quá trình bảo quản.	3		3	
8	Bài 8: Thực tập thực địa tại kho của các cơ sở y tế địa phương	6		6	
	Chương 2: Đảm bảo chất lượng thuốc	23	8	12	3
1	Bài 1: GMP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc	5	2	3	
2	Bài 2: GLP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc	4	1	3	

3	Bài 3: GSP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc	4	2	3	1
4	Bài 4: GDD và công tác đảm bảo chất lượng thuốc	2	1	1	
5	Bài 5: GPP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc	3	2	2	
	Cộng:	45	14	27	4

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Quản lý tồn trữ thuốc

Bài 1: Kỹ thuật bảo quản thuốc- hóa chất và Dược liệu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm chung của các chế phẩm thuốc, hóa dược, hóa chất và dược liệu liên quan đến công tác bảo quản..

1.2. Trình bày được các kỹ thuật chung trong bảo quản các chế phẩm thuốc, hóa dược, hóa chất và dược liệu.

2. Nội dung

2.1. Bảo quản các dạng thuốc

2.2. Bảo quản hóa chất

2.3. Bảo quản Dược liệu thảo mộc

Bài 2: Bảo quản dụng cụ thủy tinh

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Kể được các nguyên nhân chính gây hư hỏng dụng cụ thủy tinh.

1.2. Trình bày được các kỹ thuật chung trong bảo quản các dụng cụ thủy tinh

1.3. Trình bày được một số biện pháp xử lý đơn giản dụng cụ thủy tinh bị kém chất lượng.

2. Nội dung:

2.1. Thành phần và đặc tính dụng cụ thủy tinh

2.2. Nguyên nhân làm hư hỏng dụng cụ thủy tinh

2.3. Kỹ thuật bảo quản dụng cụ thủy tinh

2.4. Xử lý dụng cụ thủy tinh kém phẩm chất.

Bài 3: Bảo quản dụng cụ kim loại

Thời gian: 1 giờ**1. Mục tiêu:**

- 1.1. Kể được các nguyên nhân chính gây hư hỏng dụng cụ kim loại.
- 1.2. Trình bày được các kỹ thuật chung trong bảo quản các dụng cụ kim loại
- 1.3. Trình bày được một số biện pháp xử lý phòng chống rỉ dụng cụ kim loại.

2. Nội dung:

- 2.1. Sự ăn mòn kim loại và các yếu tố gây ra ăn mòn kim loại
- 2.2. Biện pháp chống ăn mòn kim loại
- 2.3. Các biện pháp cụ thể trong bảo quản dụng cụ y tế kim loại

Bài 4: Bảo quản dụng cụ cao su và chất dẻo**Thời gian: 1 giờ****1. Mục tiêu:**

- 1.1. Trình bày được các nguyên nhân chính gây hư hỏng dụng cụ cao su và chất dẻo
- 1.3. Trình bày được kỹ thuật chung trong bảo quản dụng cụ cao su chất dẻo.

2. Nội dung:

- 2.1. Bảo quản dụng cụ cao su
- 2.2. Bảo quản dụng cụ chất dẻo

Bài 5: Bảo quản bông băng gạc chỉ khâu phẫu thuật**Thời gian: 1 giờ****1. Mục tiêu:**

- 1.1. Kể được các đặc điểm chung của bông, băng, gạc và chỉ khâu phẫu thuật liên quan đến bảo quản.
- 1.2. Trình bày được các nguyên nhân cơ bản gây hư hỏng bông, băng, gạc và chỉ khâu phẫu thuật
- 1.3. Trình bày được kỹ thuật chung bảo quản bông, băng, gạc và chỉ khâu phẫu thuật.

2. Nội dung:

- 2.1. Bảo quản bông, băng, gạc
- 2.2. Bảo quản chỉ khâu phẫu thuật.

PHẦN THỰC HÀNH**Bài 6: Thiết kế và bố trí kho dược.****Thời gian 3 giờ****1. Mục tiêu:**

- 1.1. Tính được diện tích kho dược cần thiết để chứa được khối lượng hàng cụ thể.

1.2.Tập bố trí các bộ phận trong kho được sao cho hợp lý và khoa học.

2. Nội dung:

2.1.Thiết kế kho được

2.1.1. Các yếu tố quyết định sự lựa chọn thiết kế kho được

2.2.2. Những yêu cầu đối với phương án thiết kế:

2.2.Cách bố trí một kho được

1.2.1. Tiến hành

2.2.2. Các bước lập kế hoạch

Bài 7: Nhận biết cảm quan chất lượng thuốc trong quá trình bảo quản

Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu

1.1.Đo độ ẩm và nhiệt độ bằng ẩm kế và nhiệt kế.

1.2.Tính được độ ẩm tuyệt đối từ độ ẩm tương đối đo được.

1.3.Đánh giá tiêu chuẩn chất lượng của thuốc bằng cảm quan và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến thuốc đó.

2.Nội dung:

2.1.Nhiệt độ và độ ẩm

2.2.Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc và dụng cụ y tế

Bài 8: Thực tập thực địa tại kho của các cơ sở y tế địa phương

Thời gian: 6 giờ

1.Mục tiêu

Quan sát, đánh giá, nhận xét tình hình các kho đi thực tế

2. Nội dung

2.1.Sinh viên tiếp cận tình hình thực tế tại các kho địa phương, từ đó vẽ sơ đồ cách bố trí diện tích từng bộ phận cụ thể của từng kho.

2.2.Sinh viên thu thập và so sánh các SOP giữa các kho.

2.3.Sinh viên nhận xét tình hình thực hiện GSP và các SOP tại các kho thực địa, từ đó rút ra kết luận.

Chương 2: Đảm bảo chất lượng thuốc

I: PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: GMP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian:2 giờ

1.Mục tiêu

1.1.Trình bày được khái niệm nguyên tắc"Thực hành tốt sản xuất thuốc"-GMP;

1.2.Trình bày được mục đích, mục tiêu, năm yếu tố quan trọng trong GMP;

1.3.Trình bày được các nội dung chính trong GMP: nhân sự, nhà xưởng,

tiêu chuẩn vệ sinh và phương pháp vệ sinh.

2.Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Mục tiêu

2.3. Vai trò của GMP trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc

2.4. Những quy định chính của GMP

Bài 4: GLP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 1 giờ

1.Mục tiêu

1.1.Trình bày được khái niệm, mục tiêu của bộ tiêu chuẩn GLP;

1.2.Trình bày được vai trò của GLP trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc;

1.3Trình bày được một số nội dung: tổ chức, nhân sự, cơ sở vật chất,tiêu chuẩn chất lượng và phương pháp phân tích.

2.Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Mục tiêu

2.3. Vai trò của GLP trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc

2.4. Những quy định chính của GLP

Bài 5: GSP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 2 giờ

1.Mục tiêu

1.1.Trình bày được khái niệm, mục tiêu, mục đích của GSP;

1.2.Trình bày được vai trò của GSP trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc;

1.3.Trình bày được nội dung chính trong GSP: nhân sự, nhà kho và trang thiết bị, các quy trình bảo quản.

2.Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Mục tiêu

2.3. Vai trò của GSP trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc

2.4. Những quy định chính của GSP

Bài 6: GDP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 1 giờ

1.Mục tiêu

1.1.Trình bày được khái niệm GDP;

1.2.Trình bày được mục đích của nguyên tắc “thực hành tốt phân phối thuốc

1.3.Trình bày được nội dung của nguyên tắc “thực hành tốt phân phối thuốc”: tổ chức quản lý, tiêu chuẩn nhân sự, quản lý chất lượng, giao và gửi hàng.

2.Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Mục tiêu

2.3. Vai trò của GDP trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc

2.4. Những quy định chính của GDP.

Bài 7: GPP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 2 giờ

1.Mục tiêu

1.1.Trình bày được khái niệm GPP;

1.2.Trình bày được mục đích của nguyên tắc “thực hành tốt Nhà thuốc”

1.3.Trình bày được nội dung của nguyên tắc “thực hành tốt Nhà thuốc”: tiêu chuẩn nhân sự, cơ sở vật chất, của nhà thuốc GPP.

2.Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Mục tiêu

2.3. Vai trò của GPP trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc

2.4. Những quy định chính của và GPP

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: GMP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu

1.1. Tìm hiểu việc thực hiện qui định GMP một số Công ty Dược.

1.2.Áp dụng vào thực tế nghề nghiệp công tác sau khi ra trường.

2.Nội dung

1.1.Chia nhóm thảo luận.

1.2. Báo cáo kết quả thực hành.

Bài 4: GLP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu

1.1. Tìm hiểu việc thực hiện qui định GLP một số Công ty Dược.

1.2.Áp dụng vào thực tế nghề nghiệp công tác sau khi ra trường.

2.Nội dung

1.1.Chia nhóm thảo luận.

1.2. Báo cáo kết quả thực hành.

Bài 5: GSP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 3 giờ

1.Mục tiêu

- 1.1. Tìm hiểu việc thực hiện qui định GSP một số Công ty Dược.
- 1.2.Áp dụng vào thực tế nghề nghiệp công tác sau khi ra trường.

2.Nội dung

- 1.1.Chia nhóm thảo luận.
- 1.2. Báo cáo kết quả thực hành.

Bài 6: GDD và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 1 giờ

1.Mục tiêu

- 1.1. Tìm hiểu việc thực hiện qui định GDD một số Công ty Dược.
- 1.2.Áp dụng vào thực tế nghề nghiệp công tác sau khi ra trường.

2.Nội dung

- 1.1.Chia nhóm thảo luận.
- 1.2. Báo cáo kết quả thực hành.

Bài 7: GPP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 2 giờ

1.Mục tiêu

- 1.1. Tìm hiểu việc thực hiện qui định GPP một số Nhà thuốc.
- 1.2.Áp dụng vào thực tế nghề nghiệp công tác sau khi ra trường.

2.Nội dung

- 1.1.Chia nhóm thảo luận.
- 1.2. Báo cáo kết quả thực hành.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết và kho GSP, nhà thuốc
2. Trang thiết bị máy móc: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn, kho mẫu, Thuốc, Dụng cụ Y tế và các trang thiết bị khác liên quan đến bài thực hành.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn, giáo trình quản lý tồn trữ thuốc lưu hành nội bộ và tài liệu phát tay cho sinh viên, bộ quy trình GSP
4. Các điều kiện khác: Tham quan nhà kho xưởng Công ty cổ phần Dược và thiết bị Y tế.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:
- + Hệ thống các kiến thức về bảo quản thuốc, đảm bảo chất lượng thuốc

+ Hệ thống các kiến thức về bảo quản, đảm bảo chất lượng thuốc trong chương trình

- Kỹ năng: Đánh giá thông qua các bài tập thảo luận mà SV hoặc nhóm SV trình bày.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành

2. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 01 điểm số lí thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lí thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 01 điểm số lí thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: Kết quả báo cáo kiến tập tại các kho thuốc tại địa phương

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng được chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5
- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lý thuyết 30 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các bài về cơ sở lý thuyết của tầm quan trọng bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy:

Khoa Dược – YHCT (2025), *Giáo trình Quản lý tồn trữ và Đảm bảo chất lượng thuốc*, lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo

1. Trường CD Y tế Bạc Liêu (2022). *Giáo trình Quản lý tồn trữ thuốc*,
2. Trường CD Bách khoa Nam Sai Gòn (2022). *Giáo trình Quản lý tồn trữ thuốc*
3. Trường CD Y tế Bạc Liêu (2022). *Giáo trình Đảm bảo chất lượng thuốc*
4. Trường CD Bách khoa Nam Sai Gòn (2022). *Giáo trình Đảm bảo chất lượng thuốc*
5. Bộ Y tế (2018), Thông tư 02, 03, 11, 35, 36/TT-BYT

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ MARKETING DƯỢC

Mã môn học: MH27

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Quản trị kinh doanh và Marketing dược là môn học chuyên ngành dành cho đối tượng Cao đẳng dược, Môn học được tiến hành ở học kỳ IV

2. Tính chất: Quản trị kinh doanh dược – Marketing dược là môn học chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng để vận dụng vào các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dược.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quản trị học trong công tác quản lý kinh tế;

1.2. Trình bày được các kiến thức về quản trị áp dụng trong các hoạt động kinh doanh dược phẩm

1.3. Trình bày được một số khái niệm, mục tiêu, chức năng về marketing và marketing dược.

1.4. Trình bày được nội dung 4 chính sách của marketing và marketing dược.

1.5. Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế thực hành nghề Dược

2. Về kỹ năng: vận dụng được các kiến thức đã học, tiếp cận và xử lý các tình huống trong hoạt động kinh doanh dược, marketing trên thị trường.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên mục, chương	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú

1	Chương 1: Đại cương về quản trị học	02	02		
2	Chương 2: Hoạch định chiến lược	02	02		
3	Chương 3: Quản trị nguồn nhân lực	02	02		
4	Chương 4: Văn hóa doanh nghiệp	01	01		
5	Chương 5: Đại cương về marketing	02	02		
6	Chương 6: Chính sách của marketing	03	03		
7	Chương 7. Marketing Dược	05	02	03	
8	Bài 1: Chức năng và kỹ năng quản trị	03		03	
9	Bài 2: Những hình thức cơ cấu tổ chức cơ bản của doanh nghiệp	03		03	
10	Bài 3: Hoạch định chiến lược quản trị và kinh doanh dược	03		03	
11	Bài 4: Văn hóa doanh nghiệp	03		03	
12	Bài 5: Chính sách sản phẩm	03		03	
13	Bài 6: Chính sách giá	03		03	
14	Bài 7: Chính sách phân phối	03		03	
15	Bài 8: Chính sách xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh	03		03	
16	Kiểm tra	04	01	03	
17	Tổng	45	15	30	

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN LÝ THUYẾT:

Chương 1: Đại cương về quản trị học

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các khái niệm cơ bản và đặc điểm của quản trị kinh doanh;

1.2. Trình bày được nguyên tắc quản trị, các phương pháp quản trị, phong cách quản trị và nghệ thuật quản trị;

1.3. Trình bày được các phương pháp phân tích hiện đại của quản trị.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm và đặc điểm quản trị

2.1.1. Khái niệm quản trị

2.1.2. Đặc điểm của quản trị

2.1.3. Tính chất của quản trị

1.4. Các quy luật quản trị

2.2. Các phương pháp quản trị

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Các phương pháp tâm lý (giáo dục)

2.2.3. Các phương pháp hành chính

2.2.4. Các phương pháp kinh tế

2.2.5. Phương pháp pháp lý

2.2.6. Vận dụng tổng hợp các phương pháp

2.3.3. Phong cách quản trị

2.3.1. Khái niệm và bản chất

2.3.2. Các phong cách quản trị

2.4. Nghệ thuật quản trị

2.4.1. Khái niệm về nghệ thuật quản trị

2.4.2. Phân loại

2.4.3. Một số nghệ thuật quản trị con người

2.5. Các phương pháp phân tích hiện đại của quản trị học

2.5.1. Phương pháp phân tích SWOT

Chương 2: Hoạch định chiến lược

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm và vai trò của hoạch định. phân loại hoạch định .

1.2. Trình bày được mục tiêu của tổ chức, tiêu chuẩn phân loại mục tiêu theo thứ tự ưu tiên.

1.3. Nêu được các bước cần làm trong tiến trình thực hiện hoạch định chiến lược.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm và vai trò của hoạch định. phân loại hoạch định .

2.2. Mục tiêu của tổ chức.

2.3. Tiến trình hoạch định chiến lược.

Chương 3: Quản trị nguồn nhân lực

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được khái niệm và nội dung của quản trị nguồn nhân lực.
2. Vận dụng kiến thức vào thực tế nghề nghiệp.
3. Rèn luyện tác phong cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác, trung thực trong quá trình thực hành.

2. Nội dung:

1. Khái niệm
 - 1.1. Khái niệm Quản trị Nguồn nhân lực
 - 1.2. Các chức năng cơ bản của Quản trị Nguồn nhân lực
 - 1.3. Nhiệm vụ của Quản trị nguồn nhân lực
 - 1.4. Phát triển nguồn nhân lực
2. Nội dung chung:
 - 2.1. Hoạch định nguồn nhân lực:
3. Nhân lực trong kinh doanh dược phẩm:

Chương 4: Văn hóa doanh nghiệp

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm và đặc điểm của văn hóa doanh nghiệp;
- 1.2. Phân tích được những yếu tố hình thành văn hóa doanh nghiệp;
- 1.3. Trình bày được các bước xây dựng, duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm, đặc trưng, vai trò của văn hóa doanh nghiệp
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc trưng của văn hóa doanh nghiệp
 - 2.1.3. Vai trò của văn hóa doanh nghiệp
- 2.2. Các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp
 - 2.2.1. Tầng gốc (giá trị cốt lõi, niềm tin)
 - 2.2.2. Tầng sâu (tầng chuẩn mực)
 - 2.2.3. Tầng giữa (tầng hệ thống quản lý)
 - 2.2.4. Tầng bề mặt (tầng của hành vi/biểu tượng)
 - 2.2.5. Mối quan hệ của các yếu tố cấu thành văn hóa doanh nghiệp
- 2.3. Xây dựng, duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp
 - 2.3.1. Các bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp

2.3.2. Duy trì phát triển văn hóa doanh nghiệp

Chương 5: Đại cương về marketing;

Thời gian: 02 giờ

1.Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số khái niệm về marketing.
- 1.2. Nêu được mục tiêu, vai trò, chức năng của marketing.
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Một số khái niệm: Marketing, nhu cầu, mong muốn, yêu cầu.
 - 2.2. Mục tiêu, vai trò, chức năng của marketing.

Chương 6: Chính sách marketing;

Thời gian: 03 giờ

1.Mục tiêu:

- 1.1. Nêu những khái niệm cơ bản về chính sách sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh.
- 1.2. Trình bày nội dung các chính sách sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh.

2. Nội dung của chương:

- 2.1. Chính sách sản phẩm
 - 2.1.1. Một số khái niệm về chính sách.
 - 2.1.2. Nội dung chính sách sản phẩm
- 2.2. Chính sách giá
 - 2.2.1. Một số khái niệm về chính sách.
 - 2.2.2. Nội dung chính sách giá.
- 2.3. Chính sách phân phối
 - 2.3.1. Một số khái niệm về chính sách.
 - 2.3.2. Nội dung chính sách phân phối .
- 2.4. Chính sách xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh
 - 2.4.1. Một số khái niệm về chính sách.
 - 2.4.2. Nội dung Chính sách xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh.

Chương 7: Marketing được;

Thời gian: 02 giờ

1.Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm, đặc điểm và một số yêu cầu của marketing được.
- 1.2. Vận dụng 4 chính sách của marketing và 5 yêu cầu của marketing được trong kinh doanh được phẩm.

2. Nội dung của chương:

- 2.1. Một số khái niệm về marketing được.
- 2.2. Đặc điểm, đặc trưng của marketing được.
- 2.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến marketing được.
- 2.4. Mục tiêu của marketing được
- 2.5. Vai trò của marketing được
- 2.6. Nội dung marketing được

PHẦN THỰC HÀNH:

Bài 1: Chức năng và kỹ năng của quản trị

Thời gian: 03 giờ

1.Mục tiêu:

- 1.1. Phân tích được kỹ năng của nhà quản trị
- 1.2. Vận dụng được kỹ năng để thực hiện chức năng của nhà quản trị tại một công ty dược phẩm cụ thể.

2.Nội dung:

- 2.1.Chuẩn bị
- 2.2.Tiến hành làm bài tập
- 2.3.Kết luận và viết báo cáo thực hành.

Bài 2: Những hình thức cơ cấu tổ chức cơ bản của doanh nghiệp

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Xác định được kiểu cơ cấu tổ chức cơ bản của một số doanh nghiệp kinh doanh dược phẩm
- 1.2. Phân tích được ưu điểm, nhược điểm của từng kiểu cơ cấu tổ chức một doanh nghiệp Dược phẩm

2.Nội dung:

- 2.1.Chuẩn bị
- 2.2.Tiến hành làm bài tập
- 2.3.Kết luận và viết báo cáo thực hành.

Bài 3: Hoạch định chiến lược quản trị và kinh doanh dược

Thời gian: 03 giờ

1.Mục tiêu.

- 1.1. Phân tích được đặc điểm các cấp chiến lược trong doanh nghiệp
- 1.2. Thực hiện được các bước của tiến trình hoạch định chiến lược
- 1.3. Vận dụng được để hoạch định chiến lược cho một Doanh nghiệp dược phẩm cụ thể

2.Nội dung:

- 2.1.Chuẩn bị
- 2.2.Tiến hành làm bài tập
- 2.3. Kết luận và viết báo cáo thực hành.

Bài 4: Văn hóa doanh nghiệp

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Phân tích được các yếu tố hình thành văn hóa doanh nghiệp
- 1.2. Phân tích được những ưu điểm, nhược điểm của văn hóa doanh nghiệp trong một doanh nghiệp được phẩm cụ thể
- 1.3. Vận dụng được để lựa chọn doanh nghiệp có văn hóa phù hợp với mỗi cá nhân.

2.Nội dung:

- 2.1.Chuẩn bị
- 2.2.Tiến hành làm bài tập
- 2.3. Kết luận và viết báo cáo thực hành.

Bài 5: Chính sách sản phẩm

Thời gian: 03 giờ

1.Mục tiêu;

1. Phân tích được khái niệm về sản phẩm và chu kỳ sống của sản phẩm
2. Phân tích được các chính sách về sản phẩm và ý nghĩa của thương hiệu

2.Nội dung:

- 2.1.Chuẩn bị
- 2.2.Tiến hành làm bài tập
- 2.3. Kết luận và viết báo cáo thực hành.

Bài 6: Chính sách giá

Thời gian: 03 giờ

1.Mục tiêu.

1. Phân tích được các chiến lược giá cho sản phẩm thuộc
2. Vận dụng được trong việc lựa chọn chiến lược giá thuộc và điều kiện áp dụng

2. Nội dung:

- 2.1.Chuẩn bị
- 2.2.Tiến hành làm bài tập
- 2.3.Kết luận và viết báo cáo thực hành.

Bài 7: Chính sách phân phối

Thời gian: 03 giờ

1.Mục tiêu.

1.1. Phân tích được kênh phân phối của công ty dược phẩm và những ưu nhược điểm của kênh phân phối đó

1.2.Vận dụng được trong việc lựa chọn một kênh phân phối dược phẩm

2.Nội dung:

2.1.Chuẩn bị

2.2.Tiến hành làm bài tập

2.3.Kết luận và viết báo cáo thực hành.

Bài 8: Chính sách xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh

Thời gian: 03 giờ

1.Mục tiêu.

1.1. Phân tích được các chiến lược xúc tiến

1.2. Phân tích được ưu nhược điểm của các công cụ xúc tiến và cách lựa chọn chiến lược xúc tiến đối với một công ty dược

2.Nội dung:

2.1.Chuẩn bị

2.2.Tiến hành làm bài tập

2.3.Kết luận và viết báo cáo thực hành.

Bài 9: Marketing dược;

Thời gian: 03 giờ

1.Mục tiêu:

1.1. Phân tích được mục tiêu của marketing dược

1.2. Phân tích được 5 yêu cầu của marketing dược trong kinh doanh dược phẩm.

2.Nội dung:

2.1.Chuẩn bị

2.2.Tiến hành làm bài tập

2.3.Kết luận và viết báo cáo thực hành.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình , bài giảng,

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Các nguyên tắc cơ bản của quản trị học trong công tác quản lý kinh tế;
- Kiến thức về quản trị áp dụng trong các hoạt động kinh doanh dược phẩm
- Khái niệm, mục tiêu, chức năng về marketing và marketing dược.
- Nội dung 4 chính sách của marketing và marketing dược.

2. Kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức đã học, tiếp cận và xử lý các tình huống trong hoạt động kinh doanh dược, marketing trên thị trường.

3. Thái độ:

Sinh viên có thái độ nghiêm túc, cầu tiến trong quá trình học tập và nghiên cứu.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 01 điểm số lý thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lý thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 01 điểm số lý thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: Kết quả bài tập, thảo luận theo chủ đề bốc thăm.

Công cụ: các chủ đề thảo luận. Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng được chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5
- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lý thuyết 30 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- *Tài liệu giảng dạy:*

Trường CDYT Hà Tĩnh (2025) *Giáo trình quản trị kinh doanh và Marketing được,*

- *Tài liệu tham khảo:*

1. Al Ries, Jack Trout (2008), *The 22 Immutable laws of marketing*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
2. Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược (2009), *Giáo trình Quản lý và Kinh tế Dược*, Trường Đại học Dược Hà Nội, Hà Nội.
3. Trần Minh Đạo (2006), *Marketing căn bản*, Trường đại học Kinh tế quốc dân, NXB Thống kê, Hà Nội.
4. Phillip Kotler (2006), *Quản trị Marketing*, NXB thống kê, Hà Nội.
5. Phillip Kolter (2006), *Marketing Manager*.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

Mã môn học: MH 28

Thời gian thực hiện môn học: Tổng 75 giờ (Lý thuyết: 43giờ; Thực hành: 27 giờ; Kiểm tra: 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Là môn học chuyên ngành bắt buộc, bố trí vào học kì IV

2. Tính chất: Môn học cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản về các phương pháp chữa bệnh bằng YHCT và cách sử dụng các thuốc YHCT để chữa các bệnh thông thường tại tuyến y tế cơ sở

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Trình bày được một số học thuyết của YHCT.

1.2. Trình bày được các nguyên nhân gây bệnh, phương pháp chẩn đoán theo YHCT.

1.3. Trình bày được bát cương, bát pháp.

1.4. Trình bày được phép tắc trị bệnh và nội dung phương pháp YHCT

1.5. Trình bày đại cương về thuốc, cách phân loại, các nhóm thuốc YHCT.

1.6. Trình bày được một số các phương thuốc cổ phương.

2. Về kỹ năng:

2.1. Nhận định được một số bệnh, chứng thường gặp theo YHCT.

2.2. Vận dụng được YHCT để phòng, chữa một số bệnh thông thường

2.3. Vận dụng các phương thuốc cổ phương vào điều trị bệnh.

2.4. Tạo được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Chủ động trong công việc, tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình; trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tự chịu trách nhiệm trong chuyên môn nghiệp vụ được giao; tích cực, chủ động trong làm việc nhóm.

3.2. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

3.3. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

3.4. Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

3.5. Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

3.6. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan.

3.7. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

3.8. Coi trọng việc kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

3.9. Có tinh thần cầu tiến, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục khiêm tốn học tập vươn lên.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Sơ lược về sự hình thành và phát triển nền y học cổ truyền Việt Nam	4	4		
2	Một số học thuyết y học cổ truyền	8	8		
3	Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo y học cổ truyền	4	4		
4	Bát cương, bát pháp	4	4		
5	Phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc y học cổ truyền	4	4		
6	Đại cương về thuốc y học cổ truyền	4	4		
7	Phân loại thuốc cổ truyền	15	15		
8	Các phương thuốc giải biểu	3		3	
9	Các phương thuốc thanh nhiệt	3		3	
10	Các phương thuốc hoà giải	3		3	
11	Các phương thuốc trừ phong	3		3	
12	Các phương thuốc trừ đàm	3		3	

13	Các phương thuốc an thần	3		3	
14	Các phương thuốc bổ âm, bổ dương	3		3	
15	Các phương thuốc bổ khí	3		3	
16	Các phương thuốc bổ huyết, bổ khí huyết	3		3	
17	Kiểm tra	5			5
	Cộng	75	43	27	5

2. Nội dung chi tiết:

***Phần lý thuyết**

Chương I. Sơ lược về sự hình thành và phát triển nền y học cổ truyền Việt Nam

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các đặc điểm của nền y học cổ truyền Việt Nam trong từng thời kỳ.

1.2. Phân tích được tính ưu việt của y học cổ truyền Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Y học cổ truyền Việt Nam thời thượng cổ

2.2. Y học cổ truyền từ năm 179 (trước CN) đến năm 938 (sau CN)

2.3. Y học cổ truyền từ năm 938 đến năm 1884

2.4. Y học cổ truyền dưới thời Pháp thuộc (1884 – 1945)

2.5. Y học cổ truyền Việt Nam từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay

Chương II. Một số học thuyết y học cổ truyền

Thời gian: 8 giờ

Bài 1: Học thuyết âm dương

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nội dung cơ bản của học thuyết âm dương

1.2. Vận dụng của thuyết âm dương trong YHCT, vận dụng thuyết âm dương vào đông dược

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Khái niệm

2.2. Nội dung học thuyết âm dương

- 2.3. Các quy luật cơ bản của âm dương
- 2.4. Biểu tượng của học thuyết âm dương
- 2.5. Ứng dụng học thuyết âm dương vào y học
- 2.6. Vài nét nhận xét về học thuyết âm dương

Bài 2: Học thuyết ngũ hành

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các thuộc tính, quy loại, các quan hệ trong ngũ hành
- 1.2. Vận dụng được học thuyết ngũ hành trong YHCT, vận dụng thuyết ngũ hành vào đông dược
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Thuộc tính, quy loại theo ngũ hành
- 2.2. Quan hệ ngũ hành
- 2.3. Ứng dụng của học thuyết ngũ hành trong y học cổ truyền
- 2.4. Vài nét nhận xét học thuyết ngũ hành

Bài 3: Học thuyết tạng tượng

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được chức năng của tạng - phủ, mối quan hệ tạng phủ
- 1.2. Vận dụng được học thuyết tạng phủ trong YHCT, vận dụng học thuyết tạng phủ vào đông dược
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Ngũ tạng
- 2.2. Lục phủ
- 2.3. Phủ kỳ hỗng
- 2.4. Mối quan hệ tạng phủ
- 2.5. Tinh - Khí - Thần

Bài 4: Học thuyết kinh lạc

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các đường kinh, mạch chính, các huyết vị trong cơ thể
- 1.2. Vận dụng được học thuyết kinh lạc trong YHCT
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài:

- 2.1. Kinh chính
- 2.2. Huyết vị
- 2.3. Ý nghĩa của kinh mạch và huyết vị

Chương III. Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo y học cổ truyền

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền
- 1.2. Vận dụng được các phương pháp để chẩn đoán bệnh trong y học cổ truyền
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung chương

- 2.1. Nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền
- 2.2. Tứ chẩn

Chương IV. Bát cương, bát pháp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được bát cương theo y học cổ truyền
- 1.2. Vận dụng được bát pháp để điều trị bệnh
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung chương

- 2.1. Bát cương
- 2.2. Bát pháp

Chương V. Phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc y học cổ truyền

Thời gian: 4 giờ

Bài 1: Phép tắc trị bệnh theo y học cổ truyền

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các cơ sở để chẩn đoán bệnh theo y học cổ truyền
- 1.2. Vận dụng được các nguyên tắc cơ bản trong điều trị bệnh
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung bài

- 2.1. Các cơ sở chẩn đoán bệnh theo y học cổ truyền
- 2.2. Nguyên tắc cơ bản trong điều trị bệnh

Bài 2: Nội dung phương thuốc y học cổ truyền

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được cấu tạo, công năng, chủ trị, liều dùng, cách dùng, kiêng kỵ của một phương thuốc y học cổ truyền
- 1.2. Phân tích được một số phương thuốc y học cổ truyền
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

- 2.1. Một số phương thuốc y học cổ truyền
- 2.2. Các thành phần cấu tạo nên phương thuốc
- 2.3. Công năng phương thuốc
- 2.4. Chủ trị của phương thuốc
- 2.5. Liều lượng thuốc trong phương
- 2.6. Sắc thuốc
- 2.7. Cách uống thuốc và kiêng kỵ
- 2.8. Nhận biết thành phần của một số phương thuốc
- 2.9. Một số phương thuốc cổ truyền

Chương VI. Đại cương về thuốc y học cổ truyền

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được tứ khí, ngũ vị, mối quan hệ giữa tính và vị, khuynh hướng, sự quy kinh của các vị thuốc y học cổ truyền
- 1.2. Phân tích được các trường hợp tương tác của thuốc y học cổ truyền
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung chương

- 2.1. Tứ khí
- 2.2. Ngũ vị
- 2.3. Mối quan hệ giữa tính và vị
- 2.4. Khuynh hướng thăng giáng phù trầm của vị thuốc
- 2.5. Sự quy kinh của các vị thuốc
- 2.6. Bảy trường hợp tương tác của thuốc cổ truyền

Chương VII. Phân loại thuốc cổ truyền

Thời gian: 15 giờ

Bài 1: Thuốc giải biểu

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được phân loại thuốc giải biểu
- 1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc giải biểu
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung bài

- 2.1. Thuốc giải biểu cay ấm (thuốc tân ôn giải biểu, phát tán phong hàn)
- 2.2. Thuốc giải biểu cay mát (thuốc tân lương giải biểu, phát tán phong nhiệt)

Bài 2: Thuốc khử hàn

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phân loại thuốc khử hàn

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc khử hàn

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Thuốc ôn trung

2.2. Thuốc hồi dương cứu nghịch

Bài 3: Thuốc thanh nhiệt

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phân loại thuốc thanh nhiệt

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc thanh nhiệt

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung bài

2.1. Thuốc thanh nhiệt giải thử

2.2. Thuốc thanh nhiệt giải độc

2.3. Thuốc thanh nhiệt giáng hỏa (Thanh nhiệt tả hỏa)

2.4. Thuốc thanh nhiệt tảo thấp

2.5. Thuốc thanh nhiệt lương huyết

Bài 4: Thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn

1. Mục đích

1.1. Trình bày được phân loại thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Thuốc hóa đàm

2.2. Thuốc chỉ khái (chỉ ho)

2.3. Thuốc bình suyễn

Bài 5: Thuốc tắt phong, an thần, khai khiếu

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phân loại thuốc tắt phong, an thần, khai khiếu

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc tắt phong, an thần, khai khiếu

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Thuốc bình can tắt phong (bình can tức phong)

2.2. Thuốc an thần

2.3. Thuốc phương hương khai khiếu

Bài 6: Thuốc phần khí (Thuốc chữa bệnh về khí)

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phân loại thuốc phần khí

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc phần khí

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung

2.1. Thuốc hành khí

2.2. Thuốc bổ khí

Bài 7: Thuốc phần huyết (Thuốc chữa bệnh về huyết)

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phân loại thuốc phần huyết

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc phần huyết

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Thuốc hoạt huyết

2.2. Thuốc chỉ huyết (thuốc cầm máu)

2.3. Thuốc bổ huyết

Bài 8: Thuốc trừ thấp

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phân loại thuốc trừ thấp

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc trừ thấp

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Thuốc khử phong thấp (trừ phong thấp)

2.2. Thuốc hóa thấp

2.3. Thuốc lợi thấp (thuốc thẩm thấp, lợi tiểu) hoặc thuốc lợi thủy thẩm thấp

Bài 9: Thuốc bổ dưỡng

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phân loại thuốc bổ

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc bổ

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Thuốc bổ âm (dưỡng âm)

2.2. Thuốc bổ dương (thuốc trợ dương)

Bài 10: Thuốc tiêu đạo (Thuốc tiêu hóa)

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tên các vị thuốc tiêu đạo

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc tiêu đạo

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Các vị thuốc tiêu đạo

Bài 11: Thuốc tả hạ (Thuốc xổ)

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phân loại thuốc tả hạ

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc tả hạ

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Thuốc công hạ

2.2. Thuốc nhuận hạ

Bài 12: Thuốc trục thủy

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được tên các vị thuốc trục thủy

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc trục thủy

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Các vị thuốc trục thủy

Bài 13: Thuốc cố sáp

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phân loại thuốc cố sáp

1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc cố sáp

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Thuốc liễm hãn

2.2. Thuốc cố tinh sáp niệu

2.3. Thuốc chỉ tả (cầm ỉa chảy)

Bài 14: Thuốc trừ giun sán

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được tên các thuốc trừ giun
- 1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc trừ giun
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Các vị thuốc trừ giun sán

Bài 14: Thuốc dùng ngoài

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được tên các thuốc dùng ngoài
- 1.2. Phân tích được bộ phận dùng, tính vị, quy kinh, công năng chủ trị, liều dùng, kiêng kỵ của các vị thuốc dùng ngoài
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung bài

2.1. Các vị thuốc dùng ngoài

*** Phần thực hành**

Bài 1: Các phương thuốc giải biểu

Thời gian: 3 Giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nhận thức được các vị thuốc, trình bày được thành phần, cách dùng, công dụng, chủ trị, phân tích được các phương thuốc giải biểu
- 1.2. Vận dụng được các phương thuốc giải biểu trên lâm sàng
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu các vị thuốc

2.2. Phương thuốc

Bài 1: Ma hoàng thang

Bài 2: Ma hạnh thạch cam thang

Bài 2: Các phương thuốc thanh nhiệt

Thời gian: 3 Giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nhận thức được các vị thuốc, trình bày được thành phần, cách dùng, công dụng, chủ trị, phân tích được các phương thuốc thanh nhiệt
- 1.2. Vận dụng được các phương thuốc thanh nhiệt trên lâm sàng
- 1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu các vị thuốc

2.2. Phương thuốc

Bài 1: Bạch hổ thang

Bài 2: Hoàng liên giải độc thang

Bài 3: Các phương thuốc hòa giải

Thời gian: 3 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các vị thuốc, trình bày được thành phần, cách dùng, công dụng, chủ trị, phân tích được các phương thuốc hoà giải

1.2. Vận dụng được các phương thuốc hoà giải trên lâm sàng

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu các vị thuốc

2.2. Phương thuốc

Bài 1: Tiêu giao tán

Bài 2: Tứ nghịch tán

Bài 4: Các phương thuốc trừ phong

Thời gian: 3 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các vị thuốc, trình bày được thành phần, cách dùng, công dụng, chủ trị, phân tích được các phương thuốc trừ phong

1.2. Vận dụng được các phương thuốc trừ phong trên lâm sàng

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu các vị thuốc

2.2. Phương thuốc

Bài 1: Quyên tý thang

Bài 2: Độc hoạt ký sinh thang

Bài 5: Các phương thuốc trừ đàm

Thời gian: 3 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các vị thuốc, trình bày được thành phần, cách dùng, công dụng, chủ trị, phân tích được các phương thuốc trừ đàm

1.2. Vận dụng được các phương thuốc trừ đàm trên lâm sàng

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu các vị thuốc

2.2. Phương thuốc

Bài 1: Nhị trần thang

Bài 2: Bán hạ bạch truật thiên ma thang

Bài 6: Các phương thuốc an thần

Thời gian: 3 giờ

1.1. Nhận thức được các vị thuốc, trình bày được thành phần, cách dùng, công dụng, chủ trị, phân tích được các phương thuốc an thần

1.2. Vận dụng được các phương thuốc an thần trên lâm sàng

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu các vị thuốc

2.2. Phương thuốc

Bài 1: Thiên vương bổ tâm đan

Bài 2: Bổ tâm tỳ an thần hoàn.

Bài 7: Các phương thuốc bổ âm, bổ dương

Thời gian: 3 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các vị thuốc, trình bày được thành phần, cách dùng, công dụng, chủ trị, phân tích được các phương thuốc bổ âm, bổ dương

1.2. Vận dụng được các phương thuốc bổ âm, bổ dương trên lâm sàng

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu các vị thuốc

2.2. Phương thuốc

Bài 1: Lục vị hoàn địa hoàng hoàn

Bài 2: Bát vị quế phụ (Thận khí hoàn)

Bài 8 : Các phương thuốc bổ khí

Thời gian: 3 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các vị thuốc, trình bày được thành phần, cách dùng, công dụng, chủ trị, phân tích được các phương thuốc bổ khí

1.2. Vận dụng được các phương thuốc bổ khí trên lâm sàng

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu các vị thuốc

2.2. Phương thuốc

Bài 1: Tứ quân tử thang.

Bài 2: Bổ trung ích khí thang

Bài 9: Các phương thuốc bổ huyết, bổ khí huyết

Thời gian: 3 Giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nhận thức được các vị thuốc, trình bày được thành phần, cách dùng, công dụng, chủ trị, phân tích được các phương thuốc bổ huyết, bổ khí huyết

1.2. Vận dụng được các phương thuốc bổ huyết, bổ khí huyết trên lâm sàng

1.3. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và nghiêm túc trong học tập

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu các vị thuốc

2.2. Phương thuốc

Bài 1: Tứ vật thang

Bài 2: Bát trân thang

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lí thuyết, phòng thực hành Y học cổ truyền

2. Trang thiết bị máy móc: Projector, máy vi tính, bảng, phấn, tượng huyết

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn, giáo trình lưu hành nội bộ và tài liệu phát tay cho sinh viên, dược liệu, các dụng cụ chế biến dược liệu. Các dược liệu, cân...

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

1.1. Kiến thức:

Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, sinh viên cần đạt các yêu cầu:

+ Trình bày được hệ thống các kiến thức cơ bản về lí luận Dược học cổ truyền

+ Trình bày được hệ thống các kiến thức về các phương pháp chẩn đoán và điều trị người bệnh bằng Y học cổ truyền

+ Trình bày được hệ thống các kiến thức về các phương pháp chế biến thuốc cổ truyền

1.2. Kỹ năng:

Đánh giá thông qua việc thực hiện chế biến thuốc cổ truyền (cá nhân hoặc theo nhóm).

1.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thực hiện chăm sóc người bệnh độc lập hoặc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 02 điểm số lí thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lí thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 02 điểm số lí thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: kiểm tra theo bác thăm nhận thức được liệu. Công cụ: Các dược liệu. Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng dược chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng

- Thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, phát huy tính tích cực của học sinh.

- Thực hành: Tại Labo

- Phân tích từng bước tiến hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5
- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lý thuyết 90 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Cách sử dụng và chế biến các vị thuốc nam chữa các chứng bệnh thường gặp.

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy:

Khoa Dược – YHCT (2025), "*Dược học cổ truyền*", Tài liệu lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo:

1. Vụ Khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2006), "*Dược học cổ truyền*", Sách đào tạo dược sĩ đại học, Nhà xuất bản Y học

2. Gs.Bs.Trần Văn Kỳ (tái bản 2022), "*Dược học cổ truyền toàn tập*", NXB Đà Nẵng

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: DƯỢC LÂM SÀNG

Mã môn học: MH 29

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 86 giờ; Kiểm tra: 6 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Dược lâm sàng là môn học chuyên ngành dành cho đối tượng Cao đẳng dược chính quy, Môn học được tiến hành ở học kỳ V năm học thứ 2, sau môn học Hóa dược, Bệnh học, Dược lý.

2. Tính chất: Dược lâm sàng là môn học chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng để vận dụng vào các hoạt động tư vấn việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn trong các cơ sở y dược và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1 Trình bày được khái niệm về các thông số, các chỉ số liên quan đến dược động học ứng dụng trong lâm sàng.

1.2. Trình bày được những nội dung cơ bản liên quan đến việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả.

1.3. Trình bày được nguyên tắc sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng hợp lý, an toàn và hiệu quả.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức đã học để tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả trong các cơ sở y, dược và cộng đồng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập, ý thức và đạo đức nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên Bài, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	
1	Bài 1: Đại cương về dược lâm sàng	2	2			

2	Bài 2: Các thông số dược động học ứng dụng trong lâm sàng	5	5			
3	Bài 3: Tương tác thuốc	5	5			
4	Bài 4: Các phản ứng bất lợi của thuốc (ADR)	5	5			
5	Bài 5: Dị ứng thuốc	4	4			
6	Bài 6: Thông tin thuốc	2	2			
7	Bài 7: Xét nghiệm lâm sàng và nhận định kết quả	3	3			
8	Bài 8: Sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt	4	4			
9	Bài 9: Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh và kháng khuẩn	5	5			
10	Bài 10: Nguyên tắc sử dụng thuốc chống viêm cấu trúc Steroid và phi steroid	4	4			
11	Bài 11: Sử dụng thuốc trong điều trị hen phế quản	1	1			
12	Bài 12: Sử dụng thuốc trong điều trị táo bón, tiêu chảy	1	1			
13	Bài 13: Sử dụng thuốc trong điều trị viêm, loét dạ dày - tá tràng	2	2			
	Kiểm tra	2	2			
14	Tổng	45	45			

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về dược lâm sàng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, nội dung nghiên cứu môn học Dược lâm sàng.

1.2. Trình bày được 4 tiêu chuẩn cần thiết trong lựa chọn thuốc an toàn hợp lý.

1.3. Phân tích được 4 kỹ năng mà Dược sĩ lâm sàng cần có để thực hiện được hướng dẫn điều trị tốt.

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Vài nét về sự ra đời và phát triển của môn dược lâm sàng

2.1.2. Định nghĩa

2.1.3. Nội dung nghiên cứu của môn học Dược lâm sàng

2.1.4. Mục tiêu cơ bản của Dược lâm sàng

2.2. Những yêu cầu để đạt được mục tiêu sử dụng thuốc an toàn hợp lý

2.2.1. Các tiêu chuẩn để lựa chọn thuốc an toàn - hợp lý

2.2.2. Các kỹ năng cần có của DSLS khi hướng dẫn điều trị

Bài 2: Các thông số dược động học ứng dụng trong lâm sàng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa của 4 thông số cơ bản: AUC, Vd, Cl và T_{1/2}

1.2. Trình bày được cách tính bốn thông số: AUC, Vd, Cl và T_{1/2} ý nghĩa của bốn thông số này trong điều trị.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Quá trình động học của thuốc

2.2. Các thông số dược động học cơ bản

2.2.1. Sinh khả dụng

2.2.2. Thể tích phân bố

2.2.3. Độ thanh thải của thuốc

2.2.4. Thời gian bán thải

Bài 3: Tương tác thuốc

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được khái niệm, các yếu tố nguy cơ và phân loại, ý nghĩa lâm sàng của tương tác thuốc – thuốc

1.2. Trình bày được 2 loại tương tác dược lực học và 4 loại tương tác dược động học của thuốc

1.3. Trình bày được các tương tác giữa thuốc - thức ăn, thuốc – đồ uống và các yếu tố quyết định thời điểm uống thuốc.

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm chung

2.1.2. Các yếu tố nguy cơ

2.2. Phân loại tương tác thuốc

2.2.1. Tương tác dược lực học

2.2.2. Tương tác dược động học

2.3. Ý nghĩa của tương tác thuốc

2.4. Tương tác thuốc với đồ uống

2.5. Ảnh hưởng của thức ăn đến thuốc:

2.6. Hướng dẫn thời gian uống thuốc hợp lý

Bài 4: Phản ứng bất lợi của thuốc

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa và 3 cách phân loại ADR

1.2. Trình bày được 2 nhóm yếu tố liên quan đến sự phát sinh ADR và các biện pháp hạn chế ADR

1.3. Trình bày được nguyên tắc xử lý tai biến do dị ứng thuốc

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại ADR

2.2. Những yếu tố liên quan đến sự phát sinh ADR

2.2.1. Các yếu tố thuộc về bệnh nhân

2.2.2. Các yếu tố thuộc về thuốc

2.3. Các biện pháp hạn chế ADR

2.4. Báo cáo ADR

2.5. Dự phòng ADR

2.6. Nhận biết các triệu chứng quan trọng của ADR, nguyên tắc xử lý tai biến do dị ứng thuốc

2.6.1. Các triệu chứng nhận biết

2.6.2. Nguyên tắc chung xử lý tai biến do thuốc

Bài 5: Dị ứng thuốc;

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được định nghĩa, phân loại dị ứng thuốc.

1.2. Trình bày được các nhóm thuốc thường dùng trong điều trị dị ứng thuốc và cơ chế điều trị dị ứng thuốc của mỗi nhóm.

1.3. Trình bày được 5 nguyên tắc xử trí khi gặp dị ứng thuốc và những việc cần làm để xử trí sốc phản vệ.

1.4. Trình bày được các biện pháp cần làm để phòng tránh dị ứng thuốc.

1.5. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.6. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa và phân loại dị ứng thuốc

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Phân loại

2.1.2.1 Căn cứ vào tốc độ xuất hiện các phản ứng dị ứng:

2.1.2.2. Dựa trên cơ chế của quá trình miễn dịch

2.2. Các nhóm thuốc sử dụng trong điều trị dị ứng thuốc

2.2.1. Corticoid

2.2.2. Kháng histamine H1

2.2.3. Adrenalin và nor-adrenalin

2.2.4. Thuốc khác

2.3. Nguyên tắc xử trí và các biện pháp phòng tránh dị ứng thuốc

2.3.1. Nguyên tắc xử trí

2.3.2. Những việc cần làm để xử trí sốc phản vệ

2.3.3. Các biện pháp phòng tránh dị ứng thuốc

Bài 6: Thông tin thuốc;

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các cách phân loại thông tin thuốc và yêu cầu của một thông tin thuốc.

1.2. Trình bày được những kỹ năng cần thiết khi thông tin thuốc cho bệnh nhân.

1.3. Trình bày được mục đích và nhiệm vụ của người dược sĩ trong thông tin thuốc.

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Phân loại thông tin thuốc

2.1.1. Phân loại thông tin theo đối tượng được thông tin

2.1.2. Phân loại thông tin theo nội dung của thông tin

2.1.3. Phân loại thông tin theo nguồn thông tin

2.2. Yêu cầu và nội dung của thông tin thuốc

2.2.1. Yêu cầu

2.2.2. Nội dung

2.3. Công tác thông tin thuốc

2.3.1. Mục đích của công tác thông tin thuốc

2.3.2. Nhiệm vụ của người dược sĩ trong thông tin thuốc

Bài 7: Xét nghiệm lâm sàng và nhận định kết quả ;

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm và ý nghĩa của các xét nghiệm sinh hóa máu: Creatinin, urê, acid uric, glucose, bilirubin, các enzym (ASAT; ALAT).

1.2. Trình bày được đặc điểm và ý nghĩa của các xét nghiệm huyết học: Hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

2.1. Hệ thống SI trong y học

2.2. Một số xét nghiệm hóa sinh

2.2.1. Creatinin huyết thanh

2.2.2. Urê

2.2.3. Glucose

2.2.4. Acid uric

2.2.5. Aspartat amino transferase (ASAT)

2.2.6. Alanin amino transferase (ALAT)

2.2.7. Bilirubin

2.3. Một số xét nghiệm huyết học

2.3.1. Hồng cầu

2.3.2. Bạch cầu

2.3.3. Tiểu cầu

Bài 8: Sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được những ảnh hưởng của thuốc khi dùng cho phụ nữ có thai đối với thai nhi và nguyên tắc sử dụng, phân loại thuốc dùng cho phụ nữ có thai.

1.2. Trình bày được những ảnh hưởng của thuốc dùng cho phụ nữ cho con bú đối với trẻ bú mẹ và nguyên tắc sử dụng thuốc ở phụ nữ cho con bú.

1.3. Trình bày được những thay đổi về dược động học và dược lực học của thuốc, những vấn đề cần lưu ý khi sử dụng thuốc khi dùng cho trẻ em, người cao tuổi.

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai

2.1.1. Ảnh hưởng của thuốc đối với thai nhi

2.1.2. Phân loại độ an toàn của thuốc đối với phụ nữ có thai

2.1.3. Nguyên tắc sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai.

2.2. Sử dụng thuốc cho phụ nữ thời kỳ cho con bú

2.2.1. Những thuốc ảnh hưởng đến khả năng bài tiết sữa khi dùng cho phụ nữ đang cho con bú

2.2.2. Nguyên tắc chung trong sử dụng thuốc ở phụ nữ cho con bú

2.3. Sử dụng thuốc trong nhi khoa

2.3.1. Phân loại trẻ em theo tuổi

2.3.2. Những khác biệt về dược động học ở trẻ em

2.3.3. Những thay đổi trong đáp ứng thuốc của trẻ em

2.3.4. Một số điểm cần lưu ý khi dùng thuốc cho trẻ em

2.4. Sử dụng thuốc cho người cao tuổi

- 2.4.1. Đặc điểm dược động học ở người cao tuổi
- 2.4.2. Thay đổi về dược lực học ở người cao tuổi
- 2.4.3. Đặc điểm bệnh lý liên quan đến sử dụng thuốc

Bài 9: Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh và kháng khuẩn

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số khái niệm cơ bản liên quan đến sử dụng kháng sinh
- 1.2. Trình bày được 4 nguyên tắc cơ bản sử dụng kháng sinh trong điều trị và 3 nguyên tắc sử dụng kháng sinh dự phòng nhiễm khuẩn sau phẫu thuật
- 1.3. Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc tư vấn sử dụng thuốc kháng sinh hợp lý, an toàn, hiệu quả
- 1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp
- 1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung:

- 2.1. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến sử dụng kháng sinh
 - 2.1.1. Nồng độ kìm khuẩn tối thiểu.
 - 2.1.2. Nồng độ diệt khuẩn tối thiểu
 - 2.1.3. Kháng sinh kìm khuẩn và kháng sinh diệt khuẩn
 - 2.1.4. Kháng sinh đồ
 - 2.1.5. Sự kháng kháng sinh
- 2.2. Tác dụng không mong muốn và chống chỉ định
- 2.3. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong điều trị
 - 2.3.1. Chỉ sử dụng kháng sinh khi có nhiễm khuẩn
 - 2.3.2. Phải biết lựa chọn kháng sinh hợp lý.
 - 2.3.3. Phải sử dụng kháng sinh đúng thời hạn quy định
 - 2.3.4. Phối hợp kháng sinh hợp lý
- 2.4. Sử dụng kháng sinh trong dự phòng nhiễm khuẩn sau phẫu thuật
 - 2.4.1. Nguyên tắc dùng kháng sinh dự phòng
 - 2.4.2. Thời gian của đợt điều trị

Bài 10: Sử dụng thuốc chống viêm cấu trúc Steroid và phi steroid

Thời gian 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được tác dụng và cơ chế tác dụng chung của nhóm thuốc Glucocorticoid

1.2. Trình bày được các chỉ định và chống chỉ định của nhóm thuốc Glucocorticoid và NSAIDs

1.3. Trình bày được cách khắc phục từng tác dụng không mong muốn của nhóm thuốc Glucocorticoid và NSAID

1.4. Trình bày được nguyên tắc sử dụng Glucocorticoid kéo dài

1.5. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.6. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Glucocorticoid

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Tác dụng và cơ chế tác dụng

2.1.3. Chỉ định

2.1.4. Tác dụng phụ và cách khắc phục

2.1.5. Chống chỉ định

2.1.6. Hiện tượng ức chế trục HPA và nguyên tắc sử dụng Glucocorticoid kéo dài

2.1.6.1. Hiện tượng ức chế trục HPA

2.1.6.2. Nguyên tắc sử dụng Glucocorticoid

2.2. Thuốc chống viêm khụng Steroid

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Tác dụng không mong muốn và cách khắc phục

2.2.3. Tương tác thuốc cần tránh

2.2.4. Chống chỉ định

Bài 11: Sử dụng thuốc trong điều trị hen phế quản

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng của bệnh hen phế quản.

1.2. Trình bày được cơ chế và tác dụng của 4 nhóm thuốc thường dùng trong điều trị hen phế quản.

1.3. Trình bày được các biện pháp điều trị hỗ trợ hen bằng thuốc và không dùng thuốc.

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguyên nhân và bệnh sinh

2.2. Các thuốc điều trị hen

2.2.1. Thuốc giãn phế quản

2.2.2. Corticoid

2.2.3. Thuốc kháng histamin H1

2.2.4. Thuốc bảo vệ tế bào mast - dưỡng bào (Cromolyn, Nedocromil)

2.3. Các biện pháp hỗ trợ điều trị hen phế quản không dùng thuốc

2.3.1. Oxy

2.3.2. Bù nước

Bài 12: Sử dụng thuốc trong điều trị táo bón, tiêu chảy;

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày nguyên tắc điều trị bệnh táo bón và tiêu chảy.

1.2. Trình bày được các thuốc được sử dụng, cách sử dụng hợp lý các thuốc trong điều trị táo bón và tiêu chảy.

1.3. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.4. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Táo bón

2.1.1. Vài nét về bệnh

2.1.2. Điều trị

2.1.2.1. Nguyên tắc điều trị

2.1.2.2. Biện pháp điều trị không dùng thuốc.

2.1.2.3. Thuốc điều trị táo bón

2.2. Tiêu chảy

2.2.1. Vài nét về bệnh

2.2.2. Điều trị

2.2.2.1 Nguyên tắc điều trị

2.2.2.2. Bù nước và điện giải cho bệnh nhân tiêu chảy

2.2.2.3. Thuốc điều trị tiêu chảy

Bài 13: Sử dụng thuốc trong điều trị viêm, loét dạ dày tá tràng;

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh loét dạ dày tá tràng;

1.2. Trình bày được tác dụng không mong muốn của các nhóm thuốc điều trị loét dạ dày – tá tràng và cách khắc phục;

1.3. Trình bày các tương tác có thể gặp khi sử dụng các nhóm thuốc điều trị loét dạ dày tá tràng và cách khắc phục;

1.4. Thực hiện đúng chuyên môn nghiệp vụ của người dược sĩ trong phạm vi thực hành nghề nghiệp

1.5. Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong học tập, công việc và đạo đức nghề nghiệp.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Triệu chứng

2.1.2.1. Triệu chứng lâm sàng

2.1.2.2. Cận lâm sàng

2.2. Điều trị viêm loét dạ dày tá tràng

2.2.1. Mục tiêu của điều trị viêm, loét dạ dày – tá tràng

2.2.2. Các nhóm thuốc điều trị loét dạ dày – tá tràng

2.2.2.1. Thuốc giảm bài tiết acid và pepsin ở dạ dày

2.2.2.2. Thuốc trung hòa acid dạ dày (antacid)

2.2.2.3. Thuốc bảo vệ niêm mạc dạ dày, bao ổ loét

2.2.2.4. Kháng sinh diệt H.pylori

2.3. Điều trị

2.4. Dự phòng loét tái phát và biến chứng

PHẦN THỰC HÀNH

Thực hành 02 tuần (90 giờ) ở bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh

TT	Nội dung học	Số tiết	Ghi chú
01	Sử dụng thuốc kháng sinh	15	
02	Sử dụng các thuốc chống viêm steroid và phi steroid	15	
03	Hormon tuyến tụy và các thuốc hạ đường huyết Hormon tuyến giáp và các thuốc kháng giáp	10	

03	Sử dụng Vitamin	10	
04	Sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt: - Người già - Phụ nữ mang thai - Phụ nữ cho con bú - Trẻ em	10	
05	Phối hợp thuốc và tương tác thuốc trong điều trị.	10	
06	Sử dụng thuốc tại các khoa lâm sàng	10	
07	Kết thúc thực hành - Viết báo cáo thực hành theo yêu cầu nộp về bộ giảng viên phụ trách sau khi kết thúc thực hành	10	
	Tổng cộng	90	

Báo cáo thực hành

Sinh viên chia nhóm (mỗi nhóm 3 người) tìm hiểu về việc sử dụng thuốc tại từng khoa. Tại mỗi khoa (01 khoa ít nhất 05 thuốc), mỗi nhóm tìm hiểu các thuốc khoa đang sử dụng. Trình bày rõ:

- Biệt dược
- Hoạt chất chính
- Hàm lượng

- Tình hình thực tế sử dụng tại bệnh viện (dùng cho bệnh nhân bị bệnh gì? Cách dùng? Liều dùng? Chống chỉ định? Tác dụng không mong muốn và hướng khắc phục (nếu có)...vv.). Liên hệ giữa lý thuyết đã học và thực tế sử dụng thuốc đó tại Bệnh viện. Đã phù hợp hay chưa? Vì sao?

Gợi ý: Sử dụng thông tin hồ sơ bệnh án, thông tin thuốc ở tờ hướng dẫn sử dụng thuốc và các cơ sở dữ liệu tra cứu thông tin thuốc đã được học.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học, bệnh viện
2. Trang thiết bị: Projector, máy vi tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Hồ sơ bài giảng, giáo trình và tài liệu phát tay cho sinh viên, dược thư quốc gia
4. Các điều kiện khác: Đảm bảo an toàn, trật tự khi thực hành tại bệnh viện

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

1.1.Về kiến thức:

- Các thông số, các chỉ số liên quan đến dược động học ứng dụng trong lâm sàng.

- Những nội dung cơ bản liên quan đến việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả.

- Nguyên tắc sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng hợp lý, an toàn và hiệu quả.

1.2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức đã học để tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả trong các cơ sở y, dược và cộng đồng.

1.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập, ý thức và đạo đức nghề nghiệp.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lý thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Câu hỏi ngắn, kiểm tra trong quá trình thực tập tại bệnh viện..

- Kiểm tra định kỳ

+ 02 điểm số lý thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: Bài thu hoạch cuối đợt lâm sàng.

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong Bài trình đào tạo Cao đẳng được chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng
- Thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, phát huy tính tích cực của học sinh.
- Thực hành: Tại khoa lâm sàng bệnh viện đa khoa Hà Tĩnh

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5
- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lý thuyết 90 giờ, thực hành: 45 giờ

3. Những điểm trọng tâm cần chú ý:

- Các yếu tố ảnh hưởng đến dược động học của thuốc.
- Các kiểu tương tác thuốc trong lâm sàng.
- Phản ứng bất lợi của thuốc và cách xử lý.
- Vận dụng được các kiến thức đó học, tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả trong các cơ sở y, dược và cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy:

Khoa Dược -YHCT (2025), *Giáo trình Dược lâm sàng*, lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Dược lý, Trường đại học Dược Hà Nội (2022), *Dược lý học tập 1*, Nhà xuất bản Y học

2. Bộ môn Dược lý, Trường đại học Dược Hà Nội (2022), *Dược lý học tập 2*, Nhà xuất bản Y học

3. Bộ môn Dược lâm sàng, Trường Đại học Y Dược TPHCM (2021), *Dược lâm sàng đại cương*, Nhà xuất bản Y học.

4. Bộ môn Dược lâm sàng, Trường đại học Y Dược TPHCM (2021), *Dược lâm sàng và điều trị*, Nhà xuất bản Y học
5. Bộ môn Dược lý, Trường Đại học Y Hà Nội (2023), *Dược lý học lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học.
6. Bộ Y tế (2022), *Dược thư Quốc gia Việt Nam* - xuất bản lần thứ ba
7. Bộ Y tế (2015), *Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
8. Bộ môn Dược lý, Trường đại học Dược Hà Nội (2012), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 1*, Nhà xuất bản Y học
9. Bộ môn Dược lý, Trường đại học Dược Hà Nội (2012), *Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 2*, Nhà xuất bản Y học

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KINH TẾ DƯỢC

Mã môn học: MH30

Thời gian thực hiện môn học: 60giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1.Vị trí: Là môn học chuyên ngành bao gồm lý thuyết và thực hành. Môn học này được bố trí học vào học kì V. Sau khi đã học xong các môn chuyên ngành Bào chế, Hóa dược, Dược lý, Dược lâm sàng, Pháp chế dược, Tổ chức - quản lý dược

2.Tính chất: Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh tế dược và vận dụng được những kiến thức kinh tế trong quản lý, sản xuất và kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm hiệu quả và đúng pháp luật

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1 Trình bày được các kiến thức cơ bản về Doanh nghiệp và tổ chức của doanh nghiệp .

1.2.Trình bày được các chỉ tiêu phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp dược.

1.3. Trình bày được các nội dung của công tác quản lý và cung ứng thuốc trong cộng đồng

2. Về kỹ năng:

2.1. Vận dụng được các kiến thức về tài chính doanh nghiệp trong phân tích một số chỉ tiêu kinh doanh dược

2.2. Thu thập, tổng hợp và phổ biến được các thông tin liên quan đến thuốc và sức khỏe.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập và trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quan và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)
----	-----------------	-----------------

		Tổng số	Lí thuyết	Thảo luận, bài tập	Kiểm tra	
1	Chương 1: Đại cương về doanh nghiệp	8	8			
2	Chương 2: Vốn kinh doanh	16	4	6		
3	Chương 3: Chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp	19	4	9		
4	Chương 4: Lợi nhuận	24	2	6		
5	Chương 5: Một số phương pháp và chỉ tiêu đánh giá trong phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Dược	18	6	3		
6	Chương 6: Quản lý cung ứng thuốc	13	5	3		
16	Tổng	60	29	27	4	

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Đại cương về doanh nghiệp

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm doanh nghiệp, các căn cứ phân loại doanh nghiệp

1.2. Trình bày được các loại hình doanh nghiệp theo hình thức pháp lý: đặc điểm của từng loại hình và sự khác nhau cơ bản giữa một số loại hình doanh nghiệp.

1.3. Trình bày được chu kỳ phát triển của doanh nghiệp

2. Nội dung

2.1. Kinh doanh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Vai trò của kinh doanh

2.1.3. Các hình thức hoạt động kinh doanh

2.2. Doanh nghiệp

2.2.1. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp

- 2.2.2. Phân loại doanh nghiệp
- 2.3. Chu kì kinh doanh và chu kỳ phát triển của doanh nghiệp
- 2.3.1. Chu kì kinh doanh
- 2.3.2. Chu kì phát triển

Chương 2: Vốn kinh doanh

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm, đặc điểm, phân loại vốn kinh doanh
- 1.2. Trình bày được khấu hao tài sản cố định và cách tính mức khấu hao
- 1.3. Trình bày được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng VCD và VLĐ
- 1.4. Phân tích được cơ cấu vốn của doanh nghiệp
- 1.5. Tính toán được khấu hao của tài sản cố định

2. Nội dung

- 2.1. Vốn
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm
 - 2.1.3. Phân loại
- 2.2. Vốn cố định
 - 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm tài sản cố định và vốn cố định
 - 2.2.2. Phân loại và kết cấu tài sản cố định
 - 2.2.3. Khấu hao tài sản cố định
- 2.3. Vốn lưu động
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Phân loại
 - 2.3.3. Kết cấu vốn lưu động
 - 2.3.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Chương 3: Chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm và phân loại chi phí sản xuất kinh doanh
- 1.2. Trình bày được khái niệm và chức năng của giá thành sản phẩm
- 1.3. Trình bày được điểm hòa vốn: Khái niệm, cách xác định sản lượng hòa vốn, doanh thu hòa vốn, vẽ đồ thị điểm hòa vốn.
- 1.4. Phân tích được các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được

2. Nội dung

- 2.1. Chi phí kinh doanh

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Phân loại
- 2.2. Giá thành sản phẩm
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Phân loại
 - 2.2.3. Chức năng
 - 2.2.4. Hạ giá thành sản phẩm
- 2.3. Điểm hòa vốn
 - 2.3.1. Khái niệm
 - 2.3.2. Xác định điểm hòa vốn
 - 2.3.3. Điều kiện sử dụng phương pháp điểm hòa vốn

Chương 4: Lợi nhuận

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm và cách tính lợi nhuận
- 1.2. Trình bày được các chỉ tiêu đánh giá lợi nhuận và cách phân phối lợi nhuận doanh nghiệp
- 1.3. Đánh giá được lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

2. Nội dung

- 2.1. Doanh thu của doanh nghiệp
- 2.2. Lợi nhuận của doanh nghiệp
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Ý nghĩa
 - 2.2.3. Cách tính lợi nhuận
 - 2.2.4. Các chỉ tiêu đánh giá lợi nhuận
- 2.3. Phương pháp tăng lợi nhuận
- 2.4. Phân phối lợi nhuận
 - 2.4.1. Các hình thức chi trả lợi nhuận
 - 2.4.2. Các loại quỹ của doanh nghiệp

Chương 5: Một số phương pháp và chỉ tiêu đánh giá trong phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Được

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được ý nghĩa của phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc

1.2. Trình bày được phương pháp đánh giá và phân tích hoạt động kinh doanh

1.3. Trình bày được các chỉ tiêu cơ bản trong phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh của một doanh nghiệp được

1.4. Hoàn thiện được báo cáo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được

1.5. Đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thông qua một số chỉ tiêu về vốn, chi phí, lợi nhuận.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Ý nghĩa

2.1.3. Nhiệm vụ

2.1.4. Đặc thù của thuốc và vai trò của hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc

2.2. Các phương pháp đánh giá và phân tích hoạt động kinh doanh

2.2.1. Phương pháp cân đối

2.2.2. Phương pháp so sánh

2.2.3. Phương pháp tỷ trọng

2.2.4. Phương pháp liên hệ

2.2.5. Phương pháp loại trừ

2.2.6. Phương pháp tìm xu hướng phát triển của chỉ tiêu

2.3. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh và tài chính của doanh nghiệp được

2.3.1. Tổ chức bộ máy, cơ cấu nhân sự

2.3.2. Doanh số mua, cơ cấu nguồn mua

2.3.3. Doanh số bán ra và tỉ lệ bán buôn, bán lẻ

2.3.4. Phân tích tình hình sử dụng phí

2.3.5. Phân tích vốn

2.3.6. lợi nhuận và tỉ suất lợi nhuận

2.3.7. Nộp ngân sách nhà nước

2.3.8. Năng suất lao động bình quân cán bộ nhân viên

2.3.9. Thu nhập bình quân cán bộ công nhân viên

2.3.10. Chất lượng sản phẩm trong sản xuất, kinh doanh

2.4. Một số kỹ thuật và phương pháp cơ bản trình bày kết quả nghiên cứu

2.4.1. Phương pháp lập bảng

2.4.2. Trình bày kết quả nghiên cứu theo biểu đồ

Chương 6: Quản lý cung ứng thuốc

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khái niệm nhu cầu thuốc và các yếu tố ảnh hưởng tới nhu cầu thuốc

1.2. Trình bày được các phương pháp nghiên cứu, tính toán nhu cầu thuốc

1.3. Trình bày được sơ đồ mạng lưới phân phối thuốc, các tiêu chuẩn đánh giá cung ứng thuốc cho cộng đồng

1.4. Lập được kế hoạch cung ứng thuốc trong cộng đồng

2. Nội dung

2.1. Cung ứng thuốc và ý nghĩa của việc cung ứng thuốc trong cộng đồng

2.2. Nhu cầu thuốc

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Các yếu tố quyết định và ảnh hưởng đến nhu cầu thuốc

2.2.3. Phân loại nhu cầu thuốc

2.2.4. Các phương pháp nghiên cứu, tính toán nhu cầu thuốc

2.3. Mô hình mạng lưới phân phối thuốc.

2.4. Các chỉ tiêu đánh giá mạng lưới phân phối thuốc

2.4.1. Chỉ tiêu số dân bình quân 1 điểm bán thuốc phục vụ

2.4.2. Chỉ tiêu diện tích bình quân 1 điểm bán thuốc phục vụ

2.4.3. Chỉ tiêu bán kính bình quân 1 điểm bán thuốc phục vụ

2.5. Một số tiêu chuẩn của cung ứng thuốc cho cộng đồng

PHẦN BÀI TẬP, THẢO LUẬN

Bài tập - thảo luận số 1: Vốn kinh doanh

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phân biệt được các loại tài sản, vốn

1.2. Tính toán được khấu hao tài sản cố định

1.3. Phân tích được ý nghĩa của các hệ số thanh toán

2. Nội dung

Các bước tiến hành

- Phân nhóm và nhận định tình huống bài tập cụ thể theo phân công của giảng viên hướng dẫn.

- Làm bài tập theo từng nhóm, báo cáo kết quả theo mẫu báo cáo, chuẩn bị một số câu hỏi về tình huống bài tập để thảo luận

- Thuyết trình kết quả, trả lời câu hỏi của giảng viên và các nhóm khác về tình huống bài tập được phân công.

Bài tập - thảo luận số 2: Chi phí và xây dựng giá thành sản phẩm

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Phân tích được các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1.2. Xây dựng được giá thành một mặt hàng sản xuất ở doanh nghiệp

1.3. Xác định được điểm hòa vốn.

2. Nội dung

Các bước tiến hành

- Phân nhóm và nhận định tình huống bài tập cụ thể theo phân công của giảng viên hướng dẫn.

- Làm bài tập theo từng nhóm, báo cáo kết quả theo mẫu báo cáo, chuẩn bị một số câu hỏi về tình huống bài tập để thảo luận

- Thuyết trình kết quả, trả lời câu hỏi của giảng viên và các nhóm khác về tình huống bài tập được phân công.

Bài tập - thảo luận số 3: Lợi nhuận

Thời gian 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi làm bài tập và thảo luận, sinh viên có khả năng:

1.1. Phân biệt được các loại lợi nhuận: lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế, lợi nhuận gộp

1.2. Đánh giá được lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

2. Nội dung

Các bước tiến hành

- Phân nhóm và nhận định tình huống bài tập cụ thể theo phân công của giảng viên hướng dẫn.

- Làm bài tập theo từng nhóm, báo cáo kết quả theo mẫu báo cáo, chuẩn bị một số câu hỏi về tình huống bài tập để thảo luận

- Thuyết trình kết quả, trả lời câu hỏi của giảng viên và các nhóm khác về tình huống bài tập được phân công.

Bài tập – thảo luận số 4: Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Được

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi làm bài tập và thảo luận, sinh viên có khả năng:

1.1. Hoàn thiện được báo cáo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Được

1.2. Đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thông qua một số chỉ tiêu về vốn, chi phí, lợi nhuận

2. Nội dung

Các bước tiến hành

- Phân nhóm và nhận định tình huống bài tập cụ thể theo phân công của giảng viên hướng dẫn.

Bài tập - thảo luận số 5: Quản lý cung ứng thuốc

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Vẽ được sơ đồ và đánh giá mạng lưới phân phối thuốc ở Việt Nam

1.2. Phân tích được tình hình cung ứng thuốc tại một số công ty Dược

2. Nội dung

Các bước tiến hành

- Phân nhóm và nhận định tình huống bài tập cụ thể theo phân công của giảng viên hướng dẫn.

- Làm bài tập theo từng nhóm, báo cáo kết quả theo mẫu báo cáo, chuẩn bị một số câu hỏi về tình huống bài tập để thảo luận

- Thuyết trình kết quả, trả lời câu hỏi của giảng viên và các nhóm khác về tình huống bài tập được phân công.

- Làm bài tập theo từng nhóm, báo cáo kết quả theo mẫu báo cáo, chuẩn bị một số câu hỏi về tình huống bài tập để thảo luận

- Thuyết trình kết quả, trả lời câu hỏi của giảng viên và các nhóm khác về tình huống bài tập được phân công

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, bảng, phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng, giáo trình Kinh tế Dược, bài tập phát cho sinh viên, giấy bút, máy tính

4. Các điều kiện khác: Đã học môn Bào chế, Hóa dược, Dược Lâm sàng, Makettin Dược, Tổ chức pháp chế dược

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức:

Hệ thống kiến thức cơ bản đã học của môn Kinh tế dược gồm

+ Đại cương về doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp

+ Quản lý cung ứng thuốc trong cộng đồng

- Kỹ năng

+ Đưa ra các bài tập nhóm rồi đánh giá kỹ năng học sinh thông qua việc các nhóm phân tích, giải quyết các vấn đề trong bài tập để từ đó lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu nhất.

+ Sinh viên phải lập được kế hoạch cung ứng thuốc trong cộng đồng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Đánh giá tác phong chính xác, trung thực trong quá trình học

2. Phương pháp đánh giá :

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 01 điểm số lý thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lý thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 01 điểm số lý thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: Chấm kết quả các bài tập tình huống. Công cụ: Bài tập tình huống. Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 5.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5
- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra

+ Giờ tự học, tự nghiên cứu: Lý thuyết 60 giờ, thực hành 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương 5: Một số phương pháp và chỉ tiêu đánh giá trong phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Dược

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy:

Khoa Dược – YHCT (2025), *Giáo trình Kinh tế dược*, lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Dược HN, GS.TS. Nguyễn Thanh Bình (2023), *Kinh tế dược*, NXB Y học
2. Hệ thống văn bản y tế
3. Luật doanh nghiệp (2020)
4. Đại học Y Dược TPHCM (2021), *giáo trình Kinh tế Dược (tập 1, tập 2)*, nhà xuất bản y học

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KỸ NĂNG GIAO TIẾP BÁN HÀNG DƯỢC PHẨM

Mã môn học: MH 31

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 27 giờ kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Là môn học tự chọn được bố trí vào học kì IV

2. Tính chất:

- Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tâm lý học, tâm lý y học, các kỹ năng giao tiếp, bán hàng, bao gồm bán hàng trực tiếp và gián tiếp trong hoạt động kinh doanh dược phẩm.

- Tổ chức thảo luận nhóm nhằm giúp kỹ năng làm việc nhóm và giúp sinh viên nắm được nội dung cốt yếu về kỹ năng giao tiếp tốt giúp người dược sĩ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong hoạt động ngành Dược.

- Kỹ năng giao tiếp tốt không chỉ mang lại lợi ích trong công việc chuyên môn mà còn giúp người học rèn luyện và xây dựng cho mình phong cách giao tiếp ứng xử văn minh và lịch sự trong đời sống thường ngày.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức: Sinh viên phải trình bày được:

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý học, tâm lý y học, tâm lý khách hàng, thói quen dùng thuốc.

1.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi.

1.3. Trình bày được các bước trong quy trình bán dược phẩm trực tiếp và gián tiếp.

2. Về kỹ năng:

2.1. Kỹ năng phân tích, đánh giá các quan hệ giao tiếp một cách hợp lý, trên cơ sở đó người học có thể hoàn thiện hoạt động giao tiếp ứng xử của mình.

2.2. Kỹ năng sử dụng tối ưu các phương tiện giao tiếp, bao gồm: phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

2.3. Kỹ năng thiết lập, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

2.4. Kỹ năng vận dụng các kỹ năng giao tiếp đã được học vào nghiệp vụ nghề thực tế như: tiếp xúc làm quen, giới thiệu bản thân/đơn vị, giới thiệu các sản phẩm thuốc, thiết bị y tế của doanh nghiệp kinh doanh dược, xử lý các tình huống thường xảy ra, giải quyết các yêu cầu của khách, thiết lập và tạo dựng ấn tượng tốt đẹp với khách hàng (người bệnh).

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1. Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập cũng như trong hoạt động nghề nghiệp.

3.2. Thể hiện ý thức của người tham gia hoạt động trong lĩnh vực y tế nói chung và lĩnh vực dược nói riêng.

3.3. Giúp người học nhận thức đúng đắn về tính chất và vai trò của môn học đối với nghiệp vụ nghề, rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, hình thành và phát triển nhân cách, luôn giữ thái độ giao tiếp văn minh - lịch sự trong các mối quan hệ xã hội cũng như trong nghề nghiệp. Rèn luyện kỹ năng bán hàng dược của một cán bộ dược có trình độ cao đẳng để đạt hiệu quả cao trong hoạt động nghề.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương I: Tâm lý khách hàng và thói quen dùng thuốc.	6	6		
2	Chương II. Kỹ năng giao tiếp	9	6	3	
3	Chương III: Kỹ năng lắng nghe	8	5	3	
4	Chương IV: Kỹ năng đặt câu hỏi	9	5	3	1
5	Chương V: Quy trình và kỹ năng bán hàng dược phẩm	25	7	18	
	Kiểm tra	3			3
	TỔNG	60	29	27	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương I: Tâm lý khách hàng và thói quen dùng thuốc.

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, sinh viên có khả năng:

1.1.Trình bày được khái niệm về tâm lý học, phân loại các hiện tượng tâm lý, bản chất tâm lý người và các chức năng của tâm lý.

1.2.Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ của tâm lý học, bản chất tâm lý người bệnh và một số yếu tố tác động đến tâm lý người bệnh.

1.3.Trình bày được những thói quen mua và dùng thuốc của người tiêu dùng.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về tâm lý học

2.1.1. Khái niệm về tâm lý học

2.1.2. Phân loại các hiện tượng tâm lý

2.1.3. Bản chất tâm lý người

2.1.4. Chức năng tâm lý

2.2. Tâm lý học y học

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Nhiệm vụ của tâm lý học y học

2.2.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tâm lý học y học

2.2.4. Bản chất tâm lý người bệnh

2.2.5. Một số yếu tố chính tác động đến tâm lý người bệnh

2.3. Thói quen mua và dùng thuốc

2.3.1. Khái lược hành vi mua của người tiêu dùng

2.3.2. Một số hành vi mua hàng

2.3.3. Một số đặc điểm tâm lý chung của người tiêu dùng khi mua hàng

2.3.4. Thói quen mua và dùng thuốc của người bệnh.

Chương II: Kỹ năng giao tiếp

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, sinh viên có khả năng:

1.1 Trình bày được khái niệm, chức năng, vai trò và phân loại, phương tiện, phong cách và các kỹ năng trong giao tiếp.

1.2.Trình bày được tầm quan trọng của giao tiếp trong chăm sóc người bệnh

1.3. Trình bày được kỹ năng giao tiếp của người bán hàng được phẩm với người bệnh

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về giao tiếp

2.1.1. Khái niệm về giao tiếp và kỹ năng giao tiếp

2.1.2. Vai trò của giao tiếp

2.1.3. Chức năng của giao tiếp

2.1.4. Phân loại giao tiếp

- 2.1.5. Phong cách giao tiếp
- 2.1.6. Nguyên tắc của giao tiếp
- 2.2. Tầm quan trọng của giao tiếp trong chăm sóc người bệnh
- 2.3. Kỹ năng giao tiếp của người bán hàng dược phẩm với người bệnh.
 - 2.3.1. Ngôn ngữ
 - 2.3.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ
 - 2.3.3. Các kỹ năng giao tiếp

Chương III: Kỹ năng lắng nghe

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, sinh viên có khả năng:

- 1.1. Trình bày được vai trò và lợi ích của việc lắng nghe, những rào cản đối với việc lắng nghe có hiệu quả.
- 1.2. Trình bày được tiến trình lắng nghe.
- 1.3. Trình bày cách sử dụng phi ngôn ngữ trong lắng nghe có hiệu quả và kỹ năng lắng nghe và đồng cảm với người bệnh.
- 1.4. Trình bày những vấn đề trong thiết lập quan hệ trợ giúp.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương về lắng nghe
 - 2.1.1. khái niệm nghe và lắng nghe
 - 2.1.2. Các kiểu nghe và các cấp độ nghe
 - 2.1.3. Vai trò của lắng nghe
 - 2.1.4. Những lợi ích của việc lắng nghe
 - 2.1.5. Những rào cản đối với việc lắng nghe có hiệu quả
- 2.2. Tiến trình nghe
 - 2.2.1. Chuẩn bị
 - 2.2.2. Tập trung lắng nghe
 - 2.2.3. Tham dự
 - 2.2.4. Hiểu, cố gắng để hiểu
 - 2.2.5. Ghi nhớ
 - 2.2.6. Phản hồi lại sau khi nghe
- 2.3. Sử dụng phi ngôn ngữ trong lắng nghe có hiệu quả
- 2.4. Các kỹ năng lắng nghe có hiệu quả
- 2.5. Lắng nghe và đồng cảm với người bệnh
 - 2.5.1. Lắng nghe
 - 2.5.2. Đáp lại đồng cảm
 - 2.5.3. Thái độ thể hiện sự đồng cảm

- 2.5.4. Những khía cạnh của lắng nghe im lặng
- 2.6. Những vấn đề trong thiết lập quan hệ trợ giúp
- 2.6.1. Suy đoán một cách rập khuôn
- 2.6.2. Làm mất tính cá nhân
- 2.6.3. Thái độ kiểm soát

Chương IV: Kỹ năng đặt câu hỏi.

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, sinh viên có khả năng:

- 1.1. Trình bày được mục đích, vai trò, phân loại câu hỏi.
- 1.2. Trình bày được các kỹ năng đặt câu hỏi: Câu hỏi để thu thập thông tin, dùng câu hỏi với mục đích khác.
- 1.3. Trình bày những sai lầm khi đặt câu hỏi.
- 1.4. Trình bày được cách đặt câu hỏi hiệu quả.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Mục đích, vai trò, phân loại câu hỏi
 - 2.1.1. Mục đích
 - 2.1.2. Vai trò
 - 2.1.3. Phân loại
- 2.2. Kỹ năng đặt câu hỏi
 - 2.2.1. Dùng câu hỏi để thu thập thông tin
 - 2.2.2. Dùng câu hỏi với các mục đích khác
- 2.3. Sai lầm khi đặt câu hỏi
- 2.4. Cách đặt câu hỏi hiệu quả
 - 2.4.1. Thái độ khi đặt câu hỏi
 - 2.4.2. Lựa chọn cách đặt câu hỏi linh hoạt

Chương V: Quy trình và kỹ năng bán hàng được phẩm

Thời gian: 25 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài học, sinh viên có khả năng:

- 1.1. Trình bày được bản chất, vai trò về bán hàng, phân loại nghề nghiệp bán hàng, những quan niệm không đúng về nghề nghiệp bán hàng.
- 1.2. Trình bày những phẩm chất, kiến thức cần thiết của nhân viên bán hàng.
- 1.3. Trình bày được cách phân loại khách hàng và cách thức thu hút khách hàng.
- 1.4. Trình bày được quy trình bán hàng.
- 1.5. Trình bày được quy trình bán hàng được phẩm.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về bán hàng

2.1.1. Khái niệm, bản chất, vai trò của bán hàng và đặc điểm nghề bán hàng

2.1.2. Phân loại nghề nghiệp bán hàng

2.1.3. Những quan niệm không đúng về nghề nghiệp bán hàng

2.1.4. Cấu trúc tổ chức lực lượng bán hàng

2.1.5. Các giai đoạn phát triển của hoạt động bán hàng

2.2. Nhân viên bán hàng

2.2.1. Nhiệm vụ của nhân viên bán hàng

2.2.2. Phương châm của người bán hàng

2.2.3. Địa điểm làm việc của nhân viên bán hàng

2.2.4. Những phẩm chất cần thiết của một nhân viên bán hàng

2.2.5. Những kiến thức, kỹ năng nhân viên bán hàng cần trang bị

2.3. Phân loại khách hàng và cách thức thu hút khách hàng

2.3.1. Phân loại khách hàng theo thái độ

2.3.2. Phân loại khách hàng theo độ khó

2.4. Quy trình bán hàng

2.4.1. Tìm hiểu khách hàng

2.4.2. Tiếp cận

2.4.3. Tiếp cận

2.4.4. Trình bày

2.4.5. Xử lý chống đối

2.4.6. Kỹ thuật kết thúc

2.4.7. Theo đuổi

2.5. Quy trình bán hàng dược phẩm

2.5.1. Bán và tư vấn sử dụng thuốc kê đơn

2.5.2. Bán và tư vấn sử dụng thuốc không kê đơn

2.5.3. Hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn và hợp lý

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học, phòng thực hành bán thuốc (quầy thuốc đạt GPP)

2. Trang thiết bị máy móc: Projector, máy vi tính, bảng, phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bài giảng do giảng viên biên soạn và tài liệu phát tay cho sinh viên, một số vỏ thuốc hô hấp, tiêu hóa, tim mạch, kháng sinh thường dùng, một số đơn thuốc điều trị những bệnh hay gặp tại cộng đồng. Điện thoại có chức năng quay phim để quay bài tập.

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- **Kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, sinh viên cần đạt các yêu cầu:

- + Hệ thống các kiến thức về Tâm lý khách hàng và thói quen dung thuốc.
- + Hệ thống các kiến thức về kỹ năng giao tiếp.
- + Hệ thống các kiến thức về kỹ năng bán hàng dược.

- Kỹ năng:

- + Sử dụng tối ưu các phương tiện giao tiếp, bao gồm: phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ
- + Vận dụng các kỹ năng giao tiếp đã được học vào nghiệp vụ nghề thực tế như: tiếp xúc làm quen, giới thiệu bản thân/đơn vị, giới thiệu các sản phẩm thuốc, thiết bị y tế của doanh nghiệp kinh doanh dược

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập cũng như trong hoạt động nghề nghiệp

2. Phương pháp đánh giá :

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

- + 01 điểm số lý thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lý thuyết
- + 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

- + 01 điểm số lý thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

- + 01 điểm số thực hành: Chấm video quy trình bán thuốc theo nội dung bốc thăm. Công cụ: Các video sinh viên tự quay. Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

- + Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CĐYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
---------------	----------

+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng được chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng
- Thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, phát huy tính tích cực của học sinh.
- Thực hành: Tại Labo
- Phân tích từng bước tiến hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5
- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lý thuyết 60 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Tâm lý người bệnh và thói quen dung thuốc.
- Kỹ năng giao tiếp và phong cách giao tiếp.
- Kỹ năng đặt câu hỏi.
- Quy trình và kỹ năng bán hàng dược phẩm (bán thuốc theo đơn và không theo đơn): là những kiến thức sát nhất đối với người học.

4. Tài liệu tham khảo:

- *Tài liệu giảng dạy*

Khoa Dược -YHCT, Trương Thị Cẩm Bình, (2025), *Bài giảng Kỹ năng giao tiếp bán hàng dược phẩm*, Lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo

1. Trường cao đẳng y tế Bạc Liêu (2021), *Giáo trình Marketing Dược Kỹ năng giao tiếp*
2. Trường cao đẳng Y tế Hà Nội (2021), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp bán hàng*
3. Thông tư 02/2018 TT-BYT của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (thông tư số 12/2020 TT-BYT sửa đổi 1 số điều Thông tư 02/2018 TT-BYT)
4. Thông tư 19/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu.
5. Thông tư 07/2017 TT-BYT của Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc không kê đơn.
6. Thông tư 26/2025/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 Quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

Mã số môn học: MH 32

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (trong đó Lý thuyết: 29 tiết; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Môn học Nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực các môn học chuyên ngành, được học ở học kì 5 của các ngành học cao đẳng chính quy, sau khi đã học xong các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành. Môn học có 2 tín chỉ bao gồm 29 tiết Lý thuyết.

2. Tính chất

Môn học Nghiên cứu khoa học cung cấp cách xây dựng các khối kiến thức về điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên giúp sinh viên hiểu cách tiếp cận “bằng chứng” trong việc thực hành dựa trên bằng chứng thông qua các hiểu biết về chuyên ngành, các khái niệm và lịch sử của thực hành dựa vào bằng chứng và những ảnh hưởng của chúng đến việc chăm sóc, dùng thuốc cho người bệnh. Sinh viên hiểu được bản chất của công việc chuyên ngành đang học, bản chất của kiến thức, các cách nghiên cứu các vấn đề trên cơ sở thực hành.

Môn học Nghiên cứu khoa học còn trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học, hiểu và tiếp cận nghiên cứu các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu hộ sinh/điều dưỡng/kỹ thuật viên/dược và nâng cao chăm sóc sức khoẻ nhân dân; biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học. Học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu một cách khoa học.

II. Mục tiêu môn học

1. Mục tiêu kiến thức

1.1. Mô tả được vai trò nghiên cứu hộ sinh/điều dưỡng/dược/kỹ thuật viên và nghiên cứu dựa vào bằng chứng.

1.2. Trình bày được các nội dung cơ bản của thực hành dựa vào bằng chứng

1.2. Trình bày được các nội dung cơ bản của một đề cương nghiên cứu khoa học

1.3. Mô tả được cách viết tên đề tài khoa học

1.5. Mô tả được cách xây dựng mục tiêu nghiên cứu khoa học

1.6. Trình bày được cách xác định lựa chọn đối tượng nghiên cứu

1.7. Mô tả được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học hiện nay

1.8. Trình bày được cách chọn mẫu, cỡ mẫu, xác định biến số trong nghiên cứu

1.9. Trình bày được cách xử lý và cách thu thập và trình bày số liệu nghiên cứu

1.10. Trình bày cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học

2. Mục tiêu kỹ năng

2.1. Phân biệt được nghiên cứu điều dưỡng/được/kỹ thuật viên và nghiên cứu dựa vào bằng chứng.

2.2. Xây dựng được các nội dung cơ bản của thực hành dựa vào bằng chứng

2.2. Xây dựng được nội dung cơ bản của một đề cương nghiên cứu khoa học

2.3. Viết được tên đề tài khoa học trong lĩnh vực y học

2.5. Viết được mục tiêu nghiên cứu khoa học cho đề tài cụ thể

2.6. Xác định được đối tượng nghiên cứu cho đề tài cụ thể

2.7. Lựa chọn và xác định được phương pháp nghiên cứu khoa học cho một đề tài cụ thể

2.8. Xác định được cách chọn mẫu, cỡ mẫu, xác định biến số trong nghiên cứu cho từng đề tài cụ thể

2.9. Xử lý sơ bộ, viết được bộ câu hỏi, bệnh án nghiên cứu

2.10. Viết một đề cương nghiên cứu khoa học cụ thể

2.11. Ứng dụng được nghiên cứu điều dưỡng trong thực hành chăm sóc người bệnh.

3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

3.1. Ứng xử tế nhị, không phán xét, không chỉ trích, có văn hóa thích hợp với mọi đối tượng phục vụ.

3.2. Phối hợp với đồng nghiệp, người bệnh trên tinh thần hợp tác. Cung cấp thông tin rõ ràng cho đồng nghiệp, người bệnh để họ có thể tiếp cận với các cơ sở hỗ trợ y tế khi mắc bệnh.

3.3. Tôn trọng sự riêng tư, văn hóa và phong tục của người người bệnh; không phân biệt tình trạng kinh tế, văn hóa xã hội, sắc tộc hoặc niềm tin, tín ngưỡng của họ. Đảm bảo tính bảo mật đối với tất cả các thông tin của người bệnh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

1.1. Lý thuyết và thực hành tại trường:

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Vai trò nghiên cứu điều dưỡng và thực hành dựa vào bằng chứng	2	2		
2	Nghiên cứu khoa học dựa vào bằng chứng	2	2		
3	Nội dung cơ bản của hoạt động nghiên cứu khoa học	6	4	2	
4	Chọn chủ đề và mục tiêu nghiên cứu	2	2		
5	Đối tượng và các phương pháp nghiên cứu khoa học	4	2	2	
6	Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin	3	2	1	
7	Phương pháp xử lý, phân tích và trình bày số liệu	4	2	2	
8	Cách viết đề cương nghiên cứu khoa học	6	1	5	
	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	30	17	12	1

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Vai trò nghiên cứu điều dưỡng và thực hành dựa vào bằng chứng 2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày định nghĩa về nghiên cứu khoa học
- 1.2. Nêu được vai trò nghiên cứu Điều dưỡng/Dược
- 1.3. Kể được các giải pháp tăng cường nghiên cứu Điều dưỡng/Dược
- 1.4. Trình bày được khái niệm và các đặc trưng của thực hành dựa vào bằng chứng.
- 1.5. Trình bày quy trình các bước và phương thức áp dụng thực hành dựa trên bằng chứng.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về nghiên cứu khoa học và nghiên cứu điều dưỡng/ dược

- 2.1.1. Nghiên cứu khoa học
- 2.1.2. Vai trò của nghiên cứu điều dưỡng/dược
- 2.1.3. Các giải pháp tăng cường nghiên cứu điều dưỡng/dược
- 2.1.4. Các loại hình nghiên cứu y học
- 2.1.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học
- 2.2. Đại cương về y học dựa trên bằng chứng
- 2.2.1. Khái niệm về thực hành y học dựa vào bằng chứng
- 2.2.2. Lý do thực hành y học dựa vào bằng chứng
- 2.2.3. Các đặc điểm của thực hành y học dựa vào bằng chứng
- 2.2.4. Quy trình thực hành dựa trên bằng chứng
- 2.2.5. Áp dụng thực hành y học dựa vào bằng chứng
- 2.2.6. Những khó khăn khi thực hiện thực hành y học dựa vào bằng chứng

Bài 2. Nghiên cứu khoa học dựa vào bằng chứng

2 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được hai phương pháp chính của lý luận trong NCKH
- 1.2. Mô tả được nội dung chăm sóc dựa trên bằng chứng
- 1.3. Kể được các bằng chứng y học xếp hạng theo giá trị của nó
- 1.4. Trình bày được các cách tiếp cận bằng chứng

2. Nội dung:

- 2.1. Tổng quan
 - 2.1.1. Phương pháp suy luận
 - 2.1.2. Phương pháp quy nạp
- 2.2. Chăm sóc dựa trên bằng chứng
- 2.3. Đặt ra một vấn đề thành từng thành tố của nó
- 2.4. Các loại chứng cứ, bằng chứng
- 2.5. Tiếp cận các bằng chứng
 - 2.5.1. Khi đánh giá các nghiên cứu định tính nên đặt ra các câu hỏi sau:
 - 2.5.2. Khi đánh giá các nghiên cứu định lượng các câu hỏi sau đây nên được
 - 2.5.3. Áp dụng bằng chứng
 - 2.5.4. Năm bước để tiến tới Hộ sinh dựa trên bằng chứng (Giáo sư Lesley

Page 2006:205)

Bài 3. Nội dung cơ bản của hoạt động nghiên cứu khoa học 6 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm đề tài khoa học, tên đề tài nghiên cứu khoa học
- 1.2. Trình bày được các giai đoạn của trình tự nghiên cứu khoa học

- 1.3. Trình bày các nội dung chính của báo cáo khoa học
- 1.4. Trình bày các nội dung cơ bản của một bản đề cương nghiên cứu

2. Nội dung:

- 2.1. Đề tài khoa học
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Phân loại đề tài:
- 2.2. Trình tự nghiên cứu khoa học
 - 2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị nghiên cứu:
 - 2.2.2. Giai đoạn triển khai nghiên cứu:
 - 2.2.3. Giai đoạn phân tích, xử lý số liệu và viết báo cáo:
 - 2.2.4. Giai đoạn nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu:
- 2.3. Viết báo cáo khoa học và công bố kết quả nghiên cứu
- 2.4. Đánh giá, nghiệm thu công trình khoa học
- 2.5. Đề cương nghiên cứu khoa học

Bài 4. Chọn chủ đề và mục tiêu nghiên cứu

2 giờ

1. Mục tiêu:

1. Trình bày được cách lựa chọn chủ đề nghiên cứu
2. Kể được 5 tiêu chuẩn của một mục tiêu tốt
3. Trình bày các nguyên tắc khi xây dựng mục tiêu

2. Nội dung:

- 2.1. Chọn chủ đề nghiên cứu
 - 2.1.1. Một số khái niệm
 - 2.1.2. Chọn chủ đề nghiên cứu và nghiên cứu ưu tiên
 - 2.1.3. Phân biệt nhiệm vụ khoa học và đề tài khoa học
 - 2.1.4. Viết tên đề tài khoa học
- 2.2. Mục tiêu nghiên cứu
 - 2.2.1. Khái niệm về mục tiêu và mục tiêu nghiên cứu
 - 2.2.2. Lý do phải xây dựng mục tiêu
 - 2.2.3. Tiêu chuẩn của một mục tiêu tốt
 - 2.2.4. Các nguyên tắc khi xây dựng mục tiêu nghiên cứu
 - 2.2.5. Một số dạng mục tiêu phổ biến cho đề tài nghiên cứu
 - 2.2.6. Câu hỏi nghiên cứu
 - 2.2.7. Câu hỏi nghiên cứu trong khung Logic

Bài 5. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được cách lựa chọn đối tượng nghiên cứu

1.2. Trình bày được định nghĩa, ưu điểm, nhược điểm của nghiên cứu bệnh chứng

1.3. Trình bày được định nghĩa, ưu điểm, nhược điểm của nghiên cứu thuần tập

1.4. Trình bày được định nghĩa, ưu điểm, nhược điểm của nghiên cứu can thiệp

2. Nội dung

2.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.1. Chọn đối tượng nghiên cứu

2.1.2. Địa điểm nghiên cứu

2.1.3. Đối tượng nghiên cứu

2.1.4. Tính số đối tượng nghiên cứu

2.2. Các phương pháp nghiên cứu

2.2.2. Chiến lược thiết kế cho các nghiên cứu dịch tễ học phân tích

2.3. Yêu cầu của các thiết kế nghiên cứu

2.3.1. Tính giá trị của nghiên cứu

2.3.2. Các loại sai số

2.3.3. Độ tin cậy của nghiên cứu

2.4. Lựa chọn thiết kế nghiên cứu

2.5. Các biến số và chỉ số nghiên cứu

2.5.1. Tầm quan trọng của biến số

2.5.2. Phân loại biến số

2.5.3. Tầm quan trọng của phân loại biến số

2.5.4. Cách xác định biến số/ chỉ số nghiên cứu

Bài 6. Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin 3 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các kỹ thuật thu thập thông tin cơ bản trong một nghiên cứu sức khỏe.

1.2. Trình bày được các nguyên tắc xây dựng bộ câu hỏi.

1.3. Trình bày được các loại câu hỏi thường dùng trong thu thập thông tin

1.4. Trình bày được nguyên tắc và phương pháp xây dựng bảng kiểm.

1.5. Trình bày được cách biên soạn bệnh án nghiên cứu.

2. Nội dung

2.1. Các kỹ thuật thu thập thông tin

2.1.1. Một số khái niệm

2.1.2. Một số kỹ thuật thu thập thông tin

2.2. Bộ câu hỏi nghiên cứu

- 2.2.1. Nguyên tắc xây dựng bộ câu hỏi
- 2.2.2. Các loại câu hỏi
- 2.2.3. Cấu trúc của bộ câu hỏi
- 2.2.4. Kiểm tra tính sát hợp của bộ câu hỏi đã soạn thảo để hoàn thiện lần cuối
- 2.2.5. Ví dụ minh họa bộ câu hỏi
- 2.3. Bảng kiểm
 - 2.3.1. Nguyên tắc và phương pháp xây dựng bảng kiểm
 - 2.3.2. Kiểm tra tính sát hợp của bảng kiểm
- 2.4. Bệnh án nghiên cứu
 - 2.4.1. Sự khác nhau giữa bệnh án trong bệnh phòng và bệnh án nghiên cứu
 - 2.4.2. Biên soạn bệnh án nghiên cứu
 - 2.4.3. Cấu trúc chung của bệnh án nghiên cứu

Bài 7. Phương pháp xử lý, phân tích, trình bày số liệu 4 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được một số khái niệm về số liệu thường gặp trong khi xử lý số liệu.
- 1.2. Trình bày được mục đích và các bước xử lý số liệu.
- 1.3. Trình bày được nguyên tắc và các bước phân tích số liệu.
- 1.4. Vận dụng được cách trình bày kết quả nghiên cứu vào thực hành nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Nhắc lại các bước trong lập kế hoạch và tiến hành một nghiên cứu
 - 2.1.2. Nhắc lại các loại biến số nghiên cứu
 - 2.1.3. Một số khái niệm
- 2.2. Xử lý số liệu
 - 2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2. Các bước xử lý số liệu
- 2.3. Phân tích số liệu
 - 2.3.2. Các bước phân tích số liệu
 - 2.3.3. Xác định phương pháp phân tích số liệu:
- 2.4. Trình bày kết quả nghiên cứu
 - 2.4.1. Trình bày bằng các bảng, biểu đồ
 - 2.4.2. Một số loại biểu đồ và chức năng của chúng
- 2.5. Tổng hợp các loại biểu đồ

Bài 8. Cách viết đề cương nghiên cứu khoa học

6 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được định nghĩa, mục đích của đề cương nghiên cứu khoa học.

1.2. Trình bày được nội dung và cách trình bày một bản đề cương NCKH.

1.3. Trình bày được những yêu cầu về hình thức của một bản đề cương NCKH.

1.4. Trình bày được các tiêu chuẩn của một đề cương nghiên cứu tốt.

2. Nội dung:

2.1. Mở đầu

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Mục đích của đề cương NCKH

2.2. Nội dung và cách trình bày đề cương nghiên cứu

2.2.1. Nội dung

2.2.2. Cách trình bày một bản đề cương

2.3. Những yêu cầu về hình thức

2.3.1. Bố cục

2.3.2. Văn phong

2.3.3. Soạn thảo văn bản

2.4. Tiêu chuẩn của một đề cương nghiên cứu tốt

2.4.1. Về chất lượng chung của nghiên cứu

2.4.2. Về các phần cụ thể của đề cương

2.4.3. Chất lượng trình bày đề cương nghiên cứu

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy tính, bảng, phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, tạp chí nghiên cứu khoa học, bảng kiểm, đề tài, đề cương, bài giảng Power Point.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, lồng ghép đánh giá kỹ năng trong quá trình thực hành đề tài khoa học.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:
 - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
 - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

2.1. Cách đánh giá

Áp dụng quy chế đào tạo cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ	40%
+ Điểm thi kết thúc học phần	60%

Điểm thi kết thúc môn học $\geq 4,0$ được công nhận là đạt.

2.2. Phương pháp đánh giá

- **Kiểm tra thường xuyên:** 1 điểm kiểm tra thường xuyên,
- **Kiểm tra định kỳ:** 1 điểm kiểm tra định kỳ
 - + Hình thức: Kiểm tra viết
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến
 - + Thời gian: 45 phút
- **Thi kết thúc học phần lý thuyết:** 1 điểm
 - + Hình thức: Thi viết hoặc trắc nghiệm khách quan
 - + Công cụ: Câu hỏi truyền thống cải tiến hoặc bộ câu hỏi trắc nghiệm
 - + Thời gian: 90 phút đối với tự luận, 45 phút đối với trắc nghiệm khách quan.

2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định tại Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Cao đẳng

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên:

*** Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, thảo luận.

2.2. Đối với người học:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi học sinh vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu học sinh vắng >20% số tiết lý thuyết phải học bù cho đủ trước khi được tham dự thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 sinh viên sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết. Mỗi sinh viên sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ hai bài kiểm tra thường xuyên, định kì

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Cách viết đề cương nghiên cứu khoa học

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy

Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh, Trần Chiến Thắng (2025); *Giáo trình Thực hành nghiên cứu khoa học*; Sách lưu hành nội bộ.

- Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2018). *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*.
2. Ngoài các tài liệu trên, sinh viên có thể tra cứu tài liệu trên các trang web y học trong nước và quốc tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KỸ THUẬT CHẾ BIẾN VÀ BẢO CHẾ THUỐC CỔ TRUYỀN

Mã môn học: MH33

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Sau các môn học chuyên ngành tự chọn được bố trí ở học kì V

2. Tính chất:

+ Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên cao đẳng được nắm được: Tính năng và tác dụng chung của các vị thuốc, phương pháp bào chế theo phương pháp y học cổ truyền.

+ Tác dụng, ứng dụng lâm sàng một số vị thuốc có tác dụng chữa bệnh tốt và thường dùng.

+ Cách cấu tạo và sự biến hóa của từng vị thuốc, các dạng thuốc sau khi điều chế bằng phương pháp y học cổ truyền.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức: Sinh viên phải trình bày được:

1.1. Trình bày được khái niệm, mục đích và các phụ liệu chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.

1.2. Trình bày được các giai đoạn sơ chế, phức chế dược liệu để điều chế thuốc theo phương pháp cổ truyền.

1.3. Trình bày được cách Chế biến một số vị thuốc theo phương pháp cổ truyền

2. Về kỹ năng:

2.1. Sinh viên có kỹ năng tốt để tiến hành chế biến bào chế được các vị thuốc y học cổ truyền thông thường.

2.2. Kỹ năng về hướng dẫn sử dụng thuốc y học cổ truyền.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

3.1 Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập cũng như trong hoạt động nghề nghiệp.

3.2 Thể hiện ý thức của người tham gia hoạt động trong lĩnh vực y tế nói chung và lĩnh vực dược nói riêng

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương chế biến thuốc cổ truyền.	8	8		
2	Chương 2: Chế biến một số vị thuốc theo phương pháp cổ truyền.	35	8	27	
3	Chương III: Bào chế các dạng thuốc có thể chất rắn.	7	7		
	Chương IV: Bào chế các dạng thuốc có thể chất lỏng	6	6		
		4			4
	TỔNG	60	29	27	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương chế biến thuốc cổ truyền Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chương này sinh viên phải trình bày được:

- 1.1. Trình bày được một số khái niệm về thuốc trong đông y.
- 1.2. Trình bày mục đích của việc chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.
- 1.3. Trình bày các phương pháp chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.
- 1.4. Trình bày một số phụ liệu được dùng để chế biến thuốc theo phương pháp y học cổ truyền.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm.

2.2. Một số khái niệm về thuốc trong đông y.

2.2.1. Thuyết "Thiên - nhiên hợp nhất"

2.2.2. Thuyết âm - dương

2.2.3. Thuyết ngũ hành

2.3. Mục đích việc chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.

2.3.1. Tạo ra tác dụng trị bệnh mới

2.3.2. Tăng hiệu lực trị bệnh

2.3.3. Giảm tác dụng không mong muốn - tăng độ an toàn của vị thuốc

2.3.4. Ổn định tác dụng của thuốc, bảo quản thuốc

2.3.5. Làm sạch thuốc:

2.3.6. Thay đổi dạng dùng:

2.4. Các phụ liệu dùng trong chế biến

2.4.1. Cám gạo

2.4.2. Gạo

2.4.3. Nước vo gạo

2.4.4. Giấm

2.4.5. Rượu (tửu)

2.4.6. Dầu vừng

2.4.7. Dịch sinh khương (dịch nước gừng)

2.4.8. Mật ong

2.4.9. Bột vãn cáp (bột vỏ hào, hến) hoặc hoạt thạch

2.4.10. Nước muối

2.4.11. Phèn chua (muối kép của nhôm)

2.4.12. Vôi tôi

2.4.13. Lưu huỳnh (Diêm sinh)

2.4.14. Cát

2.4.15. Đất

2.4.16. Dịch thuốc

2.4.17. Dịch cam thảo

2.4.18. Dịch Đậu đen

2.4.19. Đậu xanh

2.4.20. Đồng tiện

2.4.21. Sữa

2.4.22. Bò kết (quả)

2.5. Phương pháp chế biến các vị thuốc cổ truyền.

2.5.1. Giai đoạn Sơ chế.

2.5.2. giai đoạn Phức chế

Chương 2: Chế biến một số vị thuốc theo phương pháp cổ truyền.

Thời gian: 35 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chương này sinh viên phải trình bày được:

1.1. Trình bày được các phương pháp chế biến một số vị thuốc theo phương pháp cổ truyền.

1.2.Trình bày mục đích chế biến các vị thuốc đó.

2. Nội dung

2.1. Phụ tử (Radix Aconitin)

2.2. Mã tiền (Semen Strychni)

2.3. Sinh địa, thực địa (Radix Rehmanniae)

2.4. Hà Thủ ô (Radix Fallopiae multiflrae)

2.5. Bán hạ (Rhizoma Typhonii trilobati, RhizomaPinellia)

2.6. Hương Phụ (Rhizoma Cyperi)

2.7. Thảo quyết minh (Semen Cassiae torae)

2.8. Long nhãn (Arillus Longanae)

2.9. Quế nhục (Cortex Cinnamomi)

2.10. Táo nhân (Semen Zizyphi jujubae)

2.11. Hoài sơn (Radix Dioscoreae)

2.12. Cúc hoa (Flos Chrysanthmi)

2.13. Đạm đậu sị (Semen Vignae)

Chương III: Bào chế các dạng thuốc có thể chất rắn

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chương này sinh viên phải trình bày được:

1.1.Nhận biết được các thành phần của phương thuốc cổ truyền.

1.2.Trình bày được định nghĩa, ưu nhược điểm, thành phần và các phương pháp bào chế một số dạng thuốc có thể chất rắn: Thuốc thang, chè thuốc, thuốc hoàn.

2. Nội dung

2.1. Phương pháp nhận biết và cách sử dụng phương thuốc cổ truyền

2.1.1. Các bước tiến hành

2.1.1.1. Đọc kỹ phương thuốc

2.1.1.2. Đưa các vị thuốc trong phương về các nhóm phân loại của thuốc cổ truyền

2.1.1.3. Nêu tính vị quy kinh, công năng và chủ trị của mỗi vị thuốc

2.1.1.4. Tiến hành xác định các thành phần trong phương thuốc (cấu trúc phương thuốc)

2.2. Thuốc thang

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Đặc điểm

2.2.3. Cấu tạo

2.2.4. Liều lượng của thuốc thang

2.2.5. Cách bảo quản thuốc chín trước khi hợp thang

2.2.6. Cân đong thuốc thang

2.2.7. Cách bào chế thuốc thang

2.3. Chè thuốc (Thuốc hãm)

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Ưu nhược điểm

2.3.3. Kỹ thuật bào chế

2.3.4. Kiểm soát, cách dùng

2.3.5. Một số ví dụ

2.4. Thuốc hoàn (Thuốc viên tròn)

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Phân loại

2.4.3. Ưu nhược điểm

2.4.4. Kỹ thuật bào chế

Chương IV: Bào chế các dạng thuốc có thể chất lỏng

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chương này sinh viên phải trình bày được:

1.1 Trình bày được định nghĩa, ưu nhược điểm, thành phần của một số dạng thuốc lỏng: thuốc dầu và thuốc cao dán.

1.2. Trình bày được các phương pháp bào chế một số dạng thuốc có thể chất lỏng: Thuốc dầu, thuốc cao dán.

2. Nội dung

2.1. Thuốc dầu

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Đặc điểm

2.1.3. Thành phần

2.1.4. Điều chế thuốc dầu

2.1.5. Một số ví dụ

2.2. Thuốc cao dán

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Ưu nhược điểm

2.2.3. Yêu cầu chất lượng

2.2.4. Thành phần: dược chất và tá dược

2.2.5. Kỹ thuật bào chế

2.2.6. Một số ví dụ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học lí thuyết và phòng thực hành bào chế thuốc theo y học cổ truyền

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, Projector, máy sấy, tủ lạnh, bếp ga, dao cầu, bình ngâm kiệt

3. Học liệu, dụng cụ: giáo trình kĩ thuật bào chế thuốc theo Y học cổ truyền, tài liệu phát tay, các dụng cụ thực hành: phù hợp với nội dung của các bài thực hành. (bếp ga, chảo gang, thuyền tán, bình ngâm lạnh rổ, rá, giá đựng...). Hoài sơn, Ngưu tất. Cúc hoa, Quế nhục, Hạnh nhân, Thảo quyết minh, Mã tiền, Phụ tử

4. Các điều kiện khác: Bảo đảm an toàn vệ sinh, môi trường trong quá trình thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

+ Khái niệm, mục đích và các phụ liệu chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.

+ Các giai đoạn sơ chế, phức chế dược liệu để điều chế thuốc theo phương pháp cổ truyền.

+ Chế biến một số vị thuốc theo phương pháp cổ truyền

- Về kỹ năng:

+ Xây dựng được quy trình sơ chế các dược liệu cụ thể theo phương pháp y học cổ truyền.

+ Xây dựng được quy trình phức chế các dược liệu cụ thể thành vị thuốc theo phương pháp y học cổ truyền.

+ Tiến hành chế biến bào chế được các vị thuốc y học cổ truyền thông thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập cũng như trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

+ 01 điểm số lí thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lí thuyết

+ 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 01 điểm số lí thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: Bộc thăm đánh giá kỹ năng tại phòng thực hành.
Công cụ: Bảng kiểm các quy trình thực hành. Thời gian: 60 phút

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng được chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Tổ chức dạy/học tại phòng

- Thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, phát huy tính tích cực của học sinh.

- Thực hành: Tại Labo

- Phân tích từng bước tiến hành, làm mẫu, cầm tay chỉ việc

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học

- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học

- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.

- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5

- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5

- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lí thuyết 90 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Mục đích và các phụ liệu chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.
- Các giai đoạn sơ chế, phức chế dược liệu để điều chế thuốc theo phương pháp cổ truyền.
- Chế biến được một số vị thuốc theo phương pháp cổ truyền.

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy:

Khoa Dược – YHCT, Trương Thị Cẩm Bình (2025), *Giáo trình Kỹ thuật Chế biến và bào chế thuốc cổ truyền*, lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo

1. Phạm Xuân Sinh (2006), *Dược học cổ truyền*, NXB Y học.
2. Nguyễn Nhược Kim (2005), *Bào chế đông dược*, NXB Y học.
3. Bộ Y tế (2024) Thông tư 14 – 2024 -TT-BYT, hướng dẫn phương pháp chế biến dược liệu và vị thuốc cổ truyền
4. Gs.Bs.Trần Văn Kỳ (tái bản 2022), “*Dược học cổ truyền toàn tập*, NXB Đà Nẵng

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: SINH DƯỢC HỌC MỘT SỐ DẠNG THUỐC HIỆN ĐẠI

Mã môn học: MH34

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thảo luận, bài tập: 27 giờ; kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học chuyên ngành tự chọn này được bố trí học vào học kì V. Sau khi đã học xong các môn chuyên ngành Bào chế, Hóa dược, Dược lý, Dược lâm sàng, Marketing Dược, Tổ chức – pháp chế dược

2. Tính chất: Là môn học chuyên ngành tự chọn bao gồm lý thuyết và bài tập. Giúp học sinh có những kiến thức cơ bản về đánh giá sinh khả dụng của một số dạng thuốc hiện đại, một số kiến thức về tương kỵ trong bào chế.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

- 1.1. Trình bày được cách đánh giá và ý nghĩa sinh khả dụng của thuốc
- 1.2. Trình bày được thành phần, phân loại, quá trình sinh dược học của dạng thuốc
- 1.3. Trình bày được đặc điểm của đường dùng thuốc và các dạng thuốc hay dùng
- 1.4. Trình bày được nguyên tắc khắc phục tương kỵ, tương tác trong bào chế - sản xuất thuốc

2. Về kỹ năng:

- 2.1. Phân tích được quá trình sinh dược học của dạng thuốc và đường dùng thuốc
- 2.2. Thực hiện được cách đánh giá sinh khả dụng của một số dạng thuốc hiện đại
- 2.1. Giải quyết được các tương kỵ thường gặp trong một số công thức bào chế thuốc thông thường

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, nghiêm túc và trung thực trong học tập và trong hoạt động nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quan và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)				
		Tổng số	Lí thuyết	Thảo luận, bài tập	Kiểm tra	
1	Chương 1: Đại cương về sinh khả dụng	21	12	9		
2	Chương 2: Dạng thuốc và đường dùng	21	9	12		
3	Chương 3: Tương kị trong bào chế	14	8	6		
4	Tổng	60	29	27	4	

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Đại cương về sinh khả dụng thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1.1 Trình bày được các khái niệm hay dùng trong sinh dược học: Sinh dược học, sinh khả dụng, tương đương

1.2. Trình bày được cách đánh giá và ý nghĩa của sinh khả dụng

1.3. Trình bày được các yếu tố thuộc về dược chất ảnh hưởng đến sinh khả dụng

1.4. Trình bày được các yếu tố thuộc về người dùng thuốc ảnh hưởng đến sinh khả dụng

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm hay dùng

2.1.1. Khái niệm về sinh dược học

2.1.2. Khái niệm về sinh khả dụng

2.1.3. Khái niệm về tương đương

2.2. Cách đánh giá sinh khả dụng, ý nghĩa trong bào chế và hướng dẫn sử dụng thuốc

2.2.1. Sinh khả dụng in vitro

2.2.2. Sinh khả dụng in vivo và vấn đề tương đương sinh học

- 2.2.3. Tương quan giữa sinh khả dụng in vivo và in vitro
- 2.3. Các yếu tố thuộc về dược chất ảnh hưởng đến sinh khả dụng
 - 2.3.1. Thuộc tính lý hóa của dược chất
 - 2.3.2. Đặc tính hấp thu của dược chất và những biến đổi hóa học cần thiết
- 2.4. Các yếu tố thuộc về người dùng thuốc ảnh hưởng đến sinh khả dụng
 - 2.4.1. Các yếu tố sinh lý
 - 2.4.2. Các yếu tố bệnh lý
 - 2.4.3. Đường dùng

Chương 2: Dạng thuốc và đường dùng thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khái niệm chung về các dạng thuốc: thành phần, phân loại, quá trình sinh dược học
- 1.2. Trình bày được đặc điểm của đường dùng thuốc và các dạng thuốc hay dùng

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về dạng thuốc
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Thành phần
 - 2.1.3. Phân loại
 - 2.1.4. Quá trình sinh dược học của dạng thuốc và các yếu tố ảnh hưởng đến sinh khả dụng
- 2.2. Đường dùng và cách lựa chọn thuốc
 - 2.2.1. Vai trò của đường dùng
 - 2.2.2. Đưa thuốc theo đường tiêu hóa
 - 2.2.3. Đưa thuốc đến mắt
 - 2.2.4. Đưa thuốc theo đường hô hấp
 - 2.2.5. Đưa thuốc theo đường phụ khoa
 - 2.2.6. Đưa thuốc theo đường da
 - 2.2.7. Đưa thuốc theo đường tiêm
 - 2.2.8. Pha chế thuốc dùng ngay

Chương 3: Tương kỵ trong bào chế Thời gian: 8 tiết

1. Mục tiêu

- 1.1. Phân loại các tương kỵ thường gặp trong kỹ thuật bào chế các dạng thuốc
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc khắc phục tương kỵ, tương tác trong khi bào chế - sản xuất các dạng thuốc

1.3. Phân tích được các tương kỵ thường gặp trong công thức bào chế một số dạng thuốc thông thường

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.1.1. Tương tác, tương kỵ

2.1.2. Nguyên nhân

2.1.3. Kết quả tương tác, tương kỵ

2.1.4. Các loại tương kỵ thường gặp

2.2. Một số nguyên tắc và biện pháp hay được áp dụng để khắc phục trong bào chế

2.3. Một số tương tác, tương kỵ thường gặp trong bào chế

2.3.1. Tương kỵ vật lý

2.3.2. Tương kỵ hóa học

2.4. Một số tương kỵ và tương tác giữa tá dược với tá dược, giữa tá dược với dược chất trong kỹ thuật bào chế các dạng thuốc

2.4.1. Chất bảo quản dùng cho các dạng thuốc

2.4.2. Một số tá dược dùng cho viên nén, viên nang.

PHẦN BÀI TẬP, THẢO LUẬN

Bài số 1: Xác định các thuốc tương đương Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được các khái niệm về tương đương bào chế, thể phẩm bào chế, tương đương sinh học.

1.2. Xác định được một số thuốc tương đương bào chế có trên thị trường

1.3. Xác định được một số thuốc thể phẩm bào chế có trên thị trường.

2.. Nội dung

Tìm các thuốc tương đương bào chế và thể phẩm bào chế thuộc các nhóm sau:

- Thuốc tim mạch
- Thuốc kháng sinh
- Thuốc NSAD
- Thuốc Glucocorticoid
- Thuốc Vitamin
- Thuốc tiêu hóa.....

Bài 2: Tìm hiểu một số dạng thuốc quy ước và hiện đại Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được đặc điểm của đường dùng thuốc và các dạng thuốc hay dùng.

1.2. Hoàn thành và thuyết trình được bài Cemina về đặc điểm của các thuốc thuộc đường dùng thuốc của nhóm mình.

2.. Nội dung

Chủ đề tìm hiểu:

1. Dạng thuốc tại khoang miệng
2. Dạng thuốc ở dạ dày
3. Dạng thuốc tác dụng ở ruột non
4. Dạng thuốc tại đại tràng
5. Dạng thuốc tại mắt
6. Dạng thuốc dùng qua đường hô hấp
7. Dạng thuốc dùng tại âm đạo
8. Dạng thuốc dùng trên da

- Từng nhóm báo cáo bài Cemina tìm hiểu về các dạng thuốc đã được phân công.

- Trả lời các câu hỏi của nhóm khác và giảng viên đặt ra

Lưu ý: Bài Cemina được thực hiện trên Powerpoint

Bài 3: Giải quyết các tương kỵ trong một số công thức bào chế thuốc

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được nguyên tắc khắc phục tương kỵ, tương tác trong bào chế thuốc

1.2. Xử lý được các tương kỵ thường gặp trong bào chế một số dạng thuốc.

2. Nội dung

2.1. Xác định các tương kỵ xảy ra và nêu cách khắc phục tương kỵ trong một số công thức bào chế thường gặp.

2.2. Trình bày cách pha chế các công thức bào chế ở nội dung 1

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, bảng, phấn.
3. Học liệu, dụng cụ : Giáo trình, bài giảng, tài liệu phát tay, máy tính tìm tài liệu và soạn bài trình chiếu bài tập nhóm
4. Các điều kiện khác: máy tính có kết nối mạng internet

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- **Kiến thức:**

Hệ thống kiến thức cơ bản đã học của môn Sinh dược học một số dạng thuốc hiện đại gồm

- + Đại cương về sinh khả dụng của thuốc, cách đánh giá sinh khả dụng
- + Các yếu tố thuộc về dược chất và người bệnh ảnh hưởng đến sinh khả dụng

dụng

- + Quá trình sinh dược học của dạng thuốc và đường dùng thuốc

- **Kỹ năng**

- + Xác định các thuốc tương đương
- + Tìm hiểu sinh dược học của một số dạng thuốc hiện đại
- + Giải quyết các tương kỵ thường gặp trong một số công thức bào chế thuốc

thông thường

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

Đánh giá tác phong chính xác, trung thực trong quá trình học

2. Phương pháp đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tích lũy môn học như sau:

- Kiểm tra thường xuyên:

- + 01 điểm số lý thuyết: kiểm tra tự luận và thảo luận ở phần lý thuyết
- + 01 điểm số thực hành: Trung bình chung điểm đánh giá sản phẩm sau

mỗi buổi thực hành.

- Kiểm tra định kỳ

+ 01 điểm số lý thuyết: kiểm tra trắc nghiệm trên giấy. Công cụ: bộ câu hỏi trắc nghiệm. Thời gian: 40 phút

+ 01 điểm số thực hành: 01 điểm số thực hành: Điểm báo cáo Cemina chiếm 60% + điểm kiểm tra trên giấy chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học:

+ Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm

+ Thời gian: 40 phút

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

Điểm điểm thi kết thúc môn học và trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng dược chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, dụng cụ, nguyên liệu phục vụ giảng dạy môn học
- Gửi đề cương chi tiết cho sinh viên trước khi giảng dạy môn học
- Giảng dạy toàn bộ nội dung theo đề cương chi tiết đã học

2.2. Đối với người học: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của giáo viên, giảng viên; chuẩn bị tốt bài trước khi lên lớp.

- Tham dự tối thiểu 80% số giờ học lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả.
- Điểm kiểm tra định kì thực hành trên ≥ 5
- Điểm trung bình chung các bài kiểm tra định kì thường xuyên ≥ 5
- Điểm thi kết thúc môn học ≥ 4
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra
- Thực hiện giờ tự học tự nghiên cứu: Lý thuyết 90 giờ, thực hành: 15 giờ

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Tài liệu giảng dạy:

Khoa Dược – YHCT (2025), *Giáo trình Sinh dược học một số dạng thuốc hiện đại*, lưu hành nội bộ

- Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y Tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y học
2. Đại học y dược – Đại học Thái Nguyên (2020), *Bào chế và Sinh dược học tập I,II*, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên
3. Đại học Dược HN, bộ môn Bào chế, Pgs.Ts Nguyễn Đăng Hòa, Gs.Ts Phạm Thị Minh Huệ (2025), *Bào chế và Sinh dược học tập I,II*, Nhà xuất bản Y học
4. Alexander T Florence (2010) - *An Intrduction to Clinical Pharmaceutics- Pharmaceutical Press*
5. Herman J. Woerdenbag and Hendrick w. Frijlink (2010)- *Biopharmacy, Dosage forms and Rouies of Administration-Groningen University*

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: TIẾNG ANH II

Mã số môn học: MH35

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ, trong đó Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 36 giờ; Kiểm tra: 03 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí

Là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn Tiếng Anh II bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

1.1. Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ.

1.2. Nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.2. Kỹ năng nói: Đưa ra và hỏi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.3. Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

2.4. Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.1. Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

3.2. Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
2	Bài 2: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
3	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	2	1		1
4	Bài 3: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
5	Bài 4: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
6	Bài 5: Công nghệ (Technology)	9	3	6	
7	Bài 6: Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
8	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
	Tổng cộng	60	21	36	3

2. Nội dung chi tiết môn học

Bài 1. Các hoạt động hàng ngày (Activities)

9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 1.3. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 1.4. Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- 1.5. Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: A letter;
- 2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. Sở thích (Hobbies and Interests) 9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go** và **do**;
- 1.2. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- 1.3. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- 1.4. Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

- 2.1. Từ vựng (Vocabulary)
 - 2.1.1. Sở thích;
 - 2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.
- 2.2. Ngữ pháp (Grammar)
 - 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
 - 2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;
 - 2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.
- 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
 - 2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
 - 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.
- 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)
 - 2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
 - 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.
- 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
 - 2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;
 - 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.
- 2.6. Kỹ năng viết (Writing)
 - Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 3. Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)

9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- 1.3. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 1.4. Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

- 2.1. Từ vựng (Vocabulary)
 - 2.1.1. Lễ hội;
 - 2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.
- 2.2. Ngữ pháp (Grammar)
 - 2.2.1. Cấu trúc Will và going to;
 - 2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.
- 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)
 - 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 4. Ngoại hình và tính cách (Apperance and personality) 9 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;

1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

1.3. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

1.4. Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;

1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My travel page;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 5. Công nghệ (Technology)

9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- 1.3. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- 1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 6. Mua sắm (Shopping)

9 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- 1.2. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

- 1.3. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- 1.4. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- 1.5. Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn theo quy định
2. Trang thiết bị dạy học: Projector, máy tính, bảng, phấn
3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập, Flash card, Videos, bài giảng Power Point.
4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.
- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.

+ Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.

+ Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

+ Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, sinh viên cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

2. Phương pháp:

Sinh viên được đánh giá môn học như sau:

- **Kiểm tra thường xuyên:** 02 điểm kiểm tra 15 phút

- **Kiểm tra định kỳ:** 03 điểm kiểm tra

+ Hình thức: Kiểm tra trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 45 phút

- **Thi kết thúc môn học: 1 điểm**

+ Hình thức: Thi trắc nghiệm khách quan

+ Công cụ: Bộ câu hỏi trắc nghiệm khách quan

+ Thời gian: 40 phút.

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) lấy đến phần nguyên.

- Điểm tích lũy môn học áp dụng Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-CDYT ngày 19/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kì (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc học phần lý thuyết	60%

Điểm thi kết thúc môn học và điểm trung bình chung môn học ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng chính quy

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

2.1. Đối với giảng viên

*** Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống...

*** Thảo luận:** Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung yêu cầu.

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi sinh viên vào học học phần này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc học phần lý thuyết khi đủ điều kiện, có điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ $\geq 5,0$.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Trọng tâm tập trung vào kiến thức và kỹ năng các bài học

4. Tài liệu dạy học và tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 04/2022/TT- TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô – đun hoặc tín chỉ.

5. Raymond Murphy (2019), *Grammar In Use*, Cambridge University Press.

6. Liz and John Soars (2015), *New Headway Fourth Edition*, Oxford University Press.

7. Tim Falla and Paul A. Davies, *Solutions Elementary* (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: THỰC TẾ NGÀNH

Thời gian thực hiện môn học: 8 tín chỉ (360 tiết thực tế ở các cơ sở)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: sinh viên năm 3 sau khi hoàn thành tất cả các học phần/Môn học thuộc chương trình giáo dục quy định với kết quả học tập đạt yêu cầu trở lên.

2. Tính chất: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên tiếp cận và hiểu rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của ngành Dược trong lĩnh vực quản lý và cung ứng thuốc phục vụ sức khỏe nhân dân. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể đáp ứng được yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình sau khi tốt nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

1.1. Hoàn thiện kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành trước khi thi tốt nghiệp.

1.2. Bổ sung thêm kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động nghề Dược

2. Về kỹ năng:

Đáp ứng được yêu cầu trong việc thực hiện nhiệm vụ của một Dược sĩ trình độ cao đẳng theo chức danh và ngạch công chức đã quy định sau khi tốt nghiệp

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Hình thành được đức tính cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Số giờ	Phân bổ thời gian		Kiểm tra
			LT	TH	
1	Thực tập về quản lý nhà nước tại Phòng nghiệp vụ Dược - Sở Y tế	90	0	90	

2	Thực hành tại Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm tỉnh	90	0	90	
3	Thực tập tại các Công ty, các Doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh Dược phẩm, các Nhà thuốc/Nhà thuốc Thực hành	90	0	90	
4	Thực tập tại Khoa Dược bệnh viện từ Huyện, Thị xã, Thành phố, Tỉnh	90	0	90	
	Tổng cộng	360	0	360	

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

Bài 1: Thực tập về quản lý nhà nước tại Phòng nghiệp vụ Dược - Sở Y tế

Thời gian 90 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được mô hình tổ chức ngành y tế, mô hình tổ chức lĩnh vực Dược của Tỉnh Hà Tĩnh

2. Nội dung

2.1. Ghi chép mô hình tổ chức của Hệ thống Y tế địa phương và chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Sở y tế Hà Tĩnh.

2.2. Phòng Nghiệp vụ Dược.

2.2.1. Trình bày chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Phòng Quản lý Dược.

2.2.2. Nghe giới thiệu về hoạt động các lĩnh vực Dược trong tỉnh Hà Tĩnh, đặc biệt là các hoạt động đảm bảo chất lượng thuốc, hoạt động của các Doanh nghiệp Dược.

2.2.3. Ghi chép về các văn bản quy phạm pháp luật y tế và dược đang có hiệu lực.

2.2.4. Ghi chép về nhiệm vụ cụ thể của Dược sỹ Cao đẳng theo quy định của Sở Y tế.

Bài 2: Thực hành tại Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm tỉnh

Thời gian 90 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Trung tâm Kiểm nghiệm và nhiệm vụ cụ thể của Dược sỹ Cao đẳng tại Trung tâm.

2. Nội dung

2.1. Trình bày mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm.

2.2. Năng lực hoạt động của trung tâm: Ghi chép cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị, kỹ thuật, công nghệ.

2.3. Các hoạt động cụ thể của trung tâm:

2.3.1. Ghi chép về tiêu chuẩn Thực hành kiểm nghiệm thuốc đang thực hiện tại Trung tâm.

2.3.2. Ghi chép kỹ thuật lấy mẫu kiểm nghiệm.

2.3.3. Tham gia phụ giúp về xử lý mẫu, chế hóa mẫu.

2.3.4. Kiến tập về kỹ thuật kiểm nghiệm một mẫu thuốc.

2.3.5. Nghe hướng dẫn về xử lý kết quả kiểm nghiệm mẫu thuốc đã được kiến tập.

2.3.6. Nghe hướng dẫn về cách ghi kết quả trên Phiếu kiểm nghiệm.

2.3.7. Ghi chép về các loại biểu mẫu, sổ sách của các bộ phận của Trung tâm.

Bài 3: Thực tập tại các Công ty, các Doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh Dược phẩm, các Nhà thuốc/Nhà thuốc Thực hành

Thời gian 90 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Công ty.

1.2. Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của kho thuốc và nhiệm vụ cụ thể của Dược sỹ Cao đẳng trong hoạt động tồn trữ, bảo quản thuốc.

1.3. Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh của Nhà thuốc và nhiệm vụ của Dược sỹ Cao đẳng tại nhà thuốc.

2. Nội dung

2.1. Tại Văn phòng Công ty và xưởng sản xuất của công ty

2.1.1. Ghi chép về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Công ty.

2.1.2. Ghi chép nhiệm vụ cụ thể của Dược sỹ Cao đẳng làm sản xuất, kinh doanh.

2.1.3. Nghe giới thiệu về kế hoạch sản xuất, cung ứng thuốc của Công ty.

2.1.4. Nghe giới thiệu về việc triển khai thực hiện GMP, GSP, GLP, GDP và GPP tại Công ty.

2.1.5. Ghi chép về quy trình kỹ thuật sản xuất thuốc của Công ty.

2.2. Tại Kho thuốc Công ty

2.2.1. Ghi chép được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của kho thuốc và nhiệm vụ cụ thể của Dược sỹ Cao đẳng trong hoạt động tồn trữ, bảo quản thuốc.

2.2.2. Nghe giới thiệu về tiêu chuẩn Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP).

2.2.3. Nghe giới thiệu về kỹ thuật bảo quản thuốc và dụng cụ y tế (công tác kho vận).

2.2.4. Nghe giới thiệu về niêm yết giá bán buôn thuốc và dụng cụ y tế.

2.2.4. Ghi chép thống kê các loại nguyên liệu, thành phẩm thuốc và dụng cụ y tế có trong kho.

2.2.6. Ghi chép các loại biểu mẫu, sổ sách, thẻ kho xuất, nhập thuốc.

2.3. Tại nhà thuốc công ty hoặc nhà thuốc tư nhân.

2.3.1. Trình bày chức năng, nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh của Nhà thuốc và nhiệm vụ của Dược sỹ Cao đẳng tại nhà thuốc.

2.3.2. Nghe giới thiệu về tiêu chuẩn Thực hành tốt nhà thuốc (GPP).

2.3.3. Nghe giới thiệu về công tác cung ứng thuốc.

2.3.4. Nghe giới thiệu về cách sắp xếp, trình bày thuốc.

2.3.5. Nghe giới thiệu về niêm yết giá thuốc bán lẻ.

2.3.6. Nghe giới thiệu về tư vấn, hướng dẫn khách hàng, người bệnh sử dụng thuốc.

2.3.7. Ghi chép các bước bán lẻ tại quầy.

2.3.8. Nghe giới thiệu về các hình thức quảng cáo thuốc.

2.3.9. Ghi chép Thống kê các loại thuốc thành phẩm.

2.3.10. Ghi chép các loại biểu mẫu, sổ sách có tại nhà thuốc.

2.4. Sơ tư tầm nhấn thuốc.

Bài 4: Thực tập tại Khoa Dược bệnh viện từ Huyện, Thị xã, Thành phố, Tỉnh **Thời gian 90 giờ**

1. Mục tiêu

Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Khoa Dược bệnh viện và nhiệm vụ của Dược sỹ Cao đẳng trong pha chế, cấp phát thuốc.

2. Nội dung

2.1. Bệnh viện và Khoa Dược bệnh viện.

2.1.1. Trình bày mô hình tổ chức của bệnh viện

2.1.2. Trình bày vị trí, mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Khoa Dược trong bệnh viện.

2.1.3. Các hoạt động của khoa Dược:

2. 2. Nhà thuốc bệnh viện.

2.3. Sơ tư tầm nhấn thuốc.

V. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: công ty dược kho, xưởng sản xuất, khoa dược bệnh viện, trung tâm kiểm nghiệm thuốc, sở y tế

2. Trang thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: tài liệu ở các cơ sở

4. Các điều kiện khác: Công ty dược, khoa dược bệnh viện, sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm

VI. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả các nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng, chủ yếu đánh giá ở nội dung Thực hành tại trường và thực hành tại bệnh viện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: cẩn thận, trung thực, kiên trì, ý thức trách nhiệm trong công việc, ý thức và đạo đức nghề nghiệp.

2. Phương pháp đánh giá:

Căn cứ vào Sổ nhật ký thực tập:

- Điểm chấm thi được quy định như sau:
 - + Về hình thức Sổ: 2,0 điểm;
 - + Về nội dung ghi chép: 8,0 điểm. Mỗi đơn vị thực tập 2,0 điểm
- Điểm chấm sổ ≥ 4.0 được công nhận là đạt.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Sử dụng trong chương trình đào tạo Cao đẳng dược chính quy

2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

2.1. Đối với giảng viên:

Hướng dẫn nội dung thực tập, hướng dẫn quy cách ghi sổ, chia lịch, làm quyết định đưa học sinh đi thực tập, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực tập cho sinh viên

2.2. Đối với người học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham gia đủ 100% các buổi thực tập.
- Tích cực, chủ động ghi chép, hỏi, xin tài liệu học tập tại cơ sở thực tập
- Có xác nhận, nhận xét của cơ sở thực tập.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Hoàn thành sổ nhật ký thực tập theo quy định

3. Những trọng tâm cần chú ý: Suu tập nhãn thuốc theo yêu cầu, ghi rõ chỉ định chống chỉ định, cách dùng, liều dùng

4. Tài liệu tham khảo: Các tài liệu ở các cơ sở thực tập

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Chiến Thắng